

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC


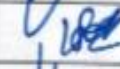
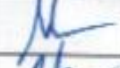






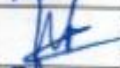



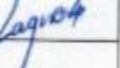


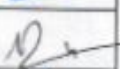






**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CỬ NHÂN LUẬT**  
(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thanh Hóa, tháng 06 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC LUẬT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1417/QĐ-ĐHHD ngày 21 tháng 9 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng	Chữ ký
1.	TS. Hoàng Nam	Q. Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	ThS. Lê Thị Hạnh	TP. ĐBCL&KT	Phó Chủ tịch TT	
3.	TS. Lê Văn Minh	P. Trưởng khoa LLCT-Luật	Phó Chủ tịch	
4.	TS. Mai Thị Quý	P. Trưởng khoa LLCT-Luật	Ủy viên trực	
5.	ThS. Lê Đình Nghiệp	PTP. ĐBCL&KT	Ủy viên	
6.	PGS.TS. Đậu Bá Thìn	TP. QL Đào tạo	Ủy viên	
7.	TS. Ngô Chí Thành	TP. QLKH&CN	Ủy viên	
8.	TS. Phạm Anh Giang	TP. KH- Tài chính	Ủy viên	
9.	ThS. Thiệu Minh Tú	TP. Tổ chức - Cán bộ	Ủy viên	
10.	ThS. Nguyễn Đức Long	TP. QT, VT- TB	Ủy viên	
11.	TS. Lê Thanh Thủy	GD. TT TT- TV	Ủy viên	
12.	TS. Phạm Văn Hiền	TP. Công tác HSSV	Ủy viên	
13.	ThS. Phạm Chí Công	TP. HCTH	Ủy viên	
14.	ThS. Lê Thị Thắng	Kế toán trưởng	Ủy viên	
15.	ThS. La Thị Quế	Phó trưởng bộ môn Luật	Ủy viên	
16.	TS. Nguyễn Văn Thụ	Trưởng BM Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	Ủy viên	
17.	TS. Lê Thị Thắm	Trưởng bộ môn Nguyên lý	Ủy viên	
18.	ThS. Phan T. Thanh Huyền	Cố vấn học tập	Ủy viên	
19.	Nguyễn Tiến Dũng	Sinh viên K21 Luật	Ủy viên	
20.	ThS. Nguyễn Thị Huyền	Phó trưởng bộ môn Luật	Ủy viên- Thư ký	
21.	KS. Lê Thị Hà	Chuyên viên P. ĐBCL&KT	Ủy viên- Thư ký	

(Ấn định danh sách gồm 21 thành viên)

## MỤC LỤC

<b>1.1 Đặt vấn đề</b>	<b>1</b>
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	1
1.1.2. Phương pháp đánh giá	2
<b>1.2. Tổng quan chung</b>	<b>3</b>
1.2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Hồng Đức	3
1.2.2. Tổng quan về Khoa LLCT - Luật	6
1.2.3. Tổng quan về ngành Cử nhân Luật	8
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ</b>	<b>10</b>
<b>Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>	<b>10</b>
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, phù hợp với Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.	10
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà Người học cần đạt được sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo	12
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai	14
<b>Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT</b>	<b>18</b>
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật	18
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	20
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	22
<b>Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</b>	<b>24</b>
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	24
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng	26
Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp	28
<b>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học</b>	<b>31</b>
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan	31
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	32
Tiêu chuẩn 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của Người học	34
<b>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của Người học</b>	<b>36</b>

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của Người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra	37
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của Người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới Người học	39
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	40
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để Người học cải thiện việc học tập	42
Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	44
<b>Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên</b>	<b>46</b>
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	46
Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng	49
Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	51
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá	53
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	55
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	56
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	58
<b>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên</b>	<b>61</b>
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	61
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	63
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	64

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	65
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	67
<b>Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ Người học</b>	<b>69</b>
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật	69
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn Người học được xác định rõ ràng và được đánh giá	71
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của Người học	72
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của Người học	75
Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân Người học.	77
<b>Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị</b>	<b>79</b>
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	80
9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	81
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	84
9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	85
9.5. Tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	86
<b>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng</b>	<b>88</b>
Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình	89
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến	92
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của Người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra	99

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học	101
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến	103
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến	105
<b>Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra</b>	<b>108</b>
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của Người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	116
Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên có liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh	119
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN</b>	<b>122</b>
<b>Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT</b>	<b>143</b>
<b>IV. Cán bộ quản lý, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT</b>	<b>147</b>
QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT	161
QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐG CTĐT	163

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
BM	Bộ môn
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CBGV	Cán bộ giảng viên
CĐR	Chuẩn đầu ra
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cố vấn học tập
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
ĐGCL	Đánh giá chất lượng
ĐH	Đại học
ĐHHĐ	Đại học Hồng Đức
ĐT	Đào tạo
ĐG	Đánh giá
GV	Giảng viên
HP	Học phần
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
LLCT	Lý luận chính trị
SV	Sinh viên
TC	Tín chỉ
TTTT-TV	Trung tâm Thông tin – Thư viện
SDLĐ	Sử dụng lao động

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1.1 Đặt vấn đề

#### 1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Cử nhân Luật của Trường Đại học Hồng Đức (ĐHHĐ) được xây dựng và tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm học 2015 -2016. Mặc dù CTĐT ngành Cử nhân Luật mới được xây dựng nhưng thường xuyên được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật theo hướng ứng dụng nghề nghiệp và đáp ứng nhu cầu xã hội trong giai đoạn hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay. Gần nhất, năm 2019 CTĐT được xây dựng mới theo hướng tập trung kiến thức chuyên môn và phát huy tối đa năng lực của SV. Về mặt nội dung và kết cấu, CTĐT ngành Cử nhân Luật được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các CTĐT ngành Cử nhân Luật học trước đây của các cơ sở đào tạo Luật học có uy tín trong nước như: Trường ĐH Luật Hà Nội, Khoa Luật - ĐH Quốc Gia Hà Nội, trường ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh. CTĐT được xây dựng phù hợp với xu thế đào tạo về Luật học trong nước, khu vực và quốc tế.

Cấu trúc báo cáo tự đánh giá (ĐG) CTĐT ngành Cử nhân Luật bao gồm 4 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự ĐG CTĐT, phương pháp và công cụ ĐG để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự ĐG nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự ĐG. Đồng thời, phần này cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, phòng, ban, giảng viên (GV), nhân viên, SV,...), cách thức tổ chức, các thành phần này tham gia hoạt động tự ĐG CTĐT.

+ **Phần II:** Tự ĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) *Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng (MC) cụ thể;* (2) *Nêu những điểm mạnh của CTĐT;* (3) *Điểm tồn tại;* (4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng và* (5) *Tự ĐG.*

+ **Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị ĐT, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự ĐG.

+ **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự ĐG CTĐT theo công văn số 2085 của Bộ giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục MC.

Nội dung chính của báo cáo tự ĐG CTĐT ngành Cử nhân Luật dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng (ĐGCL) CTĐT do BGD&ĐT ban hành phần tự ĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT ngành Cử nhân Luật được ĐG dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, Chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy-học; tiêu chuẩn 5 ĐG về kết quả học tập của SV; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự ĐG về đội ngũ cán bộ giảng viên (CBGV), nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung ĐG các yếu tố liên quan đến SV và hoạt động hỗ trợ SV; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết



bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); tiêu chuẩn 11 đưa ra các ĐG về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành Cử nhân Luật.

**Mục đích tự ĐG:**

Trên cơ sở là bộ tiêu chuẩn ĐGCL giáo dục theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 14/03/2016, Khoa LLCT - Luật, tự rà soát, ĐG được thực trạng chất lượng đào tạo (ĐT), hiệu quả hoạt động ĐT, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ kết quả ĐG các điểm mạnh, điểm yếu trong công tác ĐT, NCKH và tổng thể các hoạt động khác của CTĐT, Nhà trường, Khoa tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật, đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và nhu cầu xã hội ngày càng cao, góp phần xây dựng Khoa LLCT - Luật, Trường ĐHHĐ trở thành đơn vị ĐT, nghiên cứu và thực hành Luật học uy tín trong cả nước.

Hoạt động tự ĐG còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của khoa trong toàn bộ hoạt động ĐT, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Bên cạnh đó, với việc phân tích, so sánh kết quả hoạt động theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành ĐT, ngành Cử nhân Luật có thể xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Từ đó, đăng ký kiểm định chất lượng ngành ĐT với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

**Phạm vi tự ĐG:** ĐG tất cả các hoạt động trong việc thực hiện CTĐT ngành Cử nhân Luật thuộc Khoa LLCT – Luật của Trường ĐHHĐ theo bộ tiêu chuẩn ĐGCL CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

**Công cụ ĐG:**

- Hoạt động tự ĐG được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn ĐGCL CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT;

Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự ĐG CTĐT. Nay là Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và ĐT về việc hướng dẫn tự ĐG và ĐG ngoài CTĐT.

**Hội đồng tự ĐG:** được thành lập theo QĐ số 1417/QĐ-ĐHHĐ ngày 21/09/2020 của trường ĐHHĐ về việc thành lập Hội đồng, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự ĐG CTĐT Trường ĐHHĐ năm học 2020-2021. Hội đồng gồm 21 thành viên.

**Giúp việc cho Hội đồng tự ĐG gồm có:** Ban thư ký gồm 25 thành viên và chia thành 5 nhóm công tác.

**1.1.2. Phương pháp đánh giá**

Thực hiện ĐG CTĐT ngành Cử nhân Luật được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu, phân tích...Trên cơ sở thu thập thông tin, lấy ý kiến từ SV

(SV), nhà SDLĐ (SDLĐ), GV, các chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập MC; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ MC... Các thành viên trong ban thư ký đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

#### **Quy trình tự ĐG:**

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự ĐG;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự ĐG, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự ĐG, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm

Bước 4: Thu thập thông tin và MC;

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự ĐG;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự ĐG tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự ĐG trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự ĐG.

#### **Phương pháp mã hóa MC**

Mã thông tin và MC (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; có 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp MC” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết

(trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H1.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H1.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4

H1.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

## **1.2. Tổng quan chung**

### **1.2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Hồng Đức**

Ngày 24/9/1997 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 797/QĐ-TTg thành lập Trường ĐHHĐ trên cơ sở 3 trường Cao đẳng đã có bề dày ĐT hơn 40 năm gồm: Cao đẳng Sư phạm, Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Cao đẳng Y tế Thanh Hoá. ĐHHĐ là trường ĐH đầu tiên trong hệ thống giáo dục ĐH Việt Nam được thành lập theo mô hình mới: ĐH công lập, đa ngành, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh

Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và ĐT. Sự ra đời của Trường ĐHHĐ là niềm tự hào của nhân dân các dân tộc trong Tỉnh. Đây là trường ĐH đầu tiên trên quê hương xứ Thanh, mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng; có truyền thống hiếu học và khoa bảng hàng nghìn năm.

Trường ĐHHĐ có sứ mạng ĐT nguồn nhân lực đa lĩnh vực, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Trường ĐHHĐ hoạt động với phương châm lấy lấy SV, lấy lợi ích của người sử dụng sản phẩm ĐT và NCKH của trường làm trung tâm cho mọi hoạt động, đồng thời lấy chất lượng, hiệu quả ĐT là mục tiêu, nguyên tắc và là định hướng cho các hoạt động ĐT, NCKH, đây là yếu tố quyết định cho sự mở rộng, hợp tác, phát triển và cạnh tranh của trường nhằm phục vụ các mục tiêu kinh tế-xã hội, phù hợp với nhu cầu chung của cả nước, khu vực và Thanh Hoá.

Hoạt động với các giá trị cốt lõi là Đổi mới- Sáng tạo- Hiệu quả- Hội nhập, tầm nhìn đến năm 2040, trường ĐHHĐ là cơ sở giáo dục ĐH tin cậy, có uy tín về ĐT, NCKH và chuyển giao công nghệ trong nước, một số ngành/chuyên ngành ĐT mũi nhọn có uy tín trong khu vực ASEAN. Mục tiêu chiến lược là xây dựng Trường ĐHHĐ: đến năm 2030 trở thành một trường ĐH đa ngành có uy tín về ĐT (giáo viên, cán bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, kinh tế và nông lâm ngư nghiệp,...) và là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ có uy tín của tỉnh Thanh Hóa và trong nước; đến năm 2040 trở thành trường ĐH trọng điểm về ĐT giáo viên, kỹ thuật, công nghệ, nông nghiệp và kinh tế trong hệ thống giáo dục ĐH tại Việt Nam. Hội nhập được với các trường ĐH tiên tiến trong khối ASEAN về ĐT và NCKH.

Ngay sau khi có Quyết định thành lập Trường, ngày 24/12/1997, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 377-QĐ/TU về việc thành lập Đảng bộ Trường ĐHHĐ trực thuộc Đảng ủy khối cơ quan cấp Tỉnh. Từ tháng 9 năm 2002, Đảng bộ Nhà trường trực thuộc Tỉnh ủy; Từ tháng 5 năm 2018, Đảng bộ trường trực thuộc Đảng ủy khối cơ quan cấp Tỉnh nay là Đảng ủy khối Cơ quan và Doanh nghiệp Tỉnh. Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong trường trực thuộc tổ chức đoàn thể cấp Tỉnh.

Khi mới thành lập, bộ máy tổ chức của Nhà trường gồm 24 đơn vị trực thuộc, trong đó có 10 Khoa, 7 Phòng, 1 Ban và 3 Trung tâm. Nhà trường có 771 cán bộ, GV, trong đó có: 11 tiến sĩ; 80 thạc sĩ; tỷ lệ cán bộ, GV đạt trình độ sau ĐH là 18%. Trường có 3 cơ sở: Cơ sở 1 (Cao đẳng Sư phạm) tọa lạc tại phường Đông Sơn; cơ sở 2 (Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật) đặt tại phường Trường Thi; cơ sở 3 (Cao đẳng Y tế) tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.

Năm 2011, Ban Giám hiệu và các phòng ban chuyên văn phòng làm việc về cơ sở tại phường Đông Vệ, từ đó cơ sở này trở thành cơ sở chính của Trường. Ngoài hai

cơ sở trên, Nhà trường còn có Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại xã Quảng Thành, Thành phố Thanh Hoá. Tổng diện tích của cả 3 cơ sở là hơn 70 ha.

Năm 2014, Trường được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ ĐT Tiến sĩ 02 chuyên ngành: Khoa học cây trồng và Văn học Việt Nam. Bằng việc hoàn thiện các bậc ĐT, trường ĐHHĐ đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hoạt động ĐT và phát triển của Nhà trường.

Tính đến hết tháng 31/03/2021, Nhà trường có 12 Khoa, 11 Phòng, 3 Ban, 7 Trung tâm, 01 trạm Y tế, 01 trường Mầm non thực hành với 451 GV cơ hữu, trong đó: Phó giáo sư 25, tiến sĩ 166, thạc sĩ 260. Nhà trường đang tổ chức ĐT 04 chuyên ngành tiến sĩ, 19 chuyên ngành thạc sĩ, 34 ngành ĐH, 01 ngành cao đẳng hệ chính quy. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã ĐT được 14.648 người tốt nghiệp (1.186 thạc sĩ, 11.328 ĐH, 1.397 cao đẳng và 557 trung cấp) góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua ĐT, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao cho Tỉnh và đất nước.

Trải qua quá trình hơn 23 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Ba (2002); Huân chương Lao Động hạng Nhì (2011), Huân chương Lao động hạng Nhất (2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

### ***Sứ mạng***

Trường ĐHHĐ có sứ mạng ĐT nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.

### **Các giá trị cốt lõi**

Chất lượng – Hiệu quả - Chuyên nghiệp – Hội nhập

### **Tầm nhìn**

Đến năm 2030, Trường ĐHHĐ là địa chỉ tin cậy, có uy tín về ĐT, NCKH và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi lĩnh vực ngành chọn 1-2 chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường ĐH lớn trong khu vực miền Trung.

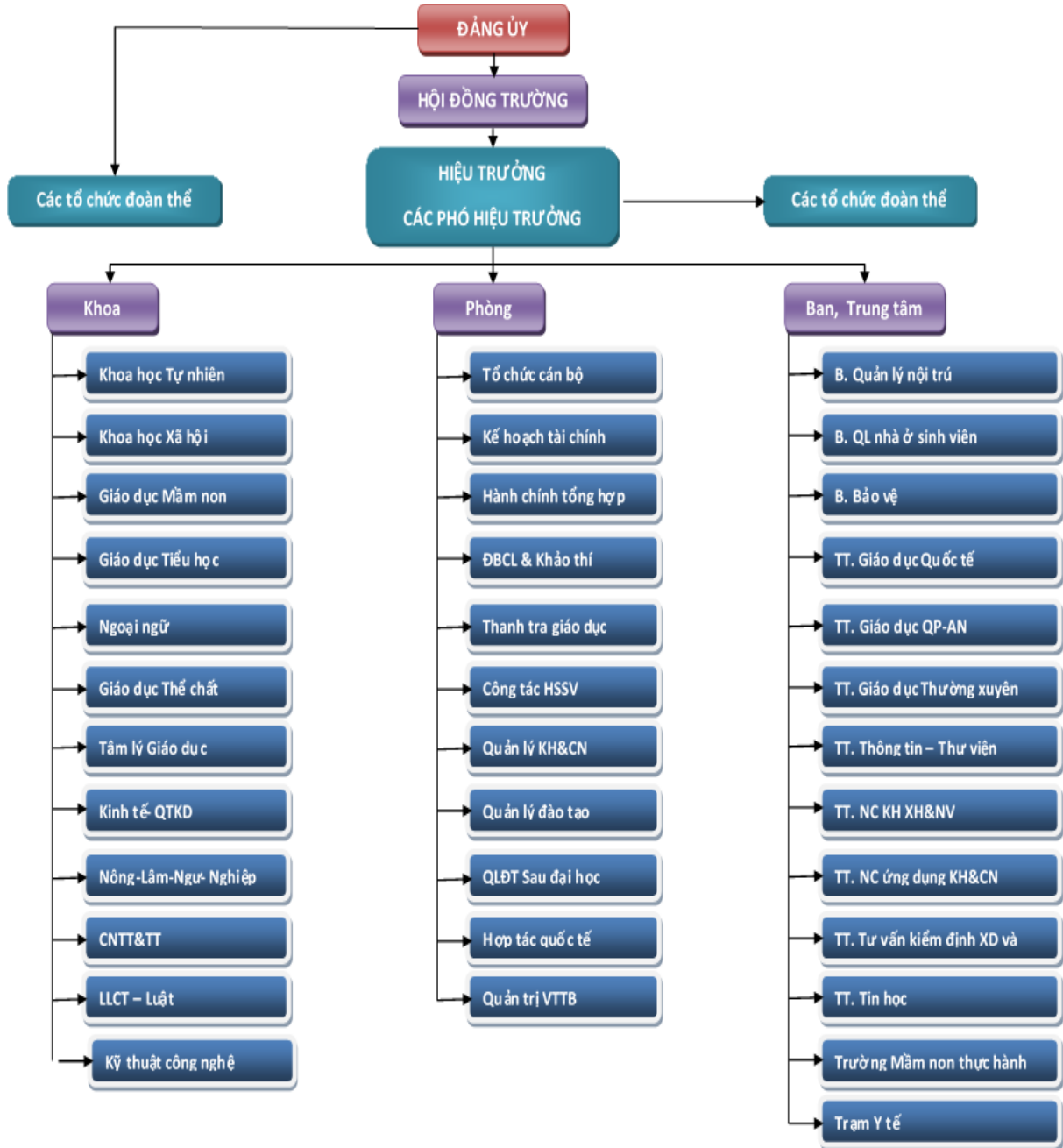
### **Phương châm**

- Chất lượng, hiệu quả ĐT là mục tiêu, nguyên tắc và là định hướng cho các hoạt động ĐT, NCKH; là yếu tố quyết định cho sự mở rộng, hợp tác, phát triển và cạnh tranh của trường.

- Phục vụ các mục tiêu kinh tế-xã hội, phù hợp với nhu cầu chung của cả nước, khu vực và Thanh Hoá.

- Lấy NH làm trung tâm cho mọi hoạt động của nhà trường, lấy lợi ích của người sử dụng sản phẩm ĐT và NCKH của trường là lợi ích của chính nhà trường.

**Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường ĐHHĐ**



### **Mục tiêu chiến lược**

Xây dựng Trường ĐHHĐ trở thành một cơ sở giáo dục ĐH đa ngành theo định hướng ứng dụng đạt chuẩn quốc gia, có một số ngành đạt chuẩn quốc tế; một trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ có uy tín, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

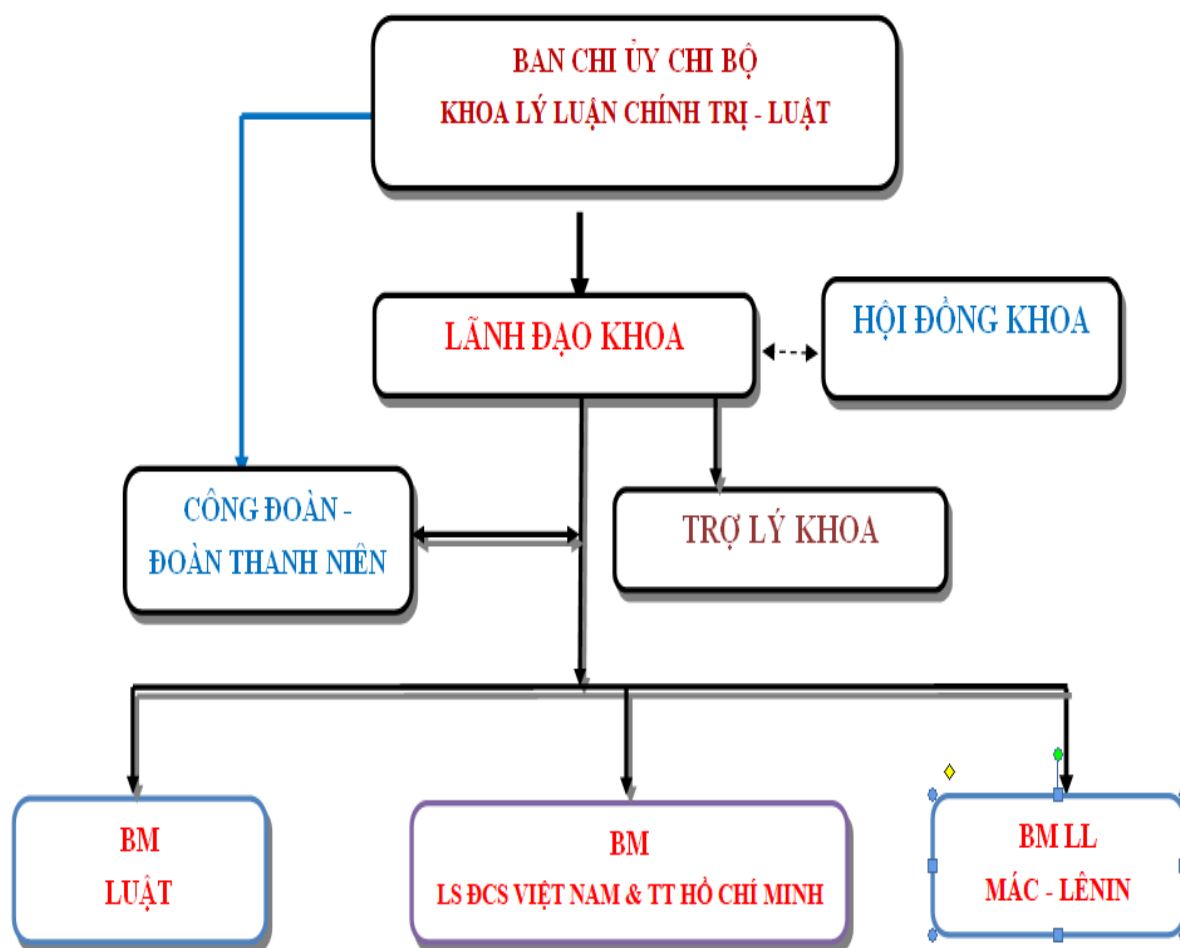
#### **1.2.2. Tổng quan về Khoa LLCT - Luật**

Khoa LLCT - Luật được thành lập vào năm 1997. Từ năm học 2015-2016 bắt đầu được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh ĐT ngành Cử nhân Luật, đến năm học 2020 – 2021 Khoa đã ĐT được 06 khóa và đã có 02 khóa học ra trường.

Tính đến 15/7/2021 tổng số CBGV của khoa là 32 người, 97% có trình độ Sau ĐH. Trong tổng số 31 GV, có 7 Tiến sĩ (tỷ lệ 22.6%) và 25 Thạc sĩ (tỷ lệ 77.4%); GV đang đi học nghiên cứu sinh là 04 người. Nhiều cán bộ, GV có trình độ ngoại ngữ có thể làm việc trực tiếp với người nước ngoài; Quy mô ĐT 508 SV, gồm bậc ĐH ở các hệ chính quy và hệ liên thông, VLVH. Cơ sở vật chất của cơ bản đủ đáp ứng yêu cầu học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV đang theo học tại Khoa.

Sau hơn 20 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, Khoa có 3 BM: Luật, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam & Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lý luận Mác – Lênin.

### Sơ đồ 2.2 Cơ cấu tổ chức của Khoa LLCT - Luật



### **1.2.3. Tổng quan về ngành Cử nhân Luật**

Sau 6 năm ĐT với 2 khóa SV ra trường, ngành Cử nhân Luật đã ĐT được nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho sự phát triển kinh tế của tỉnh và đất nước. CTĐT hiện nay được thiết kế 121 TC, gồm 47 HP. Tính đến năm học 2020 – 2021, ngành Cử nhân Luật đã và đang tổ chức ĐT 06 khóa ĐH chính quy, 06 khóa liên thông, vừa làm vừa học, cung cấp hơn 400 cử nhân có trình độ ĐH cho các tổ chức, cơ quan nhà nước, văn phòng, công ty Luật, đơn vị hành chính sự nghiệp không chỉ cho tỉnh Thanh Hoá mà còn cho các địa phương khác trong nước. SV ngành Cử nhân Luật sau khi ra trường đã đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Nhiều SV sau khi tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật đã trở thành cán bộ quản lý trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp.

Số GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành Cử nhân Luật hiện nay là 31, trong đó, GV có trình độ thạc sỹ Luật là 08, TS Luật là 03. Với phương châm ĐT lấy NH là trung tâm, lấy CDR là thước đo, chất lượng ĐT luôn được coi trọng. Xác định rõ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tượng SDLĐ, ngay từ những ngày đầu tổ chức ĐT, ngành Cử nhân Luật đã chủ động kết nối và thiết lập mối quan hệ, xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập và tuyển dụng với các công ty Luật, Đoàn Luật sư, văn phòng công chứng, ... Hiện tại đang có nhiều doanh nghiệp, văn phòng công chứng, công ty đấu giá, công ty Luật có nhu cầu thường xuyên tuyển dụng SV tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật, Khoa LLCT - Luật, Trường ĐHHĐ.

Trong quá trình phát triển, Khoa LLCT - Luật luôn xác định CTĐT là một trong những yếu tố then chốt quyết định chất lượng ĐT. Vì vậy, việc ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật là hết sức cần thiết, qua việc ĐG CTĐT sẽ thấy rõ những điểm mạnh cũng như những hạn chế, tồn tại từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng ĐT phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của các nhà SDLĐ nói riêng và xã hội nói chung.

Năm 2017, Trường Đại học Hồng Đức được chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Sau thời gian này Nhà trường đã tổ chức các lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá tại Trường Đại học Hồng Đức cho các Khoa đào tạo và các phòng ban chức năng. Các CBGV của Khoa được cử đi tập huấn đã rất tích cực, tiếp thu kiến thức và vận dụng những kiến thức đã được tập huấn để viết Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Cử nhân Luật. Các năm 2018, 2019, 2020 sau mỗi đợt đánh giá ngoài của các Khoa: Ngoại ngữ, Giáo dục Tiểu học, Khoa KT-QTKD, Khoa khoa học xã hội, Khoa Khoa học Tự nhiên, Nhà trường đều gửi các tồn tại và khuyến nghị rút ra từ các CTĐT này đến các Khoa trong trường nói chung và Khoa LLCT - Luật nói riêng để thực hiện việc cải tiến và khắc phục sau đánh giá ngoài. Tất cả các hoạt động này đều được Khoa LLCT - Luật thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Qua quá trình nghiên cứu bộ tiêu chuẩn ĐGCL CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư

ký và các nhóm công tác đã phân tích các tiêu chí, thu thập và xử lý MC, viết các báo cáo tiêu chí, dự thảo báo cáo tự đánh giá, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự ĐG CTĐT của ngành Cử nhân Luật. Báo cáo tự ĐG CTĐT ngành Cử nhân Luật đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, đưa ra kế hoạch hành động để tiếp tục duy trì mặt mạnh và các giải pháp khắc phục các mặt còn tồn tại và tự ĐG mức độ đạt yêu cầu của các tiêu chí. Kết quả tự ĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày trong phần 2 sau đây



## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

#### *Mở đầu*

CTĐT ngành Cử nhân Luật được xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành, các quy định và hướng dẫn của Trường ĐHHĐ. Trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện CTĐT luôn có sự tham gia của các GV, nhà khoa học, lãnh đạo các đơn vị, nhà quản lý của nhiều nhà SDLĐ, những cá nhân có chuyên môn sâu trong và ngoài trường. Có thể nói, mục tiêu và CDR của CTĐT ngành Cử nhân Luật được xác định một cách rõ ràng, có căn cứ, có cấu trúc hợp lý, đảm bảo được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà SV đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, thể hiện được sự cam kết của Nhà trường với SV và xã hội, phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của trường ĐHHĐ được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, phù hợp với Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Khoa LLCT - Luật đã tổ chức ĐT ngành Cử nhân Luật trình độ ĐH từ năm 2015 đến nay. [H1.01.01.01]; [H1.01.01.02]. Mục tiêu của CTĐT ngành Cử nhân Luật được xác định rõ ràng, được cập nhật, điều chỉnh thường xuyên, được thảo luận cụ thể qua các cuộc họp của Hội đồng Khoa và được thể hiện ở mục tiêu của CTĐT ngành Cử nhân Luật ban hành vào năm 2019: “*Đào tạo cử nhân Luật học có kiến thức, tư duy pháp luật nền tảng, có các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp để có thể nghiên cứu, xây dựng, thi hành pháp luật tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.*” [H1.01.01.03]. Mục tiêu này là kết quả của nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật theo sự phát triển về nhu cầu đối với CTĐT qua các năm. Các nội dung điều chỉnh cũng rất linh hoạt (từ điều chỉnh chuẩn năng lực ngoại ngữ dựa trên kết quả kỳ thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ TOEIC đến chuyển sang ĐG theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam; từ ĐT thiên về chuyên môn, học thuật đến ĐT theo hướng phát huy năng lực SV và gắn với thực tế).

Mục tiêu đào tạo phù hợp với mục tiêu của Khoa LLCT - Luật, sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHHĐ [H1.01.01.04] và hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục ĐH được quy định tại Điều 5, Luật Giáo dục ĐH 2012: “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm*

*nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân"* [H1.01.01.05].

Mục tiêu của CTĐT thích ứng, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, với xu thế phát triển của ngành ĐT trong nước và quốc tế: *"Xác nhận trình độ đào tạo của Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về một ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ"*. [H1.01.01.17]

Với mục tiêu rõ ràng, CTĐT ngành Cử nhân Luật được các nhà khoa học, các GV có kinh nghiệm, các nhà quản lý tham gia xây dựng một cách bài bản, thể hiện rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý và có hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, năng lực mà SV có thể đạt được sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.06].

Mục tiêu của CTĐT được chi tiết, cụ thể hóa bằng các nội dung quy định về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của SV sau khi tốt nghiệp được thể hiện trong Mục tiêu cụ thể và CDR của chương trình CTĐT và được bổ sung thêm Bản mô tả CTĐT, ĐCCT các HP và ma trận kỹ năng trong CTĐT [H1.01.01.07 ], [H1.01.01.08].

CTĐT ngành Cử nhân Luật được tiến hành rà soát, điều chỉnh vào năm 2016, 2017, 2019 [H1.01.01.09] và được cập nhật, bổ sung dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHĐ giai đoạn 2010 – 2020, sửa đổi bổ sung năm 2016 tầm nhìn đến năm 2030 và giai đoạn 2020 - 2030 [H1.01.01.04]; kết quả khảo sát các bên liên quan về CTĐT của những năm trước là cơ sở để sửa đổi, bổ sung, cập nhật CTĐT ngành cử nhân Luật năm 2019.[H1.01.01.10].

Trong mỗi lần chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, Nhà trường đều thành lập tổ soạn thảo gồm các GV có trình độ, kinh nghiệm, đồng thời xin ý kiến góp ý của các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà tuyển dụng, SV [H1.01.01.10]. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của các bên liên quan về dự thảo CTĐT, Tổ soạn thảo đã hoàn thiện CTĐT đề nghị Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành Cử nhân Luật. [H1.01.01.09, 11]

Năm học 2019 - 2020, trên cơ sở nhà trường ban hành khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành ĐT định hướng ứng dụng và phát huy năng lực SV [H1.01.01.12], Khoa đã hoàn thiện khung CTĐT theo CDR, tổ chức xây dựng và lấy ý kiến đóng góp của GV, chuyên gia, SV, nhà SDLĐ về CTĐT [H1.01.01.10] trước khi trình Hội đồng thẩm định. Thông qua việc lấy ý kiến các bên liên quan, Khoa đã xử lý, phân tích và chọn lựa để tiếp tục điều chỉnh mục tiêu CTĐT theo hướng ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn [H1.01.01.13] [H1.01.01.07], phù hợp với sứ mạng của Nhà trường là ĐT nguồn nhân lực có chất lượng.

Mục tiêu ĐT được cụ thể hóa thành tiến trình ĐT, CTĐT được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả

của phương thức ĐT theo học chế tín chỉ của Nhà trường. Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan, Khoa đã rà soát, xây dựng kế hoạch, tổng kết công tác ĐT hằng năm trong tổng kết năm học. [H1.01.01.06]; [H1.01.01.13]; [H1.01.01.14]; [H1.01.01.15].

Mục tiêu của CTĐT ngành Cử nhân Luật được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như: trong niên lịch đào tạo, qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa, Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa... để cho SV, GV và các nhà SDLĐ có thể nắm rõ [H1.01.01.15], [H1.01.01.16].

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu của CTĐT ngành cử nhân Luật đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục ĐH đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực ngành Luật.

CTĐT của ngành Cử nhân Luật đã làm rõ mục tiêu ĐT, CDR; lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật các nội dung mới của ngành Cử nhân Luật phù hợp với thực tế xã hội.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc cụ thể hóa mục tiêu của CTĐT thành các nhiệm vụ, kế hoạch ĐT theo từng năm học, từng học kỳ và quán triệt nhiệm vụ đến từng cán bộ, GV, SV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra đôi lúc còn chưa đồng bộ.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Khoa LLCT - Luật sẽ cụ thể hóa mục tiêu của CTĐT thành các nhiệm vụ, kế hoạch ĐT theo từng năm học, từng học kỳ và quán triệt nhiệm vụ đến từng cán bộ, GV, SV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra, đáp ứng nhu cầu xã hội ngày càng cao về nhân lực ngành Cử nhân Luật. Việc cụ thể hóa được thực hiện trong ĐCCT và bài giảng của từng HP, kế hoạch học tập và giảng dạy của từng GV, từng SV.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm**

**Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà Người học cần đạt được sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo**

### **1. Mô tả hiện trạng**

CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, thường xuyên được cập nhật chỉnh sửa theo quy định. CDR đã xác định rõ những yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể đối với người tốt nghiệp. CDR của CTĐT ngành Cử nhân Luật được tuyên bố lần đầu vào năm 2015 và liên tục điều chỉnh vào các năm 2016, 2017 và 2019 đã phản ánh rõ sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường với thế mạnh ĐT của ngành cử nhân Luật [H1.01.01.04].

CDR thể hiện rõ yêu cầu SV cần đạt được sau khi tốt nghiệp: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, trình độ Tiếng Anh, công nghệ thông tin; cơ hội đáp ứng nghề nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ... [H1.01.01.13].

CĐR của CTĐT được thiết kế rõ ràng, bao quát được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt thể hiện chi tiết trong ma trận tích hợp CĐR của các HP trong CTĐT bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [H1.01.01.13,07] giúp cho SV và GV dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình học tập và giảng dạy, được thiết kế qua 3 trụ cột mà SV cần đạt được sau khi tốt nghiệp đó là kiến thức, kỹ năng và thái độ. SV sau khi tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về pháp luật, có khả năng áp dụng các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý theo nhóm ngành và chuyên ngành.

Bên cạnh việc đáp ứng các yêu cầu chung của khối ngành Khoa học xã hội do Bộ GD&ĐT quy định và những yêu cầu chuyên biệt của ngành ĐT Luật học, CTĐT Cử nhân Luật của trường ĐHHĐ có những điểm khác biệt so với CTĐT của các cơ sở ĐT Luật khác, cụ thể: CTĐT được xây dựng theo hướng ứng dụng nghề nghiệp, gắn lý luận với thực tiễn, trong CTĐT có nhiều HP kỹ năng, có nhiều số tiết thảo luận, thực hành trong CTĐT tạo cho SV khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc, khả năng tự định hướng và thích nghi với nhiều môi trường làm việc khác nhau. SV sau khi ra trường sẽ có nhiều kỹ năng như: tra cứu các văn bản pháp luật, phân tích các văn bản pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; Có kỹ năng tư vấn pháp lý, kỹ năng tranh luận, tranh tụng, thuyết trình; có thái độ tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có khả năng làm việc nhóm... [H1.01.01.13].

Việc xây dựng CĐR của CTĐT được thực hiện theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Bộ GD&ĐT, của Nhà trường. Để có cơ sở thực hiện việc rà soát, điều chỉnh CĐR ngành Cử nhân Luật, Nhà trường đã ban hành quy định về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR cho các ngành ĐT ĐH trong trường ĐHHĐ [H1.01.02.01] đảm bảo SV tích lũy đủ khối lượng kiến thức và yêu cầu về năng lực theo Thông tư 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/04/2015 [H1.01.02.01]. Từ năm 2015, Nhà trường đã thành lập các Tổ soạn thảo CTĐT cho từng ngành [H1.01.02.02]. Trước khi hoàn thiện dự thảo CTĐT, CĐR trình Nhà trường ban hành, Khoa đã tiến hành họp Hội đồng Khoa đánh giá, phân tích, tiếp thu giải trình ý kiến của các bên liên quan, hoàn thiện CĐR và trình Hiệu trưởng ký ban hành. [ H1.01.02.03]

Các CĐR được xác định tương ứng với các mức độ theo thang nhận thức của Bloom. Theo đó, ở mức độ cao nhất. SV có thể vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực: hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, lao động... để phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể. Mức độ này tương ứng với cấp độ 5 trong thang nhận thức của B.Bloom: SV có khả năng đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với một vấn đề dựa trên các chuẩn mực, các tiêu chí đã có. Đảm bảo cho việc CĐR có tính khả thi, dễ quan sát, việc đo lường và ĐG của CĐR được thể hiện bằng rất nhiều hình thức như: khảo sát các bên liên quan, qua việc dạy và học, hoạt động kiểm tra của Nhà trường. Việc chuyển tải CĐR của CTĐT được cụ thể hóa qua CĐR của

từng HP, CDR của các HP là sự cụ thể hóa và làm rõ hơn CDR của CTĐT.

CDR của CTĐT được công bố rộng rãi tới các CBGV, SV và nhà SDLĐ thông qua website của Nhà trường, qua các cuộc họp, bảng tin của Khoa [H1.01.01.16], [H1.01.02.04] để xây dựng kế hoạch hành động cụ thể trong triển khai xây dựng CTĐT và các hoạt động dạy và học cụ thể, nhằm hướng tới đạt được CDR [H1.01.02.05]. Định kỳ hằng năm Khoa chủ động lấy ý kiến GV, SV và các chuyên gia để hoàn thiện CDR của ngành Cử nhân Luật [H1.01.02.03].

## **2. Điểm mạnh**

CDR ngành Cử nhân Luật được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và có cơ sở giám sát chất lượng ĐT.

CDR của CTĐT được thiết kế rõ ràng, phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của NH, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc CVHT; đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho SV. CDR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau tốt nghiệp CTĐT.

CDR được xây dựng đúng quy định của Bộ GD&ĐT; Các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và hiểu được CDR của ngành Cử nhân Luật.

## **3. Điểm tồn tại**

Có sự trùng lặp về CDR giữa các HP khác nhau trong cùng một chương trình hoặc trùng lặp CDR giữa các nội dung trong cùng một HP.

## **4. Kế hoạch hành động**

Định kỳ đầu mỗi năm học, khoa rà soát, đối chiếu CDR giữa các HP, giữa các nội dung trong từng HP để tránh trùng lặp nội dung giữa các CDR, bổ sung CDR mới cho phù hợp với yêu cầu ĐT và yêu cầu sử dụng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 5/7 điểm

**Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai**

### **1. Mô tả hiện trạng**

CDR của ngành Cử nhân Luật được xây dựng từ năm 2015 đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục năm 2005 (Điều 2), Luật giáo dục ĐH (Điều 5) – 2012, các quy định của Bộ GD&ĐT và các yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động, của GV, SV. CDR của CTĐT ngành Cử nhân Luật ngày càng cụ thể, rõ ràng với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; thái độ đạo đức nghề nghiệp; khả năng công tác sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường [H1.01.02.01.c,d], [H1.01.03.01].

CDR được xây dựng có sự tham khảo các CTĐT hiện hành của các trường ĐH uy tín trong nước như CTĐT của Trường ĐH Luật Hà Nội, trường ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội [H1.01.03.02] [H1.01.03.03b]; đồng thời có sự tham gia của các chuyên gia cùng lĩnh vực trong và ngoài trường; tham khảo ý kiến rộng rãi từ phía GV, SV và nhà SDLĐ [H1.01.02.03]; [H1.01.03.01].

Trên cơ sở Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực SV đạt được sau khi tốt nghiệp, Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.02.01.b] và các văn bản hướng dẫn xây dựng CĐR của Nhà trường [H1.01.02.01], Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh CĐR của ngành Cử nhân Luật, tham mưu để Hiệu trưởng phê duyệt và công bố CĐR ngành Cử nhân Luật vào các năm 2016, 2017, 2019 [H1.01.01.13]. Có thể tóm lược một số điểm mới của CĐR sau khi điều chỉnh so với các CĐR trước như sau:

**Bảng 1.3.1: Bảng đối sánh CĐR của CTĐT ngành Cử nhân Luật năm 2016, 2017, 2019**

<b>Tiêu chí</b>	<b>CĐR 2016</b>	<b>CĐR 2017</b>	<b>CĐR 2019</b>
<b>Căn cứ xây dựng CĐR</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT</li> <li>- Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.</li> <li>- Quyết định số 2198/QĐ-ĐHHĐ ngày 18/8/2016 ban hành quy định xây dựng, điều chỉnh CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực SV tại Trường ĐHHĐ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ số 1270/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/08/2017 về việc ban hành khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành ĐT định hướng ứng dụng và phát huy năng lực SV tại trường ĐHHĐ.</li> <li>- CV Số 151/ĐHHĐ-QLĐT ngày 16/8/2017 vv rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CV Số 246/ĐHHĐ-ĐT ngày 29/10/2019 về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT;</li> <li>- CV Số 246/ĐHHĐ-ĐT ngày 29/10/2019 về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT</li> </ul>
<b>Cấu trúc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm 6 phần: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, tiếng Anh, CNTT.</li> <li>+ Phần kiến thức chia thành: kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức cơ sở.</li> <li>+ Phần kỹ năng chia thành: kỹ năng cứng và kỹ năng mềm.</li> <li>- CĐR không được</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm 6 phần: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, tiếng Anh, CNTT.</li> <li>+ Phần kiến thức chia thành kiến thức chung và kiến thức chuyên môn.</li> <li>+ Phần kỹ năng chia thành kỹ năng chung và kỹ năng chuyên môn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm 6 phần: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, tiếng Anh, CNTT.</li> <li>+ Phần kiến thức chia thành kiến thức chung và kiến thức chuyên môn.</li> <li>+ Phần kỹ năng cụ thể hóa thành kỹ năng chung và kỹ năng chuyên môn.</li> </ul>

	mã hóa bằng kí hiệu theo số thứ tự.	- CDR được mã hóa bằng kí hiệu theo số thứ tự. ví dụ C1, C2, C3...	- CDR được mã hóa bằng kí hiệu theo số thứ tự. ví dụ C1, C2, C3...
Nội dung CDR về kiến thức	- Có kiến thức lý luận và thực tiễn về kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành của các ngành luật cơ bản.	- Hiểu và vận dụng được các kiến thức nền tảng về giáo dục đại cương, các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý và kiến thức chuyên môn theo nhóm ngành luật để áp dụng vào các vấn đề thực tiễn.	- Hiểu và vận dụng được các kiến thức nền tảng về giáo dục đại cương, các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý theo nhóm ngành luật để áp dụng vào các vấn đề thực tiễn.
Nội dung CDR về kĩ năng	Gồm 4 kỹ năng cứng và 4 kỹ năng mềm.	Gồm 3 kỹ năng chung và 5 kỹ năng chuyên môn, bổ sung kỹ năng tự nghiên cứu, tiếp cận các vấn đề trong bối cảnh xã hội luôn biến động.	Gồm 3 kỹ năng chung và 5 kỹ năng chuyên môn.
Hình thức		- Rõ ràng, khoa học hơn.	- Rõ ràng, khoa học hơn.

Ý kiến phản hồi của các bên liên quan được dùng làm căn cứ để điều chỉnh CDR trong các lần phát triển CTĐT và điều chỉnh, cập nhật các HP trong CTĐT. [H1.01.03.01] [H1.01.03.04] [H1.01.03.03a]. ĐG của các bên liên quan về mức độ phù hợp của CDR với yêu cầu ĐT được thể hiện ở bảng 1.3.1:

**Bảng 1.3.2: Bảng thống kê đánh giá của các bên liên quan về CDR 2016, 2017, 2019**

ĐTKS	CDR 2016					CDR 2017					CDR 2019				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
GV,CG	0	0	0	88	12	0	0	4,5	78,5	17	0	0	2,2	41	56,8
NSDLĐ	0	0	1,9	64,7	33,4	0	0	4	70,6	25,4	0	0	5,2	38	58,2
SV	0	0	3,5	72,3	24,2	0	6,4	3	75,6	15	0	0	1,5	48,1	50,4

\* Chú thích:

- Đơn vị: %

- 1: Không phù hợp; 2: Tương đối phù hợp; 3: Phân vân; 4: phù hợp; 5: Rất phù hợp

Một số nội dung được góp ý cho CĐR của CTĐT tập trung vào các điểm sau:

- Về kiến thức: cần quy định CĐR theo hướng tăng cường năng lực hiểu và vận dụng kiến thức đặc biệt là kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Về kỹ năng: Cần chú trọng hơn các kỹ năng ngoại ngữ, tin học phục vụ trực tiếp cho công tác chuyên môn, bổ sung kỹ năng thích nghi với nhiều môi trường, điều kiện làm việc khác nhau.

CĐR của CTĐT ngành Cử nhân Luật đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và thái độ đạt được sau quá trình ĐT, đồng thời phản ánh được 90% yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan thông qua danh mục các CĐR (về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học và cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp) [H1.01.01.13] và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng HP [H1.01.01.08]. Qua các lần điều chỉnh năm 2016, 2017, 2019 [H1.01.01.13], CĐR của CTĐT hiện hành đã thể hiện tính khoa học, hiện đại và dễ đo lường hơn. Dựa trên CĐR đã nêu, CTĐT ngành Cử nhân Luật hoàn toàn có đủ điều kiện trang bị cho SV những năng lực được xã hội và các bên liên quan mong đợi về một cử nhân Luật [H1.01.03.01] [H1.01.03.05].

CĐR đã được Hội đồng Khoa, Nhà trường thông qua, nghiệm thu [H1.01.03.06] và được Hiệu trưởng ra quyết định thực hiện.

Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện CTĐT, CĐR được công bố công khai trên website của Khoa và Nhà trường, niên lịch ĐT, bảng tin của Khoa, giúp cho SV, GV và xã hội dễ dàng tiếp cận. [H1.01.01.16]

## **2. Điểm mạnh**

CĐR của CTĐT ngành Cử nhân Luật phản ánh được yêu cầu của xã hội, được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR CTĐT xuất phát từ thực tiễn nhu cầu lao động và việc làm, dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, gắn với vị trí làm việc của người lao động với sự tham gia của người sử dụng lao động (SDLĐ).

CĐR CTĐT ngành Cử nhân Luật được xây dựng, rà soát, điều chỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành, có sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành Cử nhân Luật, trên cơ sở tham khảo ý kiến của nhà SDLĐ, các chuyên gia cùng lĩnh vực trong và ngoài trường, GV và SV. Tuy nhiên số lượng các ý kiến của chuyên gia còn chưa nhiều.

## **4. Kế hoạch hành động**

Để thực hiện yêu cầu của việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành Cử nhân Luật theo yêu cầu giáo dục ĐH, bắt đầu từ năm học 2021-2022, Khoa thực hiện đầy đủ và đa dạng việc lấy ý kiến của các bên liên quan, các nhà SDLĐ và cựu SV, đặc biệt là ý kiến của các chuyên gia trong việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh CĐR.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**



## **Kết luận về tiêu chuẩn 1**

CTĐT ngành Cử nhân Luật đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ SV cần đạt được khi tốt nghiệp. Mục tiêu và CĐR được xây dựng khoa học đã phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục ĐH đáp ứng được yêu cầu của xã hội. CĐR của CTĐT ngành Cử nhân Luật được định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung có sự tham gia của các bên liên quan, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau tới SV và các bên liên quan.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tiêu chuẩn 1 đạt 3/3 tiêu chí và bình quân tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT**

### ***Mở đầu***

Bản mô tả CTĐT ngành Cử nhân Luật được xây dựng theo đúng quy định trong các văn bản pháp quy và dựa trên mục tiêu đào tạo, CĐR và yêu cầu của xã hội và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đây là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT của ngành Cử nhân Luật tới SV, nhà tuyển dụng. Nội dung bản mô tả CTĐT bao gồm: Giới thiệu về CTĐT, thông tin chung; mục tiêu, CĐR, Ma trận mục tiêu và CĐR của CTĐT, Phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra ĐG, Cấu trúc CTĐT- khóa học: Chương trình gồm 47 HP (có đầy đủ ĐCCT) thuộc các HP về kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp, được thực hiện trong thời gian bình thường là 8 học kỳ (48 tháng); Ma trận tích hợp CĐR có sự đóng góp của các HP vào CĐR và được công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Bản mô tả CTĐT được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2017 dựa trên Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ ĐT của giáo dục ĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH được sửa đổi định kỳ 2 năm một lần. Năm 2019 Hiệu trưởng trường ĐHHĐ đã ban hành bản mô tả CTĐT theo quyết định số 1338/QĐ-ĐHHĐ ngày 27/08/ 2019. Bản mô tả CTĐT cập nhật quy chế ĐT ĐH theo học chế TC của Trường ĐHHĐ [H1.01.02.01.d][H1.01.01.07] và các văn bản quy định hiện hành [H1.01.02.01c,h; H1.02.01.01] phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Khoa, Nhà trường được công bố công khai, dễ tiếp cận.

Bản mô tả CTĐT ngành Cử nhân Luật được cập nhật thường xuyên qua các năm 2017, 2019 có đầy đủ thông tin đáp ứng nhu cầu xã hội. Các bản mô tả CTĐT năm 2017, 2019 về cơ bản có cấu trúc thống nhất; được rà soát, điều chỉnh, cập nhật những vấn đề mới có liên quan đến quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp đối với trình độ giáo dục ĐH theo thông tư 07/2015. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT 121 TC thực hiện năm 2019 có nhiều điểm mới

về cấu trúc và nội dung mô tả đầy đủ, khoa học hơn, cung cấp đầy đủ, cụ thể hóa các thông tin về CTĐT: tên cơ sở ĐT (trường, khoa), tên CTĐT, tên gọi của văn bằng, thời gian ĐT, mục tiêu, CĐR của CTĐT, tiêu chí tuyển sinh, cấu trúc khóa học, CTDH, ma trận kỹ năng, năng lực thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR, đề cương các HP, các luận giải cần thiết, thời điểm viết, phê duyệt bản mô tả CTĐT [H1.01.02.01d].

Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng [H1.01.02.01d], tuân thủ quy định của Trường ĐHHĐ [H1.01.02.01c,h; H1.02.01.01]. Ma trận thể hiện sự đóng góp của HP về kiến thức, kỹ năng,.. vào CĐR của CTĐT [H1.01.02.01d].

Các nội dung của bản mô tả CTĐT ngành Cử nhân Luật.

- Thông tin chung về CTĐT (Trường cấp bằng tốt nghiệp: Trường ĐHHĐ được chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học(2017);

- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân Luật

- Tên CTĐT: ngành Cử nhân Luật

- Mục tiêu của CTĐT (gồm Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể)

- CĐR (gồm: kiến thức và kỹ năng đạt được);

- Cấu trúc CTĐT - khóa học (Chương trình gồm 121 TC, kiến thức giáo dục đại cương 38 TC, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 83 TC. Tổng số HP bắt buộc 32 HP với 90 TC và 15 HP tự chọn/thay thế với 31 TC), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: 18 TC; kỳ 2:16 TC; kỳ 3: 16 TC; kỳ 4: 15 TC; kỳ 5: 16 TC; kỳ 6: 15 TC; kỳ 7: 14 TC; kỳ 8: 11 TC).

- Ma trận mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận đóng góp của các HP vào CĐR của CTĐT;

- ĐCCT các HP

- CĐR và các luận giải được trình bày rõ ràng cung cấp đầy đủ thông tin để SV dễ dàng tìm hiểu và áp dụng trong quá trình học tập.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật đầy đủ các vấn đề, thông tin mới nhất [H1.02.01.04]. Khối kiến thức chuyên nghiệp được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh nội dung thảo luận, thực hành, CTĐT được hoàn thiện và ban hành vào tháng 08/2019 [H1.01.02.01h].

Kết quả điều tra ý kiến GV, SV, nhà SDLĐ cho thấy năm 2017 có hơn 94% ý kiến ĐG đồng ý về bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn, số liệu này ở năm 2019 là 96% [H1.02.01.01]. Bản mô tả CTĐT được tổ chức thẩm định, nghiệm thu theo văn bản hướng dẫn tự ĐG CTĐT và Biên bản nghiệm thu thẩm định của Hội đồng cấp trường [H1.01.01.11a]. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT và CTĐT ngành Cử nhân Luật để đội ngũ GV xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp cho từng HP được phân công giảng dạy theo học kỳ; từ đó nhà quản lý xây dựng kế hoạch giám sát hoạt động dạy học của đội ngũ GV và hoạt động học tập của SV theo học CTĐT.

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả thể hiện rõ ràng, đầy đủ và cập nhật các thông tin cần thiết về CTĐT ngành Cử nhân Luật tại Trường ĐHHĐ, phục vụ thiết thực cho việc công khai hóa các thông tin để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận như: Mục tiêu ĐT, CĐR; mô tả rõ vị trí, vai trò của các HP trong việc hình thành, phát triển năng lực của SV. Bản mô tả đã xây dựng được ma trận đóng góp của các HP về CĐR, phản ánh đúng cấu trúc CTĐT theo định hướng phát triển các năng lực nghề nghiệp, đích hướng tới của quá trình ĐT là SV.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến khảo sát của cựu SV về bản mô tả CTĐT còn chưa thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 -2022, khoa LLCT - Luật sẽ cung cấp bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan một cách thường xuyên, chuyên nghiệp và định kỳ 2 năm sẽ thực hiện rà soát, điều chỉnh, cập nhật bản mô tả CTĐT. Đồng thời, ngoài việc tham khảo ý kiến từ phía các GV, chuyên gia, nhà SDLĐ, sẽ tổ chức tham khảo, lấy ý kiến từ phía cựu SV ngành Cử nhân Luật của khoa.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 5/7 điểm.

## **Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trên cơ sở CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành Cử nhân Luật các BM đã tổ chức xây dựng và phê duyệt đề cương các HP theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Trường ĐHHĐ [H1.02.02.02]; [H1.02.02.04] cụ thể: ĐCCT HP do GV xây dựng, BM góp ý và thẩm định, khoa ban hành, công bố và cung cấp cho sv trước khi giảng dạy HP.

100% đề cương các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của nhà trường đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các HP, danh mục tài liệu tham khảo [H1.02.02.01-02]. ĐCCT HP được biên soạn chi tiết cung cấp các thông tin cụ thể của HP và phải đạt yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực, phẩm chất mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp [H1.02.02.03-04].

100% ĐCCT của các HP thuộc CTĐT ngành Cử nhân Luật đáp ứng đầy đủ thông tin theo quy định [H1.02.02.02]. ĐCCT của các HP thuộc các phiên bản CTĐT phê duyệt trước tháng 12/2018 [H1.02.02.05] gồm 10 thông tin sau: 1. Thông tin về GV giảng dạy HP; 2. Thông tin chung về HP (tên HP, mã HP, ngành/chuyên ngành ĐT, bậc ĐT, khoa/BM phụ trách HP, loại HP là bắt buộc hay tự chọn, yêu cầu của mỗi HP, phân bổ giờ TC đối với lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học); 3. Mục tiêu của HP; 4. Tóm tắt nội dung HP; 5. Nội dung chi tiết HP; 6. Học liệu; 7. Hình thức tổ chức dạy học; 8. Chính sách đối với HP; 9. Phương pháp kiểm tra, ĐG kết quả HP; 10. Các yêu cầu khác.

ĐCCT của các HP thuộc phiên bản CTĐT phê duyệt năm 2019 [H1.02.02.06] về cơ bản vẫn kế thừa mẫu trước đó song có những điểm mới như: thêm mục thông tin về

CĐR của HP, mục hình thức tổ chức tổ chức dạy học cụ thể cho từng nội dung bổ sung thêm cột CĐR của HP xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ SV cần đạt theo hướng tiếp cận năng lực.

Về cơ bản, đề cương thuộc CTĐT ngành Cử nhân Luật thể hiện đầy đủ, rõ ràng các thông tin cần thiết về GV, thông tin chung về HP; BM quản lý; mục tiêu của HP (kiến thức, kỹ năng/năng lực, thái độ); tóm tắt nội dung HP; nội dung chi tiết, học liệu và tài liệu tham khảo, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra, ĐG kết quả học tập. Đề cương đảm bảo sự kết hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương pháp ĐG để đạt được CĐR [H1.02.02.08].

ĐCCTHP của CTĐT năm 2019 bổ sung thêm CĐR của HP, ma trận liên kết nội dung các chương mục với CĐR, các yêu cầu của HP, cấu trúc HP, phương pháp dạy học và phương thức kiểm tra ĐG kết quả học tập HP, học liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo [H1.02.02.06], mục tiêu và CĐR và của HP được GV biên soạn cập nhật, bổ sung theo quy định, quản lý hồ sơ HP và tổ chức ĐT theo định hướng ứng dụng và phát triển năng lực SV [H1.02.02.02]. Quy trình điều chỉnh ĐCCTHP được thực hiện theo hướng dẫn của Nhà Trường [H1.02.02.03]; [H1.02.02.07], do GV giảng dạy xây dựng được góp ý thống nhất bởi các GV trong cùng nhóm chuyên môn và được Trưởng BM và Trưởng khoa phê duyệt, ban hành.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng rất coi trọng hoạt động rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật ĐCCTHP nhằm giúp các GV biên soạn có điều kiện cập nhật những thông tin tri thức mới nhất là tài liệu dạy học. Việc rà soát và điều chỉnh ĐCCT HP trong các CTĐT này thực hiện theo công văn hướng dẫn cập nhật, mô tả CTĐT và ĐCCT HP của Trường ĐHHĐ [H1.02.02.04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung ĐCCTHP ĐT theo hệ thống TC; 100% ĐCCT HP được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được Hội đồng khoa thẩm định, phê duyệt và Nhà trường tổ chức ĐG.

ĐCCT thuộc CTĐT ngành Cử nhân Luật cơ bản bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT và liên tục cập nhật, đáp ứng yêu cầu phát triển của lĩnh vực ĐT.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc cập nhật ĐCCT của các HP thuộc BM, Khoa quản lý chưa được thực hiện một cách đồng bộ; một số ĐCCT đã cập nhật học liệu và tài liệu tham khảo mới nhưng chưa được làm rõ, cụ thể hóa những nội dung cập nhật, điều chỉnh bằng văn bản.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022, Khoa xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện đồng bộ việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh ĐCCT HP gắn với những điều chỉnh, bổ sung CTĐT. Các nội dung cập nhật, điều chỉnh sẽ được cụ thể hóa trong biên bản các cuộc họp chuyên môn và công bố rộng rãi đến SV, GV và các bên liên quan khác.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

**Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận**

**1. Mô tả hiện trạng**

Bản mô tả CTĐT ngành Cử nhân Luật được Khoa rà soát, bổ sung, hoàn thiện vào năm 2017, được thẩm định và ban hành kèm theo CTĐT ngành Cử nhân Luật K19 [H1.01.02.01h].

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP thuộc CTĐT đều được nghiệm thu, thẩm định bởi hội đồng và các nhà khoa học, được Hội đồng Khoa cho ý kiến [H1.01.03.06].

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP trong CTĐT ngành Cử nhân Luật được ban hành và công khai trên website của Khoa, Nhà trường, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sv chủ động lập kế hoạch học tập và các bên liên quan có thể góp ý, tham gia xây dựng [H1.01.01.16].

Đồng thời, đề cương các HP được công bố cho SV thông qua GV cung cấp ngay trong tiết học đầu tiên của HP theo quy định của Nhà trường; công khai trong các buổi tư vấn tuyển sinh; giới thiệu cho SV khóa mới trong tuần giáo dục chính trị đầu khóa [H1.01.01.15]; [H1.02.03.01]; báo cáo tổng kết công tác ĐT [H1.01.01.14]; những điều chỉnh đều được cập nhật trên website của Nhà trường và của Khoa [H1.01.01.16].

Hàng năm, thông qua việc lấy ý kiến các bên có liên quan đặc biệt là đối với SV đang theo học tại trường, việc ĐGCL hoạt động giảng dạy và chất lượng quá trình ĐT cho thấy, SV đã biết đến CTĐT ngành Cử nhân Luật từ khi đăng ký thi tuyển /đăng ký xét tuyển; biết đến ĐCCTHP trong tiết học đầu tiên do GV giảng dạy, cung cấp trên website của Khoa, Nhà trường. Các ý kiến đều thống nhất cho rằng, Khoa đã áp dụng nhiều hình thức công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP [H1.01.01.16].

Hàng năm Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về sự thuận lợi dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT, ĐCCTHP. [H1.02.03.02,03] Kết quả ĐG của các bên liên quan về việc Bản mô tả CTĐT được phổ biến công khai cho các đối tượng liên quan được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 2.3: Bảng thống kê ĐG của các bên liên quan về Bản mô tả CTĐT 2017, 2019**

Đợt khảo sát	Đối tượng khảo sát	Mức độ					
		Tổng số	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Bản mô tả CTĐT 2017	Chuyên gia, GV	100%	0%	0%	7.7%	84.6%	7.7%
	SV	100%	0%	0%	12.5%	12.5%	75%
	Nhà SDLĐ	100%	0%	0%	11.8%	76.4%	11.8%
Bản mô tả CTĐT 2019	Chuyên gia, GV	100%	0%	0%	3.8%	88.5%	7.7%
	SV	100%	0%	0%	3.3%	16.7%	80%
	Nhà SDLĐ	100%	0%	0%	5.9%	82.3%	11.8%

Bảng thống kê cho thấy mức độ đồng ý của các bên liên quan đạt tỷ lệ rất cao về khả năng tiếp cận Bản mô tả CTĐT (trên 90% đồng ý và rất đồng ý đối với chuyên gia, GV; trên 80% đồng ý đối với nhà SDLĐ, đặc biệt với SV tỷ lệ rất đồng ý chiếm đến 75% và 80%). Thống kê cũng cho thấy mức độ đồng ý về khả năng tiếp cận Bản mô tả năm 2019 tăng lên so với Bản mô tả năm 2017, phản ánh sự phát triển theo hướng hoàn thiện hơn về khả năng tiếp cận Bản mô tả CTĐT qua các năm. Đối với mỗi khóa ĐT, đề cương HP đều được công khai và được các GV cung cấp cho SV ngay khi bắt đầu HP [H1.02.02.05-07] và công bố công khai trên website của Khoa [<http://hdu.edu.vn/vi-vn/8/544/%C4%90e-cuong/>]

## **2. Điểm mạnh**

Đa dạng các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP dễ dàng tiếp cận giúp cho SV có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách HP trong CTĐT hiểu rõ kiến thức SV cần đạt được sau khi kết thúc HP; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng của SV khi tốt nghiệp.

## **3. Điểm tồn tại**

ĐCCT HP chưa được cập nhật thật sự đầy đủ trên website của Khoa. Việc lấy ý kiến phản hồi về CTĐT và ĐCCTHP chưa được tiến hành rộng rãi đối với các bên liên quan nên chưa có nhiều ý kiến góp ý cho ĐCCT HP.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022 Khoa và Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động công khai, trong đó có công khai về CTĐT, bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP trên nhiều kênh khác nhau nhằm phục vụ tốt hơn cho quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của SV, giảng viên và các nhà quản lý, tuyển dụng.

Khoa lập kế hoạch định kỳ hàng năm, mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến ĐG từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia, GV trong và ngoài khoa và SV về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương HP nói riêng để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDR.

## **5. Tự ĐG: Đạt - Mức 5/7 điểm**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 2**

Khoa đã xác định bản mô tả CTĐT là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng ĐT, do vậy Khoa LLCT-Luật đã chủ động xây dựng bản mô tả CTĐT ngành Cử nhân Luật một cách khoa học. CTĐT ngành Cử nhân Luật có mục tiêu rõ ràng, cung cấp đầy đủ kiến thức chuyên môn, tay nghề nghiệp vụ cơ bản cho SV, phần kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có nhiều HP tự chọn, dễ dàng điều chỉnh hoặc cập nhật, giúp SV lựa chọn các HP phù hợp với sở thích và nhu cầu thị trường lao động.

Nội dung bản mô tả CTĐT và đề cương HP có đầy đủ thông tin được cập nhật và công bố công khai cho các bên liên quan nắm được và dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên ĐCCT HP chưa thường xuyên được cập nhật trên Website của nhà trường, đồng thời

việc xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan đến việc điều chỉnh bản mô tả chưa được nhiều.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tiêu chuẩn 2 đạt 3/3 tiêu chí và bình quân tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### ***Mở đầu***

CTDH ngành Cử nhân Luật là một hệ thống các HP được cấu trúc khá hợp lý và hệ thống, được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục đích, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của CTĐT ngành Cử nhân Luật, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm của SV. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra ĐG SV được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của cả CTĐT và các CĐR của từng HP. HP tiên quyết làm nền tảng cho các HP tiếp theo. Các HP song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế có tính logic và tích hợp. Mỗi HP đều có vai trò nhất định trong việc đạt được CĐR. Đồng thời, CTDH của ngành Cử nhân Luật liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng HP cụ thể và trong CTĐT tổng thể.

#### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

##### ***1. Mô tả hiện trạng***

CTDH hiện hành của ngành Cử nhân Luật đã được cập nhật và ban hành năm 2019 [H1.01.01.06d] và áp dụng vào giảng dạy cho SV ĐH Luật K22 (khóa 2019-2023). CTDH ngành Cử nhân Luật được xây dựng, cập nhật, chỉnh sửa và phê duyệt theo quy định trong các văn bản quản lý nhà nước của Chính phủ, Bộ Giáo dục & ĐT và Trường ĐHHĐ [H1.01.02.01]. CTDH của ngành Cử nhân Luật được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm [H1.01.01.13, H1.01.01.07b,c]. Cụ thể, chương trình được xây dựng dựa trên các ý kiến đóng góp của chuyên gia, GV, phản hồi của các bên liên quan để đạt được mục tiêu ĐT và CĐR [H1.03.01.01];

CTDH được xây dựng phù hợp CTĐT và CĐR CTĐT 2019 [H1.03.01.01]; Quy trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT ngành Cử nhân Luật tuân thủ đúng quy định, bao gồm các hoạt động: lập kế hoạch và ban hành các văn bản huy động nguồn nhân lực cho việc điều chỉnh CTDH toàn trường và ngành Cử nhân Luật nói riêng [H1.01.02.01]; thực hiện lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan; ban hành các công văn hướng dẫn điều chỉnh mục tiêu ĐT, CĐR và CTĐT [H1.03.01.01]; tiến hành điều chỉnh, biên soạn CTDH và ĐCCT từng HP trong CTDH để đảm bảo mục tiêu và CĐR dự kiến dựa trên sự tham khảo, so sánh với những CTĐT tương đương [H1.01.01.08]; phối hợp tổ chức thẩm định, nghiệm thu CTDH và CĐR ở các cấp [H1.01.01.11]; ban hành và công bố

công khai CTDH. CTDH được rà soát/điều chỉnh phù hợp, tương thích với việc điều chỉnh CDR trong mỗi lần thực hiện các chủ trương mới về giáo dục.

CTDH theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực SV đã tập trung vào việc mô tả chất lượng đầu ra, quy định những kết quả đầu ra mong muốn của quá trình ĐT [H1.01.01.06] [H1.01.01.07a] [H1.01.01.13]. Khoa và BM Luật đã chú trọng tới tính logic của các HP trong CTDH, nhằm đảm bảo cho SV tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, kiến thức từ đại cương đến chuyên ngành. Ngoài ra, CTDH cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp, giờ dạy lý thuyết tích hợp với các hoạt động thảo luận, thực hành, thực tế [H1.01.01.08].

CTDH được xây dựng theo hướng giảm số giờ lý thuyết, tăng thực hành, tăng tự học, tự nghiên cứu, tăng cường tính chủ động của SV phù hợp với CDR đã công bố [H1.01.01.07b,c] [H1.01.01.13]. Bên cạnh đó, CTDH thiết kế dựa trên CDR còn được thể hiện rõ nét ở một số các HP bố trí thời lượng nhất định cho việc tham quan thực hành, thực tiễn tại các phiên tòa, giúp SV có được kiến thức thực tế phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu ở các học kỳ tiếp theo và quá trình làm việc sau khi ra trường [H1.03.01.02]. Từ đó, SV được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn nghề nghiệp. Việc ĐG SV ngành Cử nhân Luật được thực hiện bằng nhiều phương pháp để đạt được CDR của CTĐT. Các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, thi kết thúc HP ĐG mức độ tích lũy kiến thức của SV qua từng phần. Đồng thời, các giờ thảo luận, làm việc nhóm và thuyết trình khuyến khích SV phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, có tư duy phản biện và tăng khả năng thích ứng với hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, góp phần tạo cơ hội cho SV đạt được CDR.

Cuối năm 2019 và đầu năm 2020 khoa đã tiến hành khảo sát sự hài lòng về chất lượng SV sau tốt nghiệp với các tiêu chí CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ [H1.03.01.03]. Kết quả khảo sát như sau:

### 3.1.1. Bảng tổng hợp khảo sát sự hài lòng về chất lượng SV sau tốt nghiệp

Năm	Năm 2019					Năm 2020				
	Không HL	Ít HL	Tương đối HL	Hài lòng	Rất HL	Không HL	Ít HL	Tương đối HL	Hài lòng	Rất HL
CDR (Tỷ lệ %)										
Kiến thức	0%	0%	4%	49%	47%	0%	0%	11.1%	48.2%	40.7%
kỹ năng	0%	0%	2.2%	41.9%	55.9%	0%	0.7%	6.2%	41%	52.1%
Thái độ	0%	0%	0%	52.9%	47.1%	0%	0%	16.7%	34.4%	48.9%



Qua bảng kết quả khảo sát năm 2019, tỷ lệ nhà SDLĐ hài lòng và rất hài lòng chiếm 97.9%, tỷ lệ tương đối hài lòng chiếm 2.1% , không có nhà SDLĐ nào ít hài lòng và không hài lòng. Năm 2020, tỷ lệ nhà SDLĐ hài lòng và rất hài lòng chiếm 88.5%, tỷ lệ tương đối hài lòng chiếm 11.3% , ít hài lòng 0.2% và không có nhà SDLĐ nào không hài lòng. Điều này cho thấy, phản hồi từ nhà SDLĐ về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV đã tốt nghiệp đi làm của CTĐT Cử nhân Luật là tốt, đạt CĐR như đã nêu trong CTĐT.

## **2. Điểm mạnh**

CTDH được xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật, theo một quy trình bắt buộc. CTDH ngành Cử nhân Luật được thiết kế khá hợp lý, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm, đảm bảo sự thống nhất đồng bộ giữa Mục tiêu ĐT, CĐR với CTDH. Các HP trong các khối kiến thức thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất đáp ứng CĐR. Trong CTDH các HP có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT theo định hướng ứng dụng, có sự kết hợp giữa lý thuyết với tham quan thực tiễn tại các cơ quan nhà nước, có một số HP kỹ năng giúp SV rèn luyện được kỹ năng nghề nghiệp.

## **3. Điểm tồn tại**

Các kỹ năng mềm chưa được thể hiện thực sự rõ trong CTDH.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2021 – 2022, Nhà trường và Khoa tiếp tục điều chỉnh, rà soát và hoàn thiện CTDH theo hướng mô tả rõ nét, cụ thể các kỹ năng mềm cần đạt được sau các HP để đảm bảo bám sát CĐR đã công bố.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

**Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Tất cả các HP trong CTĐT ngành Cử nhân Luật đều có ĐCCT. Các đề cương này được xây dựng theo quy định của Nhà trường [H1.02.02.02], do các nhóm GV chuyên môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng HP, phù hợp với CĐR của CTĐT và phương thức ĐT TC [H1.01.02.01]. Khoa LLCT - Luật xây dựng CTĐT ngành Cử nhân Luật với các khối kiến thức theo trình tự đại cương, chuyên nghiệp [H1.01.01.06], [H1.01.01.07a].

ĐCCT của mỗi HP đều được ghi rõ số TC (Số tiết lý thuyết, số tiết thảo luận/bài tập, số tiết thực hành), có phần mục tiêu và CĐR của từng HP, CĐR của từng HP được xây dựng gắn với CĐR của CTĐT đã được công bố, chú trọng vào năng lực đạt được của SV sau khi kết thúc HP [H1.01.01.08d]. Mỗi HP sẽ thực hiện nhiệm vụ khác nhau trên các mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực và SV cần đạt được, thể hiện trong Ma trận thể hiện sự đóng góp /gắn kết CĐR HP vào đạt CĐR CTĐT [H1.01.01.07a,b,c]. Đây là những điểm có thể định lượng và đo lường được.

Đối với CĐR về kiến thức, nhóm các HP: Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Môi trường và con người, Tin học, Tiếng anh 1,2,3,... được thiết kế để đạt được CĐR về kiến thức chung. Nhóm các HP: Luật La Mã, Thanh tra, khiếu tố, Lý luận Nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp, Luật môi trường, Luật hành chính, luật hình sự, Luật dân sự, Luật thương mại, Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế, Luật Tổ tụng hình sự, Luật Tổ tụng dân sự, Luật lao động, Luật tài chính, Luật đất đai... được thiết kế để đạt CĐR về kiến thức chuyên môn. Nhóm các HP: Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng, Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật, Xây dựng văn bản pháp luật, Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp... được thiết kế để đạt CĐR về kỹ năng chuyên môn. Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, hầu hết các HP trong CTĐT đều có đóng góp để đạt được CĐR này.

Để hoàn thành CTĐT ngành Cử nhân Luật năm 2019, SV phải đăng ký học và tích lũy đủ 121 TC của 47 HP được phân chia ở 8 học kỳ [H1.01.01.06d]. Các HP có các hoạt động kiểm tra, ĐG để đảm bảo việc đạt được CĐR của SV. Phương pháp ĐG HP được quy định cụ thể trong ĐCCTHP bao gồm: Kiểm tra thường xuyên, bài thi giữa HP, bài tập lớn, bài thi kết thúc HP trong đó điểm thi kết thúc HP có trọng số 50% [H1.01.01.08]; Các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, hỗ trợ nhau trong việc đáp ứng CĐR của CTDH.

Các hoạt động thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp đều có kế hoạch và thể hiện rõ mục đích, yêu cầu cần đạt được sau khi thực hiện các hoạt động đó. Mục tiêu của các chương trình thực tế này mô tả đảm bảo bám sát CĐR của CTĐT. Để đạt được mục tiêu đề ra, các kế hoạch đều chỉ rõ những mốc thời gian, yêu cầu công việc, trách nhiệm cụ thể của GV, SV, cơ sở thực hành, thực tập và các bộ phận quản lý có liên quan cũng như các yêu cầu về báo cáo thực tập và ĐG kết quả [H1.03.02.01] [H1.03.02.02].

Khi hoàn thành CTĐT, SV sẽ đáp ứng CĐR về khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và sức khỏe tốt. Có đầy đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng cần thiết về nghề Luật; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, hiệu quả nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến pháp luật; có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực của SV và đơn vị tuyển dụng [H1.01.01.07a]. SV có đầy đủ năng lực để tiếp tục học tập, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn ở trình độ cao hơn, đáp ứng với yêu cầu của xã hội. 100% các HP trong CTĐT có sự tương thích về nội dung để đảm bảo CĐR; 100% các HP trong CTĐT xác định phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, ĐG phù hợp để đạt CĐR. Kết quả khảo sát về sự đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng cũng được phản hồi khá tốt [H1.03.01.01][H1.02.03.02].

## **2. Điểm mạnh**

Nội dung chi tiết của từng HP trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, CĐR của từng HP và có sự gắn kết với các HP trong các khối kiến thức khác nhằm đảm bảo quá trình dạy – học và ĐG đạt được CĐR của toàn CTĐT.

### **3. Điểm tồn tại**

Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là chưa đồng đều, có HP đóng góp nhiều, còn có những HP cùng thời lượng nhưng đóng góp hạn chế.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa LLCT - Luật tiếp tục triển khai cụ thể việc lấy ý kiến đóng góp từ các chuyên gia trong và ngoài Trường, nhà SDLĐ, SV và cựu SV; sẽ rà soát lại CĐR của từng HP với CĐR của CTĐT điều chỉnh nội dung bài tập/ thực hành đáp ứng yêu cầu củng cố kiến thức lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho SV.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

#### **Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

CTDH ngành Cử nhân Luật – Trường ĐHHĐ có cấu trúc rõ ràng, trình tự logic hợp lý. CTDH ngành Cử nhân Luật của trường được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2015 [H1.03.03.02] với mục tiêu ĐT cử nhân luật phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa nói riêng và cả nước nói chung phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT về khối lượng kiến thức tối thiểu ĐT trình độ ĐH [H1.03.03.01]. Theo kết quả khảo sát các bên liên quan năm 2019 về CTDH thì 94% nhà SDLĐ; 92% các chuyên gia, GV cho rằng nội dung CTDH được xây dựng rất phù hợp với ngành học<sup>1</sup>. CTDH ngành Cử nhân Luật được xây dựng dựa trên các kết quả điều tra, khảo sát về kiến thức, kỹ năng của SV cần đạt được sau khi tốt nghiệp ra trường, sự góp ý từ các chuyên gia, GV, nhà SDLĐ và SV [H1.03.01.01]. Ngoài ra, CTDH ngành Cử nhân Luật trường ĐHHĐ xây dựng với sự tham khảo, so sánh các CTĐT của các trường trong nước như: Trường ĐH Luật Hà Nội, Khoa Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Luật TP.HCM [H1.03.01.01]. Tuy nhiên, CTDH của trường có sự cải tiến và mang nét đặc thù riêng so với các cơ sở ĐT Luật học khác trên cả nước như: các HP tự chọn được thiết kế đa dạng phù hợp với nhu cầu của SV, công việc mà SV lựa chọn sau khi tốt nghiệp ra trường. Có nhiều HP được đưa vào giảng dạy đáp ứng được nhu cầu xã hội hiện nay. Có nhiều HP kỹ năng trong CTDH nhằm rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, khả năng làm việc ngay sau khi tốt nghiệp của SV ...

CTDH ngành Cử nhân Luật hiện hành gồm 121 TC [H1.03.03.04], trong đó tổng số HP bắt buộc 32 HP (90 TC) và 15 HP thay thế/tự chọn (31 TC), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 6 HP, 18 TC; kỳ 2: gồm 6 HP, 16 TC; kỳ 3: gồm 6 HP, 16 TC; kỳ 4: gồm 6 HP, 15 TC; kỳ 5: gồm 7 HP, 16 TC; kỳ 6: gồm 6 HP, 15 TC; kỳ 7: gồm 6 HP, 14 TC; kỳ 8: gồm 4 HP, 11 TC. Trên cơ sở đó, tỷ lệ các HP tự chọn/ bắt buộc được xây dựng là: 15/32 (tương đương 31 TC, chiếm 25,6% tổng số TC của CTDH)

<sup>1</sup> Phụ lục 1, Bảng tổng hợp kết quả khảo sát các bên liên quan về CTĐT ngành ĐHLuật năm 2019.

[H1.01.01.07a] theo đúng quy định của Hiệu trưởng trường ĐHHĐ [H1.03.03.04], các HP tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng SV mở rộng kiến thức chuyên sâu vào những lĩnh vực pháp luật mà mình yêu thích và công việc trong tương lai.

**Bảng 3.3.1:** Cơ cấu kiến thức CTDH 121 TC ngành Cử nhân Luật từ K22 trở đi

STT	Khối kiến thức	Số TC bắt buộc	Số TC tự chọn	Tổng số TC	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	29	09	38	31,4%
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	61	22	83	68,6%
Tổng		90	31	121	100%

Cấu trúc trong CTDH hợp lý, đảm bảo sự cân đối giữa các khối lượng kiến thức và kỹ năng để hướng tới đạt CĐR, các HP được sắp xếp logic, từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, thực tế, thực tập được bố trí giảng dạy trong 48 tháng [H1.01.01.06], đảm bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất cho đến năm thứ tư. Kết quả khảo sát năm 2019 đối với SV cho thấy rằng: 90% SV hài lòng vì nhiều HP tự chọn đáp ứng nhu cầu của SV; 83% SV nhận thấy tỷ lệ phân bổ lý thuyết trong các HP là rất hợp lý<sup>2</sup>.

Tính logic của CTDH ngành Cử nhân Luật được thể hiện trong các HP được thiết kế theo trình tự hợp lý và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu; kiến thức chuyên ngành thường được bố trí học sau kiến thức đại cương, các HP luật nội dung luôn được sắp xếp học trước luật hình thức. Việc xác định HP tiên quyết đóng vai trò hết sức quan trọng vừa để đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTDH, đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cơ sở và kiến thức ngành cho HP tiếp theo theo tính kế thừa giữa các HP [H1.01.01.07a].

Nội dung CTDH được cập nhật thường xuyên. CTDH ngành Cử nhân Luật được thực hiện dựa trên CĐR của ngành [H1.03.03.05] với phương châm tăng khả năng thực hành, giúp trang bị các kiến thức chuyên sâu, mang tính thực tiễn, đảm bảo cho SV có thể thích ứng ngay với công việc sau khi tốt nghiệp. Khoa đã kế thừa CTĐT ban hành năm 2015 và tham khảo CTDH của các cơ sở ĐT Luật học khác để điều chỉnh CTĐT, nội dung HP phù hợp, giảm số TC từ 126 TC xuống còn 121 TC [H1.01.01.06]. Trong quá trình thực hiện CTDH Khoa LLCT - Luật thường xuyên thực hiện việc rà soát, ĐG việc thiết kế và phát triển CTDH theo quy định của nhà trường. Khoa đã tiến hành 03 đợt khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT vào năm 2016, 2017 và 2019 với hơn 70 cá nhân và tổ chức bao gồm các chuyên gia, nhà SDLĐ, GV và SV theo học tại Khoa [H1.03.03.03-05]. Nội dung các cuộc khảo sát tập trung lấy ý kiến về mục tiêu,

<sup>2</sup> Phụ lục 3, Bảng tổng hợp kết quả khảo sát các bên liên quan về CTĐT ngành ĐHLuật.

cấu trúc và nội dung của CTĐT; phương pháp giảng dạy, công tác tổ chức lớp học, khả năng ứng dụng kiến thức kỹ năng vào công việc... Kết quả khảo sát là cơ sở để điều chỉnh CTDH cho phù hợp, đảm bảo SV đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp [H1.03.01.03]. Ngoài ra, việc cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu dạy học trong CTDH được Khoa cập nhật liên tục thường xuyên để đảm bảo tính thời sự, tính mới cho CTDH.

CTDH ngành Cử nhân Luật được tích hợp cả lý thuyết và thảo luận nhằm giúp SV có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành kỹ năng thực hành, nghề nghiệp, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn [H1.03.03.05,06; H1.01.01.07b, H1.01.01.13]. Đặc biệt, đối với các HP kỹ năng, SV sẽ có cơ hội tiếp cận những kỹ năng cơ bản nhằm rèn luyện, thực hành nghề tại các cơ quan nhà nước, công ty luật, văn phòng công chứng... Hơn 80% SV nhận xét CTDH ngành Cử nhân Luật được xây dựng rất phù hợp giúp phát triển kỹ năng giao tiếp, phối hợp làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu<sup>3</sup>. Đối với các HP thực tập, SV sẽ có cơ hội được tiếp cận với thực tế, đến trực tiếp các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực tập [H1.03.01.01].

## **2. Điểm mạnh**

CTDH ngành Cử nhân Luật được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức chuyên nghiệp. CTDH giúp SV có kế hoạch học tập và phương pháp học tập, nghiên cứu phù hợp với mục tiêu của từng HP. CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng được năng lực của SV sau khi tốt nghiệp, có khả năng đáp ứng được những yêu cầu của công việc. Các HP trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong viên đạt được CĐR. Các HP được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành. Các HP chuyên ngành được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa đã xây dựng 4 phiên bản về CTĐT (năm 2015, 2016, 2017, 2019) nhưng chỉ có phiên bản năm 2019 mới có CTDH. Việc lấy ý kiến phản hồi của SV sau khi tốt nghiệp và các nhà SDLĐ giúp cho việc điều chỉnh CTDH ngành Cử nhân Luật chưa được thực hiện liên tục và đều đặn.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các nhà SDLĐ và cựu SV làm cơ sở cho việc rà soát, điều chỉnh CTDH của từng HP định kỳ theo từng năm học, tạo điều kiện quản lý chất lượng theo kết quả đầu ra đã quy định, nhấn mạnh năng lực vận dụng của SV.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 3**

<sup>3</sup> Phụ lục 3, Bảng tổng hợp kết quả khảo sát các bên liên quan về CTĐT ngành Cử nhân Luật năm 2019.

CTDH ngành Cử nhân Luật được thiết kế dựa trên CDR đã được ban hành, với các HP có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT, trong đó thể hiện rõ sự đóng góp của các HP trong thực hiện CDR. Các HP thuộc khối kiến thức đại cương, chuyên nghiệp được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện cho SV. Nội dung của các HP thuộc khối kiến thức đại cương và chuyên nghiệp phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, nội dung cập nhật, mang tính tích hợp. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tự ĐG tiêu chuẩn 3 đạt 3/3 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

#### **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

##### ***Mở đầu***

Với phương châm tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng ĐT, trong thời gian qua Khoa LLCT – Luật luôn chú trọng đến việc đổi mới phương pháp dạy học, chuyển từ hình thức truyền thụ kiến thức một chiều mang tính hàn lâm, xa rời thực tiễn sang giáo dục chủ động; chú trọng hình thành năng lực hành động, phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV. Định hướng này của Khoa LLCT- Luật là phù hợp với xu hướng cải cách phương pháp tiếp cận trong dạy học ở Trường ĐHHĐ nói riêng và toàn ngành giáo dục nói chung.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan***

##### ***1. Mô tả hiện trạng***

Mục tiêu giáo dục Trường ĐHHĐ được tuyên bố rõ ràng, các giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định đó là “Chất lượng – Hiệu quả - Chuyên nghiệp – Hội nhập” trong chiến lược phát triển trường ĐHHĐ giai đoạn 2020-2030 [H1.04.01.01-03]. Trên cơ sở mục tiêu giáo dục, các giá trị cốt lõi của Nhà trường, Khoa LLCT – Luật đã xác định mục tiêu giáo dục của ngành Cử nhân Luật là ĐT SV có phẩm chất chính trị, đạo đức và có sức khỏe tốt; có tinh thần trách nhiệm với xã hội; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu xã hội sau tốt nghiệp khi ra trường; Có năng lực để tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn ở trình độ cao hơn để đáp ứng với yêu cầu của xã hội ngày càng phát triển. CTĐT ngành Cử nhân Luật đã cụ thể hóa trong sứ mạng và tầm nhìn của Khoa, sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHHĐ [H1.01.01.06, H1.01.01.07a, H1.01.01.13]. Khoa hướng tới triết lý giáo dục lấy SV làm trung tâm, tăng tính tương tác giữa người dạy và SV, tăng tính chủ động của SV thông qua việc tăng thời lượng thảo luận, tự học, thực hành [H1.01.01.13].

Mục tiêu giáo dục được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan. Nhà trường và Khoa LLCT- Luật dùng nhiều hình thức để phổ biến mục tiêu giáo dục đến SV, nhà SDLĐ, GV, chuyên gia. Mỗi GV khi bắt đầu giảng dạy HP đều giới thiệu vị trí của HP trong CTDH, giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, CDR và tiêu chí ĐG HP [H1.01.01.06, H1.01.01.07a, H1.01.01.13]. Tại Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa,

các tân SV đều được Khoa giới thiệu về ngành học, mục tiêu ĐT. Trong các buổi giao ban ĐT lãnh đạo khoa đều đề cập đến mục tiêu ĐT của Khoa và CTĐT, Đoàn Thanh niên, Hội SV trao đổi về vai trò chủ động tích cực của bản thân trong quá trình học tập [H1.04.01.06]. CVHT thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi với SV định kỳ một tháng một lần, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu ĐT của Khoa, có chiến lược đăng ký HP phù hợp [H1.04.01.07]. Mục tiêu giáo dục - ĐT của Khoa luôn được công khai trên website của Trường, của Khoa trong niên lịch ĐT hàng năm, tờ gấp giới thiệu về Nhà trường, thông báo tuyển sinh hàng năm và clip tuyển sinh của Khoa [H1.04.01.01, 03], [H1.04.01.05].

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu ĐT của ngành được tuyên bố rõ ràng trên website của Trường, Khoa và các hình thức khác và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới GV và SV. Mục tiêu này đã được các chuyên gia góp ý, tham gia xây dựng.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù mục tiêu ĐT của Khoa được công bố công khai, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và biên soạn đề cương HP cho Khoa. Mục tiêu này chưa được công bố tới đông đảo các nhà tuyển dụng khác.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa sẽ tổ chức các cuộc tiếp xúc với các nhà SDLĐ để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà SDLĐ.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

**Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm, Trường ĐHHĐ đều có hướng dẫn để các Khoa thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung CTĐT áp dụng cho khóa tuyển sinh mới [H1.01.02.01h], [H1.01.01.08] Trên cơ sở nội dung công văn và quy định của Nhà trường về xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa LLCT-Luật thường xuyên có những điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với nhu cầu xã hội. [H1.01.01.06]

Trước khi xây dựng CTĐT, Khoa chỉ đạo các BM lựa chọn, thiết kế các HP phù hợp để đạt được mục tiêu và CDR của CTDH [H1.01.01.06]. Dựa vào CDR của CTĐT đã được duyệt, các GV tiến hành biên soạn, rà soát, điều chỉnh ĐCCT HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp theo sự phân công của Khoa và BM. Khoa và BM tiến hành hội thảo xin ý kiến đóng góp của các GV có cùng chuyên môn. Từ đó, hoàn thiện ĐCCTHP và thông qua. Từ năm học 2015-2016 Khoa đã tổ chức lấy ý kiến của CBGV, SV về chất lượng CTĐT, kết quả khảo sát có đến 97% GV và trên 95% SV cho rằng tổ hợp các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT đã đáp ứng được CDR như cam kết. [H1.04.02.01]

Đề đạt được CDR của CTĐT, các hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng phù hợp từng lớp/nhóm. GV sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy và kỹ thuật dạy học khác nhau bao gồm: diễn giảng (thuyết trình), dẫn luận, minh họa, kết hợp luân phiên các phương pháp hiện đại (giáo án điện tử)... Ngoài ra, còn sử dụng các phương pháp giảng dạy và kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của SV, đó là: thảo luận, xử lý bài tập tình huống, nêu vấn đề thực tế,... Giờ học đã thu hút được đa số SV hào hứng tham gia và tham gia hiệu quả. Các hình thức kiểm tra đánh giá là tự luận, bài tập, tiểu luận, vấn đáp... Lắng SV làm trung tâm, hoạt động dạy học được thiết kế phong phú, đa dạng: học trên lớp, ngoại khóa, hội thảo, seminar, thực tế, thực tập...

Khi thực hiện CTĐT, bên cạnh hoạt động nghe giảng lý thuyết, SV còn được tham gia các hoạt động thảo luận, thực tế, NCKH tại các cơ quan bảo vệ pháp luật để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng NCKH [H1.03.01.02]. Các hoạt động xã hội như: Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, sinh hoạt tuần công dân đầu khóa... giúp SV nâng cao ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân. [H1.04.02.03].

Hàng năm, Khoa đều tổ chức cập nhật kiến thức và phương pháp dạy học thông qua các đợt tập huấn của Bộ GD&ĐT và Nhà trường tổ chức, qua các hội thảo khoa học cấp trường, cấp khoa có sự tham gia đông đảo của SV, được tổ chức định kỳ theo kế hoạch giúp SV tiếp cận với hoạt động NCKH và trao đổi học thuật [H1.04.02.04] [H1.04.02.05]. Ngay từ năm thứ 2, SV được tham gia tập dượt NCKH, được GV hướng dẫn cụ thể các PP nghiên cứu, cách tư duy KH, cách phát hiện và giải quyết các vấn đề KH. Qua đó, SV rèn luyện được các kỹ năng tư duy phản biện, khả năng tự học tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời. [H1.04.02.04]

Cuối khóa học, sau khi SV tích lũy tối thiểu đạt 100 TC trở lên, được Nhà trường liên hệ, cử đi thực tập tại các cơ quan, đơn vị trong thời gian 10 tuần. Đây là khoảng thời gian để SV vận dụng những kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc tại đơn vị thực tập. Từ đó, nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp, có thái độ đúng đắn hơn về nghề nghiệp và tiếp cận với thực tế nghề nghiệp [H1.04.02.08].

Năm học 2019 - 2020, Khoa đề nghị Nhà trường thực hiện đề án xây dựng phòng thực hành pháp luật để rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho SV tại trường. Hoạt động này giúp SV trải nghiệm, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế; từ đó, hình thành những kỹ năng nghề nghiệp cần phải có đối với một cử nhân Luật sau khi tốt nghiệp [H1.04.02.02].

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức ĐG hoạt động giảng dạy của GV dưới nhiều hình thức như: kiểm tra, tổ chức lấy ý kiến ĐG hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động dự giờ, thao giảng. Bên cạnh hoạt động của Nhà trường, từ năm học 2017-2018 Khoa đã tổ chức lấy ý kiến của đội ngũ CBGV về chất lượng CTĐT đặc biệt chú trọng đến phương pháp dạy và học. Qua khảo sát, đa số GV và SV đồng ý với các hoạt động và các phương pháp dạy học của CTHD. [H1.04.02.06] [H1.04.02.07]



Nhìn chung, các hoạt động học tập được thiết kế để thực hiện CTĐT rất phong phú và đa dạng, bao gồm: hoạt động tự học (cá nhân), thảo luận (học theo nhóm); học lý thuyết, học trực tuyến; học tại trường, thực tế ngoài trường, thực tập tốt nghiệp, các hoạt động NCKH. Như vậy, các phương pháp giảng dạy, kỹ thuật dạy học cùng các hình thức tổ chức dạy học và các hoạt động học tập giúp cho SV lĩnh hội kiến thức một cách chủ động; hình thành và rèn luyện kỹ năng chung, kỹ năng chuyên môn. Thông qua đó, SV đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của CTĐT.

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. SV được tiếp cận với hoạt động NCKH từ năm thứ hai. CTĐT có nhiều hoạt động thực tế, thực tập. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số SV tham gia vào quá trình chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu. Đây cũng chính là điểm cần cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Khoa LLCT - Luật tiếp tục thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các tiêu chuẩn, tiêu chí để đạt CDR; giao cho Liên chi Đoàn, Liên chi hội SV Khoa và CVHT tổ chức các hội thảo, diễn đàn chia sẻ phương pháp học tập cũng như các phong trào thi đua, hướng SV chủ động trong quá trình học tập và nghiên cứu.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của Người học**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mục tiêu và CDR của CTĐT yêu cầu các hoạt động dạy học của GV và SV phải thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và khả năng học tập suốt đời của SV. Các hoạt động dạy học từ thiết kế chương trình, xây dựng kế hoạch dạy học, biên soạn ĐCCTHP, biên soạn đề cương bài giảng, giảng dạy, thực tế HP cho đến việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ khác đều lấy SV là trung tâm, hướng đến việc nâng cao kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời cho SV. [H1.01.01.08]. Tất cả các ĐCCT HP của CTĐT đều có mục tiêu về kỹ năng, trong đó có cả kỹ năng chung và kỹ năng chuyên môn [H1.04.02.03]. Các phương pháp giảng dạy, các nhiệm vụ của SV, các hình thức và nội dung ĐG tương ứng với nhiệm vụ cùng với các nhiệm vụ cụ thể trong phần “Hướng dẫn SV tự học” được mô tả trong các ĐCCT HP nói trên thể hiện việc rèn luyện các kỹ năng chuyên môn liên quan đến nghề nghiệp [H1.01.01.08, H1.01.01.03; H1.01.01.13].

Hoạt động nghe giảng trên lớp thông qua các bài giảng từ GV giúp cho SV có những kiến thức chung và chuyên môn, hình thành các kỹ năng chung, kỹ năng chuyên môn làm cơ sở, nền tảng để nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

Đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu, 100% các ĐCHP đều thiết kế theo phân bố sau: Giờ lý thuyết trên lớp, giờ đọc tài liệu, giờ làm bài tập; và nội dung công việc của từng giờ được quy định cụ thể trong phân hoạt động tự học. Hoạt động tự học tự nghiên cứu của SV bao hàm cả 2 công việc: chuẩn bị cho các giờ lên lớp (lý thuyết, seminar, làm việc nhóm,...) và tự học có hướng dẫn (nghiên cứu, đọc tài liệu, làm bài tập...). SV phải hoàn toàn tự giác để hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình. SV phải tự rèn luyện tư duy NCKH để hoàn thành các nội dung bài học: nhận diện vấn đề, phân tích và tổng hợp, lập luận và phản biện,... và rèn luyện các kỹ năng thiết yếu khác: kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ứng xử,... Những yêu cầu này hình thành thói quen tính tự giác, chủ động trong học tập và nghiên cứu, tạo tiền đề cho khả năng học tập suốt đời góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. [H1.04.03.07]

Các bài tập nhóm, thảo luận dưới hình thức thuyết trình được đưa vào yêu cầu của HP, mô tả rõ trong ĐCCTHP đã rèn luyện khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác. Khoa thường xuyên tổ chức hội thảo khoa học các cấp, hoặc tham dự các hội thảo khoa học, SV có cơ hội trao đổi khoa học, tạo môi trường tiếp xúc, chia sẻ với các nhà khoa học trong và ngoài trường [H1.04.02.04]. Các hình thức thi đa dạng để phù hợp với đặc thù riêng của từng HP như: Thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp. [H1.04.03.05]

CTĐT có các HP: kỹ năng chung về tư vấn pháp luật; kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng; kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, là khối kiến thức kỹ năng được triển khai mạnh mẽ nhằm cung cấp cho SV những kiến thức, kỹ năng cơ bản phục vụ cho NCKH và hoạt động tư vấn pháp luật, phát triển kỹ năng nghiên cứu phân tích và lập luận, giao tiếp các hoạt động pháp luật giúp SV nâng cao kỹ năng học tập sau khi ra trường. [H1.04.03.01] [H1.04.03.07] [H1.01.01.03b]

GV thực hiện các phương pháp giảng dạy phù hợp như đã công bố trong ĐCCTHP hoặc bổ sung thêm xu hướng dạy học mới như lớp học trực tuyến để tổ chức, hướng dẫn SV thực hiện các hoạt động học một cách chủ động, qua đó SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Điều này được thể hiện thông qua các sản phẩm mà SV đã tạo ra trong các HP như: bài thuyết trình, bài thu hoạch đi thực tế ngoài trường, tiểu luận, đề tài khoa học; các kết quả thực tập của SV tại các đơn vị thực tập. [H1.04.02.04; H1.04.02.08].

Vào năm học cuối, SV được khuyến khích làm khóa luận tốt nghiệp khi có đủ điều kiện. Khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp, với sự hỗ trợ của GV hướng dẫn, SV chủ động vận dụng tổng hợp các kiến thức và kỹ năng được tích lũy trong những năm học trước để hoàn thành các công việc. Từ đó, SV có thể sử dụng các kiến thức đã học,

phương pháp làm việc và học tập đã được trải nghiệm để tiếp tục học tập, nghiên cứu sau khi đã tốt nghiệp [H1.04.03.03]

Quá trình học tập trong Nhà trường, SV được đội ngũ CVHT của chương trình hướng dẫn để bản thân SV chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và điều kiện bản thân để đạt hiệu quả, tiến độ của CTĐT. [H1.04.03.02][H1.04.03.04]

Định kỳ, Nhà trường tiến hành các hoạt động dự giờ của GV và khảo sát lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV để có những điều chỉnh kịp thời phương pháp dạy học cho phù hợp. Trong những năm gần đây hoạt động giảng dạy của GV trong Khoa đều được SV ĐG tốt (đạt từ 90% trở lên). [H1.04.03.06]

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động dạy và học trang bị kiến thức, kỹ năng để SV có khả năng học tập ở những bậc cao hơn và khả năng học tập suốt đời..

## **3. Điểm tồn tại**

Các hình thức và phương pháp dạy học còn chưa đa dạng, đặc biệt là những hình thức tự học, tự nghiên cứu. Vì vậy, tính chủ động trong quá trình học tập của SV còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa tập trung chỉnh sửa ĐCCTHP tăng cường hoạt động tự học, thực tế, thực hành để rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 5,0/7 điểm

## **Kết luận về tiêu chuẩn**

Mục tiêu của các phương pháp trong dạy học được xác định rõ ràng, được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch ĐT theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

Các hoạt động dạy học phong phú theo định hướng phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV tự học, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin. SV qua đó có điều kiện phát triển cả kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như nhân cách cá nhân.

Quá trình thay đổi từ phương pháp dạy học cũ, thụ động sang phương pháp mới còn chậm; đề cương CTHP phần tự học, tự nghiên cứu, thực tế, thực hành còn hạn chế; SV chưa chủ động tự học, tham gia NCKH, tiếp thu kiến thức một cách thụ động, kém hiệu quả.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tiêu chuẩn 4 đạt 3/3 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của Người học**

### **Mở đầu**

Kiểm tra ĐG là khâu quan trọng để đảm bảo chất lượng của một CTĐT ĐH. Việc kiểm tra ĐG trong CTĐT ngành Cử nhân Luật ở trường ĐHHĐ được thực hiện theo quy chế của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Về cơ bản,

việc ĐG kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định về ĐG kết quả học tập của SV rõ ràng và được thông báo công khai tới SV. Phương pháp ĐG kết quả học tập đa dạng, có giá trị, có độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả ĐG được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập. SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của Người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Nhà trường có các quy định, quy trình rõ ràng, cụ thể về việc ĐG kết quả học tập của SV [H1.05.01.01], liên tục cập nhật, cải tiến để phù hợp với các quy định mới của Bộ GD&ĐT và quy định về hoạt động ĐT của Nhà trường [H1.05.01.02]. Các quy định này được công bố công khai trên website của nhà trường để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Về cơ bản, các nội dung kiểm tra, ĐG bao gồm: tuyển sinh đầu vào, ĐG quá trình học tập, thi tốt nghiệp. Dựa trên hướng dẫn và quy định của Bộ GD&ĐT, hằng năm, nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh [H1.05.01.03]. Việc tuyển sinh đầu vào đối với ngành Cử nhân Luật, Nhà trường sử dụng kết quả của kỳ thi tốt nghiệp phổ thông quốc gia và năm 2020 bắt đầu kết hợp cả hình thức xét tuyển học bạ với mức điểm tối thiểu từ 15,0 trở lên. [H1.05.01.04].

Việc ĐG kết quả học tập được thực hiện cả hai loại hình là ĐG quá trình và ĐG cuối kỳ, bao gồm: điểm thường xuyên, điểm thi giữa kỳ, điểm thi kết thúc HP (với hình thức thi hết môn hoặc làm bài tập lớn). Trong đó, điểm thường xuyên chiếm trọng số là 30% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 20%; điểm thi kết thúc HP là 50% [H1.05.01.05].

Vào đầu mỗi học kỳ, nhà trường yêu cầu các khoa, BM thực hiện việc đăng ký hình thức thi HP cho các HP thuộc học kỳ. Nhà trường có các quy trình và tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp kiểm tra, ĐG phù hợp với mục tiêu cần ĐG và tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Căn cứ các hướng dẫn của Nhà trường, Khoa chỉ đạo thực hiện việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra ĐG, thể hiện trong ĐCCT HP [H1.01.01.08], trong việc đăng ký hình thức thi [H1.04.03.05], thiết kế đề thi [H1.05.01.06], thiết kế phiếu ĐG [H1.05.01.07]. Đề cương các HP trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra ĐG kết quả học tập của SV của từng HP trong CTĐT ngành Cử nhân Luật được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR, bao gồm các hình thức: tự luận, vấn đáp, bán trắc nghiệm, thảo luận, bài tập nhóm, bài tập lớn... Mỗi hình thức lại có những ưu điểm riêng. Ngoài ra, nhiều GV còn sử dụng điểm chuyên cần trong học tập làm một con điểm thay thế bài kiểm tra thường xuyên, quan sát thái độ và quá trình học tập, kiểm tra hồ sơ học tập, chấm bài kiểm tra/bài tập, ĐG kết quả seminar... [H1.01.01.08].

Việc ra đề thi và nhất là xây dựng ngân hàng câu hỏi thi được Khoa quản lý chặt chẽ về quy trình, tổ chức biên soạn, tổ chức hội đồng nghiệm thu và cho thực hiện [H1.05.01.01;08]. Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi của CTĐT ngành Cử nhân Luật được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với CĐR HP, trên cơ sở thiết kế ma trận câu hỏi thi, thiết kế hệ thống câu hỏi bám sát CĐR của HP, đảm bảo mỗi đề thi bao gồm các câu hỏi từ dễ đến khó (thông qua các các mức độ hiểu, phân tích, tổng hợp, vận dụng) nhằm ĐG được mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của SV [H1.05.01.07, 15].

Hàng năm, Nhà trường đều ban hành các công văn hướng dẫn về việc điều chỉnh, chỉnh sửa ngân hàng đề thi phù hợp với yêu cầu của CĐR [H1. 05.01.09b]. Đến nay, phần lớn các HP thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong CTĐT ngành Cử nhân Luật đã sử dụng ngân hàng câu hỏi thi cho việc tổ hợp đề thi phục vụ kỳ thi kết thúc HP [H1. 05.01.10].

SV được ĐG cả hai mặt: Kết quả học tập và kết quả rèn luyện đạo đức, tư tưởng [H1.05.01.11]. SV có kết quả học tập kém Nhà trường sẽ cảnh báo, nhắc nhở [H1. 04.03.02]; CVHT sẽ tư vấn lại kế hoạch học tập thích hợp, tạo điều kiện cho SV có thể theo kịp CTĐT [H1. 04.03.02].

Để đủ điều kiện tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật ngoài việc SV tích lũy đủ số HP và số TC quy định cho CTĐT ngành Cử nhân Luật, đạt điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); đạt CĐR Tiếng Anh theo định hướng TOEIC (400 điểm) hoặc Tiếng Anh bậc 3/6 (4,0/10) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam [H1. 05.01.12].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có quy trình rõ ràng về việc ĐG kết quả học tập của SV. Các phương pháp kiểm tra ĐG kết quả học tập của SV trong CTĐT ngành Cử nhân Luật được thiết kế phù hợp với tính chất đặc thù của ngành ĐT, giúp SV tiếp thu kiến thức, rèn luyện các kỹ năng một cách hiệu quả nhất, phù hợp để đo lường mức độ đạt CĐR.

## **3. Điểm tồn tại**

Các hình thức kiểm tra ĐG chưa đa dạng. Việc ĐG các HP trong CTĐT ngành Cử nhân Luật tập trung chủ yếu vào hình thức tự luận và vấn đáp, chưa có hình thức ĐG phần thực hành.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2021 – 2022: Rà soát chỉnh sửa, bổ sung đa dạng các hình thức ĐG kết quả học đáp ứng yêu cầu của CĐR.

Cần tiếp tục cải tiến quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các công cụ kiểm tra ĐG phù hợp hơn nữa.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

***Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của Người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới Người học***

***1. Mô tả hiện trạng***

Việc ĐG kết quả học tập của SV tại Trường ĐHHĐ được áp dụng theo Quy chế ĐT ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Bộ GD&ĐT [H1.05.01.05a].

Để thực hiện tốt việc ĐG kết quả của SV theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHHĐ đã ban hành nhiều văn bản quy định về ĐT ĐH chính quy theo hệ thống TC [H1.05.01.05b]. Trong các Quyết định này các vấn đề về thời gian, phương pháp, tiêu chí ĐG, thang điểm và trọng số của các điểm thành phần được thể hiện rõ ràng. Bên cạnh đó, quy định về ĐG kết quả học tập của SV còn cụ thể hóa trong các văn bản Hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy trình khảo thí, ĐG kết quả học tập, về công tác tổ chức thi kết thúc HP, ... [H1. 05.02.01, H1.05.01.09a]. Các quy định này được điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với sự thay đổi của CTDH, mục tiêu, CDR cũng như trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến SV về hình thức thi, kiểm tra đánh giá một số học phần [H1. 05.01.09a; H1.05.01.12; H1.05.02.09].

Các thông tin về phương pháp ĐG kết quả học tập của SV được thể hiện đầy đủ trong ĐCCT và được công bố cho tất cả SV vào buổi học đầu tiên khi giảng dạy HP [H1.01.01.08]. Trong ĐCCTHP đã quy định rõ thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số ĐG điểm (tỷ lệ điểm kiểm tra thường xuyên (30%), giữa kỳ (20%) và điểm kết thúc HP (50%)). Toàn bộ điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ và điểm thi kết thúc HP, GV ghi vào phiếu tô điểm, chuyển phòng ĐT quét điểm vào phần mềm quản lý điểm. Các bài kiểm tra thường xuyên, bài giữa kỳ, SV đều được GV chữa bài chi tiết, giúp SV biết được những hạn chế của mình để có phương pháp học tập phù hợp. Điểm thi kết thúc HP được Trưởng BM gửi lại trợ lý giáo vụ Khoa và Phòng Quản lý ĐT chậm nhất 07 ngày sau khi kết thúc chấm thi HP [H1. 05.02.03]. Về phương pháp kiểm tra ĐG cuối kì ngoài hình thức thi tự luận căn cứ vào tính đặc thù và mục tiêu HP, một số HP được tổ chức thi theo hình thức vấn đáp thay cho bài thi kết thúc HP. Hình thức này giúp SV tăng cường tính chủ động, phát triển năng lực tư duy sáng tạo, đặc biệt tăng cường khả năng thuyết trình một trong những kỹ năng mềm không thể thiếu được trong ĐT Cử nhân Luật [H1. 05.02.04 – H1. 05.01.10].

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý điểm, đảm bảo quản lý kết quả học tập của SV chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của SV dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Việc thông báo kết quả điểm thi, điểm HP được công bố công khai cho SV tại Khoa ĐT hoặc SV có thể tra cứu trên website của nhà trường bằng tài khoản cá nhân [H1. 05.02.05 - 06]. Cơ chế phản hồi công khai giúp cho SV có quyền được yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy trình, quy định chấm phúc tra [H1.05.02.07].

Kết quả phản hồi của SV trong năm học 2019-2020 về ĐG kết quả học tập cho thấy hình thức và phương pháp ĐG được GV thông báo rõ ràng cho SV trước khi học (97 % số ý kiến của SV đồng ý) [H1.05.02.08]. Về cơ bản SV ĐG quy định về hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá SV phù hợp với CĐR ngành đào tạo (98% số ý kiến của SV đồng ý) [H1.05.02.08].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống các văn bản quy định về ĐG kết quả học tập của SV là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến SV bằng nhiều hình thức.

SV biết, hiểu rõ các quy định về công tác kiểm tra ĐG của Khoa, Nhà trường và nhất trí cao với các quy định hiện có.

## **3. Điểm tồn tại**

Phần mềm quản lý đào tạo đôi khi truy nhập bị lỗi. Một số SV chưa nắm vững các quy định và thông tin về kiểm tra ĐG kết quả học tập mặc dù đã được Khoa và Nhà trường phổ biến đầy đủ.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm mới, các GV sẽ trực tiếp cập nhật điểm trên phần mềm. BM sẽ thường xuyên đôn đốc GV chấm thi nghiêm túc, đảm bảo đúng tiến độ và nhập điểm lên hệ thống đúng thời hạn.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

**Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Về việc ĐG HP được cụ thể tại điều 1 chương 4 của quy định về ĐT ĐH và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC tại Trường ĐHHĐ [H1.05.01.01 - 05]. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, ĐG kết quả học tập, quy định về việc ra đề thi [H1.05.01.01]; Hướng dẫn xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và ra đề thi HP, Công tác đề thi; Quy trình về việc biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi [H1.05.01.08], quy định về thực tập [H1.05.03.01 - 02], làm cơ sở pháp lý quan trọng cho việc ĐG kết quả theo hướng tiếp cận năng lực SV.

Trên cơ sở văn bản quy định về công tác kiểm tra, ĐG đã được ban hành phương pháp ĐG kết quả học tập của SV được xây dựng đa dạng, đáp ứng mục tiêu HP, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm: tự luận, vấn đáp, bài tập lớn, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,... để có thể ĐG đúng mức độ lĩnh hội kiến thức của SV, giúp SV đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT. Phương pháp ĐG mỗi HP đều được căn cứ trên tinh thần, thái độ học tập, kết quả học tập. Kết quả ĐG cuối cùng của một HP dựa trên điểm thường xuyên (chiếm trọng số 30%); điểm thi giữa kỳ (chiếm trọng số 20%) và điểm thi kết thúc HP (chiếm trọng số 50%). Hình thức thi, kiểm tra ĐG của từng HP được thống nhất của các GV giảng dạy, BM, Khoa và được ghi vào trong ĐCCT HP [H1.01.01.08], [H1.04.03.05].

Đề ghi nhận kết quả kiểm tra, ĐG mỗi GV khoa LLCT - Luật đều có hồ sơ về ĐG điểm thường xuyên và điểm giữa kỳ của SV và công bố công khai cho SV ngay trên lớp hoặc thông qua website của Nhà trường [H1.05.03.03]. SV không đủ điều kiện dự thi, GV nêu lí do và thông báo trước lớp trước khi kết thúc lịch học mỗi HP.

Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc HP. Phòng Quản lý đào tạo (Đảm bảo chất lượng và Khảo thí) xây dựng kế hoạch thi, Khoa quản lý HP tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và gửi kết quả về Phòng quản lý đào tạo. Sau khi nhập điểm đều có công tác ĐG đề thi và đáp án [H1.05.01.07].

Để đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng, Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị ĐT xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho mỗi HP [H1.05.01.10 - H1.05.03.05]. Trong quá trình biên soạn, thẩm định ngân hàng câu hỏi, GV và hội đồng thẩm định/nghiệm thu luôn chú trọng đến việc xem xét các phương pháp kiểm tra ĐG đã phù hợp, tương thích với phương pháp dạy học và đảm bảo đo lường được các yêu cầu, các mốc chuẩn của từng nội dung cụ thể của HP, bảo đảm độ giá trị của hoạt động kiểm tra ĐG chưa? Phương pháp, tiêu chí kiểm tra ĐG kết quả học tập của SV được phân định rõ ràng các mức độ “đạt”, “không đạt” nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị. Trong mỗi biên bản chấm bài thi đều nêu rõ ràng, cụ thể số lượng SV đạt số điểm theo quy định [H1.05.03.04]. Sau mỗi học kỳ, nhà trường đều tổ chức ĐGCL đề thi HP với các tiêu chí cụ thể về thể thức, cấu trúc đề thi; về độ phù hợp giữa nội dung đề thi và hình thức thi với nội dung HP; về sự tương đương nhau về mức độ khó/dễ giữa các đề thi sử dụng trong cùng buổi thi của HP; về cơ cấu tỷ lệ % giữa nội dung lý thuyết, thực hành, vận dụng liên hệ thực tế trong đề thi đúng quy định của nhà trường (loại A có tỷ lệ thực hành, vận dụng liên hệ thực tế  $\geq 60\%$ , loại B từ 40% đến  $< 60\%$ , loại C  $< 40\%$ ); về khả năng phân loại SV; về việc đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu của HP; về độ chính xác, chi tiết, rõ ràng, thang điểm cụ thể cho từng câu, từng ý của đáp án đề thi... với các mức độ A, B, C [H1.05.01.07]. Đó chính là cơ sở để GV có cái nhìn đầy đủ, chính xác hơn về cách thức, mức độ đo lường các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị), độ tin cậy và tính công bằng và làm cơ sở để tiếp tục rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện công tác dạy học và kiểm tra/ĐG trong các năm học tiếp theo.

Việc ĐG kết quả học tập nhằm ĐG khả năng đạt CDR của SV; mỗi bài thi kết thúc HP (thi tự luận) đều do 2 GV chấm độc lập, lên điểm dưới sự giám sát của giáo vụ khoa và bảng điểm có chữ ký của 2 GV chấm thi, Trưởng BM và giáo vụ khoa [H1.05.03.06]. Hiện nay, Nhà trường và Khoa có các HP được tổ chức thi vấn đáp, thi trắc nghiệm trên máy tính, SV được thông báo kết quả thi ngay sau khi kết thúc bài thi [H1.05.03.07].

Để đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy, Nhà trường còn thành lập Phòng Thanh tra giáo dục; Ban thanh tra giáo dục và có Báo kết kết quả kết quả thanh tra công tác quản



lý SV [H1.05.03.08] nhằm đảm bảo việc ĐG kết quả học tập của SV khách quan, chính xác và công bằng.

Việc triển khai ĐGCL đề thi thông qua phiếu ĐG đề thi theo các tiêu chí: tính đồng đều giữa các đề thi về độ khó dễ, tỷ lệ vận dụng kiến thức trong đề thi, nội dung đề thi phù hợp với mục tiêu, nội dung đã công bố trong ĐCCT HP, việc ĐG kiến thức và kỹ năng của SV, phân loại trình độ SV ... trên cơ sở đó, triển khai kế hoạch chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống ngân hàng câu hỏi thi, đề thi sử dụng cho các khóa tiếp theo, góp phần nâng cao chất lượng ĐT [H1. 05.01.07]. Mỗi học kì nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV trong đó có tiêu chí ĐG về hoạt động kiểm tra, ĐG kết quả học tập của GV. Kết quả phản hồi của SV cho thấy về cơ bản đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và sự phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra ĐG như đã công bố, đồng thời qua đó giúp Nhà trường và Khoa xem xét, cải tiến phương pháp kiểm tra, ĐG đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng [H1.05.03.09].

## **2. Điểm mạnh**

Phương pháp kiểm tra, ĐG đa dạng, đảm bảo sự nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức ĐT, mục tiêu HP, của ngành. Nội dung đề thi có nội dung phong phú, có cả các tình huống thực tiễn và đều được đưa vào ngân hàng câu hỏi thi, đảm bảo phủ đều các mảng kiến thức của HP, hạn chế việc học tủ, học lệch của SV.

## **3. Điểm tồn tại**

Hình thức kiểm tra thực hành chưa được sử dụng trong ĐG một số HP chuyên ngành Cử nhân Luật, cho dù một số HP/một số phần của HP vẫn có thể có hình thức này.

Một số số ít GV chưa chú ý nhiều đến việc ĐG sự chuyên cần, năng lực của SV.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa tiếp tục chỉ đạo để GV rà soát, điều chỉnh các phương pháp, tiêu chí kiểm tra ĐG đảm bảo ĐG đúng kết quả học tập của SV và theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực SV.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 4/7 điểm

**Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để Người học cải thiện việc học tập**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có các quy định về việc phản hồi đánh giá kết quả của SV [H1.05.01.05] được công bố, cập nhật, điều chỉnh thường xuyên để phù hợp với các quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu về hoạt động ĐT tại trường ĐHHĐ [H1.05.04.01]. Trong quy định về ĐT ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC tại Trường ĐHHĐ có ghi: “Điểm thi tự luận phải công bố trong vòng 15 ngày sau ngày thi mỗi HP, riêng HP thi cuối cùng công bố trong vòng 10 ngày” và “việc ĐG bộ phận phải được GV tiến hành rải đều trong cả học kỳ, được quy định trong ĐCCTHP. Chậm nhất

là sau 07 ngày, kể từ khi thu bài kiểm tra, ĐG bộ phận, GV phải trả bài và công bố kết quả ĐG cho SV. Sau ½ thời gian dạy học phần, GV hoàn thiện bảng ghi điểm giữa kỳ và sau 02 ngày kết thúc HP, GV hoàn thiện bảng ghi điểm ĐG quá trình, điều kiện thi HP gửi về khoa (qua trợ lý giáo vụ) để nộp về nhà trường (qua phòng quản lý đào tạo). Điểm thi tự luận phải công bố trong vòng 15 ngày sau ngày thi mỗi HP, riêng HP thi cuối cùng là 10 ngày. Thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Kết quả điểm tổng hợp học kỳ theo lớp ngành phải được in và gửi về khoa ĐT trong vòng 25 ngày sau ngày thi HP cuối cùng” [H1. 05.01.05].

Nhà trường quy định về phản hồi kết quả ĐG được công bố công khai, kịp thời đến GV và SV. Hệ thống các văn bản quy định về hoạt động ĐT, khảo thí mà cụ thể là quy định về việc phản hồi kết quả kiểm tra ĐG SV được công bố công khai, rộng rãi và kịp thời đến các bên liên quan qua hệ thống website của Trường, Khoa, tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, Niên lịch ĐT, [H1.05.04.03- H1.05.02.01 - H1.05.01.09a – H1.05.01.05c- H1. 04.02.03a], hoạt động tiếp xúc đối thoại với SV [H1.05.04.02], cổng thông tin SV. Kết quả học cải thiện các HP của SV cũng như kết quả từng kỳ học trong các năm được cập nhật kịp thời [H1. 05.04.04- H1. 05.04.05]

**Bảng 5.4.1: Thông kê kết quả học cải thiện của SV**

TT	MSV	Họ tên	Lớp	HP học cải thiện		Học kỳ
				Điểm TK trước khi học cải thiện ( Hệ 4)	Điểm TK sau khi học cải thiện ( Hệ 4)	
1	1668010028	Lê Thị Khuyên	ĐH Luật K19	Luật thương mại 1		Kỳ 1 (2017-2018)
				1,4 điểm	3 điểm	
Luật dân sự 2		Kỳ 3 (2019-2020)				
1 điểm	3,5 điểm					
Luật hành chính						
1 điểm	3 điểm					
2	1668010009	Lê Đình Dũng	Luật dân sự 2			
			1,5 điểm	3 điểm		
3	1668010035	Lê Thị Hồng Nhung	Luật so sánh			
			1,5 điểm	3,5 điểm		

## 2. Điểm mạnh

Thông tin phản hồi về kết quả ĐG được sử dụng để cải thiện việc học tập. SV đăng ký học lại hoặc cải thiện điểm: đăng ký học lại nếu có HP bị điểm F hoặc điểm bài thi kết thúc HP từ 2.0 trở xuống. Đăng ký học cải thiện điểm nếu SV có điểm D.

- Các quy định về phản hồi kết quả ĐG SV rõ ràng, cụ thể và được công bố dưới nhiều hình thức để GV và SV dễ tiếp cận.

- Việc phản hồi kết quả học tập đã giúp SV cải thiện kết quả học tập của bản thân.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc chấm thi còn chậm nên việc phản hồi kết quả học tập của một số HP chậm so với quy định của Nhà trường.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ học kỳ I năm học 2021-2022, khoa LLCT - Luật sẽ kiên quyết chỉ đạo các BM và GV đẩy mạnh việc chấm thi và công bố điểm đúng thời hạn, kiên quyết xử lý và đề nghị Nhà trường xử lý tập thể, cá nhân chấm thi và công bố kết quả thi, kiểm tra ĐG chậm thời gian quy định.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

#### **Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường đã ban hành các quy định về hoạt động ĐT Trường ĐHHĐ, trong đó có các nội dung liên quan đến việc công bố, khiếu nại và phúc tra điểm thi [H1.05.05.01], được cụ thể hóa trong Quy trình khiếu nại về kết quả học tập [H1.05.01.05], được công bố công khai trong Niên lịch ĐT [H1.05.04.03], qua hệ thống website [H1.05.05.02]. Tại Điều 27: Khiếu nại điểm và sửa điểm trong Quyết định số 2008/QĐ -ĐHHĐ ngày 06/12/2019 tại Trường ĐHHĐ ghi rõ: “1. Đối với điểm ĐG bộ phận (trừ điểm thi kết thúc HP), SV có thể khiếu nại (bằng văn bản) với khoa (qua giáo vụ khoa), sau khi công bố điểm. Trưởng các khoa chủ trì tổ chức xem xét, giải quyết khiếu nại của SV và có biên bản cụ thể. 2. Khi phát hiện thấy bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng điểm đã công bố và điểm trên website của Nhà trường, GV và SV có quyền đề nghị Phòng quản lý đào tạo kiểm tra lại. SV có thể khiếu nại về điểm thi kết thúc HP hoặc điểm HP bằng văn bản, trong vòng 14 ngày kể từ khi công bố điểm thi. Phòng quản lý đào tạo chủ trì phối hợp với các khoa/BM giải quyết khiếu nại cho SV về điểm thi kết thúc HP và điểm HP, chậm nhất 7 ngày, kể từ ngày tiếp nhận đơn phúc khảo. 3. Nếu có yêu cầu sửa điểm từ giải quyết khiếu nại của SV và đề nghị của GV, khoa, BM tổ chức chấm thi lập và gửi danh sách yêu cầu sửa điểm (theo mẫu) về phòng Quản lý ĐT, ghi rõ lý do, trách nhiệm cá nhân. Sau thời hạn này, mọi yêu cầu đều không được chấp nhận. Hiệu trưởng chỉ ký xác nhận thay đổi điểm (nếu có) sau khi phòng Quản lý đào tạo đã làm rõ nguyên nhân và đủ hồ sơ cần thiết”.

Hàng năm, Qua số theo dõi của Phòng Quản lý đào tạo về việc khiếu nại kết quả học tập của SV, có thể thấy SV ngành Cử nhân Luật trong những năm qua có một số SV khiếu nại và đã được giải quyết kịp thời. Năm 2017- 2018 có 6 SV, năm 2018- 2019 có 1 SV, năm 2019- 2020 không có SV nào khiếu nại. [H1.05.02.07]. Điểm phúc tra sẽ

được công bố trực tiếp trên tài khoản cá nhân của SV trên hệ thống Website của trường. Thông qua việc thống kê SV khiếu nại về kết quả học tập và kết quả điều chỉnh sau khi xem xét đã giúp Nhà trường, Khoa nắm bắt tình hình từ đó có những giải pháp khắc phục.

**Bảng 5.5.1: Số liệu thống kê kết quả phúc khảo của SV qua các năm**

TT	Họ và tên/Mã SV	Số phách	Tên HP	Điểm trước phúc khảo		Điểm sau phúc khảo		Lý do thay đổi điểm (khi có thay đổi điểm)
				Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	
<b>I. Kỳ 2 Năm 2017- 2018</b>								
1	Hà Thị Hồng/ 1568010025	22	Công pháp quốc tế	6.5	Sáu rưỡi	6.5	Sáu rưỡi	Không thay đổi điểm
2	Hà Thị Hồng/ 1568010025	20	Luật thi hành án dân sự	6.0	Sáu tròn	7.0	Bảy tròn	Lên nhằm điểm
3	Đỗ Thị Tố Uyên/ 1568010080	26	Luật đất đai	6.0	Sáu tròn	6.0	Sáu tròn	Không thay đổi điểm
4	Đỗ Thị Tố Uyên/ 1568010080	25	Luật tố tụng dân sự	6.0	Sáu tròn	6.0	Sáu tròn	Không thay đổi điểm
5	Phạm Lan Anh/ 1568010010	51	Luật đất đai	7.5	Bảy rưỡi	8.5	Tám rưỡi	Cộng nhằm điểm bài thi
6	Phạm Lan Anh/ 1568010010	08	Luật thi hành án dân sự	6.5	Sáu rưỡi	7.5	Bảy rưỡi	Lên nhằm điểm
<b>III. Kỳ II. 2018- 2019</b>								
1	Phạm Lan Anh/ 1568010010	36	Thanh tra – Khiếu tố	4.0	Bốn tròn	4.0	Bốn tròn	Không thay đổi điểm

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành quy định và cụ thể hóa thành các quy trình về khiếu nại kết quả học tập rất rõ ràng kèm theo mốc thời gian cụ thể; Hoạt động khiếu nại, phúc tra điểm thi của SV được giải quyết kịp thời, chính xác và thỏa đáng.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số SV vẫn chưa nắm vững quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học, 2021-2022, Khoa chỉ đạo đội ngũ CVHT cần tăng cường hoạt động phổ biến và hướng dẫn cụ thể các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập để SV nắm rõ hơn.

Khoa tiếp tục phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo giải quyết kịp thời, chính xác các đơn khiếu nại, phúc tra điểm thi của SV.

## **5. Tự ĐG: Đạt mức 4/7 điểm**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 5**

Việc kiểm tra ĐG trong CTĐT ngành Cử nhân Luật ở trường ĐHHĐ đã được thực hiện theo quy chế của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của nhà trường. Quá trình kiểm tra ĐG SV trong CTĐT ngành Cử nhân Luật đã thể hiện được tính khách quan, trung thực, công bằng, vừa đáp ứng CDR, vừa khích lệ tinh thần học tập của SV. Qua phần tự ĐG có thể thấy các tiêu chí đều đạt yêu cầu. Song, tất cả các tiêu chí đều còn có những điểm tồn tại, cần khắc phục trong các năm học tiếp theo.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tiêu chuẩn 5 đạt 5/5 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 02 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

#### **Mở đầu**

Khoa LLCT – Luật hiện có 32 CB, GV, trong đó có 31 GV, 1 cán bộ hành chính. Các GV trong Khoa giảng dạy các môn LLCT, pháp luật đại cương cho SV toàn trường, trong đó có 11 GV giảng dạy các HP Luật chuyên ngành cho SV Luật. Tỷ lệ GV có trình độ thạc sĩ trở lên là 31/31 người (đạt 100%); trong đó GV có trình độ Tiến sĩ là 6/31 (đạt 19,4%). Đội ngũ cán bộ, GV trong khoa có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản đáp ứng được yêu cầu ĐT, NCKH và các hoạt động khác của Khoa và của trường ĐHHĐ.

Khoa đã xây dựng môi trường làm việc dân chủ: cán bộ quản lý, GV và SV tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Khoa, của Trường. Tuy nhiên, Khoa chưa có GV là PGS, GS; số GV sử dụng thành thạo ngoại ngữ còn hạn chế; số lượng đề tài NCKH cấp cao còn ít so với tiềm năng.

**Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Chất lượng ĐT của một cơ sở giáo dục không chỉ phụ thuộc vào chương trình mà còn phụ thuộc vào chính đội ngũ cán bộ thực hiện chương trình đó.

**Bảng 6.1. Số lượng GV khoa LLCT – Luật tính đến 31/12/2020**

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số	% có bằng
			Số lượng	TS
Tiến sỹ	2	4	06	19,4
Thạc sỹ	2	23	25	80,6
GV toàn thời gian	4	28	32	100%
GV không toàn thời gian	0	0	0	0

(Nguồn: Phòng TCCB)

Tổng số cán bộ của Khoa hiện tại là 32 người, trong đó, GV cơ hữu là 31 và 01 nhân viên, độ tuổi bình quân của GV trong khoa là 38,3 tuổi; Số GV có trình độ tiến sĩ là 06 người (chiếm 19,4%); Số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh là 05 người (chiếm 16,1%) [H1.06.01.01].

Trên cơ sở định biên được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt và yêu cầu thực tế của từng ngành ĐT, trường ĐHHĐ đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ của trường ĐHHĐ giai đoạn 2010- 2020 và 2020-2030 đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ nhu cầu của cộng đồng [H1.06.01.02a,b]. Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ của Nhà trường, Khoa LLCT - Luật đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa giai đoạn 2010-2020, Chiến lược bổ sung giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn đến năm 2030 và giai đoạn 2020-2030 trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ. Theo đó, trong giai đoạn 2010-2020 Khoa sẽ đề nghị Nhà trường tuyển 4 GV LLCT, 01 cán bộ hành chính khoa và 07 GV chuyên ngành Cử nhân Luật. Phân đầu đến năm 2020 số GV có trình độ tiến sỹ của Khoa đạt trên 20%. Trong giai đoạn 2020-2030 Khoa sẽ đề nghị nhà trường tuyển thêm 4 GV Luật; cử thêm 7 GV chuyên ngành Luật đi học nghiên cứu sinh, phân đầu đến năm 2030 tỷ lệ GV có trình độ tiến sỹ trong khoa đạt 30%, đáp ứng yêu cầu của CTĐT ngành Cử nhân Luật giai đoạn 2020 – 2030 [H1.06.01.02c].

Trên cơ sở thực trạng về đội ngũ cán bộ, GV của khoa, nhu cầu phát triển ngành Luật, Khoa đã đề xuất tuyển dụng GV có chất lượng tốt phục vụ chiến lược phát triển lâu dài của Khoa, được Hiệu trưởng phê duyệt. Tiêu chí tuyển dụng GV giảng dạy cho CTĐT ngành Cử nhân Luật yêu nghề, có sức khỏe, đạo đức tốt; có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ đúng chuyên ngành trở lên; có khả năng NCKH... Đây là căn cứ để đơn vị đề nghị với Nhà trường tiếp nhận, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng.

Khoa LLCT – Luật luôn quan tâm đến xây dựng đội ngũ kế cận có năng lực, trình độ cao, đây là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng ĐT và NCKH. Từ năm 2016 đến nay, Khoa đã tiếp nhận và tuyển dụng 06 GV, trong đó có 01 GV kiêm trợ lý giáo vụ khoa [H1.06.01.01]. Bên cạnh đó, Khoa tổ chức mời các GV có trình độ cao từ các cơ sở ĐT Luật có uy tín về tham gia giảng dạy nhằm đảm bảo đủ về số

lượng, nâng cao chất lượng GV, từ đó nâng cao chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật [Phụ lục 1], [H1.06.01.04].

Định hướng phát triển đội ngũ của khoa LLCT – Luật giai đoạn 2020-2030 là, tiếp tục mời những GV có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao ở các đơn vị khác tham gia giảng dạy song hành với kế hoạch tuyển dụng đội ngũ, kiên quyết chỉ đạo đội ngũ GV thực hiện đúng quy hoạch ĐT phù hợp với chiến lược và yêu cầu phát triển ĐT của trường ĐHHĐ và đề án vị trí việc làm đã được Khoa xây dựng và được Nhà trường phê duyệt [H1.06.01.03].

Năm 2016, Khoa có 03 tiến sĩ, hiện nay có 06 tiến sĩ, 05 GV đang làm nghiên cứu sinh, trong đó có 03 nghiên cứu sinh chuẩn bị bảo vệ luận án [H1.06.01.01].

Công tác bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Khoa được thực hiện theo đúng hướng dẫn, quy định, xây dựng quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý của đơn vị, BM giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2015-2020 (A1), việc quy hoạch được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ, đảm bảo nguyên tắc quy hoạch người có năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn cán bộ bổ nhiệm đến năm 2020 [H1.06.01.05, 06].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu của cán bộ, GV được thực hiện đúng theo quy định. Hằng năm, khoa đề nghị nhà trường gia hạn hợp đồng với GV đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nhà trường và thực hiện chế độ cho cán bộ, GV đủ thời gian nghỉ hưu theo quy định hiện hành [H1.06.01.07], [H1.06.01.08].

Nhìn chung, việc quy hoạch đội ngũ GV, Nghiên cứu viên đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2010-2020 và 2020- 2030 theo từng đơn vị; quy hoạch phát triển đội ngũ phù hợp với thực tiễn của đơn vị và được triển khai đúng tiến độ, được ĐG, điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn; đội ngũ GV, Nghiên cứu viên kịp thời được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao yêu cầu phát triển của xã hội về chất lượng ĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ cán bộ, GV của khoa cơ bản đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Ngoài ra, việc mời một số GV có trình độ chuyên môn cao ở các cơ sở ĐT Luật có uy tín góp phần thực hiện tốt hơn CTĐT ngành Cử nhân Luật.

## **3. Điểm tồn tại**

GV ngành Luật còn thiếu về số lượng, phần lớn GV trẻ đang tham gia ĐT nâng cao trình độ sau ĐH, gây khó khăn nhất định trong việc triển khai kế hoạch dạy học hàng năm. Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ chưa cao (19,4%).

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 - 2022:

- Khoa sẽ đề xuất với Nhà trường tiếp tục tuyển dụng GV đúng chuyên ngành còn thiếu có trình độ cao trong những năm tiếp theo;

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ, kiên quyết hơn nữa trong việc cử cán bộ, GV đi ĐT trên chuẩn theo đúng chuyên ngành đã quy hoạch.

**5. Tự đánh giá:** Đạt yêu cầu, mức 4/7 điểm

**Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng**

**1. Mô tả hiện trạng**

Năm 2017 kết quả ĐG ngoài Nhà trường theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đã được xác định tỷ lệ bình quân số SV trên 1 GV (sau khi quy đổi) là 19,19 SV/GV. Hằng năm, Nhà trường đều công khai thông tin tổng số GV cơ hữu và tổng số SV để xã hội cùng giám sát [H1.06.02.01].

Tổng số cán bộ của khoa hiện tại là 32 người, trong đó, GV cơ hữu là 31 người (11 GV giảng dạy các HP Luật chuyên ngành cho SV Luật) và nhân viên là 01 người, độ tuổi bình quân của cán bộ trong Khoa là 38,3 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ tiến sĩ là 06 người (chiếm 19,4 %); Số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh là 05 người (chiếm 16,1%) [H1.06.01.01] tính đến thời điểm này, tỷ lệ SV/GV là 46,1; thể hiện trong bảng 6.2.

**Bảng 6.2. Tỷ lệ SV/GV qua các năm học**

Năm học	Số lượng GV	Số lượng SV chính quy	Số lượng SV LT, VLVH	Tổng số SV	Tỷ lệ SV/GV
2016-2017	8	103	278	381	47.6
2017-2018	9	131	363	494	54.8
2018-2019	11	176	359	535	48.6
2019-2020	11	124	375	499	45.3
2020-2021	11	104	404	508	46.1

Theo quy định chế độ làm việc đối với GV trường ĐHHĐ: quy đổi khối lượng định mức công việc của đội ngũ GV, Nghiên cứu viên theo giờ chuẩn rất cụ thể, rõ ràng và dễ đo đếm, ĐG; qua đó cũng đã xác định đúng định mức giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, Nghiên cứu viên cần thực hiện trong một năm [H1.06.02.02, 03, 04]. Cụ thể, giờ giảng dạy/năm, giờ NCKH/1 năm, hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác tùy từng chức danh GV được thể hiện tại bảng 6.3 như sau:

**Bảng 6.3. quy định về chế độ làm việc đối với GV**

Định mức giờ chuẩn (ĐV tính: giờ)	Trợ giảng	GV (Hạng III)	GV chính (Hạng II)	GV cao cấp (Hạng I)
Giảng dạy	125	250	270	290
NCKH	97	195	215	235
Hoạt động PVCĐ và các nhiệm vụ chuyên môn khác	364	141	101	61
Tổng	586	586	586	586



GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, với định mức NCKH như trên, mỗi năm GV cần đăng 01 bài đăng trên tạp chí khoa học của trường, viện,... có chỉ số ISSN dưới 1,0 tính = 180 giờ chuẩn; hoặc thực hiện 01 đề tài cấp cơ sở (đề tài cấp cơ sở tính = 250 giờ chuẩn; đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường được tính = 30 giờ chuẩn, ...). Việc quy định thực hiện các hoạt động chuyên môn nhằm đảm bảo ngoài định mức giảng dạy và NCKH GV sẽ tích cực tham gia các hoạt động khác như dự giờ, họp BM, họp khoa, tham gia các hoạt động được điều động từ Trường, từ Khoa, tự học, tự bồi dưỡng, tham gia các hoạt động thực tế, tập huấn, bồi dưỡng [H1.06.02.03].

Hàng năm, trong các Hội nghị cán bộ viên chức lao động đầu năm và hội nghị tổng kết năm học cuối năm, Khoa và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi của CBGV, Nghiên cứu viên, người lao động về mức độ hài lòng đối với quy định khối lượng công việc được giao hàng năm. Tất cả GV, Nghiên cứu viên, người lao động đều hài lòng và mọi thắc mắc về chế độ làm việc đều được lãnh đạo Khoa, Trường giải trình cụ thể. Trong 5 năm qua, GV, Nghiên cứu viên, người lao động trong khoa không có ý kiến khiếu nại gì về chế độ làm việc đã được nhà trường ban hành [H1.06.03.08].

Tháng 5 hàng năm, căn cứ vào định mức của GV theo quy định, căn cứ vào khối lượng công việc thực tế của Khoa đảm nhiệm, các BM và khoa tiến hành xây dựng kế hoạch cho năm học sau (Kế hoạch giảng dạy, NCKH, hội thảo khoa học các cấp, thực tập, rèn nghề, viết tài liệu giáo trình, đề thi, ngân hàng câu hỏi thi...) trình hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt [H1.06.02.04].

GV triển khai thực hiện kế hoạch năm học của cá nhân có sự đôn đốc, giám sát về tiến độ cũng như chất lượng hiệu quả công việc thông qua Trưởng BM và lãnh đạo Khoa, bộ phận quản lý ĐT, quản lý khoa học và công nghệ, đảm bảo chất lượng, thanh tra giáo dục của Nhà trường [H1.06.02.05].

Bên cạnh hoạt động giảng dạy, NCKH, đội ngũ GV, Nghiên cứu viên khoa LLCT – Luật còn tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào tình nguyện phục vụ cộng đồng như: chiến dịch mùa hè xanh, tham gia dạy các chuyên đề các lớp bồi dưỡng nâng hạng, chương trình chung sức cùng cộng đồng tại huyện Bá Thước, Quan Hóa, Thạch Thành, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo... được cộng đồng ĐG cao [H1.06.02.06].

Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự ĐG khối lượng công việc và mức độ hoàn thành, BM ĐG, lãnh đạo Khoa ĐG và trình lên Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp trường bình xét, ĐG xếp loại cuối năm [H1.06.02.07].

Việc thường xuyên ĐG này không chỉ giúp từng GV ĐG năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, nhận thấy những hạn chế của bản thân từ đó đưa ra giải pháp cụ thể để học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, mà còn là cơ sở để các cấp quản lý bao quát tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, từ đó đưa ra kế hoạch ĐT, bồi dưỡng, định hướng chiến lược phát triển đơn vị thích hợp. Kết quả ĐG, xếp loại thi

đưa hàng năm được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo chặt chẽ, chính xác và được đội ngũ cán bộ, GV hài lòng, đồng thuận cao [H1.06.02.07].

## **2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ GV/SV cơ bản đáp ứng quy định hiện hành và khối lượng công việc của đội ngũ GV được xác định và được giám sát bởi BM, Khoa và các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH phục vụ cộng đồng.

Trình độ GV ngày một nâng cao, có năng lực nghề nghiệp vững vàng, đáp ứng nhu cầu triển khai nhiệm vụ của khoa. GV tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, được ĐG cao.

## **3. Điểm tồn tại**

Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ còn thấp (19,4 %).

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2021-2022, khi điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, Nhà trường xem xét cơ chế để nâng cao chất lượng GV, tạo điều kiện cho GV đẩy nhanh tiến độ thực hiện quy hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt yêu cầu, mức 4/7 điểm

**Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Xây dựng đội ngũ GV có trình độ năng lực công tác tốt là một yếu tố vô cùng quan trọng để nâng cao chất lượng ĐT. Bởi vậy, Khoa và Nhà trường luôn đảm bảo tuyển dụng cán bộ, GV có phẩm chất đạo đức tốt và trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu. Trên cơ sở các tiêu chí chung về tuyển GV và đặc thù riêng của ngành Cử nhân Luật, Khoa đã đề xuất để Nhà trường ban hành tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng [H1.06.03.01], [H1.06.03.03].

Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển GV cụ thể, rõ ràng phù hợp với yêu cầu tuyển dụng được đội ngũ GV giỏi, bao gồm các tiêu chí: Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; có bằng tốt nghiệp ĐH loại giỏi ngành Cử nhân Luật hoặc có bằng thạc sĩ trở lên; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp; có lý lịch bản thân rõ ràng,... Tiêu chí tuyển dụng được rà soát, điều chỉnh theo từng giai đoạn, phù hợp với việc nâng cao chất lượng đội ngũ của nhà trường. Việc tuyển dụng được thực hiện bởi hội đồng tuyển dụng do Nhà trường thành lập nhằm đảm bảo khách quan, chính xác [H1.06.03.02].

Trên cơ sở các tiêu chí tuyển dụng đã ban hành, Nhà trường đã tổ chức thông báo nhu cầu tuyển dụng, thành lập Hội đồng xét tuyển hồ sơ và tổ chức thi tuyển đội ngũ GV. Trong giai đoạn 2016-2020, Khoa đã tiếp nhận và tuyển dụng được 05 GV đáp ứng các tiêu chí và yêu cầu đề ra [Phụ lục 2] [H1.06.03.04].

GV tham gia thực hiện CTĐT ngành Cử nhân Luật phải đảm bảo trình độ chuyên môn, phẩm chất năng lực theo các tiêu chí đã xác định. Quá trình tuyển GV được triển khai chặt chẽ thông qua Hội đồng tuyển dụng nhà trường, GV tham gia ứng tuyển phải thực hiện phần thi kiến thức chung, thi giảng và báo cáo khoa học. Sau khi trúng tuyển, nhà trường phân công những GV có kinh nghiệm hướng dẫn thử việc, GV thực hiện việc biên soạn đề cương, bài giảng, BM dự giờ, góp ý và ĐG chuyên môn. Nếu đảm bảo các yêu cầu, BM đề nghị với lãnh đạo Khoa bố trí lịch giảng dạy có sự giúp đỡ của GV được phân công hướng dẫn [H1.06.03.05].

Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm trưởng/phó trưởng khoa, trưởng/phó trưởng BM, trong đó chú trọng đến các yếu tố thuộc về chuyên môn giảng dạy, NCKH [H1.06.03.06,07 ; H1.06.01.01].

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức, quản lý, lãnh đạo trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm lãnh đạo quản lý Khoa căn cứ vào tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo Khoa của Nhà trường giai đoạn 2015-2020 [H1.06.01.05,06].

Toàn thể cán bộ, GV của Khoa đều đồng thuận cao với việc sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý của Khoa thể hiện trong các hội nghị cán bộ viên chức - người lao động hằng năm [H1.06.03.08].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa đã thống nhất xây dựng và tham mưu để nhà trường ban hành tiêu chí tuyển dụng cụ thể, phù hợp với chuyên ngành, góp phần tuyển dụng được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, NCKH.

Tiêu chí tuyển dụng được công bố công khai và giúp các ứng viên dễ dàng tiếp cận, từ đó Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ GV có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong NCKH và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.

## **3. Điểm tồn tại**

Tiêu chí tuyển dụng đội ngũ GV còn khá cao, các chính sách thu hút GV, Nghiên cứu viên có trình độ cao về công tác tại trường còn hạn chế nên việc thu hút GV có trình độ cao về công tác tại khoa còn nhiều khó khăn.

## **4. Kế hoạch hành động**

- Từ năm học 2021-2022, Khoa và Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm đảm bảo cụ thể, chi tiết hơn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh lại cơ chế chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác tại trường; Có các chế tài phù hợp với GV chưa thực hiện tốt quy hoạch ĐT; tham mưu cho Nhà trường tuyển dụng thêm một số GV Luật có trình độ chuyên môn giỏi đáp ứng tốt hơn nhu cầu ĐT Ngành Cử nhân Luật của Khoa.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt yêu cầu, mức 4/7

**Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá**

**1. Mô tả hiện trạng**

Khoa LLCT- Luật, trường ĐHHĐ hiện có 31 GV và 01 cán bộ hành chính (Bảng 6.1); trong đó GV có trình độ tiến sĩ: 06; thạc sĩ: 25 [H1.06.01.01]. GV khoa LLCT – Luật được ĐT chuyên ngành Luật và các chuyên ngành LLCT. Trên cơ sở chuyên môn được ĐT và kế hoạch dạy học hằng năm, các BM đã phân công các HP giảng dạy theo đúng chuyên môn được ĐT và năng lực sở trường của cá nhân [H1.06.02.04].

Cơ cấu chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV trong khoa đủ đáp ứng theo yêu cầu của giảng dạy đại học. Đội ngũ cán bộ, GV của Khoa không ngừng tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của SV và xã hội. Bên cạnh đó, số lượng GV có trình độ ngoại ngữ và tin học ngày càng cao, đủ đáp ứng yêu cầu khai thác thông tin, cập nhật những kiến thức mới đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực NCKH. Đội ngũ cán bộ, GV chủ động tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, nhằm giúp SV chủ động lĩnh hội và chiếm lĩnh tri thức. Trên cơ sở kế hoạch dạy học được phân công, GV đã chủ động đăng ký và triển khai các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với nội dung từng tiết học [H1.06.04.01].

Căn cứ vào kế hoạch dạy học và bản đăng ký đổi mới phương pháp dạy học của GV, BM và Khoa tăng cường các hoạt động dự giờ, thăm lớp để giám sát, ĐGCL giảng dạy của GV, làm cơ sở ĐG, xếp loại và bình xét thi đua cuối năm đối với từng cá nhân [H1.06.04.02].

Hàng tuần, trợ lý giáo vụ khoa kiểm tra sổ đầu bài để thống kê, tổng hợp số tiết học dùng phương pháp dạy học tích cực của từng HP và cá nhân từng GV; hàng tháng, LD khoa sẽ trực tiếp kiểm tra và xác nhận vào sổ đầu bài của mỗi lớp để tăng cường hiệu quả quản lý [H1.06.04.03]. Bên cạnh đó, hoạt động NCKH được đội ngũ GV của khoa quan tâm đầu tư, trong giai đoạn 2016-2021 Khoa có 02 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu, 02 đề tài cấp Bộ đang thực hiện; 09 đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu và 02 đề tài cấp cơ sở đang thực hiện; có 139 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành; hướng dẫn 06 nhóm SV NCKH và đạt giải cấp Khoa, cấp Trường; tổ chức 10 hội thảo cấp Khoa, Trường với số lượng 153 bài tham luận đạt kết quả tốt; xuất bản 01 giáo trình Pháp luật đại cương năm 2016, 01 sách chuyên khảo năm 2019 [H1.06.04.04].

Để ĐG năng lực dạy học của đội ngũ GV, ngay từ năm 2008, Nhà trường đã ban hành quy định tạm thời tiêu chí ĐG hoạt động giảng dạy của GV theo Quyết định 1080/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/10/2008, và quy định lấy ý kiến SV về chất lượng giảng dạy của GV ban hành kèm theo Quyết định QĐ Số 1200/QĐ-ĐHHĐ ngày 02/8/2019 và Quy trình Lấy ý kiến SV ban hành kèm theo Quyết định 591/QĐ-ĐHHĐ ngày 01/6/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ [H1.06.04.05]. Trước khi kết thúc HP, Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí tham mưu kế hoạch lấy phiếu khảo sát SV về

hoạt động giảng dạy của GV theo đúng quy trình đã ban hành; việc xử lý các thông tin thu được bằng phần mềm chuyên dụng và được phân tích, ĐG và phản hồi kết quả đến đơn vị, cá nhân GV để kịp thời điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H1.06.04.06].

Kết quả ĐG trong những năm vừa qua cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của SV. Điểm ĐG, phản hồi của SV đều đạt > 95%. SV ĐG cao hoạt động giảng dạy trên lớp cũng như nội dung các bài dạy của GV. Kết quả lấy ý kiến SV về chất lượng hoạt động giảng dạy cho thấy SV hài lòng với hoạt động giảng dạy của GV khoa LLCT – Luật ngày càng tăng. Kết quả ĐGCL hoạt động giảng dạy của GV được lưu giữ tại Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí, Trưởng khoa và cá nhân từng GV làm cơ sở để GV tiến hành đối sánh, cải tiến, điều chỉnh nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy [H1.06.04.06].

Việc ĐG năng lực của GV được thực hiện theo đúng quy định về ĐG, xếp loại cán bộ của trường ĐHHĐ công bằng, khách quan; ĐG lần lượt theo từng nội dung công việc (Hoạt động giảng dạy, NCKH, ĐG của đồng nghiệp dự giờ thao giảng, ĐG của SV). Căn cứ vào hướng dẫn ĐG cán bộ viên chức hàng năm [H1.06.04.07], [H1.06.04.08], cá nhân tự ĐG xếp loại, BM/tổ công tác ĐG xếp loại, khoa họp hội đồng bình xét, xếp loại, trình Hội đồng nhà trường xem xét kết quả, thành tích đóng góp của viên chức để xếp loại vào các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ/hoàn thành tốt nhiệm vụ/hoàn thành nhiệm vụ/không hoàn thành nhiệm vụ [H1.06.04.09].

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện ĐG năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

## ***2. Điểm mạnh***

Nhà trường đã ban hành tiêu chí xác định năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, được công bố công khai và thống nhất dùng chung trong toàn trường.

Các hoạt động ĐG năng lực GV được quy trình hóa và được thực hiện đảm bảo nghiêm túc, thông tin thu được đảm bảo chính xác.

Kết quả ĐG năng lực hoạt động của đội ngũ GV được lưu trữ hằng năm và đối sánh giữa các năm giúp GV phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao năng lực SV đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

## ***3. Điểm tồn tại***

Trình độ tin học, ngoại ngữ chưa thực sự đồng đều trong đội ngũ GV ở các BM.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm 2021, GV trong khoa thực hiện tốt quy hoạch học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tin học và ngoại ngữ; Khoa đề nghị nhà trường tuyển dụng GV có trình độ cao, cho GV đi học sau ĐH để nâng cao trình độ chuyên môn.

**5. Tự ĐG:** Đạt yêu cầu, mức 4/7 điểm

**Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó**

**1. Mô tả hiện trạng**

Thực hiện Kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ đã được Nhà trường ban hành trong kế hoạch chiến lược của trường ĐHHĐ giai đoạn 2010-2020 và điều chỉnh, bổ sung trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030, Chiến lược của trường ĐHHĐ năm 2020-2030 [H1.06.01.02], chi bộ Khoa đã ban hành Nghị quyết và phương hướng nhiệm vụ cả nhiệm kỳ của Chi bộ và chỉ đạo Ban chủ nhiệm khoa xây dựng Kế hoạch ĐT trung hạn về nhằm đáp ứng yêu cầu về phát triển đội ngũ của CTĐT [H1.06.05.01]. Căn cứ nhu cầu ĐT, bồi dưỡng của CBGV thông qua báo cáo ĐG hàng năm yêu cầu về đội ngũ của CTĐT và Kế hoạch trung hạn về phát triển đội ngũ, Khoa đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn về nhu cầu ĐT, bồi dưỡng tới từng cá nhân GV theo từng năm học và được rà soát, ĐG điều chỉnh theo từng giai đoạn [H1.06.05.02].

Công tác ĐT, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn bám sát quy định về phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn của nhà trường cũng như của Bộ GD&ĐT về số lượng, trình độ và chất lượng. Hàng năm, khoa yêu cầu CBGV tham gia các khóa ĐT, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia học tập các lớp ngắn hạn, dài hạn, nâng cao trình độ theo quy định. Từ năm 2016 đến năm 2021, có 10/10 GV của CTĐT ngành Cử nhân Luật tham gia học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giảng dạy ĐH; bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV hạng 2,3; chứng chỉ quốc phòng an ninh cho đối tượng 4; chứng chỉ tin học theo thông tư 03 của Bộ thông tin truyền thông [H1.06.05.03]. Tất cả các GV được cử tham gia các hoạt động ĐT, bồi dưỡng đều có ý kiến phản hồi tốt về tính hiệu quả của các khóa ĐT chuyên môn, nghiệp vụ, và cho rằng các hoạt động này thực sự cần thiết và phù hợp đối với việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ tốt CTĐT ngành Cử nhân Luật.

Đội ngũ GV của CTĐT luôn có nhu cầu được ĐT và phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ [H1.06.05.03]. Kế hoạch ĐT và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, Nghiên cứu viên dựa trên yêu cầu của CTĐT đồng thời bám sát mục tiêu và sứ mạng, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường và của Khoa. Do vậy, trong thời gian qua, hoạt động ĐT, bồi dưỡng đã được Nhà trường triển khai, hỗ trợ kinh phí, đã thu hút đông đảo đội ngũ GV của Khoa tham gia [H1.06.05.04].

Ngoài việc tham gia các khóa, lớp ĐT, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, GV của Khoa còn tích cực dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước, các buổi sinh hoạt chuyên HP thuật cấp BM, đọc sách tại Thư viện Quốc gia Hà Nội; tập huấn chuyên môn hè hàng năm. Đặc biệt, năm 2018, có 02 GV tham gia tập huấn kiến thức về “Quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân” cấp Quốc gia, tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; tham gia Hội thảo về “Vấn đề Xây dựng chính quyền địa phương” do ĐH Luật tổ chức tại Quy Nhơn năm 2020. Số kinh phí mà nhà trường đã chi cho các nội

dung trên từ năm 2016 – 2020 là 596.700.000 đồng (trong đó, ĐT ngắn hạn là 288.000.000; dài hạn là 308.700.000) [Phụ lục 3],[H1.06.05.04, 05].

### **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch học tập, bồi dưỡng CBGV của khoa được xây dựng trên cơ sở yêu cầu của CTĐT ngành Cử nhân Luật, đề xuất của từng cá nhân GV và phù hợp với quy hoạch phát triển đội ngũ của Nhà trường.

Nhu cầu ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ (cả trong và ngoài nước), các khóa ĐT ngắn hạn, tham gia hội thảo, viết bài tạp chí (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí ĐT và tham gia hội thảo, bài đăng tạp chí...). Các hoạt động triển khai các khóa ĐT, tập huấn cho GV đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

### **3. Điểm tồn tại**

Một số ít GV trẻ trong quy hoạch đi học nghiên cứu sinh vì nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan chưa thực hiện theo đúng kế hoạch đã đăng kí với nhà trường và được nhà trường phê duyệt.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV trong độ tuổi nói chung và ở BM Luật nói riêng nhằm đáp ứng mục tiêu và sứ mạng, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và của Khoa giai đoạn 2020 - 2030.

Khuyến khích GV có trình độ tiến sĩ chuẩn bị đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia xét đạt chuẩn chức danh Phó giáo sư; thường xuyên kiểm tra, động viên, đôn đốc GV thực hiện đúng tiến độ kế hoạch học tập, bồi dưỡng đã đăng ký với Nhà trường và đề nghị Nhà trường cần có chế tài mạnh hơn với cá nhân không thực hiện đúng tiến độ quy hoạch ĐT, bồi dưỡng.

### **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm**

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường ĐHHĐ có quy định cụ thể về chế độ làm việc của cán bộ, GV ban hành kèm theo Quyết định 926/QĐ-ĐHHĐ ngày 27/5/2019; trong đó có các nội dung về định mức khối lượng công tác cán bộ về giảng dạy, NCKH bắt buộc phải thực hiện trong năm (đối với GV cao cấp, GV chính, GV, trợ giảng) [H1.06.06.01] [H1.06.02.02]

Cuối mỗi năm học, trên cơ sở khối lượng công việc trong năm tới, Khoa tổ chức phân công các HP giảng dạy phù hợp với chuyên môn cho từng BM; BM họp và hướng dẫn từng GV, Nghiên cứu viên đăng ký, xây dựng kế hoạch nhiệm vụ cá nhân, tổng hợp và trình lãnh đạo khoa duyệt trước khi Nhà trường ban hành [H1.06.06.01],[H1.06.02.02]. Đầu năm học (tháng 8 hàng năm), khoa LLCT – Luật và Nhà trường đã triển khai việc giao định mức các hoạt động giảng dạy, học tập kèm theo kinh phí theo từng nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị. Trên cơ sở đó, lãnh đạo BM căn cứ

vào năng lực chuyên môn, sở trường của mỗi GV để phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định của nhà trường. GV còn phải hoàn thành các khối lượng công việc cụ thể như: biên soạn và chỉnh sửa ĐCCTHP, ngân hàng câu hỏi thi, soạn bài giảng, viết bài báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội thảo, seminar, nghiên cứu đề tài NCKH các cấp... [H1.06.06.01], [H1.06.02.02]

Tổ chức ĐG khối lượng thực hiện của GV theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật, xếp loại, thi đua của Nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị đều được thực hiện nghiêm túc và công khai [H1.06.06.02]. Kết quả ĐG, xếp loại và thi đua khen thưởng hàng năm được thực hiện từ BM, Khoa và sau cùng là hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường trên cơ sở báo cáo tự ĐG, nhận xét của cá nhân GV, Nghiên cứu viên. Từ năm học 2016- 2017 đến nay, có trên 98% CBGV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong đó, có 13 GV được nhà trường khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực hoạt động như: NCKH, quản lý học sinh sinh viên, công tác công đoàn, đoàn thanh niên, phong trào tình nguyện hè [H1.06.06.03][H1.06.02.06]

Việc theo dõi, ĐG hiệu quả, tiến độ triển khai khối lượng công tác của GV được thực hiện nghiêm túc trên cơ sở kế hoạch khối lượng được giao đầu năm với bảng kê khai khối lượng công tác năm học của từng cá nhân, Trưởng BM và lãnh đạo khoa, bộ phận quản lý ĐT, quản lý khoa học và công nghệ, khảo thí, thanh tra giáo dục của Nhà trường [H1.06.06.04], [H1.06.06.05] tổ chức thẩm định, ĐG, công nhận kết quả thực hiện.

Dựa trên cơ sở các tiêu chí ĐG, bình xét, thi đua khen thưởng được Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường ban hành, Khoa đã tổ chức cho các cá nhân tự ĐG, tổ chuyên môn, BM họp bình xét và thống nhất đề nghị Hội đồng thi đua khen thưởng của Khoa, Nhà trường bình xét và công nhận kết quả bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho từng cá nhân dựa trên báo cáo tự ĐG và cơ sở dữ liệu về hoạt động ĐT, hoạt động NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng được lưu trong cơ sở dữ liệu của Nhà trường [H1.06.02.07].

Các danh hiệu thi đua được bình xét vào cuối năm học (đối với thi đua của Đảng được thực hiện vào cuối năm dương lịch). Sự công nhận kết quả và khen thưởng, bình xét lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp hàng năm đối với GV luôn được triển khai kịp thời, công khai, đúng quy định và được GV hài lòng về kết quả ĐG. Đó chính là động lực cho đội ngũ GV tích cực hơn trong công tác. Đặc biệt, những GV có thành tích xuất sắc và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2 năm liên tục được nhà trường xem xét nâng bậc lương trước hạn [H1.06.06.06].

Hàng năm, trong các hội nghị cán bộ, viên chức - lao động cũng như hội nghị tổng kết cuối năm, Nhà trường và Khoa LLCT – Luật đều nhận được ý kiến đồng tình của GV về việc xác nhận khối lượng công tác GV và công tác thi đua, khen thưởng đã đang áp dụng trong Nhà trường, không có khiếu tố, khiếu nại [H1.06.03.08].

## **2. Điểm mạnh**



Việc quản lý, xác nhận kết quả khối lượng công tác, kết quả bình xét thi đua khen thưởng, tiêu chuẩn được tăng lương trước thời hạn đối với đội ngũ GV luôn được thực hiện có kế hoạch, công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo, đặc biệt quan tâm phát hiện nhân tố mới, tăng cường khen thưởng đột xuất. Khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa.

Việc khen thưởng hàng năm đã tạo động lực cho GV trong công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của BM, Khoa và Nhà trường.

### **3. Điểm tồn tại**

Một số GV trẻ chưa thực sự quan tâm phấn đấu các danh hiệu thi đua hàng năm.

### **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục phát huy những ưu điểm phù hợp, tích cực trong việc tổ chức ĐG kết quả công việc của GV, Nghiên cứu viên để tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa và Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch, giám sát để tạo điều kiện tốt nhất có thể cho đội ngũ GV trẻ đăng ký và nỗ lực phấn đấu đạt được các danh hiệu thi đua, nhằm tạo động lực cho GV không ngừng tận hiến cho sự nghiệp ĐT Khoa và Nhà trường.

### **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm**

***Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường được thực hiện theo QĐ số 577/QĐ-ĐHHD trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT được Hiệu trưởng ban hành và công bố công khai tới các đơn vị (Văn bản); Hộp thư điện tử của Đơn vị/ Trưởng đơn vị; trên website của nhà trường. Theo đó, hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm các nội dung sau: xây dựng định hướng phát triển khoa học và công nghệ cho từng giai đoạn 5 năm, hằng năm; tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án...; tham gia các hội đồng tư vấn, nghiệm thu chương trình, đề tài, dự án...; xuất bản ấn phẩm khoa học, thông tin khoa học...; tổ chức hội nghị hội nghị, hội thảo khoa học các cấp; tổ chức hướng dẫn SV, học viên tham gia NCKH; ứng dụng, chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ...; hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...; tiến hành các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về khoa học và công nghệ ... tham gia các cuộc thi sáng tạo khoa học - kỹ thuật; xây dựng và phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Nhà trường; triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ khác [H1.06.07.01].

Để đáp ứng yêu cầu về nâng cao chất lượng ĐT, NCKH trở thành nhiệm vụ quan trọng của GV. Theo quy định về chế độ làm việc đối với GV, hằng năm GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian trong năm để thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho GV và đơn vị theo định mức, cuối năm phải hoàn thành các nhiệm vụ quy định là 190 giờ (chủ trì/tham gia thực hiện đề tài các cấp; chuyển giao kết quả

NCKH; công bố kết quả trên tạp chí chuyên ngành; hướng dẫn SV NCKH; đề xuất, chủ trì/tham gia các hoạt động về hợp tác quốc tế trong khoa học và công nghệ; đề xuất hoặc thực hiện ý tưởng sáng tạo và các hoạt động khoa học và công nghệ) [H1.06.07.01].

Ngay sau khi Hội đồng đã thẩm định hợp ĐG, góp ý, Hiệu trưởng ký thông báo nhiệm vụ NCKH của mỗi cá nhân để tiếp tục triển khai, thực hiện [H1.06.06.05]. Khi xây dựng và ban hành các quy định này, cán bộ, GV của Nhà trường đều có ý kiến tham gia đầy đủ. Công tác quản lý đề tài cấp cơ sở, Nhà trường đã ban hành quy định rất rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn của chủ nhiệm đề tài, quy trình, mẫu biểu thẩm định và nghiệm thu đề tài, quy định về kiểm tra tiến độ thực hiện... Đề tài xếp loại xuất sắc được áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống sẽ được Hiệu trưởng xem xét khen thưởng, ngược lại đề tài không thực hiện đúng tiến độ thì thu hồi kinh phí và xử phạt theo quy định [H1.06.07.02], [H1.06.07.04].

Nhà trường và Khoa LLCT – Luật luôn quan tâm, tạo điều kiện để GV tham gia hướng dẫn SV NCKH, các đề tài NCKH của SV được ĐG xuất sắc hoặc triển khai ứng dụng, giảng viên hướng dẫn được xem xét khen thưởng [H1.06.07.03], [H1.06.07.04].

Trong 5 năm gần đây, Khoa LLCT – Luật có 02 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu, 02 đề tài cấp Bộ đang thực hiện; 09 đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu và 02 đề tài cấp cơ sở đang thực hiện; có 139 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành; hướng dẫn 06 nhóm SV NCKH và đạt giải cấp Khoa, cấp Trường; tổ chức 10 hội thảo cấp Khoa, Trường với số lượng 153 bài tham luận đạt kết quả tốt; xuất bản 01 giáo trình Pháp luật đại cương năm 2016, 01 sách chuyên khảo năm 2019 [H1.06.07.05][H1.06.06.04]. Số liệu các công trình NCKH cụ thể do CBGV khoa LLCT – Luật thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 được tổng hợp qua Bảng 6.7. sau:

**Bảng 6.7: Bảng thống kê các công trình NCKH do CBGV khoa đảm nhận trong 5 năm gần đây (2016-2020)**

Hạng mục công trình	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	Tổng
Đề tài, dự án cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
Đề tài, dự án cấp Bộ, Tỉnh	0	0	1	0	1	2
Đề tài, dự án cấp cơ sở	4	2	2	1	0	9
Đề tài SV NCKH	0	1	3	0	2	6
Hội thảo khoa học	5	2	1	1	1	10
Bài báo khoa học	31	29	30	30	19	139
Bài đăng trên kỷ yếu hội thảo	79	24	15	16	19	153
Tài liệu, giáo trình	01	0	0	01		02

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học của khoa LLCT – Luật)

Qua bảng 6.7 cho thấy, số lượng các công trình NCKH của cán bộ, GV trong khoa ngày càng tăng lên. Bên cạnh đó, nội dung các bài báo tập trung vào chủ đề giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống cho SV, đổi mới phương pháp dạy học theo xu hướng

phát huy năng lực SV,.. Không chỉ tăng lên về mặt số lượng mà chất lượng, cấp độ và hàm lượng khoa học trong các đề tài, hội thảo, bài báo ngày càng cao. Số lượng, chất lượng hoạt động nghiên cứu của GV trong Nhà trường nói chung và Khoa LLCT – Luật nói riêng đều được giám sát chặt chẽ, xác định chính xác khối lượng quy đổi và có điều chỉnh kịp thời [H1.06.07.06].

### **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ GV được ĐT chính quy, có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Khối lượng giờ khoa học được xác lập, quy đổi đúng quy định, quá trình thực hiện được giám sát chặt chẽ có thưởng/phạt nghiêm minh.

### **3. Điểm tồn tại**

Số lượng đề tài NCKH cấp cao còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với năng lực NCKH của đội ngũ GV. Số lượng GV có trình độ tiến sĩ còn hạn chế nên chưa đủ lực để thành lập các nhóm nghiên cứu để đề xuất được các đề tài cấp cao.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa tiếp tục đa dạng hóa các hoạt động khoa học và công nghệ; Giao nhiệm vụ cho các GV có trình độ Tiến sĩ đăng ký thực hiện các đề tài NCKH cấp Tỉnh, cấp Bộ. Thành lập các nhóm nghiên cứu để đăng ký những đề tài NCKH cấp cao, chú trọng tổ chức các cuộc Hội thảo khoa học cấp Trường, Liên trường, Tỉnh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt yêu cầu, mức điểm 4/7 điểm

### **Kết luận về tiêu chuẩn 6**

Trên cơ sở nhu cầu ĐT bồi dưỡng của cá nhân GV, yêu cầu về phát triển CTĐT đáp ứng yêu cầu xã hội, Nhà trường đã ban hành kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ cán bộ, GV, trên cơ sở đó các đơn vị đã xây dựng kế hoạch trung hạn, kế hoạch ngắn hạn phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu của từng cá nhân, công tác quy hoạch được triển khai đảm bảo hiệu quả cao. Nhà trường đã ban hành tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm rõ ràng, cụ thể, đặc biệt là năng lực thực hiện nhiệm vụ của GV, được công khai dưới nhiều hình thức, đã tuyển dụng và bổ nhiệm được đội ngũ GV có đầy đủ năng lực và trình độ thực hiện CTĐT ngành Cử nhân Luật. Đồng thời nhà trường đã ban hành các quy định về định mức lao động, quy định về các loại hình NCKH làm cơ sở để GV xác định nhiệm vụ hoạt động, phấn đấu thực hiện đạt và vượt định mức lao động theo yêu cầu từng vị trí việc làm trong năm. Các hoạt động giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng được giám sát, ĐG và đối sánh để cải tiến và nâng cao chất lượng các hoạt động đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Đội ngũ GV tham gia ĐT chương trình ngành Cử nhân Luật cơ bản đáp ứng tốt được yêu cầu về năng lực chuyên môn và NCKH; CBGV của Khoa được tuyển dụng công khai, minh bạch trên cổng thông tin theo đúng quy trình tuyển dụng của Nhà trường. Khoa và Nhà trường khuyến khích, động viên cán bộ, GV tham gia đầy đủ và có chất lượng các hoạt động khoa học và công nghệ, góp phần nâng cao trình độ, khả năng nghiên cứu độc lập của GV.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tiêu chuẩn 6 đạt 7/7 tiêu chí ,

trong đó có 02 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm và 05 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

### ***Mở đầu***

Đội ngũ nhân viên của khoa LLCT-Luật nói riêng và của trường ĐHHĐ nói chung được quy hoạch tuyển dụng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn có tinh thần phục vụ cao và sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công, tham gia các khóa ĐT bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn do các đơn vị trong và ngoài nhà trường tổ chức.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ, theo đề xuất kiến nghị từ các đơn vị, nhà trường đã ĐG, phân tích và dự báo về nhu cầu phát triển đội ngũ nhân viên phục vụ qua đề án vị trí việc làm, để tuyển dụng, bổ nhiệm, ĐT, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng yêu cầu phát triển nhà trường qua từng giai đoạn, từng năm học [H1.06.01.01], [H1.06.01.02].

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa cơ bản đáp ứng yêu cầu cho việc hỗ trợ hoạt động ĐT của CTĐT ngành Cử nhân Luật, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong giai đoạn 2016-2021, khoa có 01 cán bộ hành chính và 06 GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: 01 cán bộ trợ lý khoa học và nghiệp vụ; 01 cán bộ trợ lý công tác HS-SV; 02 cố vấn học tập phụ trách các khóa, lớp ĐH; 01 cán bộ trợ lý Văn - Thể - Mỹ; 01 cán bộ trợ lý giáo vụ; 01 cán bộ kiểm soát tài liệu ISO của Khoa [H1.07.01.01]. Các cán bộ phục vụ đều có trình độ từ ĐH trở lên, được ĐT, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ như: tin học, công tác văn thư, lưu trữ, nghiệp vụ kiểm soát tài liệu... Đội ngũ cán bộ phục vụ của khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước. Riêng GV kiêm nhiệm làm trợ lý của khoa có trình độ Thạc sĩ trở lên, có nhiều năm kinh nghiệm, có hiểu biết khá sâu sắc về CTĐT, là cầu nối giúp lãnh đạo khoa, hỗ trợ SV thực hiện CTĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H1.07.01.01].

Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa, các GV Khoa LLCT - Luật và SV còn được hỗ trợ về hệ thống tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Trung tâm Thông tin thư viện. Đội ngũ nhân viên TTTT-TV trường hiện có 22 người với trình độ từ ĐH trở lên, và đội ngũ nhân viên kỹ thuật CNTT, chuyên viên, nhân viên các phòng, ban chức năng có đầy đủ trình độ, năng lực công tác và hiểu biết xã hội để hỗ trợ SV một cách hiệu quả nhất [H1.07.01.02].

Đội ngũ nhân viên thư viện của trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Số lượng cán bộ thư viện gồm 22 người (TS: 01; ThS: 04; ĐH: 17), được tổ chức trong 3 bộ phận: bộ phận Nghiệp vụ, bộ phận phục vụ bạn đọc, bộ phận quản lý và khai thác Thư viện điện tử [H1.07.01.03]. Nhân viên 3 bộ phận này tích cực hỗ trợ

cho SV trong quá trình học tập, nghiên cứu, khai thác tài liệu nhằm đáp ứng tốt CTĐT ngành Cử nhân Luật.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV và đội ngũ CBGV về chất lượng và thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên, các ý kiến đều thống nhất cao về đội ngũ kỹ thuật viên có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ, tuy nhiên cần phản ứng nhanh hơn khi có yêu cầu hỗ trợ và đáp ứng tốt nhu cầu của người đọc [H1.07.01.05].

Nhà trường, Khoa chú trọng việc ĐT bồi dưỡng chuyên môn nhân viên thông qua kế hoạch ĐT bồi dưỡng và hỗ trợ kinh phí học tập, bồi dưỡng cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên. Hằng năm, nhà trường gửi các kỹ thuật viên, nhân viên đi bồi dưỡng nghiệp vụ, cách thức quản lý, sử dụng các trang thiết bị, thư viện điện tử ở một số trường trong và ngoài nước trên cơ sở các đề nghị từ cá nhân, đơn vị trực thuộc. Từ năm 2016 đến năm 2020 có 145 lượt kỹ thuật viên, nhân viên được ĐT về chuyên môn nghiệp vụ [H1.06.05.04]. Nhà trường hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên theo quy chế chi tiêu nội bộ [H1.07.01.04].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ nhân viên của Khoa, Trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với vị trí việc làm; được quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để tham gia các chương trình, dự án, các lớp ĐT bồi dưỡng ngắn hạn hoặc tập huấn nghiệp vụ, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu phục vụ dạy học, NCKH và được SV tín nhiệm, ĐG cao.

Đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin và Trung tâm thông tin - thư viện hỗ trợ SV có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu CTĐT và được SV ĐG cao. Cán bộ hỗ trợ chung của Khoa có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giải đáp mọi thắc mắc của SV liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp SV có thành tích học tập tốt hơn.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác giáo vụ do GV của Khoa kiêm nhiệm, do đó khối lượng công việc nhiều, đôi khi bị chồng chéo nên đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

## **4. Kế hoạch hành động**

Khoa và Nhà trường tiếp tục phát huy tối đa chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Năm học 2021-2022, Khoa tham mưu Phòng Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với tình hình thực tiễn nhu cầu ĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng hiện nay của Khoa và Nhà trường. Đồng thời tuyển dụng hoặc điều chuyển cán bộ chuyên trách công tác giáo vụ cho Khoa.

## **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm**

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

***1. Mô tả hiện trạng***

Việc tuyển dụng và tiêu chuẩn lựa chọn đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Cử nhân Luật đều phải đạt được các yêu cầu cơ bản theo quy định của Nhà nước. Trường ĐHHĐ đã xây dựng và ban hành văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên kèm theo các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn. Trước khi ban hành văn bản “quy định về tuyển dụng, học việc, thử việc và mẫu hồ sơ thử việc đối với lao động hợp đồng trong trường ĐHHĐ”, Nhà trường đã yêu cầu các khoa tổ chức họp lấy ý kiến các bên liên quan góp ý phản hồi lại để bộ tiêu chí sát với yêu cầu thực tiễn hơn. quy định về tuyển dụng, học việc, thử việc... ban hành kèm theo Quyết định 823/QĐ-ĐHHĐ ngày 21/8/2009 được công bố công khai cả trên cổng thông tin điện tử của nhà trường để mọi cá nhân, tổ chức có liên quan đều biết và thực hiện [H1.07.02.01, 02].

Để làm rõ hơn nhiệm vụ, chức trách của từng vị trí công việc, tháng 9/2018 Nhà trường đã xây dựng và ban hành đề án xác định vị trí việc làm, cụ thể hóa tiêu chuẩn, nhiệm vụ gắn với từng vị trí việc làm trong đó có các vị trí nhân viên phục vụ hiện đang chờ UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt. Đề án đã nêu rõ tiêu chuẩn đối với nhân viên ở từng vị trí công việc đảm nhận cụ thể, tiêu chí tuyển dụng và những công việc phải thực hiện, làm cơ sở để bổ nhiệm, phân công và ĐG hiệu quả hoạt động của từng vị trí công việc trong năm [H1.07.02.05].

Trường ĐHHĐ đã xây dựng tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, bên cạnh đó còn có các tiêu chí về ngoại ngữ, tin học và hiểu biết về công việc chuyên môn tham gia dự tuyển. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H1.06.03.03]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai [H1.07.02.03]. Tiêu chí tuyển dụng ngoài trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ, tin học còn bài hỏi đáp hiểu biết về công việc chuyên môn.

Trong thời gian vừa qua, khoa thực hiện tiếp nhận 01 GV kiêm trợ lý giáo vụ hỗ trợ về khoa trên cơ sở kết quả tuyển dụng đã được hội đồng tuyển dụng Nhà trường ĐG và tuyển chọn. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong thời gian vừa qua, cụ thể là kết quả ĐG xếp loại cán bộ VC trong các năm học 2017-2018, 2018 – 2019 và 2019 - 2020 cho thấy đội ngũ nhân viên của Khoa đã hoàn tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt hơn yêu cầu về nhân lực và hoạt động hỗ trợ SV [H1.06.02.07].

Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm ngạch chuyên viên (chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp)

[H1.06.03.06, 07], [H1.07.02.04]. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm được công khai đến các đơn vị trong toàn Trường.

## **2. Điểm mạnh**

Khoa đã tuyển dụng đội ngũ nhân viên đáp ứng chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển rõ ràng, minh bạch và được Nhà trường công khai đầy đủ trên hệ thống website, được phổ biến đến toàn thể cán bộ, viên chức - lao động trong Trường và được công khai quá các phương tiện thông tin (đài, báo của Tỉnh) vào các đợt tuyển dụng.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa vẫn chưa có giáo vụ chuyên trách. Việc GV vẫn kiêm trợ lý giáo vụ như hiện nay gây khó khăn nhất định trong việc triển khai kế hoạch dạy học ngành Cử nhân Luật.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2021 - 2022, đề nghị với hiệu trưởng Nhà trường qua Phòng Tổ chức cán bộ tuyển dụng hoặc điều chuyển cán bộ chuyên trách công tác giáo vụ cho Khoa.

## **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu, mức 4/7 điểm**

### **Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Hiện nay, đội ngũ nhân viên của khoa LLCT – Luật có 01 cán bộ hành chính có trình độ đại học và 06 GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ có trình độ thạc sỹ trở lên có đầy đủ các chứng chỉ, kỹ năng như tin học, tiếng Anh, công tác văn thư, lưu trữ... [H1.07.01.01].

Để đạt được hiệu quả cao trong công việc, các cán bộ hỗ trợ đều được tập huấn và đào tạo đầy đủ hàng năm theo đúng công việc mà mình phụ trách thực hiện theo công văn tập huấn cán bộ - nhân viên hằng năm [H1.07.03.02].

Các GV kiêm nhiệm công việc trợ lý, CVHT luôn hoàn thành đúng chức trách nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu cho lãnh đạo khoa trong việc triển khai, kiểm tra kết quả thực hiện công tác CVHT, công tác kế hoạch dạy học, NCKH và phục vụ cộng đồng; chính xác trong công tác thi kiểm tra, ĐG kết quả học tập và lưu giữ điểm của SV; trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện mục tiêu chất lượng hàng năm của đơn vị; công tác quản lý nắm bắt diễn biến tư tưởng SV; quản lý công văn, lưu giữ đầy đủ hồ sơ MC và luôn làm đúng theo kế hoạch của Khoa và Nhà trường [H1.07.03.03].

Bên cạnh đó, nhà trường còn có đội ngũ nhân viên thuộc Phòng Công tác học sinh sinh viên, Quản trị, vật tư - thiết bị, Đảm bảo chất lượng và khảo thí, Trung tâm thông tin - thư viện, Ban Quản lý Nội trú, Ban Quản lý Nhà ở SV... Khoa Công nghệ

thông tin - truyền thông hỗ trợ hoạt động dạy, học, NCKH và phục vụ cộng đồng của đội ngũ CBGV trường ĐHHĐ nói chung và đội ngũ GV ngành Cử nhân Luật nói riêng.

Để ĐG năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn ĐG, xếp loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng với các tiêu chí cụ thể (chuyên môn, kỹ năng, đạo đức, kết quả thực hiện nhiệm vụ...) theo quy trình phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn vị trí việc làm [H1.06.04.07, 08]. Bên cạnh đó, để cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH, trong từng năm học các đơn vị đã chủ trì xây dựng kế hoạch, mẫu phiếu tổ chức lấy ý kiến đội ngũ GV, SV về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên làm cơ sở để đơn vị nhận xét ĐG, xếp loại cán bộ, viên chức - lao động và cá nhân cải tiến lề lối làm việc để nâng cao chất lượng phục vụ ngày càng hiệu quả hơn [H1.07.01.05].

Hàng năm, Nhà trường đều phối hợp cùng với Khoa thành lập các đoàn kiểm tra ĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ mà cán bộ hỗ trợ Khoa đảm nhiệm. Thông qua đó để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của Khoa và đặc biệt là đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H1.07.03.05, 06]. Những đóng góp của đội ngũ nhân viên được ĐG theo đúng tiêu chuẩn và quy trình bình xét danh hiệu thi đua đã ban hành; được Nhà trường ghi nhận bằng các quyết định đạt các danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; trong những năm qua đội ngũ nhân viên của Khoa liên tục đạt danh hiệu lao động tiên tiến [H1.07.03.07, 08].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có quy trình và tiêu chí ĐG năng lực của đội ngũ nhân viên một cách cụ thể rõ ràng; hoạt động đánh năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, khách quan, công bằng.

## **3. Điểm tồn tại**

Nhà trường chưa thường xuyên cập nhật trong việc điều chỉnh, cải tiến mẫu phiếu tự ĐG năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường tiếp tục thực hiện ĐG năng lực của đội ngũ nhân viên một cách công bằng khách quan theo quy trình đã được xây dựng trong từng năm học nhằm cải tiến ngày càng tốt hơn lề lối làm việc để nâng cao chất lượng phục vụ.

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường xây dựng lại quy định ĐG xếp loại đội ngũ nhân viên, tiếp tục hoàn thiện mẫu phiếu tự ĐG năng lực của đội ngũ nhân viên phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

## **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu, mức 4/7 điểm**

**Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

ĐT và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên là hoạt động có tính chiến lược để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ, là điều kiện quyết định để



nhà trường nói chung và khoa LLCT – Luật nói riêng có thể khẳng định vị thế trong môi trường cạnh tranh hiện nay. Vì vậy, công tác ĐT và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên luôn được thực hiện một cách có tổ chức và kế hoạch [H1.07.04.01].

Để có cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch ĐT, bồi dưỡng nhân viên Nhà trường đã tổ chức khảo sát về nhu cầu ĐT và bồi dưỡng có kế hoạch thực hiện rõ ràng. Kết quả khảo sát được thể hiện trong báo cáo trình lãnh đạo xem xét để có cơ sở chuẩn bị nguồn lực thực hiện triển khai. Hàng năm, Nhà trường gửi thông báo đến các đơn vị có nhu cầu đăng ký cho nhân viên đi ĐT, bồi dưỡng. Việc thông báo và cử nhân viên đi ĐT, bồi dưỡng được thực hiện đúng quy định, công khai. Nhà trường có chính sách hỗ trợ về thời gian và kinh phí để chuyên viên, nhân viên có thể tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn như các khóa học bồi dưỡng ngắn hạn hay dài hạn được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của trường [H1.07.01.04].

Để đáp ứng tốt CDR cũng như nhu cầu của SV, khoa đã xây dựng nhu cầu ĐT và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị giai đoạn 2015-2020 trong đó có kế hoạch bồi dưỡng đào tạo đội ngũ nhân viên được các phòng chức năng thẩm định và Ban giám hiệu phê duyệt ban hành [nhu cầu ĐT và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị giai đoạn 2015-2020]. Hàng năm, Khoa đều tiến hành rà soát, ĐG và khảo sát nhu cầu ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của đơn vị làm cơ sở để khoa xây dựng và triển khai kế hoạch về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên như: tập huấn công tác giáo vụ, công tác SV, công tác CVHT, công tác kiểm soát tài liệu ISO, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học... [H1.07.04.02]. Kết quả, trong 5 năm qua đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT được cử đi ĐT, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ là 145 lượt người. Nội dung các đợt tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, Nghiên cứu viên cụ thể là: tập huấn hàng năm về nghiệp vụ quản lý lớp, quản lý công tác học sinh sinh viên cho trợ lý công tác học sinh sinh viên; tập huấn sử dụng phần mềm quản lý GV và nhập điểm ASC cho trợ lý giáo vụ; tập huấn hướng dẫn SV học trực tuyến và sử dụng phần mềm ĐT cho CVHT; tập huấn công tác ISO cho cán bộ kiểm soát tài liệu ISO của Khoa [H1.07.03.01]. Sau khi được tham gia bồi dưỡng, tập huấn các nhân viên của Khoa báo cáo kết quả học tập với lãnh đạo quản lý trực tiếp và văn bằng chứng chỉ được sao lưu gửi Phòng Tổ chức - Hành chính theo quy định của trường. Tất cả cán bộ, nhân viên được cử đi học tập, bồi dưỡng đều hài lòng với chất lượng của các khóa học và khẳng định sự cần thiết, hữu ích của các khóa học đối với việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ tốt CTĐT.

Hàng tháng, đội ngũ nhân viên được ĐG xếp loại [H1.07.04.06][H1.06.04.09], cuối năm học được xếp loại viên chức - lao động, nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xem xét khen thưởng [H1.07.04.07]. Hàng năm, Khoa và các đơn vị có trách nhiệm ĐG lại hoạt động ĐT và phát triển nguồn nhân lực báo cáo Ban giám hiệu [H1.06.02.06a].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa đã xác định đúng nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ và được triển khai thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Nhà trường đã có cơ chế chính sách và dành nguồn kinh phí phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên phục vụ nói riêng và CBGV nói chung nhằm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ từng bước khẳng định thương hiệu Trường ĐHHĐ.

### **3. Điểm tồn tại**

Tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022, Khoa và Nhà trường tiếp tục rà soát, ĐG và có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích động viên, tạo điều kiện để đội ngũ viên chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt hơn nữa cho sự nghiệp ĐT, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác của Khoa đáp ứng mục tiêu về tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.

### **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm.**

**Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Các quy định về ĐG, xếp loại, thi đua khen thưởng của nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị đều rõ ràng, công khai, được thực hiện đảm bảo quy trình chặt chẽ, chính xác, kịp thời [H1.06.06.02] và bản mô tả vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được nêu rõ trong Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc trong trường ĐHHĐ, giai đoạn 2018-2020 [H1.07.02.05].

Các nhân viên hỗ trợ cho công tác ĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng kỳ đều có kế hoạch công tác, kế hoạch học tập bồi dưỡng. Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, tình hình thực tế, cá nhân triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, đúng thời gian ghi trong kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với tổ chuyên môn, trưởng đơn vị theo quy định [H1.07.05.02], [H1.07.04.01], [H1.07.03.03]. Về phía Nhà trường và Khoa LLCT – Luật luôn thực hiện việc giám sát và kiểm tra chặt chẽ hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác của GV, SV. Việc theo dõi giám sát hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện thông qua Trưởng bộ phận, đơn vị và phòng Thanh tra giáo dục theo các văn bản quy định của Nhà trường về chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc của cán bộ hành chính, trợ lý, cán bộ kiểm soát tài liệu và CVHT, quy định của nhà trường, khu nội trú, phòng học... [H1.07.05.01].

Việc quản lý công việc và khen thưởng cũng như ghi nhận thành tích của đội ngũ nhân viên được công khai và thực hiện theo Quy trình thi đua, khen thưởng; quy định

về tiêu chuẩn và quy trình bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng [H1.07.03.08]; Nhà trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên, hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, hàng tháng trưởng BM và lãnh đạo Khoa cũng sẽ tổ chức họp bình xét ĐG kết quả xếp loại lao động (A, B, C) đối với đội ngũ nhân viên. Kết quả xếp loại lao động của đội ngũ nhân viên sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm và bình xét danh hiệu thi đua - khen thưởng vào cuối mỗi năm học.

Hàng năm, Nhà trường đều có văn bản hướng dẫn tổng kết, ĐG, xếp loại, bình xét thi đua khen thưởng, các danh hiệu thi đua được tôn vinh, bình xét cán bộ, viên chức - lao động về các mặt hoạt động ĐT, NCKH, Công tác CVHT, hỗ trợ ĐT... Hoạt động công nhận kết quả và khen thưởng, bình xét lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp hàng năm là động lực cho đội ngũ nhân viên tích cực hơn trong công tác [H1.07.03.03]. Đặc biệt những nhân viên có thành tích xuất sắc và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2 năm liên tục được xem xét nâng bậc lương trước hạn [H1.06.06.06].

Công tác ĐG, phân loại và thi đua khen thưởng của Nhà trường và Khoa LLCT – Luật được thực hiện đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, chính xác, khách quan, góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc được giao. Hàng năm (2016-2020), đội ngũ nhân viên thuộc khoa LLCT-Luật đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong mỗi công việc, họ luôn có tinh thần cải tiến để đem lại hiệu quả cao hơn. Mỗi thành viên đều rất cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ cho dù có khó khăn phát sinh, thành tích hoạt động của họ được thể hiện trong biên bản họp BM thường kì. Trong giai đoạn từ năm 2016 – 2017 đến nay, Khoa đã có 8 lượt được Nhà trường khen thưởng về thành tích suất sắc trong công tác công Đoàn; công tác đoàn thanh niên và phong trào tình nguyện hè [H1.07.03.07], [H1.06.02.07]. Tất cả các nhân viên hỗ trợ trực tiếp cho CTĐT trong những năm học vừa qua đều được Nhà trường ĐG hoàn thành tốt nhiệm vụ và có nhân viên đạt Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Tính đến thời điểm hiện nay, không có đơn từ khiếu nại về kết quả ĐG, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho cán bộ viên chức - lao động và đều được ĐG việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên công khai, minh bạch và rõ ràng [H1.07.05.03].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa có sự phân công công việc cho đội ngũ nhân viên một cách rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo trong bình xét, ĐG xếp loại và thi đua khen thưởng. Kết quả công việc được ĐG định kỳ hàng năm, nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa có tiêu chí định lượng để ĐGCL công việc và khen thưởng các cá nhân theo công việc cụ thể.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2021-2022, Khoa đề nghị Nhà trường ban hành các văn bản quy định các tiêu chí ĐG, khen thưởng cụ thể đối với đội ngũ nhân viên, nhằm tạo động lực cho nhân viên trong việc hỗ trợ công tác ĐT, NCKH và hoạt động cộng đồng.

**5. Tự đánh giá:** *Tiêu chí đạt yêu cầu, mức 6/7 điểm.*

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 7**

Đội ngũ GV, nhân viên của Trường và khoa LLCT- Luật cơ bản đảm bảo về số lượng và chất lượng, đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy trình và công bố công khai. Trường ĐHHĐ tạo mọi điều kiện cần thiết để đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn có tinh thần phục vụ cao và sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công. Nhà trường đã ban hành tiêu chí ĐG, xếp loại cụ thể đối với cán bộ viên chức- lao động trong trường; khối lượng công việc của mỗi cá nhân được xác định, kiểm tra, giám sát, ĐG và là cơ sở để bình xét danh hiệu thi đua hàng năm; kết quả ĐG xếp loại và bình xét danh hiệu thi đua hàng năm được công khai, là động lực để đội ngũ nhân viên cải tiến lề lối làm việc, thi đua lao động sáng tạo và phấn đấu đạt các danh hiệu thi đua hàng năm. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu ĐG, nhiệm vụ thực hiện chưa lượng hóa rõ ràng.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tiêu chuẩn 7 đạt 5/5 tiêu chí trong đó có 02 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm và 03 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm

#### **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ Người học**

##### **Mở đầu**

NH là một trong hai nhân tố quan trọng nhất để thực hiện CTĐT, nhất là trong bối cảnh đổi mới giáo dục, lấy SV làm trung tâm như hiện nay. Do vậy, hoạt động hỗ trợ SV được xem là một khâu trọng yếu trong quá trình ĐT. Trong 5 năm học qua, khoa LLCT - Luật, trường ĐHHĐ đã xây dựng một chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai, minh bạch; xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu để giám sát sự tiến bộ của SV về kết quả học tập và rèn luyện hàng kỳ, hàng năm; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ SV được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện và tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng SV và hoạt động hỗ trợ SV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu CĐR.

##### **Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Công tác tuyển sinh của Khoa được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và đề án tuyển sinh của Nhà trường [H1.08.01.01, 02 - H.05.01.03]. Khoa bắt đầu tuyển sinh từ năm 2015, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV ngành Cử nhân Luật được thực hiện theo quy định của BGD&ĐT. Từ năm 2015 đến năm 2018, Khoa thực hiện một phương thức xét tuyển lấy kết quả thi THPT quốc gia làm cơ sở. [H1.08.01.01,03 - H.05.01.03]. Từ năm 2019 trở lại đây, ngoài các phương thức xét

tuyển được áp dụng trong các năm trước, khoa bổ sung thêm phương thức xét tuyển bằng học bạ [H1.05.01.03 - H1.08.01.03]. Khoa và Nhà trường thực hiện công khai đầy đủ các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng (cơ sở vật chất, đội ngũ GV, quy mô ĐT, tổng chi phí để ĐT 01 SV/năm,...), thông tin tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT bằng nhiều kênh, hình thức tuyên truyền khác nhau, như: tổ chức các buổi tư vấn, tuyên truyền tuyển sinh trên báo Tuổi trẻ, báo Thanh niên; trực tiếp tư vấn tại các trường trung học phổ thông, huyện - thị, cơ quan doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các địa phương lân cận; mở trang hỏi- đáp về tuyển sinh, thành lập Tổ tư vấn tuyển sinh; tuyển sinh thông qua các kênh thông tin trên mạng xã hội [H1.08.01.04, 05,07]. Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, Khoa, Nhà trường đã tuyển sinh được tổng hợp qua Bảng 8.1.1 như sau:

**Bảng 8.1.1. Tình hình tuyển sinh ngành Cử nhân Luật chính quy giai đoạn 2016-2020**

Năm	Bậc	Chỉ tiêu	Ứng viên			
			Số lượng đăng ký dự tuyển	Điểm trúng tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học
2016	ĐH	70	61	16	61	61
2017	ĐH	90	50	15	34	34
2018	ĐH	80	64	13	56	56
2019	ĐH	70	35	14	20	20
2020	ĐH	50	46	16.5	23	23

(Nguồn: Phòng Quản lý ĐT và phòng Công tác HSSV)

Kết quả bảng trên cho thấy, công tác tuyển sinh của ngành cử nhân Luật, điểm trúng tuyển xoay quanh trục điểm sàn của Bộ GD&ĐT, về số lượng có xu hướng giảm qua các năm do nhiều nguyên nhân, điều này ảnh hưởng đến chính sách tuyển sinh của Khoa nói riêng, nhà trường nói chung giai đoạn vừa qua, chưa tương xứng với tiềm năng có thể tổ chức ĐT của Nhà trường [H1. 08.01.05, 06]. Hình thức, quy trình, chỉ tiêu, tiêu chí, đối tượng tuyển sinh ngành cử nhân Luật hằng năm đều có sự rà soát, điều chỉnh và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan nhằm đáp ứng với yêu cầu thực tiễn [H1.05.01.03 - H1.08.01.02].

## **2. Điểm mạnh**

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công khai đến các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bằng nhiều hình thức khác nhau. Hàng năm Khoa đều khảo sát nhu cầu tuyển dụng ngành Cử nhân Luật.

## **3. Điểm tồn tại**

Nhà trường, Khoa chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về công tác tuyển sinh ngành Luật thông qua phiếu khảo sát mà chủ yếu lấy ý kiến trực tiếp thông qua các hội nghị, các cuộc làm việc trực tiếp có liên quan.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường, Khoa xây dựng phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về công tác tuyển sinh hằng năm, từ đó sẽ phân tích, ĐG và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để xây dựng Đề án tuyển sinh ngành Cử nhân Luật đáp ứng nhu cầu xã hội, chính sách tuyển sinh phù hợp hơn.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

**Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn Người học được xác định rõ ràng và được đánh giá**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV được Khoa và Nhà trường xác định và ghi cụ thể trong CTĐT, thông báo tuyển sinh, chính sách tuyển sinh, cũng như kết quả tuyển sinh hằng năm [H1.05.01.03- H08.01.03-H.08.01.06]. Bắt đầu tuyển sinh từ năm 2015 Trường sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông để xét tuyển theo hình thức từ cao xuống thấp (theo điểm sàn của Bộ GD&ĐT). Nhà trường xây dựng Đề án tuyển sinh hằng năm [H1.05.01.03]. Phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực (phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHHĐ và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Quy trình, tiêu chí, hình thức tuyển sinh sau khi rà soát được thống nhất ban hành và công bố trên hệ thống: website của nhà trường, khoa; trên thông báo tuyển sinh, tờ rơi; qua các đợt tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh của Khoa và Nhà trường. [H1.05.01.03 -H1.08.01.03, 04]. Năm 2015, Khoa tuyển sinh khóa đầu tiên theo tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV ngành Cử nhân Luật bằng hình thức xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia của các tổ hợp môn xét tuyển, gồm: Văn - Sử - Địa và Toán -Văn - Tiếng Anh; năm 2016, về cơ bản xét tuyển như năm 2015 có bổ sung thêm tổ hợp Toán- Lý- Hóa và Toán - Lý - tiếng Anh để xét tuyển; Đến 2017 lại chuyển thành 3 tổ hợp: Văn - Sử - Địa, Toán - Văn - Tiếng Anh và Toán – Lý - Hóa. Năm 2018, xét tuyển vào ngành Cử nhân Luật chuyển thành 4 tổ hợp: Văn- Sử - Địa, Toán - Văn - Tiếng Anh, Toán – Lý - Hóa và Văn - Toán - Giáo dục công dân [H1.05.01.03; H1.08.01.02; H.08.01.03, 04]. Từ năm 2019 trở lại đây, ngoài các phương thức xét tuyển được áp dụng trong các năm trước, khoa bổ sung thêm phương thức xét tuyển bằng kết quả học tập trung học phổ thông [H1.05.01.03; H1.08.01.03]. Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh cho thấy chất lượng tuyển sinh ngành Cử nhân Luật luôn giữ được sự ổn định [H1.08.02.01]. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn SV được Hội đồng tuyển sinh ĐH hệ chính quy của Khoa, Nhà trường ĐG, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm [H1. 08.01.05], [H1.08.02.01]. Tính đến thời điểm hiện nay, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào ĐG không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV [H1. 08.02.02].

## **2. Điểm mạnh**

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV của Nhà trường rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT và được ĐG, cập nhật thường xuyên. Kết quả xét tuyển khách quan, chính xác.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa và Nhà trường chưa tiến hành khảo sát các bên liên quan thông qua Phiếu lấy ý kiến trong việc xây dựng, rà soát, ĐG tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021 - 2022, Khoa và nhà trường có kế hoạch tuyên truyền tuyển sinh sớm, hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú. Xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là giáo viên, học sinh trung học phổ thông và các nhà tuyển dụng và chuyên gia về tiêu chí, phương pháp tuyển sinh, có tổng kết, phân tích, ĐG và điều chỉnh hàng năm đảm bảo phù hợp.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

**Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của Người học**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Hoạt động giám sát tiến bộ trong học tập, kết quả rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV là khâu rất quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và CDR. Vì vậy, trong những năm học vừa qua Nhà trường đã có nhiều văn bản quy định về công tác SV và đào tạo cũng như thành lập và ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân tham gia giám sát. Cụ thể, việc theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV, cảnh báo học vụ được nhà trường giao cho Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác học sinh - sinh viên, đội ngũ trợ lý giáo vụ, trợ lý Công tác học sinh - sinh viên và CVHT ở các khoa [H1.08.03.01-04]. Đầu mỗi năm học, đội ngũ CVHT, giáo vụ khoa, trợ lý Công tác học sinh - sinh viên xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch giám sát phù hợp với sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện [H1.04.03.02]. Hàng tháng, CVHT lập kế hoạch tư vấn các vấn đề liên quan đến SV (đăng kí HP, đăng ký làm tiểu luận, thông báo khối lượng học tập của SV theo mỗi học kì, năm học, khóa học và các nội dung khác liên quan đến kế hoạch tuần chung của Trường và Khoa...) [H1.04.03.02].

Trường ĐHHĐ có quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV [H1.08.03.03]. với cơ sở dữ liệu thường xuyên cập nhật [H1.04.03.02]. Trong quy định về công tác CVHT tại Trường ĐHHĐ có ghi rõ chức năng của đội ngũ CVHT là: “Theo dõi quá trình học tập, rèn luyện và tư vấn cho SV...” và nhiệm vụ: “Thường xuyên theo dõi kết quả học tập, rèn luyện của SV, nhắc nhở SV...” [H1.08.03.03]. Hệ thống giám sát cấp trường và khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của SV theo dõi từng HP, học kỳ, năm học, khóa học và được ghi cụ thể, chi tiết, được lưu giữ tại Khoa và Nhà trường bằng bản cứng và trong phần mềm quản lý ĐT [H1.04.03.02 -

H1.08.03.07]. Sau mỗi học kì, phòng ĐT gửi kết quả học tập của SV thuộc khoa quản lý cho trợ lý Giáo vụ và trợ lý công tác học sinh sinh viên của khoa, sau đó CVHT sẽ nhận kết quả này từ các trợ lý. Đây là cơ sở dữ liệu quan trọng để nhà trường, khoa và đội ngũ CVHT đưa ra các cảnh báo học tập và các tư vấn kịp thời cho SV để nâng cao kết quả học tập, rèn luyện của bản thân. Về khối lượng học tập, đối với ngành Cử nhân Luật, SV sẽ phải hoàn thành số TC quy định trong CTĐT đã được phê duyệt, trong 48 tháng (thời gian khóa học quy định) với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 96 tháng [H1.08.03.05]. Kết quả học tập cuối cùng của một HP trong chương trình học được ĐG theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm bằng chữ (A, B, C, D, E, F). Các HP được ĐG là đạt nếu điểm tổng kết HP tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D [H1.08.03.05]. Dựa vào quy định này, các phòng ban chức năng, các trợ lý và CVHT sẽ giám sát được tiến độ, khối lượng và kết quả học tập của SV. CVHT trao đổi với cán bộ lớp hoặc SV liên quan qua nhóm zalo hoặc trực tiếp khi cần. Hàng tháng, CVHT tiến hành sinh hoạt lớp 1 lần để nhắc nhở, thông báo tới những SV thuộc diện cảnh báo [H1.08.03.11]

Thông qua phần mềm ĐT, hệ thống máy chủ, máy tính cá nhân của cán bộ hỗ trợ từ phòng ban chức năng đến đội ngũ nhân viên hỗ trợ của khoa, nhà trường, khoa đã có hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của NH. Phòng Quản lý đào tạo kết hợp với khoa quản lý thông qua trợ lý giáo vụ, trợ lý công tác học sinh sinh viên và CVHT. Trước mỗi học kì, SV được CVHT tư vấn về các vấn đề liên quan đến việc chọn HP, thay đổi các lựa chọn. Đối với những trường hợp SV có nguyện vọng tạm nghỉ học hoặc thôi học, CVHT cùng trợ lý công tác SV của khoa sẽ gặp gỡ, trao đổi để nắm bắt lý do, tâm tư, hoàn cảnh... và tư vấn phù hợp [H1.04.03.02]. Đối với SV hoàn thành chương trình chậm hơn dự kiến, khoa thông qua CVHT và trợ lý công tác học sinh sinh viên để tìm hiểu lý do (SV nợ môn hay muốn học tích lũy, cải thiện điểm, hoặc chưa đạt CDR tiếng Anh...) để tư vấn kịp thời [H1.04.03.02]. Đặc biệt, trường và khoa rất chú ý đến việc ĐT SV năm nhất (từ nề nếp đến CTĐT) và hỗ trợ SV đang gặp khó khăn (hoàn cảnh gia đình, nợ HP). [H1.08.03.09, 10].

Để hỗ trợ SV gặp khó khăn trong tiến trình học tập, phòng ĐT gửi danh sách cảnh báo học vụ cho Giáo vụ khoa và CVHT để kịp thời nhắc nhở, thông báo, tư vấn kịp thời [H1.08.03.11], phòng ĐT cập nhật thông báo cho SV các lớp học ghép, học bổ sung, tích lũy để SV kịp thời đăng ký cải thiện HP. Khi phát hiện SV chậm tiến độ hoặc có những vấn đề trong học tập [H1.08.03.11], trợ lý công tác học sinh sinh viên và CVHT sẽ gặp gỡ trao đổi trực tiếp với SV, giúp SV lập kế hoạch học tập tốt hơn để có thể đảm bảo tiến độ ra trường. Việc cảnh báo học vụ giúp cho hoạt động hỗ trợ, tư vấn của CVHT đến SV kịp thời hơn, hiệu quả hơn. Điều này được thể hiện rõ trong Bảng 8.3 sau đây.



**Bảng 8.3. Tỷ lệ tốt nghiệp của SV học CTĐT ngành Cử nhân Luật hệ chính quy từ 2019 đến 2020**

Khóa học	Số lượng SV toàn khóa	Tỷ Lệ % NH hoàn thành CTĐT trong thời gian:		
		3 năm	4 năm	> 4 năm
2015 – 2019 (K18)	59	0	43/59 72,9%	16/59 27.1%
2016 – 2020 (K19)	41	0	39/41 95.1%	2/41 4.9%
Trung bình		0	84%	16%

(Nguồn: phòng Quản lý đào tạo và phòng CT HSSV)

Qua bảng 8.3 cho thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp chưa đúng hạn vẫn còn tương đối nhiều đối với K18, K19. Mặc dù các hoạt động hỗ trợ của nhà trường, khoa và đội ngũ cán bộ giáo viên đã có ảnh hưởng tích cực đến kết quả rèn luyện, học tập và tư vấn phương pháp, cách thức học tập nhưng số SV không cải thiện được điểm vẫn còn khá nhiều. Nguyên nhân chủ yếu là do SV chưa đạt CDR Tiếng Anh, chưa đạt chứng chỉ Quốc phòng - An Ninh và một số HP chưa tích lũy đủ. Do đó, trong quá trình tư vấn, CVHT sẽ lưu ý cho các SV khóa sau vấn đề này để NH có ý thức và kế hoạch cụ thể khắc phục.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành các quy định giám sát sự tiến bộ của NH về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp trường đến cấp khoa. Kết quả học tập, rèn luyện của SV được lưu giữ, cập nhật và theo dõi chặt chẽ, có những tư vấn hỗ trợ kịp thời giúp NH sớm cải thiện nâng cao chất lượng kết quả học tập và rèn luyện của bản thân.

Phần mềm quản lý ĐT đã giúp nhà trường, khoa LLCT – Luật cập nhật cơ sở dữ liệu, theo dõi và giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV nói chung và SV ngành Cử nhân Luật nói riêng.

### **3. Điểm tồn tại**

Quy trình giám sát sự tiến bộ của SV về kết quả học tập và rèn luyện chưa cụ thể nên các cán bộ trong khi thực hiện đôi khi còn lúng túng, bị động, chưa kịp thời. Số lượng CVHT (1 CVHT) cho SV ngành Cử nhân Luật hệ chính quy còn ít.

### **4. Kế hoạch hành động**

Khoa đề nghị Nhà trường tăng cường CVHT cho ngành Cử nhân Luật và tiếp tục bổ sung quy trình giám sát việc cảnh báo học vụ trên hệ thống phần mềm dành cho CVHT từ HK1 năm học 2021 - 2022.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của Người học***

***1. Mô tả hiện trạng***

Nhà trường có bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của SV. Từ năm 2016, hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV được giao cho Phòng Công tác học sinh sinh viên [H1.08.03.01] với chức năng là bộ phận chuyên trách đảm nhiệm việc tư vấn, hỗ trợ các hoạt động học tập, NCKH, sinh hoạt... của NH. Khoa LLCT – Luật, ngoài trợ lý công tác học sinh sinh viên, trợ lý giáo vụ, ngành Cử nhân Luật còn có 01 GV có trình độ, kinh nghiệm đảm nhận nhiệm vụ CVHT.

Công tác CVHT được ĐG, tổng kết, rút kinh nghiệm hàng năm nhằm nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ SV [H1.08.04.01, 02]; Phòng Công tác học sinh sinh viên là đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH, với chức năng là bộ phận chuyên trách đảm nhiệm việc theo dõi SV sau tốt nghiệp, Phòng Công tác học sinh sinh viên đã cử cán bộ chuyên điều tra, cập nhật cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm, thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp, tham mưu ban hành Quyết định thành lập ban chỉ đạo, tổ khảo sát tình; kế hoạch khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV để thu thập thông tin về tình hình việc làm và thu nhập của SV sau tốt nghiệp [H1.08.04.03]; hỗ trợ SV tăng cường cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp thông qua hội chợ việc làm, qua các hoạt động hỗ trợ kiến tập, thực tập.

Để cải thiện việc học tập của SV và tạo ra kỹ năng mềm cho NH sau khi ra trường và tìm kiếm việc làm, khoa và nhà trường có kế hoạch và thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. Ngay từ khi nhập học, trong ngày đón tiếp tân SV, khoa có ngày hội Chào đón tân SV [H1.08.04.06], nhà trường có ngày hội We are students [H1.08.04.07]. Trong các dịp lễ lớn, trường và khoa đều tổ chức các hội thi: hội nghị khoa học tuổi trẻ sáng tạo, hội thi bóng đá nam, bóng chuyền, bóng bàn hội diễn văn nghệ chào mừng 20/11, 26/3 [H1.08.04.08];

Hàng năm, Nhà trường và Khoa có chính sách thi đua khen thưởng dành để khuyến khích các phong trào thi đua, học tập của SV. Sau mỗi hoạt động phong trào (văn nghệ, thể thao, tình nguyện...) và sau mỗi năm học, Trường và Khoa đều trao giải thưởng cho SV đạt thành tích cao.

Khoa có các trang web của sinh viên Khoa LLCT - Luật có sự tham gia của đông đảo cựu SV và SV bao gồm cả chính quy và VLVH, doanh nghiệp, GV... mọi thông tin tuyển dụng được thông tin kịp thời lên trang web để SV của Khoa tìm kiếm cơ hội việc làm.

Năm học 2019 - 2020, sau khi SV K18 tốt nghiệp được một năm Khoa đã xúc tiến thành lập hội Cựu SV khoa [H1.08.04.14]; [H1.08.04.12]; với một trong những nhiệm vụ trọng tâm là làm cầu nối giữa SV của khoa với các nhà tuyển dụng lao động.

Khoa LLCT – Luật, các GV có nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV như trao đổi và định hướng việc làm, kết nối giữa cựu SV của khoa với SV đang học để cung cấp các thông tin của nhà tuyển dụng đến SV... [H1. 08.04.14]. Nhà trường cũng tổ chức các hội chợ việc làm giúp người học kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động; đặc biệt Khoa Lý luận chính trị - Luật đã thực hiện việc ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Khoa và một số công ty Luật như: Công ty đấu giá hợp danh Hồng Đức, văn phòng công chứng Mai Trọng Cường, Công ty Luật Hợp danh Hoàng Gia... Thông qua các hoạt động này SV có thêm nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. [H1.08.04.17]

Sau mỗi học kì, Phòng Quản lý đào tạo gửi về Khoa và tổ chức phát phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ phía NH đối với các CVHT được phân công. Sự hài lòng của SV đối với CVHT ngành Cử nhân Luật tương đối cao và đã có sự cải thiện đáng kể: năm học 2017-2018 đạt 72,0/75 điểm quy đổi; năm học 2018-2019 đạt 83,4/100 điểm [H1. 08.04.15]; năm học 2019 -2020 đạt 71,5/75 điểm.

Nhà trường rất quan tâm đến SV sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát các thông tin về tình hình việc làm, thu nhập, về CTĐT... của SV sau tốt nghiệp 1 năm; xử lý, tổng hợp và có báo cáo kết quả điều tra tình hình việc làm và thu nhập của SV hệ chính quy tốt nghiệp ra trường [H1.08.04.16]; Qua khảo sát, số lượng SV ngành Cử nhân Luật đã tốt nghiệp được tiến hành khảo sát có việc làm đúng ngành ĐT chưa cao, chủ yếu liên quan đến ngành ĐT. Cụ thể, chúng tôi tổng hợp qua Bảng 8.4 sau:

**Bảng 8.4. Tổng hợp kết quả khảo sát về tình hình việc làm sau tốt nghiệp 06 tháng đối với K19, 01 năm với K18 của cựu SV ngành Cử nhân Luật chính quy**

KHÓA	Năm tốt nghiệp	TS SV tốt nghiệp	SV tham gia khảo sát	SV có việc đúng ngành	SV có việc liên quan ngành ĐT	SV có việc không liên quan ngành ĐT	SV chưa có việc làm
K18	2019	43	39	11	14	8	6
K19	2020	39	34	10	06	13	05

(Nguồn từ Phòng CT HSSV, Khoa tự khảo sát)

Từ bảng 8.4 cho thấy tỉ lệ NH ra trường có việc làm tương đối cao, trong đó tỷ lệ có việc làm đúng và gần ngành ĐT khá cao. Nhu cầu tuyển dụng việc làm đối với ngành Cử nhân Luật hiện nay trong các cơ quan, doanh nghiệp khá nhiều.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các hệ thống phòng ban chức năng chịu trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp SV cải thiện việc học tập và khả năng có việc

làm. Các hoạt động hỗ trợ SV có kế hoạch và được triển khai thực hiện có hiệu quả, giúp SV cải thiện, nâng cao chất lượng học tập, rèn luyện cũng như tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp.

### **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến SV về công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ SV khác chưa được thực hiện bài bản, khoa học. Hoạt động phân công địa điểm thực tế, thực tập đối với một số SV chưa thực sự hợp lý.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa định kỳ lấy ý kiến SV về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ học tập khác để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động hỗ trợ, tư vấn SV, tăng tỷ lệ SV có kết quả học tập tốt và có việc làm đúng ngành nghề ĐT sau khi tốt nghiệp.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

***Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân Người học.***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường rất chú trọng đến việc tạo không gian, xây dựng môi trường học tập, sinh hoạt, tạo mọi điều kiện học tập tốt nhất, thoải mái nhất cho SV, cụ thể:

Nhà trường có khuôn viên rộng đẹp, sạch sẽ, nhiều cây xanh, thoáng mát, cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ cho việc dạy - học [H1.08.05.01]. Nhà điều hành, giảng đường, các phòng, khoa, hệ thống thư viện hiện đại, khu liên hợp thể thao, khu nội trú, trạm y tế được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu thiết yếu, sinh hoạt, vui chơi, giải trí cho SV [H. 08.05.01].

Khoa LLCT - Luật được Nhà trường bố trí Phòng thực hành riêng cho ngành Cử nhân Luật, hiện tại phòng thực hành đang được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu ĐT cũng như các cơ hội cho SV tiếp cận với thực tiễn trong hoạt động ĐT và NCKH [H1.08.05.02].

Nhà trường có trạm y tế với lịch trực 24/24h để chăm sóc sức khỏe NH và CBGV. Nhà trường đặc biệt quan tâm cơ sở vật chất, thiết bị y tế, thuốc chữa bệnh đảm bảo chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho SV; công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm tại các nhà ăn tập thể của Trường được đảm bảo giúp SV yên tâm học tập. [H1.08.05.03- 04]

Để đảm bảo an ninh, an toàn trong khuôn viên Nhà trường, Nhà trường đã thành lập Ban bảo vệ, phân công trực 24/24 [H1.08.05.05]. Công tác phòng, chống cháy nổ luôn được Nhà trường quan tâm và thường xuyên kiểm tra, mua sắm bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy. Tại Nhà Điều hành, khu giảng đường, phòng học, phòng làm việc của khoa, BM, phòng chờ giáo viên, trung tâm thư viện, khu nội trú... luôn được Nhà trường trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy

đầy đủ kèm theo tiêu lệnh và nội quy phòng cháy chữa cháy được niêm yết và có kiểm tra phòng cháy chữa cháy của cơ quan chức năng ngành [H1.08.05.06, 07]. Những hoạt động hỗ trợ này đảm bảo đủ các điều kiện cho SV có chất lượng cuộc sống tốt và yên tâm học tập.

Nhà trường có quy định về ứng xử văn hóa nơi công sở, trong học đường, nhấn mạnh đến ứng xử giữa thầy và trò, đến trang phục, việc đeo thẻ SV và CBGV [H1.08.05.08]; ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy thư viện và nội quy khu nội trú, tạo môi trường học đường văn minh, lịch sự [H1.08.05.09]. Đầu năm học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân góp phần nâng cao ý thức, đạo đức, tác phong cho SV [H1.08.03.10]. Hưởng ứng phong trào màu sắc đồng phục theo khoa, Nhà trường ban hành quy định về đồng phục và triển khai trong toàn trường; đối với ngành Cử nhân Luật tổ chức mặc đồng phục vào thứ 2 và thứ 5 hàng tuần [H1.08.05.10].

Ngoài những giờ học trên lớp, SV còn được tham gia các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên, Hội SV. Hằng năm, Đoàn thanh niên, Hội SV đều xây dựng kế hoạch và chương trình hoạt động, cuối năm có báo cáo tổng kết. Đoàn thanh niên, Hội SV Nhà trường và Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhân các ngày lễ lớn như 20/11, 09/1, 26/3, chào đón tân SV (We are students), giải bóng chuyền SV hàng năm, hội thi rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, SV tài năng, tham gia đề tài NCKH ... tạo nhiều sân chơi bổ ích nhằm tăng thêm hứng thú và sự thoải mái cho SV đối với môi trường học tập. Các hoạt động tình nguyện tại địa phương, tiếp sức mùa thi, chung sức cùng cộng đồng, nhân đạo, từ thiện, hiến máu nhân đạo... do Đoàn thanh niên tổ chức đều được SV tham gia hưởng ứng nhiệt tình. [H1.08.05.11 - 12]

Để nâng cao chất lượng học tập, tạo điều kiện cho SV trong khoa, đặc biệt là SV năm nhất, năm hai được trao đổi về phương pháp học tập, NCKH hiệu quả, chia sẻ cách thức chiếm lĩnh tài liệu trong quá trình học tập ĐH từ các Thầy cô giáo và các bạn SV có thành tích học tập giỏi, xuất sắc. Khoa đã tổ chức diễn đàn về phương pháp học tập, NCKH, chia sẻ tài liệu học tập trong SV. Khoa còn phối hợp với các công ty Luật thuộc Đoàn Luật sư Thanh Hóa tổ chức cho SV giao lưu, trao đổi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và tham dự thực tế phiên tòa xét xử [H1.08.05.13]. Những hoạt động này có tác động tích cực đến kết quả giáo dục toàn diện SV.

## **2. Điểm mạnh**

Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập, nghiên cứu, làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của SV liên quan đến CTĐT. SV ngành Cử nhân Luật luôn có ý thức tuân thủ các quy định trong trường học và quy định của pháp luật.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường, của khoa chưa thường xuyên, chưa liên tục.

Vẫn còn một bộ phận nhỏ SV chưa có ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường chung của Khoa và Nhà trường.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa lấy ý kiến của các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường, của Khoa nhằm bổ sung thông tin hữu ích để Nhà trường điều chỉnh các hoạt động đảm bảo tạo thuận lợi cho hoạt động ĐT, NCKH và sự hài lòng của SV.

Tuyên truyền, phổ biến cho SV ngành Cử nhân Luật làm tốt công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội và thực hiện tốt nếp sống văn hoá nơi công sở.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm**

##### **Kết luận về tiêu chuẩn 8**

Trong những năm qua, chất lượng SV và hoạt động hỗ trợ SV được khoa LLCT - Luật xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động ĐT của khoa. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn SV được công bố công khai cập nhật thường xuyên và thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của trường ĐHHĐ. Từ khi nhập học cho đến khi kết thúc quá trình học tập, SV luôn nhận được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp SV không bị quá tải ở một kỳ. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan đẹp đã phát huy sự sáng tạo và sự thoải mái trong tâm trí của SV. Tuy nhiên, trong bối cảnh chung hiện nay có nhiều cơ sở ĐT Luật nên sự cạnh tranh về tuyển sinh ảnh hưởng đến điểm chuẩn đầu vào. Bên cạnh đó thực tế cho thấy cũng như SV một số ngành ĐT SV Luật trong những năm gần đây ra trường khó xin được việc làm đúng ngành ĐT đã tạo nên vấn đề tuyển sinh của Khoa gặp khó khăn. Vì vậy, trong những năm học tới, khoa LLCT - Luật cần có những chiến lược tốt hơn nữa để phát huy những thành tựu đã đạt được và đề xuất các giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, chất lượng SV và hoạt động hỗ trợ SV được nâng cao, góp phần vào sự lớn mạnh ngành Cử nhân Luật nói riêng, trường ĐHHĐ nói chung.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tiêu chuẩn 8 đạt 5/5 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 6/7 điểm

##### **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

###### **Mở đầu**

Trong những năm qua được sự đầu tư quan tâm hỗ trợ của tỉnh Thanh Hóa, các tổ chức trong và ngoài trường, các tổ chức quốc tế..., nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về phát triển cơ sở vật chất và đầu tư xây dựng theo phương án đã được phê duyệt với hệ thống phòng học, phòng thực hành, thư viện, thư viện điện tử, phòng làm việc theo chức năng, hệ thống công thông tin điện tử... đầy đủ và ngày càng được hiện đại đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu ĐT và NCKH. Bên cạnh đó, nhà trường luôn quan tâm, xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn về sức khỏe, môi trường, hệ thống cơ sở vật chất

phù hợp với mọi đối tượng SV, các vấn đề an ninh trong nhà trường được chú trọng đảm bảo đáp ứng nhu cầu giảng dạy của GV cũng như học tập của SV.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Khoa LLCT - Luật có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ ĐT và nghiên cứu. Hiện nay, Khoa đang sử dụng nhà A6-A của trường, gồm: 01 phòng họp lớn, 07 phòng làm việc cho lãnh đạo BM giáo vụ, hành chính, phòng tư liệu. Các phòng làm việc được trang bị bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, máy tính được kết nối internet (mạng dây và mạng wifi), máy in... và các trang thiết bị đủ tiêu chuẩn phục vụ công tác ĐT và nghiên cứu ngành Cử nhân Luật [H1.09.01.01]; [H1.09.01.02]. Ban Giám hiệu và các phòng ban làm việc trong khu nhà điều hành 13 tầng cách khoảng 100 mét, thuận lợi cho GV và NH trong liên hệ công tác [H1.09.01.03].

Về phòng học, Khoa LLCT - Luật được trang bị 10 phòng học kiên cố, hiện đại tập trung chủ yếu ở khu nhà A6-A với tổng diện tích 1000 m<sup>2</sup>, bình quân 5 m<sup>2</sup>/1 SV. Các phòng học có đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống chiếu sáng và các trang thiết bị, máy chiếu đa năng, màn hình, âm ly, micro, bảng viết... đáp ứng tốt cho công tác đào, NCKH và phục vụ cộng đồng [H1.09. 01.02].

Ngoài ra Khoa còn được sử dụng chung 5 phòng hội thảo của nhà trường có đầy đủ phương tiện, thiết bị thiết yếu phục vụ hội thảo cấp trường, cấp bộ hoặc cấp Quốc gia [H1.09.01.06].

Khoa và Nhà trường đã tổ chức thực hiện việc theo dõi, ĐG tần suất sử dụng các thiết bị, máy móc, việc sử dụng có hiệu quả hệ thống máy móc thiết bị hiện có phục vụ hoạt động dạy học, hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề, dự án [H1.09.01.04]. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên công nghệ thông tin và cán bộ quản lý phòng máy của nhà trường được tiếp thu, tập huấn và chuyển giao công nghệ quản lý, sử dụng thiết bị công nghệ thông tin để công tác quản lý sử dụng đạt hiệu quả cao [H1.09.01.08].

Mỗi năm, Nhà trường dành trên 30% kinh phí chi thường xuyên cho việc đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị dạy học và NCKH cho toàn trường (tương đương với khoảng 9 đến 15 tỉ VNĐ) [H1.09.01.09].

Hệ thống an ninh phòng cháy chữa cháy được lắp đặt đầy đủ đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định. Cụ thể, mỗi tầng nhà đều có nội quy, tiêu lệnh phòng cháy, chữa cháy, hệ thống bình cứu hỏa, đầu và ống dẫn nước phòng cháy, chữa cháy được kiểm tra, xúc nạp đầy đủ; định kỳ hàng năm đều được công an phòng cháy chữa cháy tỉnh Thanh Hóa kiểm tra, ĐG và ghi nhận hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà trường đảm bảo hệ số an toàn cao [H1.09.05.13]. Tài sản bố trí tại khoa được nhà trường tổ chức kiểm kê theo quy định để theo dõi và tính khấu hao đồng thời thanh lý những tài sản không còn sử dụng được và bổ sung mua mới tài sản phục vụ kịp thời cho công tác dạy và học [H1.09.01.07], [H1.09.01.10].

Bên cạnh đó, các loại thiết bị phục vụ giảng dạy trong khoa đều được nhà trường có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng và có nhật ký theo dõi hoạt động của thiết bị tại các phòng học trên giảng đường. Phòng Quản trị - Vật tư, thiết bị cử cán bộ phụ trách từng khu giảng đường để mở, tắt, theo dõi, kiểm tra sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ tốt nhất yêu cầu dạy học của GV, học sinh sinh viên [H1.09.01.11].

Trên cơ sở lấy phiếu khảo sát ý kiến và phản hồi của cán bộ, GV, SV về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường, thư viện và các trang thiết bị, hệ thống mạng [H1.09.01.12], nhà trường, khoa có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, bổ sung thêm hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính. Số liệu khảo sát cho thấy đại đa số SV hài lòng với sự đáp ứng của hệ thống phòng học và các trang thiết bị được lắp đặt đáp ứng công tác dạy và học đạt hiệu quả cao.

### **2. Điểm mạnh**

Có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ tốt nhất các hoạt động ĐT và NCKH của ngành Cử nhân Luật.

### **3. Điểm tồn tại**

Hệ thống phòng học khu giảng đường nhà A6-A của Khoa LLCT - Luật đã được phủ sóng wifi đầy đủ nhưng đôi khi bị trục trặc.

Phòng học trực tuyến tuy đã được đầu tư lắp đặt đầy đủ trang thiết bị và đi vào hoạt động có hiệu quả, song số lượng phòng học còn ít chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu học tập trực tuyến của SV trong bối cảnh của yêu cầu thực tế hiện nay.

### **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2021 - 2022, Nhà trường tiếp tục thực hiện hoàn thiện các hạng mục đầu tư thêm cơ sở vật chất, kết nối internet và phủ sóng wifi toàn bộ khu giảng đường nhà A6-A.

Tiếp tục đầu tư, tăng cường số phòng học trực tuyến đáp ứng được đầy đủ nhu cầu học tập trực tuyến của SV trong bối cảnh của yêu cầu thực tế hiện nay.

### **5. Tự đánh giá: Đạt 6/7 điểm.**

## **9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên phục vụ tại trung tâm thông tin tư liệu - Thư viện của nhà trường có 23 người trong đó có 01 tiến sĩ, 05 thạc sĩ và 17 cán bộ có trình độ cử nhân, tất cả đều được ĐT từ ngành quản lý thư viện hoặc các ngành gần với công tác thông tin tư liệu - thư viện [H1.09.02-01B]. Thư viện của trường bao gồm thư viện sách, thư viện điện tử, hệ thống hỗ trợ học tập và hệ thống mạng máy tính để tìm kiếm thông tin. Tổng diện tích thư viện 6000m<sup>2</sup>. Thư viện được tổ chức theo hình thức kho mở với phòng đọc 500 chỗ ngồi, phòng đa chức năng có 130 máy tính cho bạn đọc sử dụng và cán bộ làm việc, đáp ứng đủ nhu cầu phòng đọc, phòng mượn,



phòng tra cứu phục vụ học tập của SV, học viên và cán bộ, GV trong trường [H1.09.02-01]; [H1.09.02.02]. Hiện nay với việc đưa vào sử dụng tòa nhà thư viện mới hiện đại đạt tiêu chuẩn bậc cao cho phép đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV. [H1.09.02.03].

Thư viện mở cửa từ thứ hai đến thứ bảy, hai buổi mỗi ngày, phục vụ cán bộ, GV và SV đến Thư viện tra cứu, đọc và mượn tài liệu.

Hiện nay thư viện có 15.865 đầu sách tương đương với 156.222 bản sách; có 150 đầu báo và tạp chí. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ ĐT và NCKH của thư viện về cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và SV.

Với số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo tương đối phong phú, đa dạng, Thư viện đã cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Có đầy đủ sách giáo trình chính cũng như tài liệu tham khảo tối thiểu cho mỗi HP thuộc CTĐT, đáp ứng được yêu cầu của CBGV và SV [H1.09.02.02-05]. Để phục vụ cho CTĐT ngành Cử nhân Luật, thư viện Nhà trường đã trang bị chuyên ngành Luật 255 đầu sách với 1988 bản sách [H1.09.02.02-05B].

Ngoài ra, Thư viện Nhà trường còn được bổ sung hàng năm nguồn tài liệu nội sinh với hơn 3.000 cuốn luận văn, luận án, khoá luận, đề án tốt nghiệp. [H1.09.02.06]. Toàn bộ nguồn học liệu trong thư viện có bản quyền sử dụng, được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Libol, được đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu..., [H1.09.02.07].

Năm 2014, Nhà trường mua quyền truy cập khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trên mạng (Cơ sở dữ liệu tài liệu Khoa học và công nghệ Việt Nam; cơ sở dữ liệu ProQuest Central) do Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và Cục khoa học công nghệ Quốc gia cung cấp. Năm 2016, Nhà trường mua nguồn tài nguyên số từ website Tailieu.vn với hơn 1.400.000 tài liệu của Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vi Na; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0. Hiện tại trung tâm Thông tin – Thư viện có 3 máy chủ dùng để cài đặt Website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường. Thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng [H9.09.02.08]. Thư viện đã có cơ sở vật chất hiện đại với hệ thống 130 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng. Thư viện hoạt động với 5 tầng, được tổ chức theo hình thức kho mở với 4 phòng đọc 500 chỗ ngồi, 6 phòng học nhóm, 2 phòng hội thảo, 1 phòng quản trị mạng, 4 phòng làm việc nghiệp vụ, 1 kho lưu. Các phòng hội thảo, phòng đọc, phòng học nhóm được trang bị hệ thống camera, máy chiếu, điều hoà phục vụ người sử dụng thư viện [H1.09.02.8]. Năm 2014, nhà trường nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0. Hiện tại TTTT-TV có 4 máy chủ dùng để cài đặt Website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường [H1.09.02.09].

Từ năm học 2006 - 2007, thư viện nhà trường đã xây dựng website riêng để giới thiệu thông tin, tài liệu đến bạn đọc, qua đó bạn đọc dễ dàng tra cứu tài liệu, nhất là có thể đọc ở phần mềm Libol, danh mục tài liệu mới [H1.09.02.09]. Hàng năm thư viện mở lớp tập huấn cho SV đầu vào để hỗ trợ hướng dẫn cho SV sử dụng Thư viện. Thư viện còn tổ chức ngày sách giới thiệu quảng bá và hướng bạn đọc đến Văn hóa đọc

Nhà trường và TTTT-TV đã ban hành các văn bản quy định về quản lý, khai thác sử dụng thông tin, tài liệu và hướng dẫn quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu tại thư viện; toàn bộ nguồn học liệu thư viện được quản lý bằng phần mềm Libol 6.0, được đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu [H1.09.02.07].

Từ năm 2011, trung tâm tổ chức khảo sát thăm dò chất lượng phục vụ của đơn vị, sự hài lòng của SV nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng yêu cầu ĐT và NCKH. Kết quả hài lòng của SV hàng năm đạt trên 95% [H1.09.02.10].

Kết quả lấy ý kiến cho thấy hàng năm cho thấy, đa số bạn đọc cho rằng, tuy môi trường học tập, làm việc tại thư viện chưa hoàn hảo; nhưng thái độ phục vụ của nhân viên thư viện đều được ĐG cao [H1.09.02.11].

Để nâng cao nghiệp vụ thủ thư, quản lý thư viện. Hàng năm TTTT-TV đều cử cán bộ tham gia tập huấn các lớp ĐT ngắn hạn nhằm cập nhật thông tin và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ [H1.09.02.12].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống tài liệu, giáo trình chính, tài liệu tham khảo cho từng HP thuộc CTĐT ngành Cử nhân Luật học đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản cho việc dạy và học.

Hệ thống phần mềm quản lý tra cứu tư liệu hiện đại. Hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hóa, ebooks, liên kết đến thư viện,... Hệ thống mạng nội bộ, mạng liên kết với bên ngoài có có tốc độ cao liên kết chặt chẽ với các cơ sở dữ liệu khác trong cả nước đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản cho công tác ĐT, nghiên cứu của GV, của NH và các bên liên quan, cũng như chia sẻ thông tin với các thư viện ĐH khác.

Thư viện được đầu tư xây dựng mới đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn hiện đại, tiện nghi, đa chức năng. Khuôn viên nhà thư viện rộng rãi, thoáng mát, cơ sở vật chất, trang thiết bị mới đảm bảo đầy đủ nhu cầu về phòng đọc, phòng mượn, máy tính... cho nhu cầu học tập của bạn đọc.

Đội ngũ cán bộ nhân viên được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm đảm bảo chuyên môn trong công tác lưu trữ và phục vụ bạn đọc.

## **3. Điểm tồn tại**

Giáo trình, tài liệu tham khảo chưa phong phú. Nguồn tài liệu nội sinh còn ít, nguồn tài liệu điện tử chưa phong phú. Việc liên kết sử dụng chung nguồn tài liệu với các trường ĐH, các cơ sở ĐT khác, các nhà xuất bản còn hạn chế.

Việc khai thác tính năng của Thư viện điện tử vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Cụ thể như việc khai thác nguồn tài liệu số hóa, liên kết thư viện vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

## **4. Kế hoạch hành động**

- Năm học 2021 - 2022, TTTT-TV của nhà trường tăng cường bổ sung tài liệu đã số hóa, cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm dùng chung, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng hệ thống mạng máy tính, trong đó có mạng wifi tại thư viện và khu giảng đường để tăng cường việc liên kết sử dụng chung nguồn tài liệu với các trường ĐH và các cơ sở ĐT khác, tạo nguồn tài liệu điện tử phong phú hơn.

- Bổ sung giáo trình, học liệu học tập theo quy định còn thiếu theo quy định.

- Tăng cường những đầu sách cần thiết hơn đáp ứng với nhu cầu ĐT, đặc biệt là các sách mới xuất bản.

- Năm 2021, TTTT-TV của nhà trường lên kế hoạch hợp tác, liên kết, chia sẻ tài nguyên với các thư viện khác để có nguồn tài liệu phong phú hơn nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác, tìm kiếm tài nguyên thông tin của bạn đọc một cách hiệu quả, phục vụ tích cực cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CBGV, học sinh sinh viên của Trường và cả đối tượng ngoài trường khi có yêu cầu.

**5. Tự đánh giá: đạt 5/7 điểm.**

**Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường đã ban hành những quy định cụ thể về quy trình đầu tư, phát triển hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành, các trang thiết bị từ các nguồn kinh phí theo ngân sách và tự chủ trong đơn vị. Hiện nay, theo đặc thù ĐT ngành Cử nhân Luật phải có hệ thống phòng thực hành nghề Luật. Đáp ứng yêu cầu này, nhà trường đang làm đề án xây dựng phòng thực hành rèn nghề cho SV Luật [H1.09.03.01].

Bên cạnh đó, SV còn được sử dụng 05 phòng máy vi tính tại Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông để thực hành môn tin học văn phòng và 02 phòng máy tính với 150 máy để thi các HP thi trắc nghiệm trên máy, HP tiếng Anh 1, 2, 3 và tiếng Anh CDR [H1.09.03.02]. Hàng năm, nhà trường dành một phần kinh phí nhất định cho việc sửa chữa, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất này đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nhiệm vụ học tập và nghiên cứu.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý website và công nghệ thông tin của nhà trường có 06 cán bộ ( trong đó có 01 PGS.TS; 03 ThS công nghệ thông tin và 02 cử nhân), riêng giảng đường A6.A của khoa được nhà trường cử 01 cán bộ chuyên trách về kỹ thuật điện - điện tử phụ trách mở, tắt máy và theo dõi tiến trình hoạt động của hệ thống máy móc, thiết bị và kịp thời sửa chữa khi hệ thống máy móc thiết bị gặp sự cố trong quá trình dạy học của GV và SV khoa LLCT - Luật [H1.09.03.02]. Hàng năm, khoa xây dựng kế hoạch mua mới, bổ sung và nâng cấp nhằm thay thế các trang thiết bị đã hỏng [H1.09.03.03]

Hàng năm, Phòng Quản trị thiết bị - vật tư, tổ chức lấy ý kiến GV, SV của khoa về sự hài lòng đối với hiệu quả hoạt động của các cá nhân phụ trách để kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ góp phần nâng cao chất lượng ĐT. Kết quả lấy ý

kiến cho thấy có trên 80% số ý kiến hài lòng và rất hài lòng về hiệu quả phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên [H1.09.03.04].

### **2. Điểm mạnh**

Hệ thống cán bộ chuyên trách đầy đủ, được ĐT cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và SV.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc xây dựng phòng thực hành Pháp luật cho khoa của nhà trường còn chậm.

### **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường cần sớm có kế hoạch xây dựng phòng thực hành cho khoa LLCT -Luật

**5. Tự đánh giá: đạt 5/7 điểm.**

## **9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Khoa LLCT - Luật được đầu tư, cung cấp đầy đủ thiết bị công nghệ thông tin như máy vi tính được kết nối mạng internet các phòng học được phủ sóng wifi tốc độ cao hỗ trợ hoạt động dạy học, NCKH, công tác quản lý và điều hành của khoa nói chung và SV ngành Cử nhân Luật nói riêng. Với 06 bộ máy vi tính phục vụ công tác quản lý của đơn vị và 177 máy tính để bàn phục vụ dạy học môn tin học văn phòng, tin học đại cương dùng chung cho SV trong toàn trường [H1.09.04.01].

Năm 2001, nhà trường được Bộ GD&ĐT tài trợ dự án Giáo dục ĐH trang bị 3 máy chủ, 91 máy tính (trong đó có 3 máy xách tay), 4 máy Photo Copy, 22 máy điều hòa... [H1.09.02.02]. Hiện tại, nhà trường trang bị 16 máy chủ, 50 máy tính xách tay và 938 máy tính để bàn phục vụ công tác quản lý và đáp ứng nhu cầu chuyên môn [H1.09.04.02]. Ngoài ra, nhà trường đầu tư, xây dựng các phòng máy tính phục vụ học tập, thực hành công nghệ thông tin của Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông, gồm: 01 máy chủ, 02 máy tính xách tay, 177 máy tính để bàn và một số thiết bị tin học khác phục vụ cho việc dạy, học tin học chung trong toàn trường và thực hiện các đề tài NCKH, thực hành chuyên môn [H1.09.04.01].

Hệ thống phần mềm có bản quyền được trang bị đủ cho tất cả các hoạt động chính bao gồm: phần mềm quản lý ĐT, phần mềm chấm thi trắc nghiệm VTS cho phòng ĐBCL&KT, phần mềm thư viện LIBOL cho TTTT-TV. Hiện nay đang đưa vào sử dụng phần mềm Hệ thống quản lý giáo dục PMT-EMS của công ty TNHH tiến bộ Sài Gòn (ASCVN)... Các phần mềm này có bản quyền sử dụng và giao cho các đơn vị chức năng quản lý [H1.09.04.02].

Cơ sở chính có hệ thống mạng liên thông tất cả các phòng làm việc với tổng số 263 nút mạng. Riêng phòng 707 là phòng dùng chung cho các tiết học trực tuyến của các lớp trong trường với hệ thống máy móc, âm ly, micro, loa, trang âm, camera, máy chiếu, màn hình lớn... bị hiện đại đáp ứng rất tốt cho các hoạt động trực tuyến của nhà trường. [H1.09.04.03]

Kết quả lấy ý kiến cán bộ, GV và học sinh sinh viên về chất lượng của hệ thống thông tin phục vụ cho công tác ĐT của nhà trường trong những năm qua đều đạt mức hài lòng trên 80%. Các sự cố kỹ thuật về hệ thống kỹ thuật thông tin như: máy chiếu, máy tính, đường truyền tại các phòng học, các khoa... đều đã được xử lý một cách nhanh chóng kịp thời.

### **2. Điểm mạnh**

Hệ thống phòng học trực tuyến, máy vi tính, máy chiếu đa năng và các thiết bị tin học hiện có của nhà trường nói chung và khoa LLCT - Luật nói riêng đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của đội ngũ CBGV, học sinh sinh viên.

Hệ thống giảng đường và phòng làm việc trong khoa được lắp đặt hệ thống mạng và hệ thống wifi để CBGV và học sinh sinh viên làm việc, học tập, tra cứu thông tin.

### **3. Điểm tồn tại**

Tính đồng bộ của hệ thống công nghệ thông tin chưa đồng đều. Việc kiểm tra, giám sát và sửa chữa hệ thống thông tin phục vụ dạy học, NCKH đôi khi còn chưa kịp thời chủ yếu là do người sử dụng báo lên.

Máy tính tại một vài phòng làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của CBGV.

Tính chủ động của GV và SV trong việc áp dụng hệ thống công nghệ thông tin, thông tin tài liệu tại thư viện nhà trường để tìm kiếm dữ liệu, tài liệu còn chưa cao.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường và phòng chức năng thực hiện rà soát, điều chỉnh và sửa đổi quy trình kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị hệ thống thông tin trong trường.

Trong năm học tới, nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế một số máy tính cấu hình thấp.

### **5. Tự đánh giá: đạt 5/7 điểm**

## **9.5. Tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường ĐHHĐ là một cơ sở giáo dục có môi trường xanh - sạch - đẹp và an toàn. Nhà trường đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm...[H1.09.05.01]. Nhà trường có quy định cụ thể về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe có lưu ý đến người khuyết tật. Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, ký túc xá, nhà ăn, căn tin... đều được thiết kế hệ thống đường dành riêng cho người khuyết tật và công khai các bảng nội quy, quy định.

Với quy mô hơn 9.000 SV, 695 CBVC&LD, có thể nói Trường ĐHHĐ là nơi tập trung đông người của thành phố Thanh Hoá, vì thế Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Nhà trường đã phối hợp với cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh Thanh Hoá tổ

chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ [H1.09.05.02]

Ban Bảo vệ được chia thành 02 tổ công tác, đảm bảo phân ca trực 24/24 giờ trong ngày, chia thành 3 ca, mỗi ca có từ 2-3 người trực theo các vị trí được phân công trong toàn bộ khuôn viên Nhà trường, cán bộ trực được trang bị đầy đủ dụng cụ, các đồ bảo hộ phục vụ cho công tác tuần tra, đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1.09.05.03]. Tuy nhiên, tình trạng mất trật tự các thiết bị dạy học, máy tính, điện thoại di động tại các giảng đường và khu nội trú vẫn còn diễn ra.

Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể cán bộ viên chức - lao động và SV trong nhà trường thông qua “Tuần sinh hoạt công dân học sinh sinh viên” đầu khóa, các hội nghị về công tác SV và được quy định cụ thể trong Nội quy ra vào cơ quan, nội quy ra vào khu Nội trú, nội quy phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành... Trong đó, nhà trường đặc biệt quan tâm và luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm để hỗ trợ tốt nhất cho SV, đặc biệt là SV bị khuyết tật; tăng cường trồng cây xanh, tạo bóng mát đảm bảo môi trường luôn trong sạch, thông thoáng góp phần nâng cao sức khỏe cho cán bộ viên chức - lao động và SV [H1.09.05.05, 06]. 100% SV ký cam kết chấp hành pháp luật về an ninh trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường; trong nhiều năm qua, nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về an ninh trật tự”.

Trạm Y tế hướng dẫn quy trình đảm bảo vệ sinh môi trường chung và tổ chức khám sức khỏe đầu vào cho 100% thí sinh trúng tuyển hệ chính quy nhập học; khám sức khỏe định kỳ cho SV 1 lần/năm học; tổng hợp kết quả khám, phân loại sức khỏe, cập nhật vào sổ khám bệnh, hồ sơ quản lý sức khỏe của từng SV và thực hiện công tác bảo hiểm y tế cho SV đúng theo luật và tổng hợp, báo cáo theo quy định. Đặc biệt, những SV khuyết tật được nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở tầng 1 ký túc xã, được khám sức khỏe theo nhu cầu [H1.09.05.06]

Hàng năm, nhà trường lấy ý kiến phản hồi của cán bộ viên chức - lao động, SV và các bên liên quan thông qua nhiều kênh, như tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức - lao động, hội nghị đối thoại, Hội nghị giao ban để cán bộ viên chức - lao động, SV và các bên liên quan đóng góp ý kiến về môi trường, sức khỏe và an toàn trong quá trình triển khai, thực hiện của nhà trường, kết quả cho thấy phần lớn cán bộ viên chức - lao động, SV và các bên liên quan hài lòng cao với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe, đảm bảo an toàn về an ninh trật tự khi tham gia làm việc, học tập, nghiên cứu tại trường

## **2. Điểm mạnh**

Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể cán bộ viên chức - lao động và SV. Các quy định/ tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn (bao gồm cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội) được xác định và triển khai có hiệu quả, trong đó có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Công tác an ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo có sự phối kết hợp chặt chẽ với

các đơn vị an ninh trên địa bàn trường. Khuôn viên nhà trường rộng rãi, thoáng mát và luôn đảm bảo môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Tại hầu hết các tòa nhà đều có công trình đường, nhà vệ sinh, ... dành riêng cho người khuyết tật.

### **3. Điểm tồn tại**

Chưa có quy định cụ thể các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn cụ thể trong đơn vị;

Hiện tượng vi phạm nội quy trong ký túc xá vẫn còn xảy ra. Một số SV vẫn chưa mua bảo hiểm y tế.

### **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản về môi trường, y tế, an ninh trật tự; tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe, an toàn.

Kiểm soát được người ra, vào cổng trường; phối hợp chặt chẽ với Công an các cấp, các đơn vị chức năng trong nhà trường tuần tra, giám sát trong toàn bộ khuôn viên nhà trường để phát hiện và ngăn chặn kịp thời kẻ gian vào trường ăn trộm, gây mất an ninh trật tự trường học.

Tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ viên chức - lao động, SV về công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn; kiện toàn Trung đội dân quân tự vệ, đội cờ đỏ; tập huấn nghiệp vụ và diễn tập.

Tiếp tục thực hiện theo Quyết định 338/QĐ-BGDĐT ngày 30/01/2018 về Kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018-2020 của ngành Giáo dục và Nghị định 86/2015/NĐ-CP.

**5. Tự đánh giá: đạt 5/7 điểm.**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 9**

Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học đáp ứng nhu cầu dạy và học là một trong những mối quan tâm hàng đầu trong chiến lược phát triển lâu dài và bền vững của nhà trường. Trong những năm qua hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường đang ngày một được hoàn thiện, nâng cấp đáp ứng tốt nhất, nhu cầu của công tác dạy và học. Với những nỗ lực của hệ thống chính trị nhà trường với những chính sách phát triển cơ sở vật chất phù hợp, Khoa LLCT - Luật trường ĐHHĐ đã xây dựng được một hệ thống cơ sở vật chất trang thiết bị đảm bảo, đầy đủ và ngày càng hiện đại đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu dạy và học trong tình hình mới.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tiêu chuẩn 9 đạt 5/5 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

#### **Mở đầu**

Ngành Cử nhân Luật là một ngành mới của Trường ĐHHĐ, luôn nhận được sự quan tâm và đầu tư của lãnh đạo nhà Trường và lãnh đạo khoa LLCT - Luật. Để nâng cao chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật, trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT,

bên cạnh việc nâng cao chất lượng đội ngũ GV, hiện đại hoá cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy và học,... thì thông tin phản hồi từ các tổ chức xã hội nghề nghiệp, chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhà SDLĐ, cựu SV được nhà trường và khoa ĐT xác định là một trong những cơ sở, căn cứ quan trọng. Để CTĐT ngành Cử nhân Luật đảm bảo tính khoa học và tính ứng dụng, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động, nhà trường và khoa ĐT luôn xác định phải thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật và phát triển CTĐT. Việc bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTĐT được thực hiện dựa trên những cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn cụ thể. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Cử nhân Luật được tiến hành đồng bộ, từ số lượng các HP, số TC cho từng HP đến phương pháp, phương tiện dạy và học; phương pháp, hình thức kiểm tra, ĐGCL học tập của SV nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT.

***Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình***

***1. Mô tả hiện trạng***

Trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT, thông tin phản hồi từ chuyên gia, GV, nhà SDLĐ, SV được lãnh đạo Nhà trường và lãnh đạo Khoa LLCT - Luật xác định là một trong những cơ sở quan trọng cho việc thiết kế, điều chỉnh và phát triển CTĐT. Chính vì vậy, ngay từ năm 2008, Nhà trường đã thành lập trung tâm phát triển ĐT và hỗ trợ học tập (TT. PTĐT&HTHT), đơn vị chuyên trách trong việc thu thập thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân bên ngoài trường. Hiện nay bộ phận này thuộc Phòng Công tác học sinh sinh viên [H1.10.01.01]

Để đảm bảo tính khoa học, sự cập nhật trong thiết kế và phát triển CTĐT, Nhà trường luôn căn cứ vào quy định của Bộ GD&ĐT, đường lối chủ trương phát triển giáo dục – ĐT của Đảng và nhà nước; các văn bản, các thông tư của Bộ GD&ĐT ban hành về tiêu chuẩn ĐT trình độ ĐH [H1.10.02.07] và Trường đã ban hành quy định xây dựng, điều chỉnh CTĐT ĐH theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực SV tại trường ĐHHĐ [H1.10.02.06]; quy định ĐT ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC tại ĐHHĐ [H1.10.01.04]; Quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh bổ sung CTĐT theo hướng phát huy năng lực và định hướng ứng dụng nghề nghiệp; Quyết định ban hành Khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành ĐT ĐH định hướng ứng dụng và phát huy năng lực SV tại trường ĐHHĐ; quy định phê duyệt CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực SV [H1.01.02.01].

Để công tác thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, nhà trường đã thành lập: Ban chỉ đạo và Tổ khảo sát về tình hình việc làm và thu nhập của SV chính quy; Ban khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp và ý kiến của nhà SDLĐ về chất lượng ĐT của Nhà trường [H1.10.01.02], Ban hành “quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV đối giảng dạy của GV và quá trình ĐT của trường ĐHHĐ; thành lập Ban chỉ đạo và tổ công tác lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng hoạt động giảng dạy của GV và chất lượng quá trình ĐT của Nhà trường; [H1.10.01.03];



xây dựng: Kế hoạch lấy ý kiến về chất lượng hoạt động giảng dạy HP và chất lượng quá trình ĐT trước khi kết thúc khóa học thông qua SV; Kế hoạch lấy ý kiến đối với dịch vụ giáo dục và chất lượng quá trình ĐT tại trường ĐHHĐ,... [H1.10.01.03]. Trên cơ sở kế hoạch của Trường, Khoa LLCT - Luật đã chủ động lên kế hoạch và phối kết hợp chặt chẽ với Phòng công tác HSSV, Phòng đảm bảo chất lượng và khảo thí tiến hành thiết kế mẫu phiếu khảo sát, xây dựng nội dung khảo sát, cách thức khảo sát, thu thập và xử lý thông tin [H1.01.01.10] tiến hành tập hợp, xử lý và tổng hợp kết quả phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan một cách có hệ thống và chính xác nhất [H1.01.01.10].

Về phía Khoa, trên cơ sở các quyết định, quy định và những văn bản hướng dẫn của Nhà trường về thiết kế, rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT của trường ĐHHĐ, từ năm 2015-2016, Nhà trường đã thành lập Tổ soạn thảo CTĐT. Để có cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng, thiết kế CTĐT, Khoa đã thành lập bộ phận thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan đến CTĐT ngành Cử nhân Luật. bộ phận đó bao gồm: Hội đồng khoa, Trợ lý công tác HSSV, giáo vụ khoa, Trưởng các BM trong khoa.

Tổ khảo sát đã tiến hành khảo sát đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đã và đang SDLĐ là SV Cử nhân Luật trường ĐHHĐ, các SV đang theo học ngành Cử nhân Luật tại Trường, các chuyên gia, GV am hiểu và trực tiếp giảng dạy CTĐT ngành Cử nhân Luật. Nội dung khảo sát rất đa dạng như mục tiêu ĐT có rõ ràng không, Nội dung CTĐT có phù hợp với mục tiêu và CĐR không, số lượng các HP có phù hợp không, có được cập nhật, đổi mới không, tỷ lệ phân bổ khối lượng kiến thức lý thuyết, thảo luận, tự học giữa các HP có phù hợp không, CĐR đã đáp ứng được các kiến thức, kỹ năng mà nhu cầu xã hội không, đề cương HP có cung cấp đủ thông tin giúp SV đạt được CĐR không, phương pháp giảng dạy đang áp dụng có phù hợp với CĐR không,... kết quả khảo sát cho thấy, đa số các bên liên quan đều ĐG cao tính lô gics, tính phù hợp giữa mục tiêu, CĐR với CTĐT, các phương pháp giảng dạy phù hợp [H1.01.03.01], [H1.01.01.10].

Trong quá trình thu thập thông tin làm cơ sở cho việc điều chỉnh CTĐT, Tổ soạn thảo CTĐT luôn tranh thủ sự tư vấn, góp ý và phản biện của Hội đồng Khoa [H1.03.01.01].

Để có thông tin đa chiều và khách quan, ngoài việc khảo sát các ý kiến của nhà SDLĐ, GV, Chuyên gia. Tổ soạn thảo rà soát, điều chỉnh CTĐT còn tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đang học ngành Cử nhân Luật tại trường về nội dung, thời gian học tập các HP, chất lượng giảng dạy của GV, tính phù hợp của các hình thức kiểm tra, ĐG kết quả học tập, về thái độ phục vụ của các dịch vụ công phục vụ quá trình ĐT [H1.01.01.10][H1.10.01.03]

Việc khảo sát được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như qua phiếu khảo sát; phỏng vấn gián tiếp qua điện thoại. Về nội dung của các hình thức khảo sát chủ yếu xoay xung quanh tính khoa học, tính phù hợp với định hướng ĐT, với mục tiêu và CĐR của CTĐT của từng HP, của các hình thức kiểm tra, ĐG đang được áp dụng

hiện nay;. [H1.01.01.09], Qua đó, tổ xây dựng CTĐT thấy được những mặt mạnh, mặt còn hạn chế trong CTĐT ngành Cử nhân Luật hiện hành, từ đó kế thừa những mặt tốt, đề xuất các phương án điều chỉnh, bổ sung, hiệu chỉnh CTĐT theo hướng ngày càng tiên tiến, phù hợp hơn với CĐR và đáp ứng tốt yêu cầu về của thị trường lao động.

Sau khi có kết quả khảo sát, tổ soạn thảo, rà soát và điều chỉnh CTĐT ngành Cử nhân Luật phối kết hợp với bộ phận kỹ thuật nhà trường xử lý kết quả khảo sát một cách nghiêm túc, kết quả thu được tổng hợp trong các báo cáo trình lãnh đạo Khoa, [H1.01.01.10] và được tổ soạn thảo khai thác, sử dụng làm căn cứ để thiết kế CTĐT.

Ngoài ra, trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT Ngành Cử nhân Luật của Trường ĐHHĐ, Tổ soạn thảo còn tham khảo CTĐT Cử nhân Luật của nhiều trường ĐH có uy tín ở Việt Nam như: ĐH Luật Hà Nội, ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Luật của ĐH quốc gia Hà Nội [H1.01.03.02]. Cụ thể, Tổ soạn thảo CTĐT đã tham khảo khung CTĐT ĐT ngành Cử nhân Luật của ĐH Luật Hà Nội, ĐH Luật thành phố Hồ Chí Minh; tham khảo việc phân bổ các HP trong từng học kỳ, các HP tự chọn, các HP tiên quyết, các HP bắt buộc, các HP chuyên ngành,... của trường ĐH Luật Hà Nội, trường ĐH Luật thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Luật ĐH quốc gia, [H1.01.03.02]; [H1.01.03.03b].

Chính nhờ coi trọng công tác thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan; công tác xử lý thông tin được thực hiện một cách chính xác, khoa học; nhờ coi trọng công tác đối sánh CTĐT ngành Cử nhân Luật của Trường ĐHHĐ với ngành Luật của các trường ĐH có uy tín, có bề dày ĐT Luật học trong nước mà tổ soạn thảo, xây dựng CTĐT ngành Cử nhân Luật của Trường ĐHHĐ đã nắm bắt được nhu cầu của xã hội về ngành Cử nhân Luật; thấy được những điểm mạnh, những hạn chế tồn tại của CTĐT ngành Cử nhân Luật của Nhà trường từ đó đề xuất các phương án điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Nhờ vậy mà CTĐT ngành Cử nhân Luật ngày càng khoa học, phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn, khắc phục được những hạn chế, tồn tại của các CTĐT trước.

Kết quả là từ năm 2016 đến nay, khoa LLCT - Luật đã 3 lần tiến hành xây dựng, hiệu chỉnh, phát triển CTĐT cho ngành Cử nhân Luật vào các năm 2016, 2017, 2019 và hiện đang tiến hành rà soát CTĐT cho năm 2021. [H1.01.01.06].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thành lập sớm. Cơ chế phối hợp giữa các bộ phận thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin làm việc hiệu quả, đồng bộ từ cấp trường đến cấp khoa và được tiến hành thường xuyên, liên tục. Các thông tin phản hồi từ các đơn vị, các cá nhân có liên quan về CTĐT sau khi được Nhà trường, Khoa kiểm chứng đã được sử dụng làm cơ sở để xây dựng, thiết kế và chỉnh sửa các CTĐT. Nhờ có được cơ chế phản hồi thông tin nhanh chóng và hiệu quả mà CTĐT ngành Cử nhân Luật liên tục được cập nhật, điều chỉnh, ngày càng khoa học, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, các SV tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật tại trường ĐHHĐ chất lượng ngày càng cao.

### **3. Điểm tồn tại**

Ngành Cử nhân Luật là một ngành ĐT mới, số lượng SV ra trường còn chưa nhiều, nên việc ĐG của các bên liên quan chưa nhiều và chưa toàn diện. Chưa tiến hành khảo sát được cựu SV trong quá trình điều chỉnh CTĐT.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022, Khoa và Nhà trường tăng cường mối quan hệ, hợp tác với các doanh nghiệp, nhà SDLĐ, đặc biệt là các doanh nghiệp trong tỉnh, tăng số lượng đơn vị, cá nhân lấy ý kiến góp ý điều chỉnh CTĐT đảm bảo độ thiết thực. Sử dụng hiệu quả thông tin phản hồi của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và hiệu chỉnh CTĐT. Phát huy hơn nữa vai trò của Hội cựu SV với quá trình xây dựng CTĐT thông qua các cuộc hội thảo góp ý về chương trình hàng năm.

Tiếp tục củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Khoa, Nhà trường với các nhà SDLĐ nhằm tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp cho SV của Khoa sau khi tốt nghiệp.

### **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm.

**Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

CTDH được ví như một bản thiết kế tổng thể, mô tả toàn bộ nội dung cần ĐT, quy trình cần thiết để thực hiện nội dung ĐT, các phương pháp ĐT và cách thức kiểm tra, ĐG kết quả học tập và tất cả được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ, khoa học.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của CTDH, lãnh đạo trường ĐHHĐ, lãnh đạo Khoa LLCT - Luật đã luôn quan tâm và có những chỉ đạo quyết liệt cho công tác này. Trước hết, Nhà trường cho thành lập các tổ soạn thảo CTDH, có những văn bản hướng dẫn cụ thể cho công tác này [H1.10.02.01]; [H1.10.01.03].

Về phía khoa LLCT – Luật, để tiến hành thiết kế và phát triển CTDH ngành Cử nhân Luật, Ban chủ nhiệm khoa đã xây dựng kế hoạch; thành lập tổ soạn thảo, rà soát CTDH; phân công công việc cho từng thành viên; xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng nội dung công việc... Tiếp đến, tổ soạn thảo CTDH nghiên cứu kỹ các văn bản, các hướng dẫn, quy định, quy trình thực hiện việc thiết kế và phát triển CTDH [H1.10.02.02]. Sau đó, tiến hành khảo sát các bên liên quan về CTDH đã và đang thực hiện. Việc khảo sát thường thông qua bảng hỏi, thông qua điện thoại trực tiếp. Đối tượng, nội dung, địa điểm, thời gian khảo sát được chọn lọc theo nguyên tắc: khách quan, khoa học và cập nhật, đảm bảo những thông tin thu nhận được có giá trị thực tiễn và độ tin cậy cao. Sau khi có kết quả khảo sát, tổ soạn thảo tiến hành tổng hợp và xử lý kết quả khảo sát. Trên cơ sở kết quả khảo sát các bên liên quan, tổ soạn thảo rà soát CTDH ngành Cử nhân Luật của Trường ĐHHĐ còn tiến hành đối sánh với CTDH ngành Cử nhân Luật của các cơ sở ĐT Luật có uy tín trong nước hiện nay như ĐH Luật Hà Nội, ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Luật của ĐH quốc gia Hà Nội [H1.01.03.02] [H1.01.03.03b].

Sau quá trình đối sánh, tổ soạn thảo CTDH ngành Cử nhân Luật của Trường ĐHHĐ đã bàn bạc, thống nhất những nội dung cần kế thừa, những nội dung cần bổ sung và cải tiến. Do vậy, CTDH ngành Cử nhân Luật của Trường ĐHHĐ có sự tương thích với CTĐT Cử nhân Luật của các trường ĐH trong nước ta về khung chương, về phân bổ các HP ở từng học kỳ, về điều kiện tiên quyết của các HP song khác nhau về tổng số TC, số lượng các HP tự chọn, các HP chuyên ngành, các HP kỹ năng... Sự khác nhau này là nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực ngành Cử nhân Luật; bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR mà CTDH đã công bố [H1.01.01.10].

Tiếp theo, căn cứ vào định hướng ĐT của Nhà trường là tăng tính ứng dụng, phát huy tối đa năng lực SV; căn cứ vào những góp ý, những kiến nghị, khuyến nghị của các bên liên quan [H1.01.03.01], tổ soạn thảo đề xuất các phương án điều chỉnh CTDH, dự kiến những nội dung thay đổi, điều chỉnh sau đó trình bày, báo cáo trước Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định CTDH của khoa. Mọi sự điều chỉnh, bổ sung, chỉ được quyết định khi có sự thống nhất và cho phép của Hội đồng thẩm định và lãnh đạo khoa [H1.01.01.09].

Với quy trình làm việc dân chủ, khoa học như vậy nên sau mỗi lần rà soát, điều chỉnh, CTDH ngành Cử nhân Luật ngày càng logic hơn, tinh gọn hơn, hiện đại hơn, đảm bảo đảm bảo cho SV tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, kiến thức từ đại cương đến chuyên ngành; số giờ thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu tăng, giúp cho SV phát triển các kỹ năng thực hành nghề luật, phù hợp với CĐR đã công bố [H1.01.01.07b,c] [H1.01.01.13],[H1.03.01.03].

**Bảng 10.02.01 Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung CTDH 2016**

TT	Nội dung trong CTĐT hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, cập nhật	Lý do
1. Điều chỉnh số TC	Luật hình sự 2 (3TC)	Luật hình sự 2 (4 TC)	phù hợp với CTĐT của ngành, theo xu hướng ứng dụng nghề nghiệp
	Xây dựng VBPL (3TC)	Xây dựng VBPL (2TC)	
	Luật thi hành án dân sự (3TC)	Luật thi hành án dân sự (2TC)	
	Luật môi trường (3TC)	Luật môi trường (2TC)	
	Luật sư, công chứng, hộ tịch (2 TC)	Luật sư, công chứng, hộ tịch (3 TC)	
	Khoa học điều tra tội phạm (2 TC)	Khoa học điều tra tội phạm (3 TC)	
	Luật chứng khoán (2 TC)	Luật chứng khoán (3 TC)	
	kỹ năng tư vấn PL trong lĩnh vực thương mại (3TC)	kỹ năng TVPL trong lĩnh vực thương mại (2TC)	
	- Lịch sử văn minh thế giới (2TC),		

2. Bỏ, bổ sung, thay thế HP	- Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC), - Xã hội học đại cương (2TC), - Luật La mã (2TC), - Luật bình đẳng giới (3 TC), - Lịch sử NN và PL thế giới (2TC), - kỹ năng TVPL trong lĩnh vực hình sự (2TC), - kỹ năng TVPL trong lĩnh vực dân sự (2TC), - kỹ năng TVPL trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình (2TC)	Bỏ	Theo nhu cầu ĐT và thực tế giảng dạy.
	kỹ năng TVPL trong lĩnh vực lao động (2TC)	Pháp luật về BTTH ngoài hợp đồng (2 TC)	Theo nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng lao động.
3. Điều chỉnh kế hoạch giảng dạy	Lịch sử các học thuyết chính trị (học kỳ I)	Chuyển sang học kỳ II	Đảm bảo điều kiện tiên quyết và phù hợp với lịch trình giảng dạy và mục tiêu của CTĐT
	Luật học so sánh (HK IV)	Chuyển sang học kỳ III	
	Luật môi trường (HK V)	Chuyển sang học kỳ III	
	Pháp luật về phòng chống tham nhũng (HK VII)	Chuyển sang học kỳ VI	
	kỹ năng chung TVPL (HK III)	Chuyển sang học kỳ VI	
	kỹ năng soạn thảo VB hành chính thông dụng (HK III)	Chuyển sang học kỳ IV	
	Luật Tổ tụng hành chính (HK VII)	Chuyển sang học kỳ IV	
	Thanh tra, khiếu tố (HK VII)	Chuyển sang học kỳ IV	
	Luật sư, công chứng, hộ tịch (HK IV)	Chuyển sang học kỳ V	
	Khoa học điều tra tội phạm (HK IV)	Chuyển sang học kỳ V	
kỹ năng TVPL trong lĩnh	Chuyển sang học kỳ VII		

	vực thương mại (HK VI)		
4. Thực tập tốt nghiệp, Viết khóa luận tốt nghiệp, Học các HP thay thế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ điều kiện;</li> <li>- Đăng ký học và thi các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;</li> <li>- Thực tập tốt nghiệp và học các môn học thuộc khối kiến thức GD chuyên nghiệp (10 TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực tập tốt nghiệp (4TC)</li> <li>- Viết Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ điều kiện (6TC)</li> <li>- Thực tập tốt nghiệp (4TC)</li> <li>- Đăng ký học và thi các môn học thuộc khối kiến thức GD chuyên nghiệp ( Luật sở hữu trí tuệ; Luật đầu tư; Luật an sinh xã hội) (6TC)</li> </ul>	Việc thực tập tốt nghiệp là bắt buộc để SV bước đầu làm quen với môi trường công việc và vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn.

**Bảng 10.02.02: Những nội dung đề nghị được sửa đổi, bổ sung, cập nhật CTDH 2017**

TT	Nội dung trong CTĐT hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, cập nhật	Lý do
1. Điều chỉnh số TC	Luật Hiến Pháp (4 TC)	Luật Hiến Pháp (3 TC)	phù hợp với CTĐT của ngành, theo xu hướng ứng dụng nghề nghiệp.
	Luật Hành chính (4TC)	Luật Hành chính (3TC)	
	Công pháp quốc tế (4TC)	Công pháp quốc tế (3TC)	
	Tư pháp quốc tế (4TC)	Tư pháp quốc tế (3TC)	
	Tổ tụng hình sự (3TC)	Tổ tụng hình sự (2TC)	
	Tổ tụng dân sự (3TC)	Tổ tụng dân sự (2TC)	
	Luật Thương mại quốc tế (3TC)	Luật Thương mại quốc tế (2TC)	
	Luật sư, công chứng, hộ tịch (3TC)	Luật sư, công chứng, hộ tịch (2TC)	
	Khoa học điều tra tội phạm (3TC)	Khoa học điều tra tội phạm (2TC)	
	Luật ngân hàng (3TC)	Luật ngân hàng (2TC)	
	Luật chứng khoán (3TC)	Luật chứng khoán (2TC)	
	kỹ năng chung về tư vấn pháp luật (2TC)	kỹ năng chung về tư vấn pháp luật (3TC)	
	Thanh tra, khiếu tố (2TC)	Thanh tra, khiếu tố (3TC)	
2. Bỏ, bổ sung, thay thế HP	Luật Tổ tụng hành chính (2TC)	Bỏ HP	phù hợp với CTĐT của ngành
	kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại (2TC)		
	kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai		

	(2TC)		
	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)		
	Môi trường và con người (2TC)		
	Phương pháp nghiên cứu luật học (2TC)	Bổ sung HP	phù hợp với yêu cầu phát huy năng lực của NH.
	Luật La mã (2TC)		
	Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới (2TC)		
	Logic học đại cương (Hp bắt buộc)	Logic học đại cương (Hp tự chọn)	phù hợp với CTĐT của ngành
3. Điều chỉnh kế hoạch giảng dạy	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)	HP bổ sung, học tại Kỳ I	
	Môi trường và con người (2TC)	HP bổ sung, học tại Kỳ IV	
	Phương pháp nghiên cứu luật học (2TC)	HP bổ sung, học tại Kỳ VI	
	Luật La mã (2TC)	HP bổ sung, học tại Kỳ II	
	Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới (2TC)	HP bổ sung, học tại Kỳ II	
	Thanh tra, khiếu tố (HK IV)	Chuyển sang học kỳ VII	Đảm bảo điều kiện tiên quyết và phù hợp với lịch trình giảng dạy và mục tiêu của CTĐT
	Tâm lý học đại cương (HK II)	Chuyển sang học kỳ VII	
	kỹ năng soạn thảo VB HC thông dụng (HK IV)	Chuyển sang học kỳ VII	
	Xây dựng VB pháp luật (HK II)	Chuyển sang học kỳ IV	
4. Thực tập tốt nghiệp, Viết khóa luận tốt nghiệp/ Học các HP thay thế	- Thực tập tốt nghiệp (4TC) - Viết Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ điều kiện (6TC)	- Thực tập tốt nghiệp (5TC) - Viết Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ điều kiện (6TC)	Tăng thời lượng thực tập lên 01 TC theo đề nghị của SV, của CBGV và của các đơn vị tuyển dụng lao động.
	- Thực tập tốt nghiệp (4TC) - Đăng ký học và thi các HP thay thế (Luật sở hữu trí tuệ; Luật đầu tư; Luật an sinh xã hội) (6TC)	- Thực tập tốt nghiệp (5TC) - Đăng ký học và thi các HP thay thế (Luật sở hữu trí tuệ; Luật đầu tư; Luật an sinh xã hội) (6TC)	Giúp SV bước đầu làm quen với môi trường công việc và vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn.

**Bảng 10.02.03. Những nội dung đề nghị được sửa đổi, bổ sung, cập nhật CTDH 2019**

TT	Nội dung trong CTĐT hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, cập nhật	Lý do
1. Thay đổi điều kiện tiên quyết	Luật Tài chính (ĐK tiên quyết: Luật Hành chính)	Luật Tài chính (ĐK tiên quyết: Luật thương mại 1)	phù hợp với cấu trúc và trình tự logic của CTĐT cũng như đạt được CDR của môn học.
2. Thay đổi Giáo trình và tài liệu tham khảo	11.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo các HP chuyên ngành Luật	11.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo các HP chuyên ngành Luật (Rà soát, sắp xếp, bổ sung, thay thế các tài liệu cho phù hợp của tất cả các HP)	Sau 2 năm thực hiện CTĐT, các văn bản pháp luật liên quan đến các HP chuyên ngành luật đã có sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Do vậy, học liệu các môn học này phải thay đổi để phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.

Sau khi Tổ soạn thảo, rà soát, điều chỉnh CTDH của Khoa thống nhất phương án, nội dung điều chỉnh, lãnh đạo khoa sẽ trình lên nhà trường kết quả điều chỉnh. Trước khi phê duyệt, Tổ soạn thảo CTDH Trường chỉ đạo các bộ phận chức năng tiến hành tham vấn ý kiến các chuyên gia về xây dựng CTDH, đối sánh các văn bản, quy định, quy trình hiện hành về xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTDH do Bộ GD&ĐT ban hành, nếu đã phù hợp và chính xác, Hiệu trưởng sẽ phê duyệt và cho phép thì Khoa ĐT thực hiện theo CTDH đó.

Tóm lại, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Cử nhân Luật được thực hiện một cách chặt chẽ, theo đúng quy trình, đảm bảo tính pháp lý, tính thực tiễn và từ năm 2015 đến nay, CTDH ngành Cử nhân Luật được hiệu chỉnh 3 lần vào các năm 2016; 2017, 2019 và hiện nay, tổ soạn thảo đang tiến hành rà soát, điều chỉnh lần thứ 4 dự kiến sẽ được hoàn thành vào tháng 6 năm 2021. Và sau các lần điều chỉnh, so với CTDH ngành Cử nhân Luật được xây dựng lần đầu vào năm 2015 thì CTDH ngành Cử nhân Luật các 2016, 2017, 2019, 2021 đã có nhiều thay đổi: Từ thời gian (kỳ học) của các HP cho đến số TC của các HP, tài liệu tham khảo của từng HP. Đã có những HP được lược bỏ, có những HP được bổ sung thêm, số giờ thảo luận, rèn nghề tăng... Nhờ vậy, CTDH ngành Cử nhân Luật ngày càng logic hơn, tiên tiến hơn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn [H1.10.02.04]



**Bảng 10.02.04: Bảng so sánh số TC của các HP trong CTDH ngành Cử nhân Luật**

Khối kiến thức	Chương trình từ 2016	Chương trình từ 2017	Chương trình từ 2019
Khối kiến thức giáo dục đại cương	26	37	38
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	100	83	83
Tổng số TC	126	120	121

Mặc dù các CTDH ngành Cử nhân Luật (2016, 2017, 2019) đều xây dựng theo đúng quy trình, đầu tư nghiêm túc, công phu song để khẳng định chất lượng, tính khoa học, tính hợp lý của các CTDH đó, hàng năm Nhà trường đều tổ chức khảo sát, ĐG định kỳ các CTDH, từ ĐG nội bộ cho đến ĐG chéo giữa các ngành; tham vấn ý kiến chuyên gia, ý kiến của các GV, ý kiến của nhà SDLĐ, ý kiến của SV đang theo. Kết quả, chất lượng CTDH ngành Cử nhân Luật đều được ĐG cao, 100% CTDH (đã có SV tốt nghiệp) được ĐG đạt yêu cầu.

### **2. Điểm mạnh**

CTDH ngành Cử nhân Luật được thiết kế, chỉnh sửa và hoàn thiện thường xuyên. Quá trình thiết kế, chỉnh sửa CTDH luôn tuân thủ nghiêm túc các quy trình, quy định do nhà trường ban hành và các quy định của Bộ giáo dục và ĐT. Để CTDH thêm tính khoa học và tiên tiến, Tổ soạn thảo CTDH luôn có sự đối sánh với các CTDH của các cơ sở ĐT uy tín nhất hiện nay. Để CTDH phản ánh và đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động, mỗi lần chỉnh sửa CTDH, khoa đều tổ chức khảo sát các bên liên quan ( chuyên gia, GV, nhà SDLĐ, SV). Trên cơ sở các thông tin phản hồi của các bên liên quan, Tổ soạn thảo CTDH đề xuất các phương án bổ sung, điều chỉnh sau đó trình Hội đồng chuyên môn của khoa bàn bạc, đi đến thống nhất. Nhờ quá trình xây dựng, thiết kế và hiệu chỉnh CTDH được tiến hành một cách khoa học và bám sát nhu cầu của xã hội nên sau mỗi lần hiệu chỉnh CTDH ngành Cử nhân Luật ngày càng hiện đại và hoàn thiện.

### **3. Điểm tồn tại**

- CTĐT ngành Cử nhân Luật được ban hành năm 2015 và sửa đổi qua các năm 2016, 2017, không có CTDH; đến năm 2019 bên cạnh CTĐT có CTDH.

- CTDH ngành Cử nhân Luật chưa tham khảo đa dạng các CTDH tiên tiến của nước ngoài.

- Số SV tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật còn chưa nhiều, số SV tìm được việc làm đúng ngành cũng chưa nhiều, do vậy việc khảo sát ý kiến, ĐG của các bên liên quan còn chưa được rộng, các thông tin phản hồi chưa đa dạng, chưa phản ánh hết những ưu điểm và hạn chế của CTDH.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ học năm học 2021-2022, Khoa tham khảo nhiều hơn các chương dạy học của các trường ĐH ngoài nước; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các GV trong Khoa.

- Tăng cường công tác khảo sát, ĐG CTDH.
- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền tuyển sinh ngành Cử nhân Luật để thu hút nhiều hơn số SV theo học ngành Cử nhân Luật
- Huy động nhiều đối tượng tham gia ĐG CTDH và đóng góp ý kiến, đề CTDH ngành Cử nhân Luật của Trường ĐHHĐ ngày càng hoàn thiện và phù hợp với yêu cầu của thực tiễn

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm**

**Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của Người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Để nâng cao chất lượng ĐT ĐH theo hướng ứng dụng nghề nghiệp, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra, Trường ĐHHĐ đã xây dựng và ban hành hệ thống các quyết định, quy định về ĐT ĐH theo hệ thống TC theo hướng ứng dụng nghề nghiệp. Khoa LLCT - Luật căn cứ vào hệ thống các quyết định, quy định đó để thực hiện và quản lý quá trình dạy và học, quá trình kiểm tra ĐG kết quả học tập của SV ngành Cử nhân Luật [H1.10.03.01].

*Về quá trình dạy và học:* Nhà trường và Khoa LLCT - Luật xác định nâng cao chất lượng chuyên môn của đội ngũ GV là nhiệm vụ hàng đầu trong quá trình ĐT. Vì vậy, hàng năm Nhà trường đều tiến hành rà soát các quy định để ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định về quá trình dạy và học đáp ứng yêu cầu của xã hội trong giai đoạn hiện nay và phù hợp với CĐR của CTĐT [H1.01.03.01a]

Để nâng cao chất lượng chuyên môn và tính hiệu quả của các hình thức, phương pháp giảng dạy của các GV, lãnh đạo Khoa hàng năm đều tiến hành công tác quy hoạch ĐT; công tác dự giờ, thăm lớp; sinh hoạt chuyên HP thuật; khuyến khích GV tự học, tự bồi dưỡng trên nhiều phương diện [H1.04.02.05], [H1.10.03.02], [H1.10.03.03]. Riêng BM Luật, đội ngũ GV với đặc trưng là có nhiều GV trẻ, giàu nhiệt huyết, giàu sức sáng tạo song kinh nghiệm giảng dạy, kinh nghiệm NCKH chưa nhiều, lại phải đảm nhận giảng dạy cùng lúc nhiều HP. Do vậy, để đảm bảo chất lượng ĐT, BM luôn tăng cường công tác dự giờ thăm lớp nhằm ĐG, góp ý cho GV từ kết cấu, nhịp độ bài giảng, mức độ đầy đủ và độ sâu của kiến thức cho đến phương pháp, cách thức tiến hành bài giảng... Tổng hợp kết quả dự giờ thăm lớp cho thấy, chất lượng giờ dạy của GV đều đạt từ loại khá trở lên, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, [H1.10.03.03], đảm bảo sự phù hợp và tương thích với CĐR [H1.01.03.01a]. Hàng năm, khoa và BM lấy kết quả giờ dạy là tiêu chí quan trọng để ĐGCL GV và là căn cứ để ĐG, xếp loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng và bình xét các danh hiệu thi đua [H1.10.03.04].

Ngoài việc tổ chức dự giờ, để nâng cao chất lượng ĐT, Nhà trường, Khoa LLCT - Luật và BM Luật thường xuyên, định kỳ tổ chức thăm dò ý kiến ĐG của SV về chất lượng quá trình giảng dạy của GV [H1.10.03.06]. Kết quả thăm dò cho thấy, số ý kiến rất hài lòng là 90%; số ý kiến hài lòng là 5%; số ý kiến chưa hài lòng là 5% [H1.10.03.06]. Như vậy, tuyệt đại đa số SV đều hài lòng về chất lượng giảng dạy và chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật. Chất lượng giờ dạy đều đạt từ loại khá trở lên, thái độ giảng dạy của GV được ĐG là nghiêm túc, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra ĐG đã được nhà trường công bố [H1.10.03.03]. SV đều hài lòng với kết quả ĐG của GV [H1.10.03.06], đảm bảo sự phù hợp và tương thích với CĐR [H1.01.03.01a].

CTĐT ngành cử nhân Luật hiện nay gồm 121 TC, kiến thức giáo dục đại cương 38 TC, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 72 TC, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp 11 TC. Tổng số HP bắt buộc 32 HP với 90 TC và 15 HP tự chọn/thay thế với 31 TC, được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: 18 TC; kỳ 2: 16 TC; kỳ 3: 16 TC; kỳ 4: 15 TC; kỳ 5: 16 TC; kỳ 6: 15 TC; kỳ 7: 14 TC; kỳ 8: 11 TC). Việc phân bổ này là phù hợp với tiến trình ĐT và logic giữa các HP. HP đại cương học trước HP chuyên ngành, HP chuyên ngành học trước HP kỹ năng. Sự phân chia này giúp tối ưu hóa quá trình giảng dạy của GV và nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức chủ động của SV.

*Việc đánh giá kết quả học tập của Người học:*

Để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra của quá trình ĐT, việc kiểm tra ĐG kết quả học tập cũng được nhà trường và khoa ĐT đặc biệt quan tâm. Việc kiểm tra, ĐG kết quả học tập của SV là quá trình xác định mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV so với mục tiêu và yêu cầu CĐR của CTĐT. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập không chỉ là đòn bẩy để nâng cao chất lượng ĐT mà còn có tác dụng điều tiết trở lại đối với quá trình ĐT. Kết quả kiểm tra, ĐG không chỉ phản ánh năng lực học tập của SV mà còn phản ánh hiệu quả của phương pháp, cách thức tổ chức dạy của GV và chất lượng của CTĐT. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác kiểm tra, ĐG kết quả học tập của SV, trường ĐHHĐ đã ban hành các quy định, quyết định, hướng dẫn về công tác tổ chức thi; các văn bản hiệu chỉnh, hướng dẫn và quy định việc rà soát, ĐG quá trình dạy, học, hướng dẫn xây dựng và quản lý hồ sơ HP phù hợp với phương thức ĐT theo học chế TC [H1.10.03.01].

Việc kiểm tra ĐG kết quả học tập của SV được thể hiện rõ trong đề cương HP, bao gồm hình thức thi, thời gian thi, số bài kiểm tra, tiêu chí ĐG, thang điểm và trọng số của từng loại điểm. Về phương pháp kiểm tra, ĐG kết quả học tập, hiện nay BM Luật áp dụng nhiều hình thức và phương pháp kiểm tra, ĐG như tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm,... Riêng với bài thi kết thúc HP, nhà trường quản lý rất chặt chẽ, trước mỗi kỳ thi HP, Nhà trường yêu cầu BM đăng ký hình thức thi cho từng HP, xây dựng ma trận đề thi [H1.04.03.05], [H1.05.01.08]; GV giảng dạy HP đó

có trách nhiệm thông báo cho SV, để SV có định hướng và kế hoạch học tập cho từng HP [H1.01.01.08].

Ngoài ra, định kỳ ít nhất 2 năm, nhà trường đều yêu cầu các BM hiệu chỉnh ĐCCTHP, từ tài liệu dạy học, nội dung kiến thức cho đến hình thức kiểm tra đánh giá, thời gian kiểm tra đánh giá, tiêu chí kiểm tra ĐG đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT [H1.10.03.05].

Nhờ tiến trình tổ chức ĐT và việc kiểm tra đánh giá có nhiều cải tiến, kết quả học tập của SV càng ngày càng được cải thiện qua các năm. Tỷ lệ SV xếp loại khá, giỏi mỗi năm tăng trung bình 2 đến 8%, đặc biệt là học kỳ II năm 2017-2018 tăng 18,5% so với học kỳ II năm 2016-2017 [H1.10.03.07]. Số SV tốt nghiệp loại giỏi tăng 3% mỗi năm [H1.10.03.08].

## **2. Điểm mạnh**

Việc dạy và học, việc ĐG kết quả học tập của SV khoa ĐT tuân thủ nghiêm túc các quy định của bộ chủ quản, Nhà trường và được Khoa quản lý chặt và được theo dõi một cách thường xuyên, liên tục.

Phương pháp và quy trình rà soát, ĐG được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà trường, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Kết quả kiểm tra ĐG được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh nội dung CTĐT, tổ chức ĐT, kiểm tra và thi HP, xét tốt nghiệp cho SV.

Hình thức kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận đã được thực hiện đồng bộ ở tất cả các HP.

## **3. Điểm tồn tại**

Hình thức ĐGCL giảng dạy của GV chưa đa dạng, chủ yếu dựa vào kết quả dự giờ, thao giảng của GV trong BM và ý kiến ĐG của SV.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ học kỳ I năm học 2021 - 2022, khoa LLCT – Luật tiếp tục chỉ đạo các BM nâng cao chất lượng hoạt động dự giờ, thao giảng. Đặc biệt, đối với các GV giảng dạy các HP mới đảm bảo xuyên suốt, khách quan, nghiêm túc trong quá trình giảng dạy.

Khoa giao cho các BM đa dạng hóa các hình thức kiểm tra ĐG thường xuyên với các hình thức kiểm tra ĐG mới như: ĐG theo quá trình, mục tiêu dạy học; ĐG theo kỹ năng, năng lực học tập; ĐG mở với sự tham gia của SV (trình bày vấn đề, báo cáo kết quả nghiên cứu) ...

Các BM tăng cường tổ chức dự giờ góp ý các GV trong BM, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các GV trong Khoa.

Tăng cường giám sát, quản lý quy trình đảm bảo chất lượng; quy trình lấy ý kiến ĐG GV.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 5/7**

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Không chỉ hướng đến mục tiêu trở thành cơ sở ĐT chất lượng cao trong hệ thống giáo dục chuyên nghiệp, Trường ĐHHĐ còn phấn đấu trở thành một trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực miền trung và cả nước. Để thực hiện tốt sứ mạng đã công bố, nhà trường đã ban hành và triển khai có hiệu quả các quy định về hoạt động khoa học công nghệ [H1.10.04.01]. Đây là định hướng căn bản để các Trung tâm, Khoa, BM và GV trong trường triển khai các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV ĐH, góp phần nâng cao chất lượng ĐT của nhà trường.

Thực hiện yêu cầu của Nhà trường, Khoa LLCT - Luật luôn khuyến khích các GV tích cực tham gia các hoạt động NCKH, đa dạng hóa loại hình NCKH. Nhờ vậy, số lượng và chất lượng các hoạt động khoa học – công nghệ của CBGV ngày càng nâng cao và càng đa dạng. Cụ thể, chỉ trong 5 năm (từ 2016-2021). Khoa LLCT - Luật có 02 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu, 02 đề tài cấp Bộ đang thực hiện; 09 đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu và 02 đề tài cấp cơ sở đang thực hiện. [H1.10.04.04]. Các đề tài khoa học đều liên quan đến chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật.

Bên cạnh việc thực hiện các đề tài NCKH, đội ngũ GV Khoa LLCT - Luật còn tích cực công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí chuyên ngành, tính từ 2016-2021, có hàng trăm bài báo khoa học đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành [H1.10.04.02].

Ngoài đề tài khoa học, bài báo chuyên ngành, một loại hình NCKH cũng thu hút được sự tham gia của hầu hết các GV trong Khoa là hội thảo khoa học. Các cuộc hội thảo được tổ chức với quy mô khác nhau, từ cấp khoa, cấp trường cho đến cấp liên trường. Chất lượng hội thảo khoa học luôn được xem là khâu đột phá trong việc nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ GV và thu hút được sự quan tâm, sự tham dự của nhiều nhà khoa học trong và ngoài trường cũng như sự tham gia của đông đảo SV trong khoa. Kết quả từ năm 2016-2021, Khoa đã tổ chức được 10 hội thảo khoa học các cấp, các bài tham luận được tập hợp, in thành kỷ yếu và là nguồn tài liệu quý để GV và SV sử dụng trong quá trình giảng dạy và học tập. [H1.10.04.04]. Đặc biệt, lãnh đạo khoa luôn khuyến khích các GV có trình độ cao trong khoa viết giáo trình, tài liệu tham khảo, tập bài giảng [H1.10.04.03]. Có thể nói, hoạt động NCKH được lãnh đạo Khoa và đội ngũ GV xác định là hoạt động thường xuyên, là nhiệm vụ hàng đầu của người GV.

Nhiều kết quả NCKH của GV trong Khoa được sử dụng để cải tiến các CTĐT, cải tiến các hoạt động dạy và học, hầu hết kết quả NCKH của đội ngũ GV trong khoa đều được sử dụng làm tư liệu, tài liệu giảng dạy và học tập trong CTĐT ngành Cử nhân Luật [H1.10.04.02; H1.10.04.03; H.10.04.04] góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật.

Hoạt động NCKH không chỉ được đẩy mạnh trong đội ngũ GV mà còn được đẩy mạnh trong đội ngũ SV. Ngày càng có nhiều SV đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Từ năm 2016-2021, SV của Khoa đã thực hiện được 06 đề tài. Dưới sự

giúp đỡ, hướng dẫn của GV, các đề tài NCKH của SV đã đạt được những thành tích bước đầu. [H1.11.04.03]. NCKH của SV đã góp phần nâng cao chất lượng học tập của SV ngành Cử nhân Luật.

Để khuyến khích hoạt động NCKH của GV và SV, hàng năm, Nhà trường và Khoa LLCT - Luật đều tổ chức tổng kết, giá công hoạt động NCKH của SV, qua đó khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời chỉ ra các hạn chế cần khắc phục, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ KH&CN cho những năm tiếp theo.

## **2. Điểm mạnh**

Khoa LLCT - Luật là khoa có bề dày NCKH của trường ĐHHĐ. NCKH không chỉ nâng cao năng lực NCKH cho GV và SV mà còn nâng cao chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật.

Số lượng các đề tài khoa học đã đăng ký, đã nghiệm thu; số lượng các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành; số lượng các hội thảo, các tham luận trong các hội thảo cũng tăng theo xu hướng đó. Có thể nói, các hoạt động và kết quả NCKH của khoa LLCT - Luật ngày càng phát triển theo xu hướng năm sau nhiều hơn, đa dạng hơn, chất lượng cao năm trước. Kết quả các NCKH được sử dụng trong quá trình ĐT cũng ngày càng cao, góp phần nâng cao chất lượng ĐT, đáp ứng yêu cầu CDR.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa có kết quả NCKH được công bố trên các tạp chí nước ngoài có chỉ số ISI hoặc Scopus.

Số lượng các công trình NCKH gắn với cải tiến phương pháp dạy học của GV và SV còn ít.

Chưa có những cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động NCKH riêng dành cho GV và SV trong khoa.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2020- 2021, Nhà trường nói chung và Khoa LLCT - Luật nói riêng cần tập trung nguồn lực đầu tư cho GV tham gia các đề tài, dự án lớn của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và tỉnh Thanh Hóa.

Bên cạnh đó, Khoa LLCT - Luật có chính sách động viên khuyến khích GV và SV tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH, đặc biệt công bố các công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học nước ngoài có uy tín, các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI, Scopus, và các tạp chí được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm công trình từ 1,0 điểm trở lên.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 5/7**

**Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH của CBGV và SV ngành Cử nhân Luật. Vì vậy, nhà

trường và khoa ĐT đã luôn quan tâm đầu tư, cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như hiện đại hoá hệ thống thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, cải tiến chất lượng phục vụ, giúp SV có được môi trường học tập, sinh hoạt thuận lợi nhất, góp phần nâng cao chất lượng ĐT đáp ứng yêu cầu CDR của CTĐT.

Để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích tại hệ thống thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhà trường và các đơn vị chuyên trách đã có quy định, quy trình cụ thể [H1.10.05.01]. Để ĐGCL các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích tại hệ thống thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, hàng năm nhà trường ban hành mục tiêu chất lượng, quyết định về việc phê duyệt mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng phù hợp với thực tiễn [H1.10.05.01]. Các chỉ tiêu ghi trong mục tiêu chất lượng được cụ thể hóa trong kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng [H1.10.05.03] và được triển khai bởi các quy trình thực hiện công việc trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 [H1.10.05.02]. Qua đó, nhà trường và đơn vị ĐG kết quả đạt được trong việc thực hiện mục tiêu chất lượng hàng năm của từng đơn vị, đồng thời cũng phát hiện ra những chỉ tiêu chưa đạt, nguyên nhân của những hạn chế và xây dựng kế hoạch khắc phục cho từng năm học. để cải tiến chất lượng dịch vụ một cách tốt nhất. Một trong những mục tiêu của TTTT-TV năm học 2020- 2021 là “100% kỹ thuật viên được lấy ý kiến và mức độ hài lòng về chất lượng phục vụ trong đó mức độ hài lòng đạt trên 70%”, “Mức hài lòng của cán bộ viên chức - lao động trong trường đối với công tác tổ chức, quản lý và phục vụ của đơn vị phòng đạt từ 90%” được cụ thể hóa trong kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của TT TTTV [H1.10.05.03]. Định kỳ, hàng năm, TT.TT-TV đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của CBGV và NH về chất lượng dịch vụ cũng như chất lượng phục vụ của thư viện [H1.10.05.04], phòng QTVTTB khảo sát, lấy ý kiến thăm dò mức hài lòng của CBGV, SV trong trường về cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị phục vụ dạy học, NCKH và chất lượng phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên [H1.10.05.05].

Cùng với việc ĐGCL qua khảo sát, Nhà trường còn tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo nhà trường với SV, qua đó, Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của SV, các ý kiến phản hồi của SV về chất lượng các dịch vụ để kịp thời chỉ đạo các đơn vị, cá nhân điều chỉnh hoạt động tạo điều kiện thuận lợi nhất để NH phấn đấu đạt CDR [H1.10.05.06].

Để có cơ sở ĐG và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, Nhà trường yêu cầu đội ngũ các kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ tự kiểm điểm, ĐG kết quả công tác thông qua viết bản tự kiểm cá nhân [H1.10.05.07] và báo cáo tổng kết công tác thi đua nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, cảnh quan, môi trường trong khuôn viên nhà trường [H1.10.05.08].

Về phía khoa LLCT-Luật, ngoài việc tham gia các buổi đối thoại do Nhà trường tổ chức, lãnh đạo khoa còn tổ chức các hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo khoa và SV ngành Cử nhân Luật [H1.10.05.09], trên cơ sở ý kiến của SV, lãnh đạo khoa chỉ đạo và

giao nhiệm vụ cho các CVHT, các trợ lý, các CBGV có liên quan giải quyết các vấn đề mà SV đặt ra. Trên cơ sở các ý kiến của SV ngành Cử nhân Luật, Khoa LLCT-Luật đề xuất với lãnh đạo nhà trường, Trung tâm thư viện, phòng Quản trị vật tư thiết bị và các đơn vị chức năng có những biện pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, tiện ích đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu giảng dạy, học tập của CBGV và SV.

## **2. Điểm mạnh**

- Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định hoạt động của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tăng cường công tác lấy ý kiến ĐG mức độ hài lòng của CBGV, SV về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích từ đó đề ra những cải tiến sát hợp góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của nhà trường và khoa ĐT.

- Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được đầu tư, cải tiến theo hướng hiện đại hoá, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của SV và các bên liên quan.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc giải quyết các ý kiến phản hồi của SV và cán bộ, GV đối với các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được giải quyết kịp thời.

Tốc độ truy cập, sự ổn định mạng Internet ở một số khu vực trong nhà trường còn cao. Một số trang thiết bị dạy học chưa đảm bảo chất lượng, ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy và học tập của SV.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc phải giải quyết nhanh chóng, kịp thời các ý kiến phản hồi của SV và cán bộ, GV đối với các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, đáp ứng cao nhất yêu cầu và của các bên liên quan.

Nhà trường và khoa LLCT-Luật cần tập trung nguồn lực (con người và tài chính) để cải tiến và hiện đại hoá dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như nâng cấp các phần mềm, trang thiết bị dạy học, hệ thống đường truyền Internet...

Tăng cường giám sát, lấy ý kiến SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để không ngừng đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Công tác ĐG và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tổ chức thường xuyên.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm.**

**Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Như đã trình bày ở tiêu chí 10.1 và 10.2, các thông tin phản hồi của các bên có liên quan là cơ sở quan trọng để Ban xây dựng, rà soát CTĐT ngành Cử nhân Luật lấy làm căn cứ để xây dựng, thiết kế và điều chỉnh CTĐT. Các thông tin phản hồi của các bên có liên quan cũng là căn cứ quan trọng để Nhà trường và Khoa ĐT ĐG và cải tiến CTĐT ngành Cử nhân Luật. Để có được thông tin khách quan, chính xác và kịp thời về nhu cầu và ĐG của các bên liên quan về CTĐT ngành Cử nhân Luật, ngay từ năm 2008, nhà trường đã thành lập trung tâm phát triển ĐT và hỗ trợ học tập (TT.



PTĐT&HTHT), đơn vị chuyên trách trong việc thu thập thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân bên ngoài trường [H1.10.01.01][H1.10.01.02]. Ngoài ra, để có cơ sở ĐG và cải tiến chất lượng ĐT các ngành ĐH mà trường đang ĐT, hàng năm nhà trường còn giao cho phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí lập kế hoạch kiểm tra, ĐG việc thực hiện nhiệm vụ ĐT, chất lượng ĐT nhằm phát huy những mặt mạnh, phát hiện những mặt yếu, trên cơ sở đó tìm ra các giải pháp phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu kém, cải tiến nâng cao chất lượng ĐT, đáp ứng yêu cầu của CĐR của CTĐT. Trong quá trình kiểm tra, ĐGCL ĐT, nhà trường luôn coi trọng ý kiến phản hồi của các bên có liên quan (SV, chuyên gia, GV và nhà SDLĐ). Hoạt động lấy ý kiến các bên có liên quan được thực hiện định kỳ, thường xuyên và có tính hệ thống [H1.03.01.01b,c,d].

Để thực hiện tốt nhiệm vụ khảo sát lấy ý kiến các bên có liên quan, Nhà trường đã xây dựng một cơ chế khảo sát, tiếp nhận, xử lý và báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan một cách chặt chẽ. Trên cơ sở quy định tạm thời về tiêu chí ĐGCL hoạt động giảng dạy của GV ban hành kèm theo Quyết định 1080/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/10/2008 [H1.10.06.05] và quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV đối với hoạt động giảng dạy của GV và quá trình ĐT tại trường ĐHHĐ ban hành kèm theo Quyết định 1200/QĐ-ĐHHĐ ngày 02/8/2019 [H1.10.06.02], các phòng chức năng đã trực tiếp lập kế hoạch, xây dựng mẫu phiếu, tham mưu thành lập ban chỉ đạo và tổ công tác lấy ý kiến phản hồi của SV và các bên có liên quan về chất lượng hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc HP, về chất lượng quá trình ĐT trước khi kết thúc khóa học, về chất lượng CTĐT các ngành thông qua các bên liên quan. Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành các thủ tục, quy trình về lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu SV về chất lượng ĐT của từng ngành; quy trình khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp; quy trình về lấy ý kiến SV về chất lượng hoạt động giảng dạy và chất lượng quá trình ĐT [H1.10.06.06]

Về phía Khoa, trên cơ sở những quy định, kế hoạch của Nhà trường, Khoa lập kế hoạch khảo sát, thành lập tổ khảo sát, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên tổ khảo sát, sau đó tiến hành việc điều tra, khảo sát chỉnh sửa CTĐT, CĐR, bản mô tả CTĐT một cách nghiêm túc, đúng thời hạn và quy định [H1.03.01.01]. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan chủ yếu được thực hiện dưới nhiều hình thức như thông qua phiếu khảo sát, thông qua việc tổ chức các buổi đối thoại giữa Nhà trường với SV, giữa Khoa LLCT - Luật với các SV ngành Cử nhân Luật [H1.10.05.06]. Ý kiến của các bên liên quan được xử lý bằng phần mềm chuyên dụng, có độ chính xác, độ tin cậy cao. Kết quả khảo sát sau đó được tập hợp và trình bày cụ thể trong Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng các năm học [H1.10.06.01], trong Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát các bên liên quan về CTĐT của Khoa LLCT – Luật [H1.10.06.07].

Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường và Khoa ĐT đã tiến hành việc rà soát, điều chỉnh và khắc phục những hạn chế trong CTĐT và trong các hoạt động giảng dạy, coi thi, chấm thi,... mà các bên liên quan đã góp ý. Việc cải tiến, bổ sung nhằm nâng cao chất lượng ĐT được tiến hành từ việc cải tiến CTĐT, rà soát tổng số TC của

CTĐT cho đến số lượng HP tự chọn, HP bắt buộc, số TC cho từng HP [H1.01.01.07a], [H1.11.05.04]; đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động ĐT.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên có liên quan, Nhà trường và Khoa còn thường xuyên bổ sung, cải tiến quy trình lấy ý kiến và nội dung các phiếu hỏi [H1.10.06.02] nhằm tăng tính hiệu quả, độ tin cậy của hoạt động này, giúp cho hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan của Nhà trường và Khoa ĐT khai thác được nhiều thông tin hữu ích hơn, hỗ trợ đắc lực hơn trong việc cải tiến nâng cao chất lượng ĐT.

Có thể nói Trường ĐHHĐ và Khoa LLCT -Luật đặc biệt coi trọng sự phản hồi từ các bên liên quan đến chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật, Do vậy, Nhà trường và Khoa đã xây dựng được một cơ chế phản hồi của các bên có liên quan một cách khoa học, hiệu quả. Kết quả thu được từ cơ chế phản hồi này đã được Nhà trường và Khoa LLCT - Luật sử dụng như một căn cứ quan trọng để cải tiến và nâng cao chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật.

## **2. Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi các bên có liên quan đã được thiết lập có hệ thống và nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích cho các hoạt động của Nhà trường và Khoa về CTĐT ngành Cử nhân Luật.

100% hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đúng quy trình, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các ý kiến phản hồi đảm bảo độ tin cậy, hoạt động phản hồi của các bên có liên quan đảm bảo tính hiệu quả và được Khoa tham khảo để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, nâng cao chất lượng ĐT.

## **3. Điểm tồn tại**

Hình thức lấy ý kiến chưa thực sự đa dạng; một số mẫu phiếu hỏi có tính cập nhật, làm giảm giá trị của các thông tin thu thập trong quá trình ĐT.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường giao cho các phòng ban chức năng tổ chức rà soát hệ thống văn bản, điều chỉnh, bổ sung các văn bản đã ban hành. Đặc biệt là các quy định về hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan, cập nhật và điều chỉnh mẫu phiếu hỏi phù hợp với từng CTĐT để có hiệu quả hơn.

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng tiếp tục nghiên cứu để cải tiến về nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức lấy ý kiến của các bên có liên quan đáp ứng mục đích đề ra, giúp nhà trường thực hiện tốt việc ĐG CTĐT theo quy định.

**5. Tự đánh giá:** Đạt yêu cầu, mức 5/ 7 điểm.

## **Kết luận về tiêu chuẩn 10**

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật đã được Nhà trường và Ban chủ nhiệm khoa LLCT - Luật xây dựng và thiết lập một cách bài bản, định kỳ được ĐG, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Hệ

thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được hình thành từ cấp trường đến khoa bằng nhiều hình thức khác nhau. Thông tin phản hồi từ các bên liên quan được tổng hợp, phân tích một cách khoa học và sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh, cải tiến CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tế của xã hội.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tiêu chuẩn 10 đạt 6/6 tiêu chí và bình quân tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

#### ***Mở đầu***

ĐGCL đầu ra đối với SV trước khi tốt nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc khẳng định chất lượng hoạt động ĐT của cơ sở giáo dục ĐH. Hàng năm, Trường ĐHHĐ, Khoa LLCT - Luật đã thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động ĐG CĐR; thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, chưa tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp bình quân; tỷ lệ SV thôi học hàng năm; việc làm của SV sau tốt nghiệp làm cơ sở để cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng ĐT. Hoạt động NCKH đối với SV được quy định cụ thể, đảm bảo phù hợp với ngành học và CĐR của CTĐT ngành Cử nhân Luật, Nhà trường đã xây dựng quy trình dùng chung để triển khai, lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy của GV và CTĐT trước khi tốt nghiệp; lấy ý kiến của cựu SV, nhà SDLĐ về CTĐT ngành Cử nhân Luật. Đây là cơ sở để Nhà trường phân tích, ĐG và điều chỉnh CTĐT, tổ chức giảng dạy học tập và nâng cao chất lượng ĐT.

#### ***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

##### ***1. Mô tả hiện trạng***

ĐGCL đầu ra đối với SV trước khi tốt nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng. Hàng năm, trong kế hoạch, chiến lược phát triển của Khoa luôn có sự phân tích, dự đoán về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của CTĐT ngành Luật làm cơ sở để cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng ĐT [H1.11.01.01]. Để quản lý và giám sát cơ sở dữ liệu học tập của SV Nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm quản lý ĐT. Phòng Quản lý ĐT là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý công tác này [H1.08.03.01].

Công tác quản lý NH được thực hiện trên hệ thống phần mềm quản lý ĐT. Tất cả cơ sở dữ liệu về SV, đặc biệt là danh sách SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật; việc thống kê số lượng SV ngành Cử nhân Luật thôi học, tốt nghiệp được thực hiện thường xuyên theo từng khóa học [H1.11.01.02] [H1.11.01.03]. Căn cứ vào cơ sở dữ liệu SV được cập nhật và theo dõi thường xuyên, khoa và phòng công tác HSSV đã định kỳ tổng hợp, phân tích, ĐG hàng tháng, hàng quý, từng học kỳ về tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV thuộc ngành ĐH Luật để kịp thời có những giải pháp nhằm hạn chế tỷ lệ SV thôi học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng và trước hạn [H1.08.03.05,06], [H1.11.01.04], [H1.11.02.01]. Kết quả được tổng hợp, thống kê qua bảng 11.1.1 và bảng 11.1.2 sau:

**Bảng 11.1.1. Bảng thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp và thôi học ngành Cử nhân Luật (2015-2020)**

Năm học	Số lượng SV đầu khoá	Số lượng SV cuối khóa/ hiện tại	Tỷ lệ % NH hoàn thành CT trong thời gian			Tỷ lệ % NH thôi học trong thời gian			
			3 năm	4 năm	Trên 4 năm	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4 và tiếp theo
2015-2016	87	59				5,7	17,2	0	5,7
2016-2017	63	41				22,2	3,2	3,2	1,6
2017-2018	35	27				5,7	8,6	0	5,7
2018-2019	57	39	0	52,5	27,1	8,7	10,5	7,0	0
2019-2020	24	14	0	85,4	9,7	4,1	29,1	0	0
<b>Trung bình</b>			<b>0</b>	<b>69</b>	<b>18,4</b>	<b>9,3</b>	<b>13,7</b>	<b>2,0</b>	<b>2,6</b>

(Nguồn: khoa LLCT –Luật, phòng Công tác HSSV)

Qua bảng 11.1.1 cho ta thấy tỷ lệ SV tốt nghiệp năm 2019 của ngành Cử nhân Luật là 79,6%, tỷ lệ SV tốt nghiệp năm 2020 của ngành Cử nhân Luật là 95,1%, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của Cử nhân Luật là 87,4%, tốt nghiệp trước thời hạn và trong thời gian chính khóa là 69% (nguyên nhân chưa tốt nghiệp đúng hạn là do SV chưa đạt CDR tiếng Anh, chưa có chứng chỉ quốc phòng và chưa tích lũy đủ số TC). Đây là một tỷ lệ tương đối cao so với các ngành khác trong trường: tỷ lệ SV tốt nghiệp của ĐH Quản trị kinh doanh trung bình là 68,96%, tốt nghiệp trước thời hạn và trong thời gian chính khóa là 50,93%, tỷ lệ SV tốt nghiệp của ĐH sư phạm Ngữ văn trung bình là 63,05%, tốt nghiệp trước thời hạn và trong thời gian chính khóa là 39,11%. So với các trường ĐH trong cả nước, tỷ lệ SV tốt nghiệp năm 2019 và 2020 của ngành Luật trường ĐH Hồng Đức cũng tương đối cao:

**Bảng 11.1.2: Tỷ lệ SV tốt nghiệp ĐH của một số trường ĐH**

Trường ĐH	Tỷ lệ SV tốt nghiệp ĐH năm 2019 (%)	Tỷ lệ SV tốt nghiệp ĐH năm 2020 (%)
ĐH Luật TP Hồ Chí Minh	88,4	83,3
ĐH Công đoàn	79,2	70,8
ĐH Kiểm sát Hà Nội	97,3	85,1

Nguồn: <https://laodong.vn/giao-duc/tu-75-den-98-sinh-vien-nganh-luat-co-viec-lam-sau-khi-tot-nghiep-12-thang-905189.ldo>

Tỷ lệ thôi học của SV ngành Cử nhân Luật chủ yếu thuộc năm thứ nhất, thứ hai, nguyên nhân chính là do SV chuyển trường, chuyển khoa (bảng 11.1.3).

**Bảng 11.1.3. Bảng thống kê tỉ lệ SV thôi học, lùi khoá, bảo lưu (2015-2020)**

Khóa	Số đầu khoá	Số cuối khoá/hiện tại	SV thôi học		SV lùi khoá, chuyển lớp		SV bảo lưu	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
K18	87	59	25	28,7	0	0%	3	3,5
K19	63	41	19	30,1	0	0%	3	4,8
K20	35	27	7	20	1	2,8	0	0%
K21	57	39	15	26,3	3	5,3	0	0%
K22	24	14	8	33,3	1	4,2	1	4,2

(Nguồn khoa LLCT –Luật, phòng Công tác HSSV)

Từ thống kê số liệu SV thôi học ở từng học kỳ, năm học của ngành Cử nhân Luật. Nhà trường, khoa LLCT-Luật tổ chức hội nghị giao ban công tác SV hằng tháng, quý và học kỳ để phân tích, tìm hiểu nguyên nhân tại sao SV thôi học và đề xuất các biện pháp tư vấn, hỗ trợ, như:

- CVHT tăng cường tư vấn cho SV đăng ký HP, tư vấn cách học, kỹ năng rèn nghề, tổ chức các câu lạc bộ học thuật, tạo sân chơi bổ ích cho SV và Đoàn thanh niên, Hội SV hỗ trợ tích cực cho SV trong quá trình ĐT. Sau mỗi học kỳ, năm học, nhà trường chỉ đạo tổ phần mềm quản lý ĐT in kết quả học tập của từng SV ngành Cử nhân Luật theo khóa học để Khoa, BM Luật, CVHT phân tích, tìm ra nguyên nhân đối với những SV chậm tiến độ, kết quả học tập chưa đạt ở mỗi học kỳ. [H1.08.03.05, 06], [H1.11.01.04], [H1.11.02.02].

- Tăng cường công tác giám sát, đôn đốc: Sau mỗi học kỳ, năm học, nhà trường chỉ đạo tổ phần mềm quản lý ĐT in kết quả học tập của từng SV ngành Cử nhân Luật theo khóa học để Khoa, CVHT, trợ lý công tác HSSV xây dựng kế hoạch, thời gian cụ thể để gặp gỡ, trao đổi, tư vấn phương pháp học, thực hành các HP còn nợ, tìm hiểu nguồn tài liệu tham khảo phù hợp. Đồng thời, quan tâm đến những SV có hoàn cảnh khó khăn để có giải pháp hỗ trợ kịp thời bằng các nguồn học bổng ngoài ngân sách (học bổng Nâng cánh ước mơ, học bổng Annora, học bổng Kova, ...), giúp SV sớm hoàn thành chương trình, tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn, giảm thiểu tỉ lệ SV thôi học, bỏ học.

Những việc làm của khoa và nhà trường đã mang lại hiệu quả trong việc cải tiến chất lượng SV tốt nghiệp vì các em được quan tâm, được tư vấn những điều còn băn khoăn, trăn trở, giải tỏa những lo lắng... đó chính là động lực, niềm tin để các SV theo đuổi mục đích học tập ở phía trước.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp;

khoa LLCT-Luật, CVHT đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của SV; kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho SV chậm tiến độ, nợ môn. Vì thế, trung bình tỷ lệ SV tốt nghiệp 2 khóa K18, K19 là 87,4%.

Các giải pháp mà Khoa và Nhà trường triển khai thực hiện trong thời gian qua bước đầu đã cho kết quả khả quan.

### **3. Điểm tồn tại**

Tỷ lệ SV thôi học trung bình các khóa học khá cao là 27,7% ; 18,4% SV không tốt nghiệp đúng thời hạn và có 12,6% SV chưa tốt nghiệp. SV còn ỷ lại, chưa chủ động trong việc học các HP tiếng Anh, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng để đảm bảo các điều kiện CDR của CTĐT theo quy định.

### **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2021-2022, nhà trường, khoa LLCT-Luật tăng cường công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất.

Cần theo dõi sát sao, tìm hiểu lý do vì sao SV có ý định thôi học, bỏ học (điều kiện sức khỏe, kinh tế, hay lý do khách quan khác...) để có hướng giúp đỡ kịp thời cho SV tiếp tục theo học và hoàn thành chương trình đạo đạo.

Thống kê SV chậm tiến độ, chưa hoàn thành HP trong học kỳ, năm học để có kế hoạch, lịch tư vấn, hỗ trợ SV kịp thời để đăng ký HP, tư vấn cách học.

Kết nối với nhà tuyển dụng lao động, các Sở GD&ĐT trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa để ký kết trong tuyển dụng và hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

### **5. Tự ĐG: Đạt mức 5/7 điểm**

**Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Thời gian của một khóa ĐT là thời gian cần thiết cho những SV hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát thời gian tốt nghiệp của SV [H1.08.03.01]. Phòng quản lý đào tạo giám sát quá trình học tập của SV thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, trong đó có cơ sở dữ liệu về SV đăng ký HP, điểm tích lũy của CTĐT, đặc biệt là thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình, nguyên nhân chậm tiến độ của SV được cập nhật thường xuyên [H1.08.03.01].

Trong 2 khóa gần đây, tỷ lệ trung bình SV ngành Cử nhân Luật tốt nghiệp là 87,4%, trong đó có 69% tốt nghiệp đúng thời gian khóa học và 18,4% tốt nghiệp sau 4 năm.

**Bảng 11.2.1. Thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật**

TT	Lớp	Khóa học	Số số đầu khóa	Số số cuối khóa	Giảm	Số lượng, Tỉ lệ SV hoàn thành chương trình trong thời gian						Chưa Tốt nghiệp	
						3 năm		4 năm		Trên 4 năm		Số lượng	Tỉ lệ (%)
						Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)		
1	K18	2015-2019	87	59	28	0	0,0	31	52,5	16	27,1	12	20,4
2	K19	2016-2020	63	41	22	0	0,0	35	85,4	4	9,7	2	4,9
<b>Tổng/ Tỉ lệ Trung bình</b>			<b>150</b>	<b>100</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>66</b>	<b>69</b>	<b>20</b>	<b>18,4</b>	<b>14</b>	<b>12,7</b>

Nguồn: khoa LLCT-Luật, phòng Công tác HSSV

Nhà trường, khoa LLCT-Luật đã tìm hiểu, phân tích nguyên nhân SV chưa thể tốt nghiệp theo khóa học là do nợ các HP Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và chuẩn Tiếng Anh đầu ra. Từ đó Khoa chỉ đạo BM Luật, CVHT xây dựng kế hoạch, nội dung, thời gian gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc qua email, điện thoại, facebook, zalo... để tư vấn, hướng dẫn cho SV phương pháp học các HP còn nợ, thúc đẩy SV sớm hoàn thành chương trình và tốt nghiệp đúng thời gian của khóa học [H1.08.03.05, 06], [H1.11.01.04], [H1.11.02.02].

**Bảng 11.02.02: Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Cử nhân Luật**

Khoá học		Thời gian tốt nghiệp trung bình
K18 (2015-2019)	K19 (2016-2020)	
4,36	4,1	4,23

Qua bảng 11.02.01 cho chúng ta thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV còn khá dài. Một số SV ra trường chậm tiến độ so với thời gian quy định.

Qua theo dõi SV tốt nghiệp, Phòng Quản lý đào tạo đã kịp thời cung cấp thông tin cho khoa, trên cơ sở đó Hội đồng khoa đã phân tích tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến chậm tốt nghiệp của từng SV để kịp thời tư vấn cho SV có được kế hoạch học tập tối ưu, giúp SV sớm hoàn thành khối lượng học tập và đủ điều kiện đề nghị Nhà trường xét công nhận tốt nghiệp.

Hiện nay, đối với ngành Cử nhân Luật, SV sẽ phải hoàn thành 121 TC trong 4 năm. Thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 7 năm [H1.01.01.06]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Cử nhân Luật là 4,23 ở mức trung bình so với 1 số ngành khác như ĐHSP Ngữ văn (4,18 năm) khoa Ngoại ngữ (4,28 năm).

Hiện vẫn còn 14 SV ngành Cử nhân Luật chưa tốt nghiệp (12,5%). Ban chủ nhiệm khoa LLCT - Luật giao cho BM, CVHT, trợ lý công tác học sinh sinh viên gặp gỡ, tìm hiểu nguyên nhân. Qua tìm hiểu, lý do SV ngành Cử nhân Luật tốt nghiệp chậm chủ yếu do chưa qua môn tiếng Anh, còn lại là do nợ một số môn khác và không muốn tiếp tục hoàn thành chương trình. Với mục đích hỗ trợ tối đa SV hoàn thành CTĐT, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình, nhà trường cùng với các đơn vị ĐT, các tổ chức đoàn thể đã có nhiều biện pháp hỗ trợ: Phòng Quản lý đào tạo đưa ra những cảnh báo sớm đối với những SV còn nợ nhiều môn, khó có khả năng hoàn thành CTĐT đúng hạn để SV chủ động; CVHT chủ động trong việc gặp gỡ, trao đổi, động viên và tư vấn lộ trình cụ thể về việc đăng ký HP, phương pháp học tập phù hợp; các GV cũng rất tận tình, thân thiện trong việc dạy các lớp đặc thù; duy trì các câu lạc bộ tiếng Anh, các lớp học tiếng Anh miễn phí; hoàn thiện trang thiết bị các phòng thực hành nghề...

Nhờ các biện pháp tích cực, chủ động của Khoa và BM, thống kê xếp loại SV tốt nghiệp 2 năm 2019-2020 cho thấy số SV tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật đạt loại khá giỏi tương đối cao [H1.11.01.02].

**Bảng 11.02.03 Thống kê SV Cử nhân Luật xếp loại tốt nghiệp (2019-2020)**

TT	Khóa học	Số sv tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp					
			Giỏi		Khá		Trung bình	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	ĐH K18	47	1	2,1	36	76,6	10	21,3
2	ĐH K19	39	2	5,1	23	58,9	14	36,0

(Nguồn: phòng Quản lý đào tạo và phòng Công tác học sinh sinh viên)

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa ĐT đã có bộ phận theo dõi SV tốt nghiệp và có những giải pháp hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn; tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp xếp loại khá, giỏi, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

### **3. Điểm tồn tại**

Trong khóa học vẫn còn một số SV có kết quả học tập chưa cao, chưa thể tốt nghiệp theo chương trình chính khóa.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 - 2022, nhà trường sẽ tập trung chỉ đạo các đơn vị chức năng phối hợp với khoa, BM, giáo vụ và CVHT ngành Cử nhân Luật đưa ra cảnh báo sớm từ đầu năm những SV còn nợ nhiều môn, từ đó tiếp tục đề xuất các giải pháp phù hợp để hỗ trợ những SV cải thiện điểm tích lũy còn thiếu, sớm hoàn thành CTĐT.

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 4/7 điểm.**

**Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để**



## ***cải tiến chất lượng.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Từ năm 2016, nhà trường đã chuyển bộ phận tư vấn, hỗ trợ SV trong việc tìm kiếm việc làm, điều tra thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu của SV sau khi tốt nghiệp từ Trung tâm phát triển đào tạo và hỗ trợ học tập sang phòng Công tác học sinh sinh viên. [H1.11.03.01]. Với chức năng, là bộ phận chuyên trách đảm nhiệm việc theo dõi SV sau tốt nghiệp. Thực hiện chức năng này, Phòng Công tác học sinh sinh viên đã cử cán bộ chuyên điều tra, cập nhật cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm, thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp, Phòng Công tác học sinh sinh viên đã tham mưu ban hành Quyết định thành lập ban chỉ đạo, tổ khảo sát tình hình; kế hoạch khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV để thu thập thông tin về tình hình việc làm và thu nhập của SV sau tốt nghiệp [H1.11.03.02]; [H1.11.03.03]; [H1.11.03.04].

Mục tiêu của SV sau khi tốt nghiệp là tìm kiếm được việc làm đúng ngành hoặc gần ngành đã được ĐT, môi trường làm việc chuyên nghiệp, ổn định và có mức thu nhập phù hợp với năng lực chuyên môn. Đây cũng chính là mục tiêu, nhiệm vụ và cam kết về chất lượng ĐT của Nhà trường đã công bố.

Cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp luôn được nhà trường quan tâm, giám sát, cập nhật hàng năm. Nhà trường giao cho Phòng Công tác học sinh sinh viên làm đầu mối chủ trì việc khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu về SV; phòng đã phối hợp với khoa, trực tiếp là trợ lý công tác học sinh sinh viên tổ chức khảo sát SV sau tốt nghiệp.

Kết quả khảo sát SV ngành Cử nhân Luật hằng năm cho thấy, tỷ lệ cựu SV phản hồi thông tin (trả lời phiếu khảo sát) so với tổng số cựu SV được khảo sát chiếm (>80%); Kết quả điều tra cho thấy tỉ lệ SV có việc làm của SV ngành Cử nhân Luật sau khi tốt nghiệp tăng qua các năm. Nếu năm 2019 số SV K18 có việc làm là (84.6%) (tính theo số SV được khảo sát) thì tới năm 2020, số SV K19 có việc làm là 85.2% (tính theo số SV được khảo sát). [H1.11.03.04].

**Bảng 11.03.01. Tổng hợp kết quả khảo sát về tình hình việc làm sau tốt nghiệp 06 tháng đối với K19, 01 năm với K18 của cựu SV ngành Cử nhân Luật.**

Khóa	Năm tốt nghiệp	TS SV tốt nghiệp	SV tham gia khảo sát	SV có việc đúng ngành	SV có việc liên quan ngành ĐT	SV có việc không liên quan ngành ĐT	SV chưa có việc làm
K18	2019	47	39	11	14	8	6
Tỷ lệ			83%	28,2%	35,9%	20,5%	15,4%
K19	2020	39	34	10	06	13	05
Tỷ lệ			87,2%	29,4%	17,6%	38.2%	14,8%

(Nguồn: Phòng Công tác HSSV, Khoa LLCT-Luật)

Từ số liệu trên cho thấy, tỉ lệ SV ngành Luật có việc làm đúng ngành và gần đúng ngành là tương đối cao: K18 là 64,1%; K19 là 47%.

Qua kết quả khảo sát tình hình việc làm của học sinh SV hệ chính quy tốt nghiệp ra trường năm 2019, Nhà trường đã tiến hành đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm giữa ngành Cử nhân Luật với một số ngành thuộc nhóm ngành kinh tế, kỹ thuật khác, cụ thể: Đối với ngành ĐH Kế toán có việc làm là 61,63% (có việc làm đúng ngành ĐT là 51,1%); ĐH tài chính ngân hàng có việc làm là 88% (có việc làm đúng ngành ĐT là 40%); ĐH Chăn nuôi có việc làm là 85,37% (có việc làm đúng ngành ĐT là 39%); ĐH xã hội học có việc làm là 67,57% (có việc làm đúng ngành ĐT là 5,4%); ĐH công nghệ thông tin có việc làm là 100% (có việc làm đúng ngành ĐT là 32,5%) [H1.11.03.02].

Như vậy, so với một số ngành thuộc nhóm ngành kinh tế, kỹ thuật trong trường thì tỉ lệ SV ngành Luật có việc làm đúng ngành và gần đúng ngành là khá tốt.

So với các trường ĐH trên cả nước, tỷ lệ SV ngành cử nhân Luật trường ĐHHĐ có việc làm sau 12 tháng nằm ở nhóm có tỷ lệ cao (trên 80%) (Bảng 11.03.02)

**Bảng 11.03.02. Danh sách một số trường ĐH công bố tỷ lệ SV ra trường có việc làm sau 12 tháng (năm 2020)**

STT	Trường ĐH/ Học Viện	Tỷ lệ sv ra trường có việc làm sau 12 tháng (%)
1	ĐH Kinh tế quốc dân	96,45
2	ĐH Hà Nội	93,38
3	ĐH Vinh	67
4	ĐH Luật TP HCM	92,76
5	ĐH Công Đoàn	63,45
6	ĐH Văn hoá Hà Nội	68,65
7	Học Viện Thanh Thiếu niên	82,01
8	ĐH Luật Hà Nội	63,61
9	ĐH Tài chính Marketing	74,97

Nguồn: <https://trangtuyensinh.com.vn/danh-sach-cac-truong-dai-hoc-cong-bo-ti-le-sinh-vien-ra-truong-co-viec-lam-2020.htm>

Trong những năm qua, nhà trường đã khảo sát, trao đổi và làm việc với nhà SDLĐ nhằm gắn kết cùng nhà trường ở tất cả các khâu trong quá trình ĐT và hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp như: lấy ý kiến ĐG về CTĐT của các bên liên quan, nhận xét của nhà SDLĐ, của các cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp đối với năng lực của SV trong quá trình kiến tập, thực tập cuối khoá, tổ chức Hội chợ việc làm, đăng tải nhiều thông tin tuyển dụng lên website, zalo, facebook, fanpage... để SV có thể tiếp cận và tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

Ngoài ra, nhà trường đã có nhiều hoạt động hỗ trợ SV khởi nghiệp, tổ chức cuộc

thi ý tưởng sáng tạo, trước khi đi thực tập tốt nghiệp cuối khoá, khoa LLCT - Luật, BM tiến hành tập huấn các kỹ năng cần thiết để SV có thêm kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng trước khi đến các cơ sở thực tập. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Nhà trường, Khoa với các nhà SDLĐ; đa dạng hóa loại hình Hội chợ việc làm [H1.11.03.05]

## **2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ SV ngành Cử nhân Luật có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp khá cao. Số SV tốt nghiệp có việc làm đúng hoặc gần đúng với chuyên ngành ĐT chiếm khoảng 84.6%.

Phần lớn nhà tuyển dụng hài lòng với kiến thức, kỹ năng, thái độ mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp Cử nhân Luật, trường ĐHHĐ.

## **3. Điểm tồn tại**

Vẫn còn SV sau khi tốt nghiệp chưa tìm được việc làm. Mối quan hệ giữa nhà trường, khoa ĐT với nhà tuyển dụng lao động còn chưa thực sự gắn kết, tương hỗ.

## **4. Kế hoạch hành động**

- Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường có giải pháp phù hợp điều chỉnh, cải tiến CTĐT và đổi mới phương pháp giảng dạy của GV, nâng cao chất lượng ĐT để SV có thể thích ứng nhanh các yêu cầu mà nhà tuyển dụng lao động đề ra, góp phần tăng tỷ lệ SV có việc làm đúng chuyên ngành ĐT sau khi tốt nghiệp.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức Hội chợ việc làm, xây dựng mối quan hệ, gắn bó mật thiết với các đơn vị tuyển dụng và sử dụng nguồn lực đã qua ĐT của khoa, trường.

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm.**

**Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của Người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường ĐHHĐ và Khoa LLCT - Luật xác định hoạt động NCKH (NCKH) của SV có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình học tập góp phần nâng cao chất lượng ĐT, vị thế của ngành Cử nhân Luật nói riêng và Khoa LLCT - Luật, Nhà trường nói chung.

Đầu mỗi năm học, Nhà trường triển khai văn bản, kế hoạch NCKH đến toàn thể SV để SV chủ động đăng ký và thực hiện dưới sự hướng dẫn của CBGV trong Khoa [H1.11.04.01]. Đề tài NCKH của SV được thực hiện theo một quy trình khoa học, có sự giám sát, quản lý chặt chẽ của các cấp quản lý. Mỗi đề tài khoa học, trước khi được ra quyết định thực hiện đều được hội đồng tư vấn cấp khoa, cấp trường góp ý, sau cấp khoa và cấp trường thành lập hội đồng ĐG, thẩm định đề cương đề tài, trên cơ sở ĐG của hội đồng thẩm định, nhà trường ra quyết định và ký hợp đồng với người thực hiện.

Trong suốt quá trình thực hiện đề tài, người thực hiện đề tài kiểm tra tiến độ giám sát cho đến khi thực hiện xong đề tài. Để được nghiệm thu, SV phải báo cáo kết quả nghiên cứu trước hội đồng thẩm định các cấp và chỉ được thanh lý hợp đồng khi được hội đồng nghiệm thu đánh đạt yêu cầu trở lên.

Đối với ngành Cử nhân Luật, trong 5 năm học gần đây SV đã thực hiện được nhiều đề tài có chất lượng, được Hội đồng nghiệm thu ĐG cao, cụ thể:

**Bảng 11.4.1. Bảng tổng hợp kết quả NCKH của SV ngành Cử nhân Luật trong 5 năm học (từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021)**

Hạng mục		Năm học										Cộng	
		2016 - 2017		2017 - 2018		2018 - 2019		2019 - 2020		2020 - 2021			
SV tham gia/Số lượng đề tài		SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT
Đề tài	Cấp khoa	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	2	2
	Cấp trường	0	0	4	1	2	1	0	0	6	2	12	4
	Tổng	0	0	4	1	4	3	0	0	6	2	14	6

*(Nguồn: Khoa LLCT - Luật, Phòng Quản lý Khoa học và công nghệ)*

Đối với đề tài khoa học do SV thực hiện, Nhà trường giao Phòng Quản lý khoa học và công nghệ là đầu mối theo dõi, giám sát và ĐG loại hình nghiên cứu và hoạt động NCKH của SV [H1.11.04.03].

Từ Bảng tổng hợp kết quả NCKH của SV ngành Cử nhân Luật trong 5 năm học (từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021) cho thấy, dù là số lượng SV chưa nhiều, là ngành học còn khá non trẻ song SV ngành Cử nhân Luật đã và đang tích cực tham gia NCKH. Tổng số đề tài mà SV ngành luật đã và đang thực hiện 06 đề tài, trong đó có 02 cấp khoa, 04 đề tài cấp trường [H1.10.04.04].

Đối sánh với kết quả hoạt động NCKH của một số khoa trong trường như Khoa KT-QTKD, ngành SP Ngữ văn

**Bảng 11.4.2. Bảng tổng hợp kết quả NCKH của SV ngành ĐH QTKD trong 5 năm học (từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021)**

Hạng mục	Năm học										Cộng	
	2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021			
SV tham gia/Số lượng đề tài	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT
Cấp trường	9	2	8	3	4	2	11	2	4	2	36	11
Cấp khoa	13	4	9	3	12	4	20	7	7	4	61	22
<b>Tổng</b>	<b>22</b>	<b>6</b>	<b>17</b>	<b>6</b>	<b>16</b>	<b>6</b>	<b>31</b>	<b>9</b>	<b>11</b>	<b>6</b>	<b>97</b>	<b>33</b>

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, phòng Quản lý khoa học và công nghệ)

**Bảng 11.4.3. Bảng tổng hợp kết quả NCKH của SV ngành ĐHSP Ngữ văn trong 5 năm học (từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021)**

Hạng mục	Năm học										Cộng		
	2016 - 2017		2017-2018		2018 - 2019		2019 - 2020		2019 - 2020				
SV tham gia/Số lượng đề tài	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	
Đề tài	Cấp khoa	82	25	69	27	79	25	71	19	4	1	305	97
	Cấp trường		6		7		7		4		1		25
	<b>Tổng</b>	82	31	69	34	79	32	71	23	4	2	305	122

(Nguồn: Khoa KHXH, Phòng Quản lý khoa học và công nghệ)

Như vậy, nếu so sánh với các ngành khác trong trường như ngành ĐH sư phạm Ngữ văn, Ngành ĐH Quản trị kinh doanh thì số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của SV ngành Cử nhân Luật còn chưa thật cao.

Để khuyến khích hoạt động NCKH trong SV, vào các dịp cuối năm học, Nhà trường, Khoa đều tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động NCKH nhằm ĐG về số lượng, chất lượng các đề tài trên từng lĩnh vực nghiên cứu và đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KHCN cho những năm tiếp theo [H1.11.04.03]. Tuy nhiên, báo cáo tổng kết chưa thể hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV ngành Cử nhân Luật với các ngành khác trong trường và ngành Luật của các trường ĐH khác trong và ngoài nước; kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV chưa cao, dẫn đến chưa thuyết phục được hội đồng tư vấn đề tài và phòng kế hoạch tài chính tăng kinh phí cho hoạt động NCKH của SV [H1.11.04.04].

Để tháo gỡ tình trạng trên, lãnh đạo khoa và nhà trường đang tiến hành nhiều giải pháp để hỗ trợ, kêu gọi sự ủng hộ từ nhiều nguồn khác nhau nhằm giảm bớt khó khăn cho người thực hiện đề tài. [H1.11.04.01]. Bên cạnh đó, lãnh đạo khoa yêu cầu GV ngành Luật tích cực hướng dẫn SV NCKH và xem đó là nhiệm vụ, là tiêu chí quan trọng để xếp loại thi đua cán bộ GV hằng năm.

### **2. Điểm mạnh**

Hoạt động NCKH trong SV nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Khoa và BM Luật. Số lượng các đề tài và loại hình hoạt NCKH của SV ngày càng đa dạng. Đã phát hiện ra nhiều SV có khả năng và nhiệt huyết đối với hoạt động NCKH.

Các NCKH của SV ngành Cử nhân Luật gắn liền với kiến thức chuyên ngành, góp phần nâng cao năng lực NCKH và chất lượng học tập của SV ngành Cử nhân Luật.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV ngành Cử nhân Luật với ngành Cử nhân Luật của các trường ĐH khác trong và ngoài nước thực hiện chưa được đầy đủ.

Kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV còn hạn chế, chưa thu hút được các nguồn kinh phí từ bên ngoài đầu tư cho hoạt động NCKH của SV.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa LLCT - Luật tập trung phân tích, ĐG, đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV ngành Cử nhân Luật với các trường ĐH khác trong và ngoài nước.

Tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh tăng mức kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV và thường xuyên kết nối, tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nhà tài trợ, các ngành chức năng để triển khai thực hiện một số hoạt động NCKH trọng điểm về lĩnh vực luật học.

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm**

**Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên có liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trong những năm qua, Nhà trường không ngừng cải tiến, điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội nhằm phát huy tối đa năng lực NH trên cơ sở xác lập mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động ĐT.

Thường vào đầu mỗi năm học, Nhà trường xây dựng kế hoạch, triển khai và tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, mục tiêu ĐT, cấu trúc CTĐT, phương pháp giảng dạy, khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT, chất lượng đội ngũ GV trong ĐT và NCKH, chất lượng SV sau khi tốt nghiệp, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất của nhà trường, môi trường cảnh quan... [H1.11.05.01, H1.06.01.02c],[H1.01.01.10]

Phòng Công tác HSSV là đầu mối triển khai, thống kê, tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của NH sau tốt nghiệp và chất lượng ĐT tại các nhà SDLĐ; Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí là đầu mối triển khai, thống kê,

tổng hợp, phân tích kết quả lấy ý kiến của NH về chất lượng giảng dạy của GV và CTĐT [H1.03.01.01]

Đề đo mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa LLCT-Luật đã sử dụng các phương pháp và hình thức sau:

Một là, khảo sát thông qua phiếu. Nhà trường và Khoa Lý luận chí trị-Luật xác định đây là hình thức cơ bản. Để nâng cao tính hiệu quả và có được thông tin hữu ích từ hình thức phiếu điều tra này Nhà trường rất coi trọng việc thiết kế bảng hỏi. Trong bảng hỏi, mục tiêu, đối tượng, nội dung cần đo lường cho từng câu hỏi và cho tổng thể một mẫu phiếu được tính toán, cân nhắc rất cẩn trọng làm sao đảm bảo các đặc tính đo lường, tính đại diện của mẫu phiếu, tính chính xác, hữu ích của các thông tin.

Hai là, thành lập phòng tiếp dân, quy định cụ thể nội quy tiếp công dân [H1.11.05.02]. Đây là nơi nhà trường tiếp nhận trực tiếp các ý kiến phản hồi của công dân, của NH và các bên liên quan đến CTĐT của nhà trường. Ngoài ra, tại các khu giảng đường, các nhà làm việc, khuôn viên của nhà trường, nhà trường còn lắp đặt nhiều hộp thư góp ý và đặc biệt, từ năm 2015, nhà trường còn thiết kế riêng một chuyên mục Hỏi – Đáp SV tại trang Website chính thức của Phòng Công tác học sinh sinh viên, rất thuận tiện cho cán bộ viên chức - lao động và SV đóng góp ý kiến, hiến kế cho nhà trường trong việc nâng cao chất lượng ĐT nói riêng và trong tất cả các hoạt động của Nhà trường nói riêng. Thông qua phòng tiếp dân và các hộp thư góp ý và đặc biệt là chuyên mục Hỏi – Đáp SV, nhà trường nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của SV, các vấn đề đang còn tồn tại nhà trường, từ đó có những giải pháp khắc phục tồn tại một cách nhanh chóng, làm cơ sở điều chỉnh CTĐT và cải tiến các hoạt động ĐT góp phần nâng cao chất lượng ĐT của từng ngành học, đáp ứng yêu cầu CĐR đã công bố [H1.03.01.01].

Ba là, tổ chức các hội nghị đối trực tiếp với SV [H1.10.05.06]. Hình thức đối thoại này được SV đặc biệt quan tâm và thu nhận được nhiều ý kiến trực tiếp rất bổ ích.

Với các thức khảo sát và thu thập thông tin trên, về phía Nhà trường, Nhà trường đã giao cho Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí tổng hợp, viết báo cáo [H1.10.06.01]. Về phía Khoa LLCT - Luật, Khoa đã giao cho Tổ soạn thảo CCĐT và các trợ lý tổng hợp, viết báo. Từ kết quả các báo cáo cho thấy, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT ngành Cử nhân Luật và chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật là khá cao [H1.03.01.01] và tăng dần qua các năm học, điều này chứng minh rằng Nhà trường, Khoa LLCT – Luật đã phân tích, đối sánh kết quả khảo sát và điều chỉnh CTĐT ngành Cử nhân Luật một cách hợp lý, phù hợp nhu cầu SV, đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

## **2. Điểm mạnh**

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của các bên có liên quan về CTĐT tăng dần qua các năm học.

### **3. Điểm tồn tại**

Mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT ngành Cử nhân Luật chưa được đối sánh giữa các năm; chưa đối sánh với CTĐT ngành Cử nhân Luật ở một số trường ĐH khác trong và ngoài nước.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa LLCT – Luật phân tích, ĐG và đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT ngành Cử nhân Luật giữa các năm, và một số trường ĐH khác.

Năm 2021 -2022, Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTDH, chất lượng dịch vụ giáo dục.

### **Kết luận về tiêu chuẩn 11**

Chất lượng đầu ra của SV được đảm bảo theo đúng các quy chế của Bộ GD&ĐT. Trường ĐHHĐ cũng như Khoa LLCT - Luật đã giám sát việc đạt được các CDR, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp. Tập thể cán bộ, GV khoa LLCT - Luật đặc biệt là CVHT đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của SV Nhà trường có nhiều hoạt động để hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp. Mặt khác NCKH của SV ngành Cử nhân Luật cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, các đề tài của SV có chất lượng, SV ra trường đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng ĐT của Nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của các bên có liên quan về CTĐT tăng dần qua các năm học.

Hội đồng tự ĐGCL CTĐT ngành Cử nhân Luật tiêu chuẩn 11 đạt 5/5 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm



### PHẦN III. KẾT LUẬN

Sứ mạng của Trường ĐHHĐ là "ĐT nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước". Để thực hiện được sứ mạng đó, trường ĐHHĐ nói chung và ngành Luật nói riêng phải không ngừng nỗ lực và thích ứng kịp thời với sự thay đổi của xã hội. Do đó, việc ĐG chương trình là tất yếu, nhằm không ngừng cải tiến chất lượng ĐT trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho SV có được cơ hội và môi trường học tập tốt; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kỳ.

#### **1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Cử nhân Luật**

##### **\*Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của CTĐT**

- Mục tiêu của CTĐT ngành Cử nhân Luật đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục ĐH đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực ngành Cử nhân Luật.

- CTĐT của ngành đã làm rõ mục tiêu ĐT, CDR; thực hiện khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật các nội dung mới của ngành Cử nhân Luật phù hợp với thực tế xã hội.

- CDR của CTĐT được thiết kế rõ ràng, phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc CVHT; đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho SV. CDR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau tốt nghiệp CTĐT.

CDR của CTĐT ngành Cử nhân Luật phản ánh được yêu cầu của xã hội, được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Việc rà soát, điều chỉnh CDR CTĐT xuất phát từ thực tiễn nhu cầu lao động và việc làm, dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, gắn với vị trí làm việc của người lao động với sự tham gia của người sử dụng lao động (SDLĐ). CDR CTĐT ngành Cử nhân Luật được xây dựng, rà soát, điều chỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành, có sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan

##### **\* Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT**

- Bản mô tả thể hiện rõ ràng, đầy đủ và cập nhật các thông tin cần thiết về CTĐT ngành Cử nhân Luật tại Trường ĐHHĐ, phục vụ thiết thực cho việc công khai hóa các thông tin để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận như: Mục tiêu ĐT, CDR; mô tả rõ vị trí, vai trò của các HP trong việc hình thành, phát triển năng lực của SV. Bản mô tả đã xây dựng được ma trận đóng góp của các HP về CDR, phản ánh đúng cấu trúc CTĐT theo định hướng phát triển các năng lực nghề nghiệp, đích hướng tới của quá trình ĐT là SV

- Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung ĐCCTHP ĐT theo hệ thống TC; 100% ĐCCT HP được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được Hội đồng khoa thẩm định, phê duyệt và Nhà trường tổ chức ĐG.

- ĐCCT thuộc CTĐT ngành Cử nhân Luật cơ bản bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT và liên tục cập nhật, đáp ứng yêu cầu phát triển của lĩnh vực ĐT.

- Đa dạng các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP dễ dàng tiếp cận giúp cho SV có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách HP trong CTĐT hiểu rõ kiến thức SV cần đạt được sau khi kết thúc HP; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng của SV khi tốt nghiệp.

**\*Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH**

- CTDH được xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật, theo một quy trình bắt buộc. CTDH ngành Cử nhân Luật được thiết kế khá hợp lý, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm, đảm bảo sự thống nhất đồng bộ giữa Mục tiêu ĐT, CĐR với CTDH. Các HP trong các khối kiến thức thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất đáp ứng CĐR. Trong CTDH các HP có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT theo định hướng ứng dụng, có sự kết hợp giữa lý thuyết với tham quan thực tiễn tại các cơ quan nhà nước, có một số HP kỹ năng giúp SV rèn luyện được kỹ năng nghề nghiệp.

- Nội dung chi tiết của từng HP trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, CĐR của từng HP và có sự gắn kết với các HP trong các khối kiến thức khác nhằm đảm bảo quá trình dạy – học và ĐG đạt được CĐR của toàn CTDH.

- CTDH ngành Cử nhân Luật được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức chuyên nghiệp. CTDH giúp SV có kế hoạch học tập và phương pháp học tập, nghiên cứu phù hợp với mục tiêu của từng HP. CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng được năng lực của SV sau khi tốt nghiệp, có khả năng đáp ứng được những yêu cầu của công việc. Các HP trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong viên đạt được CĐR. Các HP được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành. Các HP chuyên ngành được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành.

**\* Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

- Mục tiêu ĐT của ngành được tuyên bố rõ ràng trên website của Trường và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới GV và SV. Mục tiêu này đã được các chuyên gia góp ý, tham gia xây dựng.

- Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. SV được tiếp cận với hoạt động NCKH từ năm thứ hai. CTĐT có nhiều hoạt động thực tế, thực tập. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

- Các hoạt động dạy và học trang bị kiến thức, kỹ năng để SV có khả năng học tập ở những bậc cao hơn và khả năng học tập suốt đời..

**\* Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của Người học**

- Nhà trường có quy trình rõ ràng về việc ĐG kết quả học tập của SV. Các phương pháp kiểm tra ĐG kết quả học tập của SV trong CTĐT ngành Cử nhân Luật được thiết kế phù hợp với tính chất đặc thù của ngành ĐT, giúp SV tiếp thu kiến thức, rèn luyện các kỹ năng một cách hiệu quả nhất, phù hợp để đo lường mức độ đạt CĐR.

- Hệ thống các văn bản quy định về ĐG kết quả học tập của SV là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến SV bằng nhiều hình thức. SV biết, hiểu rõ các quy định về công tác kiểm tra ĐG của Khoa, Nhà trường và nhất trí cao với các quy định hiện có

- Phương pháp kiểm tra, ĐG đa dạng, đảm bảo sự nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức ĐT, mục tiêu HP, của ngành. Nội dung đề thi có nội dung phong phú, có cả các tình huống thực tiễn và đều được đưa vào ngân hàng câu hỏi thi, đảm bảo phủ đều các mảng kiến thức của HP, hạn chế việc học tủ, học lệch của SV.

- Nhà trường đã ban hành quy định và cụ thể hóa thành các quy trình về khiếu nại kết quả học tập rất rõ ràng kèm theo mốc thời gian cụ thể; Hoạt động khiếu nại, phúc tra điểm thi của SV được giải quyết kịp thời, chính xác và thỏa đáng

**\* Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên**

- Nhà trường đã ban hành kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2010-2020 và 2020-2023 theo từng đơn vị; quy hoạch phát triển đội ngũ phù hợp với thực tiễn của đơn vị và được triển khai đúng tiến độ, được ĐG, điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn; đội ngũ GV, được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao yêu cầu phát triển của xã hội về chất lượng ĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Đội ngũ CB, GV của khoa cơ bản đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Ngoài ra, việc mời một số GV có trình độ chuyên môn cao ở các cơ sở ĐT luật có uy tín góp phần thực hiện tốt hơn CTĐT ngành Cử nhân Luật.

- Tỷ lệ GV/SV cơ bản đáp ứng quy định hiện hành và khối lượng công việc của đội ngũ GV được xác định và được giám sát bởi BM, Khoa và các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH phục vụ cộng đồng. Trình độ GV ngày một nâng cao, có năng lực nghề nghiệp vững vàng, đáp ứng nhu cầu triển khai nhiệm vụ của khoa. GV tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, được ĐG cao.

- Tiêu chí tuyển dụng được công bố công khai và giúp các ứng viên dễ dàng tiếp cận, từ đó Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ GV có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong NCKH và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.

- Các hoạt động ĐG năng lực GV được quy trình hóa và được thực hiện đảm bảo nghiêm túc, thông tin thu được đảm bảo chính xác. Kết quả ĐG năng lực hoạt động của đội ngũ GV được lưu trữ hằng năm và đối sánh giữa các năm giúp GV phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao năng lực SV đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

- Nhu cầu ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ (cả trong và ngoài nước), các khóa ĐT ngắn hạn, tham gia hội thảo, viết bài tạp chí (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí ĐT và tham gia hội thảo, bài đăng tạp chí...). Các hoạt động triển khai các khóa ĐT, tập huấn cho GV đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Việc quản lý, xác nhận kết quả khối lượng công tác, kết quả bình xét thi đua khen thưởng, tiêu chuẩn được tăng lương trước thời hạn đối với đội ngũ GV luôn được thực hiện có kế hoạch, công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo, đặc biệt quan tâm phát hiện nhân tố mới, tăng cường khen thưởng đột xuất. Khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa.

- Đội ngũ GV được ĐT chính quy, có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Khối lượng giờ khoa học được xác lập, quy đổi đúng quy định, quá trình thực hiện được giám sát chặt chẽ có thưởng/phạt nghiêm minh.

**\* Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ**

- Đội ngũ nhân viên của Khoa, Trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với vị trí việc làm; được quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để tham gia các chương trình, dự án, các lớp ĐT bồi dưỡng ngắn hạn hoặc tập huấn nghiệp vụ, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu phục vụ dạy học, NCKH và được SV tín nhiệm, ĐG cao.

- Đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin và TTTT-TV hỗ trợ SV có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu CTĐT và được SV ĐG cao. Cán bộ hỗ trợ chung của Khoa có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giải đáp mọi thắc mắc của SV liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp SV có thành tích học tập tốt hơn.

- Khoa đã tuyển dụng đội ngũ nhân viên đáp ứng chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển rõ ràng, minh bạch và được Nhà trường công khai đầy đủ trên hệ thống website, được phổ biến đến toàn thể cán bộ viên chức - lao động trong trường và được công khai quá các phương tiện thông tin (đài, báo của Tỉnh) vào các đợt tuyển dụng.

- Nhà trường có quy trình và tiêu chí ĐG năng lực của đội ngũ nhân viên một cách cụ thể rõ ràng; hoạt động đánh năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, khách quan, công bằng.

- Khoa có sự phân công công việc cho đội ngũ NV một cách rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo trong bình xét, ĐG xếp loại và thi đua khen thưởng. Kết quả công việc được ĐG định kỳ hàng năm, nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

**\* Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ Người học**

- Chính sách tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công khai đến các bên liên quan để dàng tiếp cận bằng nhiều hình thức khác nhau. Hàng năm Khoa đều khảo sát nhu cầu tuyển dụng ngành Cử nhân Luật.

- Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn của Nhà trường rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT và được ĐG, cập nhật thường xuyên. Kết quả xét tuyển khách quan, chính xác;

- Nhà trường đã ban hành các quy định giám sát sự tiến bộ của SV về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp trường đến cấp khoa. Kết quả học tập, rèn luyện của SV được lưu giữ, cập nhật và theo dõi chặt chẽ, có những tư vấn hỗ trợ kịp thời giúp NH sớm cải thiện nâng cao chất lượng kết quả học tập và rèn luyện của bản thân.

- Phần mềm quản lý ĐT đã giúp nhà trường, khoa LLCT – Luật cập nhật cơ sở dữ liệu, theo dõi và giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV nói chung và SV ngành Cử nhân Luật nói riêng.

- Nhà trường có các hệ thống phòng ban chức năng chịu trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp SV cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm. Các hoạt động hỗ trợ SV có kế hoạch và được triển khai thực hiện có hiệu quả, giúp SV cải thiện, nâng cao chất lượng học tập, rèn luyện cũng như tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp.

- Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập, nghiên cứu, làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của SV liên quan đến CTĐT. SV ngành Cử nhân Luật luôn có ý thức tuân thủ các quy định trong trường học và quy định của Pháp luật.

**\* Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ tốt nhất các hoạt động ĐT và NCKH của ngành Cử nhân Luật.

- Hệ thống tài liệu, giáo trình chính, tài liệu tham khảo cho từng HP thuộc CTĐT ngành Cử nhân Luật đã đáp ứng yêu cầu được những yêu cầu cơ bản cho việc dạy và học.

- Hệ thống phần mềm quản lý tra cứu tư liệu hiện đại. Hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hóa, ebooks, liên kết đến thư viện,... Hệ thống mạng nội bộ, mạng liên kết với bên ngoài có tốc độ cao liên kết chặt chẽ với các cơ sở dữ liệu khác trong cả

nước đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản cho công tác ĐT, nghiên cứu của GV, của SV và các bên liên quan, cũng như chia sẻ thông tin với các thư viện ĐH khác.

- Thư viện được đầu tư xây dựng mới đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn hiện đại, tiện nghi, đa chức năng. Khuôn viên nhà thư viện rộng rãi, thoáng mát, cơ sở vật chất, trang thiết bị mới đảm bảo đầy đủ nhu cầu về phòng đọc, phòng mượn, máy tính... cho nhu cầu học tập của bạn đọc.

- Đội ngũ cán bộ nhân viên được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm đảm bảo chuyên môn trong công tác lưu trữ và phục vụ bạn đọc. Hệ thống cán bộ chuyên trách đầy đủ, được ĐT cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và SV.

- Hệ thống phòng học trực tuyến, máy vi tính, máy chiếu đa năng và các thiết bị tin học hiện có của nhà trường nói chung và khoa LLCT - Luật nói riêng đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của đội ngũ CBGV, học sinh sinh viên.

- Hệ thống giảng đường và phòng làm việc trong khoa được lắp đặt hệ thống mạng và hệ thống wifi để CBGV và học sinh sinh viên làm việc, học tập, tra cứu thông tin.

- Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể cán bộ viên chức - lao động và SV. Các quy định/ tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn (bao gồm cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội) được xác định và triển khai có hiệu quả, trong đó có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Công tác an ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo có sự phối kết hợp chặt chẽ với các đơn vị an ninh trên địa bàn trường. Khuôn viên nhà trường rộng rãi, thoáng mát và luôn đảm bảo môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Tại hầu hết các tòa nhà đều có công trình đường, nhà vệ sinh, ... dành riêng cho người khuyết tật

**\* Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thành lập rất sớm. Cơ chế phối hợp giữa các bộ phận thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin làm việc hiệu quả, đồng bộ từ cấp trường đến khoa và được tiến hành thường xuyên, liên tục và hiệu quả. Các thông tin phản hồi từ các đơn vị, các cá nhân có liên quan về CTĐT đều được nhà trường, khoa kiểm chứng và sử dụng làm cơ sở để xây dựng mục tiêu, CDR cho CTĐT và thiết kế CTĐT. Nhờ có được cơ chế phản hồi thông tin nhanh chóng và hiệu quả mà CTĐT ngành Cử nhân Luật liên tục được cập nhật, điều chỉnh, ngày càng khoa học hơn, phù hợp hơn với yêu cầu của thực tiễn hơn, các SV tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật tại trường ĐHHĐ chất lượng ngày càng cao hơn.

- CTDH ngành Cử nhân Luật được thiết kế, chỉnh sửa và hoàn thiện thường xuyên. Quá trình thiết kế, chỉnh sửa CTDH luôn tuân thủ nghiêm túc các quy trình, quy định do nhà trường ban hành và các quy định của Bộ giáo dục và ĐT. Để CTDH thêm tính khoa học và tiên tiến, Tổ soạn thảo CTDH luôn có sự đối sánh với các CTDH của các cơ sở ĐT uy tín nhất hiện nay. Để CTDH phản ánh và đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động, mỗi lần chỉnh sửa CTDH, khoa đều tổ chức khảo sát các bên liên quan

( chuyên gia, GV, nhà SDLĐ, SV). Trên cơ sở các thông tin phản hồi của các bên liên quan, Tổ soạn thảo CTDH đề xuất các phương án bổ sung, điều chỉnh sau đó trình Hội đồng chuyên môn của khoa bàn bạc, đi đến thống nhất. Nhờ quá trình xây dựng, thiết kế và hiệu chỉnh CTDH được tiến hành một cách khoa học và bám sát nhu cầu của xã hội nên sau mỗi lần hiệu chỉnh CTDH ngành Cử nhân Luật ngày càng hiện đại và hoàn thiện.

Việc dạy và học, việc ĐG kết quả học tập của SV khoa ĐT tuân thủ nghiêm túc các quy định của bộ chủ quản, Nhà trường và được Khoa quản lý chặt và được theo dõi một cách thường xuyên, liên tục.

Phương pháp và quy trình rà soát, ĐG được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà trường, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Kết quả kiểm tra ĐG được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh nội dung CTĐT, tổ chức ĐT, kiểm tra và thi HP, xét tốt nghiệp cho SV.

Hình thức kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận đã được thực hiện đồng bộ ở tất cả các HP.

Khoa LLCT - Luật là Khoa có bề dày NCKH của trường ĐHHĐ. NCKH không chỉ nâng cao năng lực NCKH cho GV và SV mà còn nâng cao chất lượng ĐT ngành Cử nhân Luật.

Số lượng các đề tài khoa học đã đăng ký, đã nghiệm thu; số lượng các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành; số lượng các hội thảo, các tham luận trong các hội thảo cũng tăng theo xu hướng đó. Có thể nói, các hoạt động và kết quả NCKH của Khoa LLCT - Luật ngày càng phát triển theo xu hướng năm sau nhiều hơn, đa dạng hơn, chất lượng cao năm trước. Kết quả các NCKH được sử dụng trong quá trình ĐT cũng ngày càng cao, góp phần nâng cao chất lượng ĐT, đáp ứng yêu cầu CĐR.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định hoạt động của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tăng cường công tác lấy ý kiến ĐG mức độ hài lòng của CBGV, SV về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích từ đó đề ra những cải tiến sát hợp góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của nhà trường và khoa ĐT.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được đầu tư, cải tiến theo hướng hiện đại hoá, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của SV và các bên liên quan.

Cơ chế phản hồi các bên có liên quan đã được thiết lập có hệ thống và nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích cho các hoạt động của nhà trường và khoa về CTĐT ngành Cử nhân Luật.

100% hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đúng quy trình, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các ý kiến phản hồi đảm bảo độ tin cậy, hoạt động phản hồi của các bên có liên quan đảm bảo tính hiệu quả và được Khoa tham khảo để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, nâng cao chất lượng ĐT.

**\* Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

- Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp; khoa LLCT-Luật, CVHT đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của SV;

kip thời tư vấn, hỗ trợ cho SV chậm tiến độ, nợ môn. Vì thế, trung bình tỷ lệ SV tốt nghiệp 2 khóa K18, K19 là 87,4%.

- Các giải pháp mà Khoa và Nhà trường triển khai thực hiện trong thời gian qua bước đầu đã cho kết quả khả quan.

- Nhà trường và Khoa ĐT đã có bộ phận theo dõi SV tốt nghiệp và có những giải pháp hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn; tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp xếp loại khá, giỏi, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

- Tỷ lệ SV ngành Cử nhân Luật có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp khá cao. Số SV tốt nghiệp có việc làm đúng hoặc gần đúng với chuyên ngành ĐT chiếm khoảng 84,6%.

- Phần lớn nhà tuyển dụng hài lòng với kiến thức, kỹ năng, thái độ mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp Cử nhân Luật - trường ĐHHĐ.

- Hoạt động NCKH trong SV nhận được sự quan tâm của lãnh đạo khoa và BM Luật. Số lượng các đề tài và loại hình hoạt NCKH của SV ngày càng đa dạng. Đã phát hiện ra nhiều SV có khả năng và nhiệt huyết đối với hoạt động NCKH. Các NCKH của SV ngành Cử nhân Luật gắn liền với kiến thức chuyên ngành, góp phần nâng cao năng lực NCKH và chất lượng học tập của SV ngành Cử nhân Luật.

## ***2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của CTĐT ngành Cử nhân Luật***

### ***\* Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của CTĐT***

- Việc cụ thể hóa mục tiêu của CTĐT thành các nhiệm vụ, kế hoạch ĐT theo từng năm học, từng học kỳ và quán triệt nhiệm vụ đến từng cán bộ, GV, SV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra đôi lúc còn chưa đồng bộ.

- Có sự trùng lặp về CĐR giữa các HP khác nhau trong cùng một chương trình hoặc trùng lặp CĐR giữa các nội dung trong cùng một HP.

- Khoa đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành Cử nhân Luật, trên cơ sở tham khảo ý kiến của nhà SDLĐ, các chuyên gia cùng lĩnh vực trong và ngoài trường, GV và SV. Tuy nhiên số lượng các ý kiến của chuyên gia còn chưa nhiều

### ***\* Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT***

- Việc lấy ý kiến khảo sát của cựu SV về bản mô tả CTĐT còn chưa thường xuyên.

- Việc cập nhật ĐCCT của các HP thuộc BM, Khoa quản lý chưa được thực hiện một cách đồng bộ; một số ĐCCT đã cập nhật học liệu và tài liệu tham khảo mới nhưng chưa được được làm rõ, cụ thể hóa những nội dung cập nhật, điều chỉnh bằng văn bản.

- ĐCCT HP chưa được cập nhật thật sự đầy đủ trên website của Khoa. Việc lấy ý kiến phản hồi về CTĐT và ĐCCTHP chưa được tiến hành rộng rãi đối với các bên liên quan nên chưa có nhiều ý kiến góp ý cho ĐCCT HP.

### ***\* Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH***

- Các kỹ năng mềm chưa được thể hiện thực sự rõ trong CTDH



- Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CDR là chưa đồng đều, có HP đóng góp nhiều, còn có những HP cùng thời lượng nhưng đóng góp hạn chế.

- Khoa đã xây dựng 4 phiên bản về CTĐT (năm 2015, 2016, 2017, 2019) nhưng chỉ có phiên bản năm 2019 mới có CTDH. Việc lấy ý kiến phản hồi của SV sau khi tốt nghiệp và các nhà SDLĐ giúp cho việc điều chỉnh CTDH ngành Cử nhân Luật chưa được thực hiện liên tục và đều đặn.

**\* Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

- Mặc dù mục tiêu ĐT của Khoa được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và biên soạn đề cương HP cho Khoa. Mục tiêu này chưa được công bố với đông đảo các nhà tuyển dụng khác.

- Một số SV tham gia vào quá trình chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu. Đây cũng chính là điểm cần cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

- Các hình thức và phương pháp dạy học còn chưa đa dạng, đặc biệt là những hình thức tự học, tự nghiên cứu. Vì vậy, tính chủ động trong quá trình học tập của SV còn hạn chế.

**\* Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của Người học**

- Các hình thức kiểm tra ĐG chưa đa dạng. Việc ĐG các HP của ngành Luật tập trung chủ yếu vào hình thức tự luận và vấn đáp, chưa có phần ĐG thực hành.

- Phần mềm quản lý đào tạo đôi khi truy nhập bị lỗi. Một số SV chưa nắm vững các quy định và thông tin về kiểm tra ĐG kết quả học tập mặc dù đã được Khoa và Nhà trường phổ biến đầy đủ.

- Hình thức kiểm tra thực hành chưa được sử dụng trong ĐG một số HP chuyên ngành Cử nhân Luật, cho dù một số HP/một số phần của HP vẫn có thể dùng phương pháp này.

- Việc chấm thi còn chậm nên việc phản hồi kết quả học tập của một số HP chậm so với quy định của Nhà trường.

- Một số SV vẫn chưa nắm vững quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

**\* Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên**

- GV ngành Cử nhân Luật còn thiếu về số lượng, phần lớn GV trẻ đang tham gia ĐT nâng cao trình độ sau ĐH, gây khó khăn nhất định trong việc triển khai kế hoạch dạy học hàng năm. Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ còn thấp (19,4%).

- Tiêu chí tuyển dụng đội ngũ GV còn khá cao, các chính sách thu hút GV, Nghiên cứu viên có trình độ cao về công tác tại trường còn hạn chế nên việc thu hút GV có trình độ cao về công tác tại khoa còn nhiều khó khăn.

- Trình độ tin học, ngoại ngữ chưa thực sự đồng đều trong đội ngũ GV ở các BM.

- Một số ít GV trẻ trong quy hoạch đi học nghiên cứu sinh vì nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan chưa thực hiện theo đúng kế hoạch đã đăng kí với nhà trường và được nhà trường phê duyệt.

- Số lượng đề tài NCKH cấp cao còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với năng lực NCKH của đội ngũ GV. Số lượng GV có trình độ tiến sĩ còn hạn chế nên chưa đủ lực để thành lập các nhóm nghiên cứu để đề xuất được các đề tài cấp cao

**\* Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ**

- Công tác giáo vụ do GV của Khoa kiêm nhiệm, do đó khối lượng công việc, nên đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

- Khoa vẫn chưa có giáo vụ chuyên trách. Việc GV vẫn kiêm trợ lý giáo vụ như hiện nay gây khó khăn nhất định trong việc triển khai kế hoạch dạy học ngành Cử nhân Luật

- Tính chuyên nghiệp của đội ngũ NV hỗ trợ còn chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

- Chưa có tiêu chí định lượng để ĐGCL công việc, cũng như có đề nghị các trường hợp khen thưởng theo công việc cụ thể.

**\* Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ Người học**

- Nhà trường, Khoa chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về công tác tuyển sinh ngành Cử nhân Luật thông qua Phiếu khảo sát mà chủ yếu lấy ý kiến trực tiếp thông qua các hội nghị, các cuộc làm việc trực tiếp có liên quan.

- Quy trình giám sát sự tiến bộ của SV về kết quả học tập và rèn luyện chưa cụ thể nên các cán bộ trong khi thực hiện đôi khi còn lúng túng, bị động, chưa kịp thời. Số lượng CVHT (1 CVHT) cho SV ngành Cử nhân Luật hệ chính quy còn ít.

- Hoạt động khảo sát lấy ý kiến SV về công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ SV khác chưa được thực hiện bài bản, khoa học.

- Hoạt động phân công địa điểm thực tế, thực tập đối với một số SV chưa thực sự hợp lý.

- Việc lấy ý kiến phản hồi của SV và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường, của khoa chưa thường xuyên, chưa liên tục.

- Vẫn còn một bộ phận nhỏ SV chưa có ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường chung của khoa và nhà trường.

**\* Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Hệ thống phòng học khu giảng đường nhà A6-A của Khoa LLCT - Luật chưa được phủ sóng wifi đầy đủ hoặc có nhưng hay bị trục trặc.

- Phòng học trực tuyến tuy đã được đầu tư lắp đặt đầy đủ trang thiết bị và đi vào hoạt động có hiệu quả, song số lượng phòng học còn ít chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu học tập trực tuyến của SV trong bối cảnh của yêu cầu thực tế hiện nay.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo chưa phong phú. Nguồn tài liệu nội sinh còn ít, nguồn tài liệu điện tử chưa phong phú. Việc liên kết sử dụng chung nguồn tài liệu với

các trường ĐH, các cơ sở ĐT khác, các nhà xuất bản còn hạn chế.

- Việc khai thác tính năng của Thư viện điện tử vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Cụ thể như việc khai thác nguồn tài liệu số hóa, liên kết thư viện vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

- Việc xây dựng phòng thực hành Pháp luật cho khoa của nhà trường còn chậm

- Tính đồng bộ của hệ thống công nghệ thông tin chưa đồng đều. Việc kiểm tra, giám sát và sửa chữa hệ thống thông tin phục vụ dạy học, NCKH đôi khi còn chưa kịp thời chủ yếu là do người sử dụng báo lên.

- Máy tính tại một vài phòng làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của cán bộ, GV.

- Tính chủ động của GV và NH trong việc áp dụng hệ thống công nghệ thông tin, thông tin tài liệu tại thư viện nhà trường để tìm kiếm dữ liệu, tài liệu còn thấp .

- Chưa có quy định cụ thể các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn cụ thể trong đơn vị;

- Hiện tượng vi phạm nội quy trong ký túc xá vẫn còn xảy ra. Một số SV vẫn chưa mua bảo hiểm y tế.

**\* Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- CTĐT ngành Cử nhân Luật được ban hành năm 2015 và sửa đổi qua các năm 2016, 2017, không có CTDH; đến năm 2019 bên cạnh CTĐT có CTDH.

- CTĐT ngành Cử nhân Luật chưa tham khảo đa dạng các CTDH tiên tiến của nước ngoài.

- Số SV tốt nghiệp ngành Cử nhân Luật còn chưa nhiều, số SV tìm được việc làm đúng ngành cũng chưa nhiều, do vậy việc khảo sát ý kiến, ĐG của các bên liên quan còn chưa được rộng, các thông tin phản hồi chưa đa dạng, chưa phản ánh hết những ưu điểm và hạn chế của CTĐT.

- Hình thức ĐGCL giảng dạy của GV chưa đa dạng, chủ yếu dựa vào kết quả dự giờ, thao giảng của GV trong BM và ý kiến ĐG của SV.

- Chưa có kết quả NCKH được công bố trên các tạp chí nước ngoài có chỉ số ISI hoặc Scopus.

- Số lượng các công trình NCKH gắn với cải tiến phương pháp dạy học của GV và NH còn khiêm tốn.

- Chưa có những cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động NCKH riêng dành cho GV và SV trong khoa.

- Việc giải quyết các ý kiến phản hồi của SV và cán bộ, GV đối với các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được giải quyết kịp thời.

- Tốc độ truy cập, sự ổn định mạng Internet ở một số khu vực trong nhà trường còn cao. Một số trang thiết bị dạy học chưa đảm bảo chất lượng, ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy và học tập của SV.

- Hình thức lấy ý kiến chưa thực sự đa dạng; một số mẫu phiếu hỏi chưa có tính cập nhật, làm giảm giá trị của các thông tin thu thập trong quá trình ĐT.

**\* Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

- Tỷ lệ SV thôi học trung bình các khóa học khá cao là 27,7% ; 18,4% SV không tốt nghiệp đúng thời hạn và có 12,6% SV chưa tốt nghiệp. SV còn ỷ lại, chưa chủ động trong việc học các HP tiếng Anh, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng để đảm bảo các điều kiện CĐR của CTĐT theo quy định.

- Trong khóa học vẫn còn một số SV có kết quả học tập chưa cao, chưa thể tốt nghiệp theo chương trình chính khóa.

- Vẫn còn SV sau khi tốt nghiệp chưa tìm được việc làm. Mối quan hệ giữa nhà trường, khoa ĐT với nhà tuyển dụng lao động còn chưa thực sự gắn kết, tương hỗ.

- Việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV ngành Cử nhân Luật với ngành Cử nhân Luật của các trường ĐH khác trong và ngoài nước thực hiện chưa được đầy đủ.

- Kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV còn hạn chế, chưa thu hút được các nguồn kinh phí từ bên ngoài đầu tư cho hoạt động NCKH của SV.

- Mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT ngành Cử nhân Luật chưa được đối sánh giữa các năm; chưa đối sánh với CTĐT ngành Cử nhân Luật ở một số trường ĐH khác trong và ngoài nước.

**3. Các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành Cử nhân Luật**

**\* Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của CTĐT**

- Từ năm học 2021-2022, Khoa LLCT – Luật sẽ cụ thể hóa mục tiêu của CTĐT thành các nhiệm vụ, kế hoạch ĐT theo từng năm học, từng học kỳ và quán triệt nhiệm vụ đến từng cán bộ, GV, SV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra, đáp ứng nhu cầu xã hội ngày càng cao về nhân lực ngành Cử nhân Luật. Việc cụ thể hóa được thực hiện trong ĐCCT và bài giảng của từng HP, kế hoạch học tập và giảng dạy của từng GV, từng SV.

- Định kỳ đầu mỗi năm học, BM Luật rà soát, đối chiếu CĐR giữa các HP, giữa các nội dung trong từng HP để tránh trùng lặp nội dung giữa các CĐR, bổ sung CĐR mới cho phù hợp với yêu cầu ĐT và yêu cầu sử dụng.

- Để thực hiện yêu cầu của việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành Cử nhân Luật theo yêu cầu giáo dục phổ thông mới, bắt đầu từ năm học 2020-2021, Khoa thực hiện đầy đủ và đa dạng việc lấy ý kiến của các bên liên quan, các nhà tuyển dụng và cựu SV, đặc biệt là ý kiến của các chuyên gia trong việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh CĐR.

**\* Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT**

- Từ năm học 2021 -2022, Khoa LLCT - Luật sẽ cung cấp bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan, các tổ chức doanh nghiệp một cách bài bản, mang tính chuyên nghiệp hơn và định kỳ 2 năm sẽ thực hiện rà soát, điều chỉnh, cập nhật bản mô tả CTĐT. Đồng thời, ngoài việc tham khảo ý kiến từ phía các doanh nghiệp, các chuyên gia, đội ngũ GV còn tổ chức tham khảo, lấy ý kiến từ phía cựu SV ngành Cử nhân Luật của khoa.

- Từ năm học 2021-2022, khoa xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện đồng bộ việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh ĐCCT HP gắn với những điều chỉnh, bổ sung CTĐT. Các nội dung cập nhật, điều chỉnh sẽ được cụ thể hóa trong biên bản các cuộc họp chuyên môn và công bố rộng rãi đến SV, GV, và các bên liên quan khác.

- Từ năm học 2021-2022 Khoa và Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động công khai, trong đó có công khai về CTĐT, bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP trên nhiều kênh khác nhau nhằm phục vụ tốt hơn cho quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của SV, giảng viên và các nhà quản lý, tuyển dụng.

- Khoa lập kế hoạch định kỳ hàng năm, mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến ĐG từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia, GV trong và ngoài khoa và SV về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương HP nói riêng để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CĐR.

**\* Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH**

- Trong năm học 2021 – 2022, Nhà trường và BM chuyên ngành tiếp tục điều chỉnh, rà soát và hoàn thiện CTDH theo hướng mô tả rõ nét, cụ thể các kỹ năng mềm cần đạt được sau các HP để đảm bảo bám sát CĐR đã công bố.

- Từ năm học 2021 – 2022, Khoa LLCT - Luật tiếp tục triển khai cụ thể việc lấy ý kiến đóng góp từ các chuyên gia trong và ngoài Trường, nhà SDLĐ, SV và cựu SV; sẽ rà soát lại CĐR của từng HP với CĐR của CTĐT điều chỉnh nội dung bài tập/thực hành đáp ứng yêu cầu củng cố kiến thức lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho SV.

- Từ năm học 2021 – 2022, Khoa tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các nhà SDLĐ và cựu SV làm cơ sở cho việc rà soát, điều chỉnh CTDH của từng HP định kỳ theo từng năm học, tạo điều kiện quản lý chất lượng theo kết quả đầu ra đã quy định, nhấn mạnh năng lực vận dụng của SV.

**\* Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

- Từ năm học 2021 – 2022, Khoa sẽ tổ chức các cuộc tiếp xúc với các nhà SDLĐ để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CĐR cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà SDLĐ.

- Từ năm học 2021-2022, Khoa LLCT - Luật tiếp tục thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các tiêu chuẩn, tiêu chí để đạt CĐR; giao cho Liên chi Đoàn, Liên chi hội SV Khoa và CVHT tổ chức các hội thảo, diễn đàn chia sẻ phương pháp học tập cũng như các phong trào thi đua, hướng NH chủ động trong quá trình học tập và nghiên cứu.

- Từ năm học 2021 - 2022, Khoa tập trung chỉnh sửa ĐCCTHP tăng cường hoạt động tự học, thực tế, thực hành để rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

**\* Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của Người học**

- Trong năm học 2021 – 2022: Rà soát chỉnh sửa, bổ sung đa dạng các hình thức ĐG kết quả học đáp ứng yêu cầu của CĐR.

- Cần tiếp tục cải tiến quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các công cụ kiểm tra ĐG phù hợp hơn nữa.

- Từ năm học 2021-2022, Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm mới, các GV sẽ trực tiếp cập nhật điểm trên phần mềm. BM sẽ thường xuyên đôn đốc GV chấm thi nghiêm túc, đảm bảo đúng tiến độ và nhập điểm lên hệ thống đúng thời hạn

- Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa tiếp tục chỉ đạo để GV rà soát, điều chỉnh các phương pháp, tiêu chí kiểm tra ĐG đảm bảo ĐG đúng kết quả học tập của SV và theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực SV.

- Từ năm học, 2021-2022, Khoa chỉ đạo đội ngũ CVHT cần tăng cường hoạt động phổ biến và hướng dẫn cụ thể các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập để SV nắm rõ hơn. Khoa tiếp tục phối hợp với phòng Quản lý ĐT giải quyết kịp thời, chính xác các đơn khiếu nại, phúc tra điểm thi của SV.

**\* Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên**

- Từ năm học 2021-2022 Khoa sẽ đề xuất với Nhà trường tiếp tục tuyển dụng GV đúng chuyên ngành còn thiếu có trình độ cao trong những năm tiếp theo;

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ, kiên quyết hơn nữa trong việc cử cán bộ, GV đi ĐT trên chuẩn theo đúng chuyên ngành đã quy hoạch.

- Trong năm học 2021-2022, khi điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, Nhà trường xem xét cơ chế để nâng cao chất lượng GV, tạo điều kiện cho GV đẩy nhanh tiến độ thực hiện quy hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ.

- Từ năm học 2021-2022, Khoa và Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm đảm bảo cụ thể, chi tiết hơn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh lại cơ chế chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác tại trường; Có các chế tài phù hợp với GV chưa thực hiện tốt quy hoạch ĐT; tham mưu cho Nhà trường tuyển dụng thêm một số GV Luật có trình độ chuyên môn giỏi đáp ứng tốt hơn nhu cầu ĐT Ngành Cử nhân Luật của Khoa.

- Từ năm 2021, GV trong khoa thực hiện tốt quy hoạch học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tin học và ngoại ngữ; Khoa đề nghị nhà trường tuyển dụng GV có trình độ cao, cho GV đi học sau ĐH để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Khoa tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV trong độ tuổi nói chung và ở BM Luật nói riêng nhằm đáp ứng mục tiêu và sứ mạng, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường và của Khoa giai đoạn 2020 - 2030.

- Khuyến khích GV có trình độ tiến sĩ chuẩn bị đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia xét đạt chuẩn chức danh PGS; thường xuyên kiểm tra, động viên, đôn đốc GV thực hiện đúng tiến độ kế hoạch học tập, bồi dưỡng đã đăng ký với Nhà trường và đề nghị Nhà trường cần có chế tài mạnh hơn với cá nhân không thực hiện đúng tiến độ quy hoạch ĐT, bồi dưỡng.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa và Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch, giám sát để tạo điều kiện tốt nhất có thể cho đội ngũ GV trẻ đăng ký và nỗ lực phấn đấu đạt được các danh hiệu thi đua, nhằm tạo động lực cho GV không ngừng tận hiến cho sự nghiệp DT Khoa và Nhà trường.

- Từ năm học 2021-2022 Khoa tiếp tục đa dạng hóa các hoạt động KH&CN; Giao nhiệm vụ cho các GV có trình độ Tiến sĩ đăng ký thực hiện các đề tài NCKH cấp Tỉnh, cấp Bộ. Thành lập các nhóm nghiên cứu để đăng ký những đề tài NCKH cấp cao. Chú trọng tổ chức các cuộc Hội thảo khoa học cấp Trường, Liên trường, Tỉnh.

**\* Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ**

- Khoa và Nhà trường tiếp tục phát huy tối đa chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về DT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Năm học 2021-2022, khoa tham mưu phòng Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với tình hình thực tiễn nhu cầu DT, NCKH và phục vụ cộng đồng hiện nay của khoa và nhà trường. Đồng thời tuyển dụng hoặc điều chuyển cán bộ chuyên trách công tác giáo vụ cho Khoa.

- Tham mưu phòng Tổ chức cán bộ tuyển dụng hoặc điều chuyển cán bộ chuyên trách công tác giáo vụ cho Khoa.

- Nhà trường tiếp tục thực hiện ĐG năng lực của đội ngũ nhân viên một cách công bằng khách quan theo quy trình đã được xây dựng trong từng năm học nhằm không ngừng cải tiến ngày càng tốt hơn lề lối làm việc để nâng cao chất lượng phục vụ.

- Trong năm học 2021-2022, Nhà trường xây dựng lại quy định ĐG xếp loại đội ngũ nhân viên, tiếp tục hoàn thiện mẫu phiếu tự ĐG năng lực của đội ngũ nhân viên phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Từ năm học 2021-2022, Khoa và Nhà trường tiếp tục rà soát, ĐG và có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích động viên, tạo điều kiện để đội ngũ viên chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt hơn nữa cho sự nghiệp DT, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác của khoa đáp ứng mục tiêu về tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường.

- Năm học 2021-2022, Khoa đề nghị Nhà trường ban hành các văn bản quy định các tiêu chí ĐG, khen thưởng cụ thể đối với đội ngũ nhân viên, nhằm tạo động lực cho nhân viên trong việc hỗ trợ công tác DT, NCKH và hoạt động cộng đồng.

**\* Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ Người học**

- Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường, Khoa xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về công tác tuyển sinh hằng năm, từ đó sẽ phân tích, ĐG và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để xây dựng Đề án tuyển sinh ngành Cử nhân Luật đáp ứng nhu cầu xã hội, chính sách tuyển sinh phù hợp hơn.

- Từ năm 2021 - 2022, Khoa và nhà trường có kế hoạch tuyên truyền tuyển sinh sớm, hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú. Xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến

các bên liên quan, đặc biệt là giáo viên, học sinh trung học phổ thông và các nhà tuyển dụng và chuyên gia về tiêu chí, phương pháp tuyển sinh, có tổng kết, phân tích, ĐG và điều chỉnh hàng năm đảm bảo phù hợp.

- Khoa đề nghị Nhà trường tăng cường CVHT cho ngành Cử nhân Luật và tiếp tục bổ sung quy trình giám sát việc cảnh báo học vụ trên hệ thống phần mềm dành cho CVHT từ HK1 năm học 2021 - 2022.

- Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa định kỳ lấy ý kiến SV về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ học tập khác để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động hỗ trợ, tư vấn SV, tăng tỷ lệ SV có kết quả học tập tốt và có việc làm đúng ngành nghề ĐT sau khi tốt nghiệp.

- Từ học kì I năm học 2021-2022, Khoa đề nghị Phòng Quản lý đào tạo phân công cho SV khi đi thực tế, thực tập nên dựa trên khoảng cách địa lý giữa nơi ở, nguyện vọng cá nhân với đơn vị sở tại để hạn chế việc đi lại xa và thuận lợi trong việc sinh hoạt cho SV.

- Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa lấy ý kiến của các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường, của khoa nhằm bổ sung thông tin hữu ích để Nhà trường điều chỉnh các hoạt động đảm bảo tạo thuận lợi cho hoạt động ĐT, NCKH và sự hài lòng của SV.

- Tuyên truyền, phổ biến cho SV ngành Cử nhân Luật làm tốt công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội và thực hiện tốt nếp sống văn hoá nơi công sở.

**\* Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Trong năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục thực hiện hoàn thiện các hạng mục đầu tư thêm cơ sở vật chất, kết nối internet và phủ sóng wifi toàn bộ khu giảng đường nhà A6-A. Tiếp tục đầu tư, tăng cường số phòng học trực tuyến đáp ứng được đầy đủ nhu cầu học tập trực tuyến của SV trong bối cảnh của yêu cầu thực tế hiện nay.

- Năm học 2021-2022, TTTT-TV của nhà trường tăng cường bổ sung tài liệu đã số hóa, cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm dùng chung, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng hệ thống mạng máy tính, trong đó có mạng wifi tại thư viện và khu giảng đường để tăng cường việc liên kết sử dụng chung nguồn tài liệu với các trường ĐH và các cơ sở ĐT khác, tạo nguồn tài liệu điện tử phong phú hơn.

- Bổ sung giáo trình còn thiếu theo quy định.

- Tăng cường những đầu sách cần thiết hơn đáp ứng với nhu cầu ĐT, đặc biệt là các sách mới xuất bản

- Năm 2021, TTTT-TV của nhà trường lên kế hoạch hợp tác, liên kết, chia sẻ tài nguyên với các thư viện khác để có nguồn tài liệu phong phú hơn nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác, tìm kiếm tài nguyên thông tin của bạn đọc một cách hiệu quả, phục vụ tích cực cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CBGV, học sinh sinh viên của Trường và cả đối tượng ngoài trường khi có yêu cầu.



- Trong năm học 2021-2022, Nhà trường cần sớm có kế hoạch xây dựng phòng thực hành cho khoa LLCT -Luật

- Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản về môi trường, y tế, an ninh trật tự; tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe, an toàn.

- Kiểm soát được người ra, vào cổng trường; phối hợp chặt chẽ với Công an các cấp, các đơn vị chức năng trong nhà trường tuần tra, giám sát trong toàn bộ khuôn viên nhà trường để phát hiện và ngăn chặn kịp thời kẻ gian vào trường ăn trộm, gây mất an ninh trật tự trường học.

- Tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ viên chức - lao động, SV về công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn; kiện toàn Trung đội dân quân tự vệ, đội cờ đỏ; tập huấn nghiệp vụ và diễn tập.

- Tiếp tục thực hiện theo Quyết định 338/QĐ-BGDĐT ngày 30/01/2018 về Kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018-2020 của ngành Giáo dục và Nghị định 86/2015/NĐ-CP.

**\* Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- Từ năm học 2021-2022, Khoa và Nhà trường tăng cường mối quan hệ, hợp tác với các doanh nghiệp, nhà SDLĐ, đặc biệt là các doanh nghiệp trong tỉnh, tăng số lượng đơn vị, cá nhân lấy ý kiến góp ý điều chỉnh CTĐT đảm bảo độ thiết thực. Sử dụng hiệu quả thông tin phản hồi của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và hiệu chỉnh CTĐT. Phát huy hơn nữa vai trò của Hội cựu SV với quá trình xây dựng CTĐT thông qua các cuộc hội thảo góp ý về chương trình hàng năm.

- Tiếp tục củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Khoa, Nhà trường với các nhà SDLĐ, tuyển dụng lao động nhằm tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp cho SV của Khoa sau khi tốt nghiệp.

- Từ học năm học 2021-2022, Khoa tham khảo nhiều hơn các chương dạy học của các trường ĐH ngoài nước; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các GV trong Khoa.

- Tăng cường công tác khảo sát, ĐG CTDH.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền tuyển sinh ngành Cử nhân Luật để thu hút nhiều hơn số SV theo học ngành Cử nhân Luật

- Huy động nhiều đối tượng tham gia ĐG CTDH và đóng góp ý kiến, để CTDH ngành Cử nhân Luật của trường ĐHHĐ ngày càng hoàn thiện và phù hợp với yêu cầu của thực tiễn

- Từ học kỳ I năm học 2021 - 2022, khoa LLCT – Luật tiếp tục chỉ đạo các BM nâng cao chất lượng hoạt động dự giờ, thao giảng. Đặc biệt, đối với các GV giảng dạy các HP mới đảm bảo xuyên suốt, khách quan, nghiêm túc trong quá trình giảng dạy.

- Khoa giao cho các BM đa dạng hóa các hình thức kiểm tra ĐG thường xuyên với các hình thức kiểm tra ĐG mới như: ĐG theo quá trình, mục tiêu dạy học; ĐG theo

kỹ năng, năng lực học tập; ĐG mở với sự tham gia của NH (trình bày vấn đề, báo cáo kết quả nghiên cứu)..,

- Các BM tăng cường tổ chức dự giờ góp ý các GV trong BM, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các GV trong Khoa.

- Tăng cường giám sát, quản lý quy trình đảm bảo chất lượng; quy trình lấy ý kiến ĐG GV.

- Từ năm 2020- 2021, Nhà trường nói chung và Khoa LLCT - Luật nói riêng cần tập trung nguồn lực đầu tư cho GV tham gia các đề tài, dự án lớn của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và tỉnh Thanh Hóa.

- Bên cạnh đó, khoa LLCT - Luật có chính sách động viên khuyến khích GV và SV tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH, đặc biệt công bố các công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học nước ngoài có uy tín, các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI, Scopus, và các tạp chí được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm công trình từ 1,0 điểm trở lên.

- Trong năm học 2021-2022, Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc phải đối sánh kết quả lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên có liên quan để tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

- Nhà trường nói chung và khoa LLCT-Luật nói riêng cần tiếp tục tập trung nguồn lực đầu tư cho các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích; hệ thống máy móc, trang thiết bị phục vụ dạy và học, tiếp tục nâng cấp phần mềm và hệ thống đường truyền Internet...

- Tăng cường giám sát, lấy ý kiến NH về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để không ngừng đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Công tác ĐG và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tổ chức thường xuyên.

- Trong năm học 2021-2022, Nhà trường giao cho các phòng ban chức năng tổ chức rà soát hệ thống văn bản, điều chỉnh, bổ sung các văn bản đã ban hành. Đặc biệt là các quy định về hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan, cập nhật và điều chỉnh mẫu phiếu hỏi phù hợp với từng CTĐT để có hiệu quả hơn.

- Trong năm học 2021-2022, Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng tiếp tục nghiên cứu để cải tiến về nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức lấy ý kiến của các bên có liên quan đáp ứng mục đích đề ra, giúp nhà trường thực hiện tốt việc ĐG CTĐT theo quy định.

**\* Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

- Năm học 2021 - 2022, Nhà trường, khoa LLCT-Luật tăng cường công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất.

- Cần theo dõi sát sao, tìm hiểu lý do vì sao SV có ý định thôi học, bỏ học (điều kiện sức khỏe, kinh tế, hay lý do khách quan khác...) để có hướng giúp đỡ kịp thời cho SV tiếp tục theo học và hoàn thành CTĐT.

- Thống kê SV chậm tiến độ, chưa hoàn thành HP trong học kỳ, năm học để có

kế hoạch, lịch tư vấn, hỗ trợ SV kịp thời để đăng ký HP, tư vấn cách học.

- Kết nối với nhà SDLĐ, các Sở GD&ĐT trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa để ký kết trong tuyển dụng và hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường sẽ tập trung chỉ đạo các đơn vị chức năng phối hợp với khoa, BM, giáo vụ và CVHT ngành Cử nhân Luật đưa ra cảnh báo sớm từ đầu năm những SV còn nợ nhiều môn, từ đó tiếp tục đề xuất các giải pháp phù hợp để hỗ trợ những SV cải thiện điểm tích lũy còn thiếu, sớm hoàn thành CTĐT.

- Từ năm học 2021-2022 Nhà trường có giải pháp phù hợp điều chỉnh, cải tiến CTĐT và đổi mới phương pháp giảng dạy của GV, nâng cao chất lượng ĐT để SV có thể thích ứng nhanh các yêu cầu mà nhà SDLĐ đề ra, góp phần tăng tỷ lệ SV có việc làm đúng chuyên ngành ĐT sau khi tốt nghiệp.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức Hội chợ việc làm, xây dựng mối quan hệ, gắn bó mật thiết với các đơn vị tuyển dụng và sử dụng nguồn lực đã qua ĐT của Khoa, Trường;

- Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa LLCT - Luật tập trung phân tích, ĐG, đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH ngành Cử nhân Luật với các trường ĐH khác trong và ngoài nước.

- Tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh tăng mức kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV và thường xuyên kết nối, tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nhà tài trợ, các ngành chức năng để triển khai thực hiện một số hoạt động NCKH trọng điểm về lĩnh vực luật học.

- Tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh tăng mức kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV và thường xuyên kết nối, tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nhà tài trợ, các ngành chức năng để triển khai thực hiện một số hoạt động NCKH trọng điểm về lĩnh vực luật học.

- Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, khoa LLCT – Luật phân tích, ĐG và đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT ngành Cử nhân Luật giữa các năm, và một số trường ĐH khác.

- Năm 2021 -2022, Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTDH, chất lượng dịch vụ giáo

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Hồng Đức

Mã trường: HDU

Tên CTĐT: Đại học Luật

Mã CTĐT: 73 80101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá						Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt yêu cầu	Tỷ lệ số Tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>							<b>5,0</b>	<b>3</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 1.1				5					
Tiêu chí 1.2				5					
Tiêu chí 1.3				5					
<b>Tiêu chuẩn 2</b>							<b>5,0</b>	<b>3</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 2.1				5					
Tiêu chí 2.2				5					
Tiêu chí 2.3				5					
<b>Tiêu chuẩn 3</b>							<b>4,6</b>	<b>3</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 3.1				5					
Tiêu chí 3.2				5					
Tiêu chí 3.3			4						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>							<b>4,6</b>	<b>3</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 4.1				5					
Tiêu chí 4.2			4						
Tiêu chí 4.3				5					
<b>Tiêu chuẩn 5</b>							<b>4,6</b>	<b>5</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 5.1				5					
Tiêu chí 5.2				5					
Tiêu chí 5.3			4						
Tiêu chí 5.4				5					
Tiêu chí 5.5			4						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>							<b>4,3</b>	<b>7</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 6.1			4						
Tiêu chí 6.2			4						
Tiêu chí 6.3			4						
Tiêu chí 6.4			4						
Tiêu chí 6.5				5					
Tiêu chí 6.6				5					
Tiêu chí 6.7			4						
<b>Tiêu chuẩn 7</b>							<b>4,8</b>	<b>5</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 7.1				5					
Tiêu chí 7.2			4						
Tiêu chí 7.3			4						
Tiêu chí 7.4				5					
Tiêu chí 7.5					6				

<b>Tiêu chuẩn 8</b>								<b>5,2</b>	<b>5</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 8.1				5						
Tiêu chí 8.2				5						
Tiêu chí 8.3				5						
Tiêu chí 8.4				5						
Tiêu chí 8.5					6					
<b>Tiêu chuẩn 9</b>								<b>5,2</b>	<b>5</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 9.1					6					
Tiêu chí 9.2				5						
Tiêu chí 9.3				5						
Tiêu chí 9.4				5						
Tiêu chí 9.5				5						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>								<b>4,5</b>	<b>6</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 10.1				5						
Tiêu chí 10.2				5						
Tiêu chí 10.3			4							
Tiêu chí 10.4			4							
Tiêu chí 10.5			4							
Tiêu chí 10.6				5						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>								<b>4,6</b>	<b>5</b>	<b>100</b>
Tiêu chí 11.1			4							
Tiêu chí 11.2			4							
Tiêu chí 11.3				5						
Tiêu chí 11.4			4							
Tiêu chí 11.5				5						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,9</b>	<b>50</b>	<b>100%</b>

Thanh Hóa, ngày      tháng      năm 2021

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT KĐCLGD-ĐHQGHN;
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Lưu VT, P. ĐBCL&KT.



**TS. Hoàng Văn Thi**

## Phần IV. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/06/2021

#### **I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Trường Đại học Hồng Đức
  - Tiếng Anh: Hong Duc University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục (Tiếng Việt và tiếng Anh)
  - Tiếng Việt: Đại học Hồng Đức
  - Tiếng Anh: HDU
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Hồng Đức
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa
5. Địa chỉ: 565 Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0237.3910.222; Số fax: 02373.910.475
7. E-mail: hcth@hdu.edu.vn; Website: hdu.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1997
9. Thời gian bắt đầu ĐT khóa I: 2002
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2006
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
  - Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục
  - Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

#### **II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện CTĐT**

12. Tên Khoa/BM thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Khoa Lý luận chính trị - Luật
  - Tiếng Anh: Faculty of Political Theory - Law
13. Tên viết tắt của Khoa/BM thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: K.LLCT-L
  - Tiếng Anh: FPTL
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Lý luận chính trị - Luật
15. Mã CTĐT: 7380101
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Đại học Luật
17. Địa chỉ của Khoa/BM thực hiện CTĐT: Nhà A6, Cơ sở chính, 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa
18. Số điện thoại liên hệ: E-mail: [khoallct@hdu.edu.vn](mailto:khoallct@hdu.edu.vn);  
Website: <http://hdu.edu.vn/vi-vn/8/>
19. Năm thành lập Khoa/BM (theo Quyết định thành lập): 1997
20. Thời gian bắt đầu ĐT khóa I (của CTĐT): 2015
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2019

### III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

Khoa LLCT - Luật tiền thân là khoa LLCT, được thành lập theo quyết định thành lập trường ĐHHĐ vào ngày 24/9/1997. Trong những năm qua, khoa đã góp phần cùng nhà trường ĐT hàng vạn trí thức có trình độ chuyên môn sâu; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tư duy năng động, sáng tạo, có kỹ năng giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn. Bắt đầu được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh ĐT ngành Cử nhân Luật từ năm học 2015 - 2016, đến năm học 2020 – 2021 khoa đã ĐT được 06 khóa và có 02 khóa học ra trường.

Từ những đầu mới thành lập, đội ngũ CBGV của khoa chỉ có 20 người và ĐT những HP chung về LLCT và Pháp Luật. Đến nay, Khoa không ngừng phát triển lớn mạnh, tính đến 15/7/2021 tổng số CBGV của khoa là 32 người, 97% có trình độ Sau ĐH. Trong tổng số 31 GV, có 7 Tiến sĩ (tỷ lệ 22.6%) và 25 Thạc sĩ (tỷ lệ 77.4%); GV đang đi học nghiên cứu sinh là 04 người. Nhiều cán bộ, GV có trình độ ngoại ngữ có thể làm việc trực tiếp với người nước ngoài; Quy mô ĐT 508 NH, gồm bậc ĐH ở các hệ chính quy và hệ liên thông, VLVH. Cơ sở vật chất của cơ bản đủ đáp ứng yêu cầu học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV đang theo học tại Khoa.

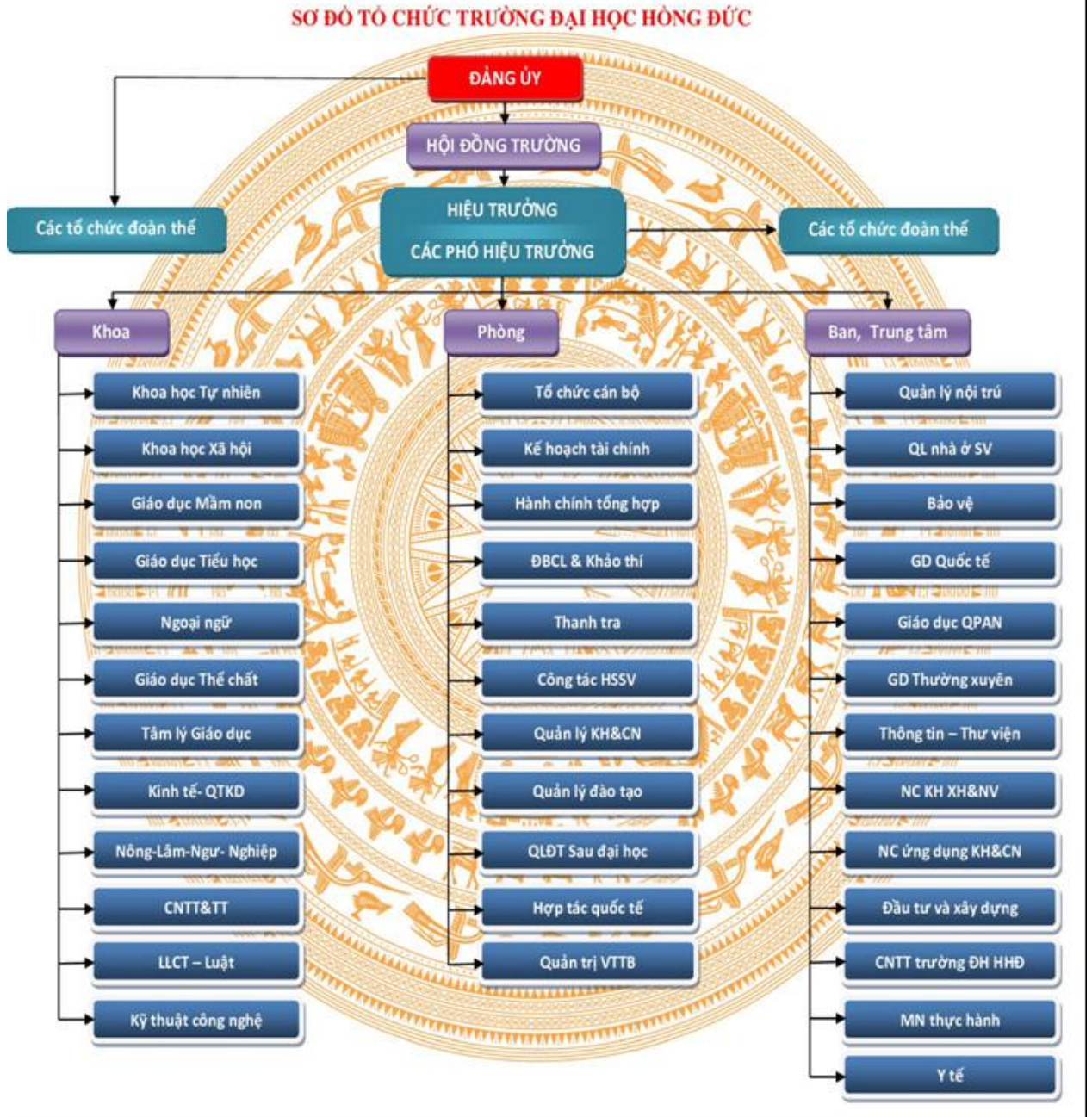
Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. CBGV của Khoa đã chủ trì và tham gia thực hiện 02 đề tài/ dự án cấp Bộ (hiện đang tiếp tục thực hiện 02 đề tài cấp Bộ), hàng chục đề tài cấp cơ sở.

Sau hơn 23 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, khoa có 3 BM: Luật, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam & Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lý luận Mác - Lênin.

Hiện nay Khoa đang ĐT 14 lớp với tổng số 508 học viên, SV. Trong đó hệ chính quy tập trung 4 lớp với số SV là 104, hệ LT, VLVH gồm 10 lớp với 404 học viên, SV.

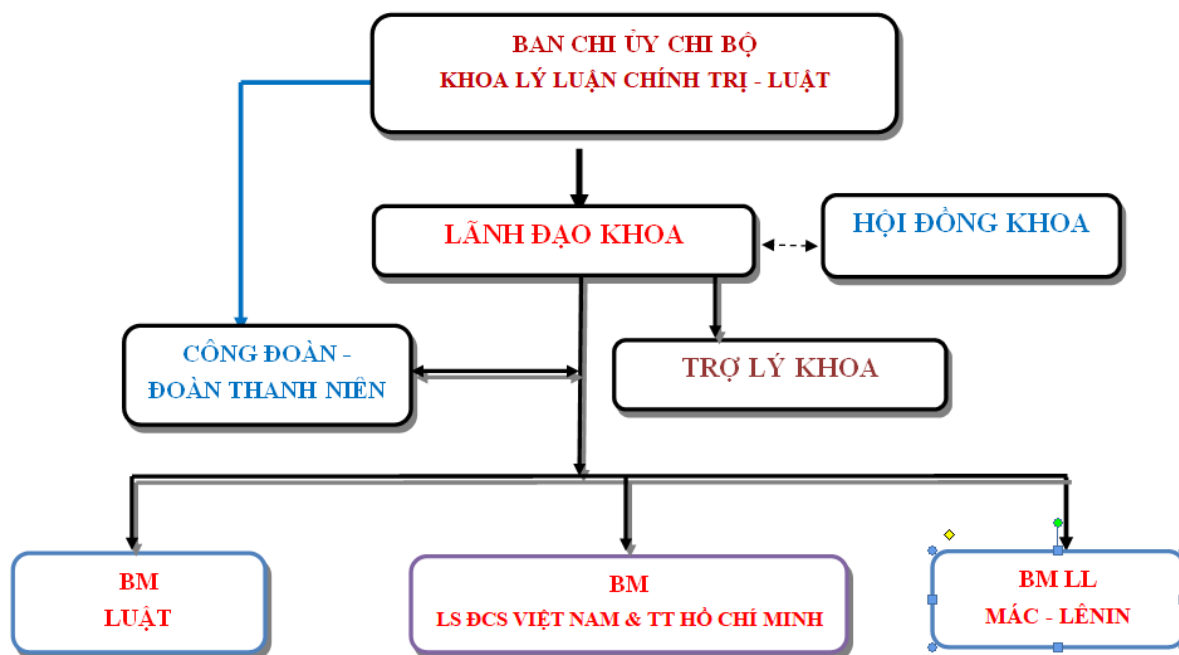
23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

Sơ đồ 2.1. Hệ thống cơ cấu tổ chức của trường ĐHHĐ





## Sơ đồ 2.2 Cơ cấu tổ chức của Khoa LLCT - Luật



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
	<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>			
1	Hiệu trưởng	Hoàng Văn Thi	1971	TS
1	Phó Hiệu trưởng	Hoàng Nam	1963	TS
2	Phó hiệu trưởng	Hoàng Thị Mai	1970	PGS. TS
2	Phó hiệu trưởng	Lê Hoàng Bá Huyền	1979	PGS. TS
	<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>			
<b>I.</b>	<b>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>			
1	Trưởng khoa	Lê Văn Minh	1977	TS
2	Phó trưởng khoa	Mai Thị Quý	1969	TS
<b>II.</b>	<b>Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>			
1.	Bí thư chi bộ	Lê Văn Minh	1977	TS
2.	Chủ tịch CĐBP	Nguyễn Thị Chinh	1975	ThS

3.	Bí thư LCDĐ	Nguyễn Phan Vũ	1984	ThS
<b>III</b>	<b>Các phòng, ban</b>			
1.	Văn phòng khoa	Lò Thị Quý	1987	CN
2.	Trợ lý Giáo vụ khoa	Dư Thị Hương	1982	ThS
3.	TL. Khoa học NV	Đới Thị Thêu	1982	TS
4.	CB. QLHSSV	Lò Thị Quý	1987	CN
<b>IV.</b>	<b>Các BM</b>			
1.	Phụ trách BM Luật	Nguyễn Thị Huyền La Thị Quế	1986 1986	TS TS
2.	Trưởng BM LSĐCSVN & TT HCM	Nguyễn Văn Thụ	1974	TS
3.	Trưởng BM LL Mác - Lênin	Lê Thị Thắm	1975	TS

25. Các ngành/chuyên ngành ĐT của đơn vị thực hiện CTĐT: Cử nhân Luật

26. Số lượng chuyên ngành ĐT tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành ĐT thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành ĐT ĐH: 01

29. Số lượng ngành ĐT cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) ĐT khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành ĐT theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình ĐT của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	
Từ xa		<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết ĐT với nước ngoài		<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết ĐT trong nước		<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình ĐT khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

32. Tổng số các ngành ĐT: 01

#### **IV. Cán bộ quản lý, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT**

33. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Đội ngũ cơ hữu</b> <i>Trong đó:</i>	04	28	32
I.1	Đội ngũ trong biên chế	3	17	20
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng	01	11	12

	không xác định thời hạn			
II	<b>Các đối tượng khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)			
	<b>Tổng số</b>	04	28	32

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

#### 34. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	07	06				
5	Thạc sĩ	24	14	11			
6	ĐH						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	<b>Tổng số</b>	<b>31</b>	<b>20</b>	<b>11</b>			

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 31 người.

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở GDDẠY HỌC, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	7	7					14
5	Thạc sĩ	1	24	13	11				24
6	ĐH	0,3							
	<b>Tổng</b>		<b>31</b>	<b>20</b>	<b>11</b>				<b>38</b>

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	07		2	5		2	4	1	
5	Thạc sĩ	24		2	22		18	3	3	
6	ĐH									
	<b>Tổng</b>	<b>31</b>	<b>100</b>	<b>4</b>	<b>25</b>		<b>20</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 38.5 tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 19.4%.

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 100%.

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng NN và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	50	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	10	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	<b>Tổng</b>	100	100

#### V. NH (chỉ tính số lượng NH của CTĐT)

38. NH bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2016 -2017	61	61		61	16		0
2017-2018	50	34		34	15		01
2018-2019	64	56		56	13		17
2019-2020	35	20		20	14		01
2020-2021	46	23		23	16.5		04

39. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	2016 -2017	2017-2018	2018 -2019	2019 -2020	2020 -2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. SV ĐH					
Trong đó:					
Hệ chính quy	103	131	176	124	104
Hệ không chính quy	278	363	359	375	404
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	0	1	17	1	4
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	0%	2,8 %	28,8 %	4,1 %	16,6 %

## 41. NH của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số NH có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016 - 2017	2017- 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )					
2. NH có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. NH được ở trong ký túc xá (người)	18	24	48	37	35
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)					

## 42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) NH của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2016-2017	2017- 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020- 2021
Số lượng (người)	0	4	4	0	6
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0%	3.05%	2.27%	0%	5.76%

## 43. Thống kê số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016 - 2017	2017- 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
<b>1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ</b>					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp ĐH					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	47	39	
Hệ không chính quy	0	0	185	68	
4. SV tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

## 44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016 - 2017	2017- 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người).	0	0	47	39	
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).			79,6%	92,8%	
3. ĐG của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☹️ chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☺️điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ NH trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ NH trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☹️ chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☺️điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành ĐT (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	0	0	12 (25,5%)	9 (23,0%)	
4.2. Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành ĐT (%).			21 (44,6%)	20 (51,2%)	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của NH			3-7	3-5	



có việc làm.			triệu	triệu	
5. ĐG của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành ĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☹️ chuyên xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☺️điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải ĐT thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ NH phải được ĐT lại hoặc ĐT bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

**Ghi chú:**

- NH tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- NH có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

**VI. NCKH và chuyển giao công nghệ**

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0			1	1		2
3	Đề tài cấp trường	0,5	4	2	2	1		4.5
	<b>Tổng</b>							<b>6.5</b>

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 6.5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,2

45. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016	36.5		1.18
2	2017	16.6		0.53
3	2018	109.150		3.52
4	2019	99		3.2
5	2020	110		3.55

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài		09		02 đề tài
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài			22	09 đề tài
Tổng số cán bộ tham gia	Không có	09	22	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	01	0	0	1,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	01	0	0	1,0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	02	0	0	2,5

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 2,5.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,25

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	6	1	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	6	1	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5						
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	31	29	30	30	19	139
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5						
	Tổng							139

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 139

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4.5

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	2	31	31
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	2	31	31

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018- 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	0	04	2.0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	55	16	15	16	19	30.25
	<b>Tổng</b>		55	16	15	16	23	32.25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 32.25 bài

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.04

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	04	
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			28
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	0	04	28

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2021-2022	0

## 55. NCKH của SV

55.1. Số lượng SV của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng SV tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài			4	
Trên 6 đề tài				
Tổng số NH tham gia			12	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

## 55.2. Thành tích NCKH của SV:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

### Phụ lục 3: Một số chỉ tiêu khác

#### VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 640.000

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): ....

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc: 11.536 m<sup>2</sup> Nơi học: 35.385 m<sup>2</sup> Nơi vui chơi giải trí: 32.170 m<sup>2</sup>.

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 35.383 m<sup>2</sup>.

- Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 4,42 m<sup>2</sup>

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành ĐT được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 120.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 135

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 06.

- Dùng cho NH học tập: 50

Tỷ số số máy tính dùng cho NH/NH chính quy: 0,22/1 SV.

#### VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 31

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 97.

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 22.6

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100

2. NH:

Tổng số NH chính quy và VLVH (người): 508

Tỷ số NH trên GV: 46.1 SV/1GV.

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 87.8

3. ĐG của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 77.54

Tỷ lệ NH trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 15,12.

4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành ĐT (%): 64.1

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành ĐT (%): 20.5

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 4.1.

5. ĐG của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành ĐT:

Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 76,0.

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải ĐT thêm (%): 18,3.

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,2.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,5.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,04.

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho NH trên SV chính quy: 0,22 máy/ 1 SV.

Tỉ số diện tích phòng học trên SV chính quy: 4,42.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên SV chính quy: 1,65

*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)*

## QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Số: 417 /QĐ - ĐHHD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá  
chương trình đào tạo Trường Đại học Hồng Đức năm học 2020-2021

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

*Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT – BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;*

*Xét đề nghị của Trường phòng: Tổ chức - Cán bộ; Đảm bảo chất lượng và Khảo thí,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường Đại học Hồng Đức năm học 2020-2021, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn và văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (để báo cáo);
- Như điều 3/QĐ (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT





**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC LUẬT**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC LUẬT**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4447/QĐ-ĐHHD ngày 11 tháng 9 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1.	TS. Hoàng Nam	Q. Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	ThS. Lê Thị Hạnh	TP. ĐBCL&KT	Phó Chủ tịch thường trực
3.	TS. Lê Văn Minh	P. Trưởng khoa LLCT-Luật	Phó Chủ tịch
4.	TS. Mai Thị Quý	P. Trưởng khoa LLCT-Luật	Ủy viên trực
5.	ThS. Lê Đình Nghiệp	PTP. ĐBCL&KT	Ủy viên
6.	PGS.TS. Đậu Bá Thìn	TP. QL Đào tạo	Ủy viên
7.	TS. Ngô Chí Thành	TP. QLKH&CN	Ủy viên
8.	TS. Phạm Anh Giang	TP. KH- Tài chính	Ủy viên
9.	ThS. Thiệu Minh Tú	TP. Tổ chức - Cán bộ	Ủy viên
10.	ThS. Nguyễn Đức Long	TP. QT, VT- TB	Ủy viên
11.	TS. Lê Thanh Thủy	GD. TT TT- TV	Ủy viên
12.	TS. Phạm Văn Hiến	TP. Công tác HSSV	Ủy viên
13.	ThS. Phạm Chí Công	TP. HCTH	Ủy viên
14.	ThS. Lê Thị Thắng	Kế toán trưởng	Ủy viên
15.	ThS. La Thị Quế	Phó trưởng bộ môn Luật	Ủy viên
16.	TS. Nguyễn Văn Thu	Trưởng BM Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	Ủy viên
17.	TS. Lê Thị Thắm	Trưởng bộ môn Nguyên lý	Ủy viên
18.	ThS. Phan Thị Thanh Huyền	Cố vấn học tập	Ủy viên
19.	Nguyễn Tiến Dũng	Sinh viên K21 Luật	Ủy viên
20.	ThS. Nguyễn Thị Huyền	Phó trưởng bộ môn Luật	Ủy viên- Thư ký
21.	KS. Lê Thị Hà	Chuyên viên P. ĐBCL&KT	Ủy viên- Thư ký

(Ấn định danh sách gồm 21 thành viên)

## QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐG CTĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**  
Số: 14-18 /QĐ - ĐHHĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 9 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá  
chương trình đào tạo Trường Đại học Hồng Đức năm học 2020-2021**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

*Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT – BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;*

*Xét đề nghị của Trường phòng: Tổ chức Cán bộ; Đảm bảo chất lượng và Khảo thí,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường Đại học Hồng Đức năm học 2020-2021, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ giúp Hội đồng triển khai công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn và văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (để báo cáo);
- Như điều 3/QĐ (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐG CTĐT NGÀNH  
CỬ NHÂN LUẬT**

UBND TỈNH THANH HOÁ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 9 năm 2020

## KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐẠI HỌC LUẬT

### 1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và đăng kí kiểm định chất lượng.

### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kì kiểm định chất lượng.

### 3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

### 4. Hội đồng tự đánh giá

#### 4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kế toán được thành lập theo Quyết định số 1417 /QĐ-ĐHHĐ ngày 21 tháng 09 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức, Hội đồng gồm có 21 thành viên (có danh sách kèm theo).

#### 4.2. Ban thư kí giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách gồm 25 người

(có danh sách kèm theo).

#### 4.3. Phân công thực hiện (có danh sách kèm theo)

### H. Danh sách các nhóm chuyên trách

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2 Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 1	21/9/2020-19/3/2021	

2	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm 2	21/9/2020-19/3/2021	
3	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 3	21/9/2020-19/3/2021	
4	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 4	21/9/2020-19/3/2021	
5	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 5	21/9/2020-19/3/2021	

### 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3 và 4	- Phân tích tiêu chí (1-12); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (1-12); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ khoa LLCT – Luật, - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	21/9/2020- 19/3/2021	
2	Tiêu chuẩn 5 và 8	- Phân tích tiêu chí (13-17; 30-34); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (13-17; 30-34); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ khoa LLCT – Luật, phòng QL Đào tạo, phòng ĐBCL&KT; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	21/9/2020- 19/3/2021	
3	Tiêu chuẩn 6 và 7	- Phân tích tiêu chí (18-29); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (18-29); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ khoa LLCT – Luật, phòng TCCB, phòng QLKH&CN; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	21/9/2020- 19/3/2021	
4	Tiêu chuẩn 9	- Phân tích tiêu chí (35-39); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (35-39); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ khoa LLCT – Luật, phòng QT-VT, JB, TT, TTTTV; phòng KHTC - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	21/9/2020- 19/3/2021	
5	Tiêu chuẩn 10 và 11	- Phân tích tiêu chí (40-50); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (40-50); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ khoa LLCT – Luật, phòng QLKH&CN, phòng ĐBCL&KT, phòng CT, HSSV; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	21/9/2020- 19/3/2021	

### 6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

Thu thập ý kiến phản hồi về báo cáo tự đánh giá từ các tổ chức, các đơn vị... có sinh viên tốt nghiệp của ngành đang công tác.

#### 7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia tập huấn về tự đánh giá chương trình đào tạo (1 ngày).

#### 8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 1 - 2</b> 21/9- 2/10/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT (Khoa LLCT-Luật) để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li> <li>Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li> <li>Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li> <li>Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li> <li>Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li> </ul> </li> </ol>
<b>Tuần 3 - 4</b> (05 - 16/10/2020)	<ol style="list-style-type: none"> <li>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li> <li>Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li> <li>Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên Tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);</li> <li>Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá</li> </ul> </li> </ol>
<b>Tuần 5 - 8</b> (19/10- 13/11/2020)	<ol style="list-style-type: none"> <li>Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt; thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư kí và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</li> <li>Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li> <li>Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT</li> </ol>

<b>Tuần 9 - 15</b> (16/11 - 25/12/2020)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
<b>Tuần 16</b> (28/12 - 31/12/2020)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư kí Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
<b>Tuần 17-18</b> (4/1 - 15/1/2021)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
<b>Tuần 19-21</b> (19/1 - 05/2/2021)	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng, ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
<b>Tuần 22-23</b> (22/2 - 12/3/2021)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục xem xét.
<b>Tuần 24</b> (15- 21/3/2021)	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng hợp đồng với tổ chức KDCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT.



**Q. HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Nam**

## PHỤ BIỂU

**Bảng 10.02.01 Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung CTĐT 2016**

TT	Nội dung trong CTĐT hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, cập nhật	Lý do
1. Điều chỉnh số TC	Luật hình sự 2 (3TC)	Luật hình sự 2 (4 TC)	phù hợp với CTĐT của ngành, theo xu hướng ứng dụng nghề nghiệp
	Xây dựng VBPL (3TC)	Xây dựng VBPL (2TC)	
	Luật thi hành án dân sự (3TC)	Luật thi hành án dân sự (2TC)	
	Luật môi trường (3TC)	Luật môi trường (2TC)	
	Luật sư, công chứng, hộ tịch (2 TC)	Luật sư, công chứng, hộ tịch (3 TC)	
	Khoa học điều tra tội phạm (2 TC)	Khoa học điều tra tội phạm (3 TC)	
	Luật chứng khoán (2 TC)	Luật chứng khoán (3 TC)	
	kỹ năng tư vấn PL trong lĩnh vực thương mại (3TC)	kỹ năng TVPL trong lĩnh vực thương mại (2TC)	
2. Bỏ, bổ sung, thay thế HP	- Lịch sử văn minh thế giới (2TC), - Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC), - Xã hội học đại cương (2TC), - Luật La mã (2TC), - Luật bình đẳng giới (3 TC), - Lịch sử NN và PL thế giới (2TC), - kỹ năng TVPL trong lĩnh vực hình sự (2TC), - kỹ năng TVPL trong lĩnh vực dân sự (2TC), - kỹ năng TVPL trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình (2TC)	Bỏ	Theo nhu cầu ĐT và thực tế giảng dạy.
	kỹ năng TVPL trong lĩnh vực lao động (2TC)	Pháp luật về BTTH ngoài hợp đồng (2 TC)	Theo nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng lao động.



3. Điều chỉnh kế hoạch giảng dạy	Lịch sử các học thuyết chính trị (học kỳ I)	Chuyển sang học kỳ II	Đảm bảo điều kiện tiên quyết và phù hợp với lịch trình giảng dạy và mục tiêu của CTĐT
	Luật học so sánh (HK IV)	Chuyển sang học kỳ III	
	Luật môi trường (HK V)	Chuyển sang học kỳ III	
	Pháp luật về phòng chống tham nhũng (HK VII)	Chuyển sang học kỳ VI	
	kỹ năng chung TVPL (HK III)	Chuyển sang học kỳ VI	
	kỹ năng soạn thảo VB hành chính thông dụng (HK III)	Chuyển sang học kỳ IV	
	Luật Tổ tụng hành chính (HK VII)	Chuyển sang học kỳ IV	
	Thanh tra, khiếu tố (HK VII)	Chuyển sang học kỳ IV	
	Luật sư, công chứng, hộ tịch (HK IV)	Chuyển sang học kỳ V	
	Khoa học điều tra tội phạm (HK IV)	Chuyển sang học kỳ V	
kỹ năng TVPL trong lĩnh vực thương mại (HK VI)	Chuyển sang học kỳ VII		
4. Thực tập tốt nghiệp, Viết khóa luận tốt nghiệp, Học các HP thay thế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ điều kiện;</li> <li>- Đăng ký học và thi các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;</li> <li>- Thực tập tốt nghiệp và học các môn học thuộc khối kiến thức GD chuyên nghiệp (10 TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực tập tốt nghiệp (4TC)</li> <li>- Viết Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ điều kiện (6TC)</li> <li>- Thực tập tốt nghiệp (4TC)</li> <li>- Đăng ký học và thi các môn học thuộc khối kiến thức GD chuyên nghiệp ( Luật sở hữu trí tuệ; Luật đầu tư; Luật an sinh xã hội) (6TC)</li> </ul>	Việc thực tập tốt nghiệp là bắt buộc để SV bước đầu làm quen với môi trường công việc và vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn.

**Bảng 10.02.02: Những nội dung đề nghị được sửa đổi, bổ sung, cập nhật CTĐT 2017**

TT	Nội dung trong CTĐT hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, cập nhật	Lý do
1. Điều chỉnh số TC	Luật Hiến Pháp (4 TC)	Luật Hiến Pháp (3 TC)	phù hợp với CTĐT của ngành, theo xu hướng ứng dụng nghề nghiệp.
	Luật Hành chính (4TC)	Luật Hành chính (3TC)	
	Công pháp quốc tế (4TC)	Công pháp quốc tế (3TC)	
	Tư pháp quốc tế (4TC)	Tư pháp quốc tế (3TC)	
	Tổ tụng hình sự (3TC)	Tổ tụng hình sự (2TC)	
	Tổ tụng dân sự (3TC)	Tổ tụng dân sự (2TC)	
	Luật Thương mại quốc tế (3TC)	Luật Thương mại quốc tế (2TC)	
	Luật sư, công chứng, hộ tịch (3TC)	Luật sư, công chứng, hộ tịch (2TC)	
	Khoa học điều tra tội phạm (3TC)	Khoa học điều tra tội phạm (2TC)	
	Luật ngân hàng (3TC)	Luật ngân hàng (2TC)	
	Luật chứng khoán (3TC)	Luật chứng khoán (2TC)	
	kỹ năng chung về tư vấn pháp luật (2TC)	kỹ năng chung về tư vấn pháp luật (3TC)	
	Thanh tra, khiếu tố (2TC)	Thanh tra, khiếu tố (3TC)	
2. Bỏ, bổ sung, thay thế HP	Luật Tổ tụng hành chính (2TC)	Bỏ HP	phù hợp với CTĐT của ngành
	kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại (2TC)		
	kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai (2TC)		
	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)	Bổ sung HP	phù hợp với yêu cầu phát huy năng lực của NH.
	Môi trường và con người (2TC)		
	Phương pháp nghiên cứu luật học (2TC)		
	Luật La mã (2TC)		
Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới (2TC)			

	Logic học đại cương (Hp bắt buộc)	Logic học đại cương (Hp tự chọn)	phù hợp với CTĐT của ngành
3. Điều chỉnh kế hoạch giảng dạy	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)	HP bổ sung, học tại Kỳ I	Đảm bảo điều kiện tiên quyết và phù hợp với lịch trình giảng dạy và mục tiêu của CTĐT
	Môi trường và con người (2TC)	HP bổ sung, học tại Kỳ IV	
	Phương pháp nghiên cứu luật học (2TC)	HP bổ sung, học tại Kỳ VI	
	Luật La mã (2TC)	HP bổ sung, học tại Kỳ II	
	Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới (2TC)	HP bổ sung, học tại Kỳ II	
	Thanh tra, khiếu tố (HK IV)	Chuyển sang học kỳ VII	
	Tâm lý học đại cương (HK II)	Chuyển sang học kỳ VII	
	kỹ năng soạn thảo VB HC thông dụng (HK IV)	Chuyển sang học kỳ VII	
	Xây dựng VB pháp luật (HK II)	Chuyển sang học kỳ IV	
4. Thực tập tốt nghiệp, Viết khóa luận tốt nghiệp/ Học các HP thay thế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực tập tốt nghiệp (4TC)</li> <li>- Viết Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ điều kiện (6TC)</li> <li>- Thực tập tốt nghiệp (4TC)</li> <li>- Đăng ký học và thi các HP thay thế (Luật sở hữu trí tuệ; Luật đầu tư; Luật an sinh xã hội) (6TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực tập tốt nghiệp (5TC)</li> <li>- Viết Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ điều kiện (6TC)</li> <li>- Thực tập tốt nghiệp (5TC)</li> <li>- Đăng ký học và thi các HP thay thế (Luật sở hữu trí tuệ; Luật đầu tư; Luật an sinh xã hội) (6TC)</li> </ul>	<p>Tăng thời lượng thực tập lên 01 TC theo đề nghị của SV, của CBGV và của các đơn vị tuyển dụng lao động.</p> <p>Giúp SV bước đầu làm quen với môi trường công việc và vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn.</p>

**Bảng 10.02.03. Những nội dung đề nghị được sửa đổi, bổ sung, cập nhật CTĐT 2019**

TT	Nội dung trong CTĐT hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, cập nhật	Lý do
1. Thay đổi điều kiện tiên quyết	Luật Tài chính (ĐK tiên quyết: Luật Hành chính)	Luật Tài chính (ĐK tiên quyết: Luật thương mại 1)	phù hợp với cấu trúc và trình tự logic của CTĐT cũng như đạt được CĐR của môn học.
2. Thay đổi Giáo trình và tài liệu tham khảo	11.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo các HP chuyên ngành Luật	11.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo các HP chuyên ngành Luật (Rà soát, sắp xếp, bổ sung, thay thế các tài liệu cho phù hợp của tất cả các HP)	Sau 2 năm thực hiện CTĐT, các văn bản pháp luật liên quan đến các HP chuyên ngành luật đã có sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Do vậy, học liệu các môn học này phải thay đổi để phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.